

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH



ISO 9001 - 2015

LÊ THỊ THANH THẢO

**SỰ DUNG HỢP GIỮA PHẬT GIÁO
BẮC TÔNG VỚI TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN
Ở TỈNH TIỀN GIANG**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGÀNH VĂN HÓA HỌC

TRÀ VINH, NĂM 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

LÊ THỊ THANH THẢO

**SỰ DUNG HỢP GIỮA PHẬT GIÁO
BẮC TÔNG VỚI TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN
Ở TỈNH TIỀN GIANG**

Ngành: Văn hóa học

Mã ngành: 9229040

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Người hướng dẫn khoa học:

1. TS. Nguyễn Phúc Nghiệp
2. PGS. TS. Nguyễn Xuân Hương

TRÀ VINH, NĂM 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là luận án do chính tôi nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của TS. Nguyễn Phúc Nghiệp và PGS.TS Nguyễn Xuân Hương.

Kết quả nghiên cứu, số liệu, hình ảnh trong luận án chính xác, trung thực và có trích nguồn rõ ràng.

Trà Vinh, ngày ... tháng... năm 2020

Học viên

Lê Thị Thanh Thảo

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Tiền Giang đã tạo điều kiện cho chúng tôi thực hiện luận án. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn tập thể viên chức Phòng Sau Đại học; Lãnh đạo Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ; Ban Giám hiệu Trường Đại học Trà Vinh đã tạo điều kiện và giúp đỡ chúng tôi trong quá trình học tập tại trường.

Chúng tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến TS. Nguyễn Phúc Nghiệp và PGS.TS. Nguyễn Xuân Hương, nhờ sự tận tình hướng dẫn của Thầy, Cô mà chúng tôi có thể hoàn thành được luận án của mình.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn tập thể các giảng viên tham gia giảng dạy các học phần trong khóa học; các nhà khoa học; Ban Tuyên Giáo Tỉnh ủy Tiền Giang, quý Thầy là trụ trì, tăng ni ở các chùa cùng quý Phật tử đã nhiệt tình cung cấp thông tin giúp chúng tôi hoàn thành luận án này.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn bạn bè, đồng nghiệp đang công tác tại Trường Đại học Tiền Giang đã động viên, tạo điều kiện và giúp đỡ chúng tôi trong quá trình thực hiện và hoàn thành luận án.

Xin chân thành cảm ơn!

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Niềm tin vào sự thiêng liêng của các đối tượng thờ cúng	62
Bảng 2.2: Hoạt động của người dân khi đến chùa	62
Bảng 2.3: Mục đích đi chùa của người dân Tiền Giang.....	64
Bảng 3.1: Giá trị văn hóa của sự dung hợp.....	128
Bảng 3.2: Mức độ thường xuyên đến lễ chùa.....	138
Bảng 3.3: Nghề nghiệp của người đến viếng chùa	139
Bảng 3.4: Thịnh lộ tro cốt, di ảnh, bài vị người thân đã khuất lên chùa thờ.....	143

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1: Mức độ thường xuyên đến lễ chùa.....	139
Biểu đồ 3.2: Nghề nghiệp của người đến viếng chùa.....	140
Biểu đồ 3.3: Thỉnh lọ tro cốt, di ảnh, bài vị người thân đã khuất lên chùa thờ.....	143
Biểu đồ 3.4: Đến chùa cúng sao, giải hạn, cầu an, cầu siêu.....	145

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
DANH MỤC BẢNG	iii
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	iv
MỤC LỤC	v
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
1 Tính cấp thiết của luận án.....	1
2 Mục đích nghiên cứu	2
3 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu.....	3
3.1 Câu hỏi nghiên cứu.....	3
3.2 Giả thuyết nghiên cứu	3
4 Khung phân tích	4
5 Nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
6 Đối tượng nghiên cứu và đối tượng khảo sát.....	5
6.1 Đối tượng nghiên cứu	5
6.2 Đối tượng khảo sát.....	5
7 Phạm vi nghiên cứu	5
7.1 Về không gian nghiên cứu	5
7.2 Về thời gian nghiên cứu.....	6
7.3 Về nội dung nghiên cứu	6
8 Phương pháp nghiên cứu	6
8.1 Phương pháp nghiên cứu liên ngành (hướng tiếp cận liên ngành).....	7

8.2 Phương pháp điều tra xã hội học	7
8.3 Phương pháp phân tích, tổng hợp.....	8
8.4 Phương pháp so sánh.....	8
9 Đóng góp của luận án	9
10 Bố cục của luận án	10
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	11
1.1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	11
1.1.1 Các công trình nghiên cứu về văn hóa Nam Bộ.....	11
1.1.2 Các công trình nghiên cứu về Phật giáo	14
1.1.3 Các công trình nghiên cứu về tín ngưỡng dân gian.....	22
1.1.4. Nghiên cứu sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian.....	25
1.2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU	35
1.3 MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN	38
1.3.1 Tín ngưỡng	38
1.3.2 Tín ngưỡng dân gian.....	41
1.3.3 Phật giáo	42
1.3.4 Phật giáo Bắc Tông	43
1.3.5 Sự dung hợp.....	44
1.4 KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH XÃ HỘI, TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG Ở TIỀN GIANG	44
1.4.1 Sơ nét lịch sử khai phá vùng đất Tiền Giang	44
1.4.2 Một số loại hình tín ngưỡng dân gian tại Tiền Giang	45
1.4.3 Tôn giáo ở Tiền Giang.....	45

CHƯƠNG 2 BIỂU HIỆN SỰ DUNG HỢP GIỮA VĂN HÓA PHẬT GIÁO BẮC TÔNG VỚI TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TỈNH TIỀN GIANG	51
2.1 SỰ DUNG HỢP TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA NHẬN THỨC	51
2.1.1 Huyền thoại tại một số ngôi chùa	51
2.1.1.1 Chùa Mục Đồng.....	51
2.1.1.2 Chùa xây dựng trên cơ sở người dân phát hiện ra các tượng Phật đá, Phật đồng.	55
2.1.1.3 Chùa xây dựng trên cơ sở của ngôi miếu.....	57
2.1.2 Quan niệm dân gian về phong thủy	59
2.1.3 Thể hiện qua niềm tin.....	62
2.2 SỰ DUNG HỢP TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA TỔ CHỨC	65
2.2.1 Cơ sở thờ tự	65
2.2.1.1 Chùa Vĩnh Tràng	66
2.2.1.2 Chùa Bửu Lâm.....	67
2.2.1.3 Chùa Sắc Tứ Linh Thú.....	67
2.2.1.4 Chùa Phù Châu	68
2.2.1.5 Chùa Phật Đá.....	69
2.2.1.6 Chùa Kim Thiền	69
2.2.1.7 Chùa Khánh Lâm.....	69
2.2.1.8 Chùa Sắc tứ Long An.....	70
2.2.1.9 Chùa Phước Sơn	70
2.2.1.10 Chùa Hội Thọ	70
2.2.1.11 Chùa Long Đức.....	71

2.2.2 Đối tượng thờ tự trong ngôi chùa.....	71
2.2.2.1 Thờ Phật	71
2.2.2.2 Thờ Mẫu.....	72
2.2.2.3 Thờ Địa, Thần Tài.....	78
2.2.2.4. Quan Công.....	79
2.2.2.5 Thiên quan tứ phước	79
2.2.2.6 Danh nhân, anh hùng dân tộc, nhân vật lịch sử, người có công với nước.....	80
2.2.2.7 Tổ tiên	84
2.2.2.8 Cô hồn	86
2.2.2.9 Dấu ấn tam giáo	87
2.2.3 Nghệ thuật kiến trúc	89
2.2.4 Nghệ thuật điêu khắc.....	91
2.3 SỰ DUNG HỢP TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA ỨNG XỬ	95
2.3.1 Thực hành nghi lễ, lễ hội	95
2.3.1.1 Lễ tết	95
2.3.1.2 Lễ Phật Đản	96
2.3.1.3 Lễ Trung Nguyên.....	97
2.3.1.4 Lễ giỗ	100
2.3.1.5 Lễ tang.....	101
2.3.1.6 Lễ cưới	103
2.3.2 Tục cúng sao, giải hạn	105
2.3.3 Nhạc lễ Phật giáo.....	106

CHƯƠNG 3 CƠ SỞ SỰ DUNG HỢP, GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA SỰ DUNG HỢP GIỮA PHẬT GIÁO BẮC TÔNG VỚI TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN, DỰ BÁO XU HƯỚNG VÀ KHUYẾN NGHỊ	112
3.1 CƠ SỞ SỰ DUNG HỢP	112
3.1.1 Nhu cầu tâm linh của người dân	112
3.1.2 Giao lưu, tiếp biến văn hóa	115
3.1.3 Tính cách cởi mở, thân thiện, hòa đồng của người dân	116
3.1.4 Giáo lý Phật giáo	117
3.1.5 Sự tương đồng trong quan điểm đạo đức.....	118
3.1.6 Sự tương đồng ở tư tưởng công bằng, bình đẳng	121
3.1.7 Sự tương đồng trong việc coi trọng giá trị thực hành	124
3.1.8 Tinh thần tự lực, tự cường với truyền thống bất khuất của dân tộc	125
3.2 GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA SỰ DUNG HỢP.....	126
3.2.1 Giá trị lịch sử	126
3.2.2 Giá trị văn hóa – nghệ thuật	127
3.2.3 Cổ kết cộng đồng.....	130
3.2.4. Giá trị tâm linh.....	131
3.2.2 Một số hạn chế từ sự dung hợp	133
3.3 DỰ BÁO XU HƯỚNG SỰ DUNG HỢP.....	138
3.3.1 Sự dung hợp không ngừng phát triển.....	138
3.3.2 Xu hướng phục hồi Phật giáo nguyên thủy	149
3.4 KHUYẾN NGHỊ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TỪ SỰ DUNG HỢP... 	151
3.4.1 Nâng cao trình độ nhận thức, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ...	151
3.4.2 Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo	152

3.4.3 Thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về pháp luật, tôn giáo cho tăng, ni, tín đồ Phật giáo	152
3.4.4 Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn về tôn giáo, tín ngưỡng của cán bộ làm công tác quản lý tôn giáo.	153
3.4.5 Ban hành quy định, chế tài xử lý vi phạm hành chính.....	153
KẾT LUẬN.....	154
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	158
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ.....	170
PHỤ LỤC 1: PHIẾU KHẢO SÁT NGƯỜI DÂN ĐI LỄ CHÙA.....	1
PHỤ LỤC 2: BIÊN BẢN PHỎNG VẤN	6
PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH CÁC CHÙA ĐÃ ĐIỀN DÃ	13
PHỤ LỤC 4: SỐ LƯỢNG CHÙA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG	19
PHỤ LỤC 5: HÌNH	20
PHỤ LỤC 6: BẢNG ĐỒ CÁC NGÔI CHÙA THAM GIA KHẢO SÁT	67
PHỤ LỤC 7: BẢNG ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH TIỀN GIANG.....	73

PHẦN MỞ ĐẦU

1 Tính cấp thiết của luận án

Là một tỉnh thuộc Tây Nam Bộ, Tiền Giang có lịch sử khai phá sớm nhất. Trong thời gian đầu, những cư dân từ miền Bắc, miền Trung khi di dân đến vùng đất này, họ đã đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách như nổi nhớ quê hương, bệnh tật, thú dữ, cướp bóc,... Vì vậy, họ tìm chỗ dựa tinh thần vào các đấng siêu nhiên dẫn đến một số tín ngưỡng mới nảy sinh. Ngoài hành trang văn hóa, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo mang từ nơi chôn nhau cắt rốn, họ còn dung nạp thêm nhiều tín ngưỡng của người dân bản địa. Trong quá trình chung sống giữa người Việt, người Khmer, người Hoa,... đã dẫn đến sự dung hợp về văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo. Do đó, vùng đất Tiền Giang chịu ảnh hưởng của các nền văn hóa, các tôn giáo khác nhau như Phật giáo, Nho giáo và Lão giáo, Thiên Chúa giáo,....

Tín ngưỡng dân gian và Phật giáo Bắc Tông là những vấn đề gần gũi, gắn bó mật thiết đối với đời sống tinh thần của phần lớn người dân Tiền Giang, được đông đảo người dân quan tâm. Tín ngưỡng dân gian thường được thực hiện theo những kinh nghiệm truyền thống dân gian ở từng vùng, từng tộc người và từng dòng họ,.... Là một tôn giáo lớn trên thế giới, Phật giáo có giáo lý, giáo luật, Giáo hội, có tổ chức, có cơ sở thờ tự thống nhất. Tuy nhiên, khi du nhập vào mỗi quốc gia, mỗi vùng văn hóa, từng địa phương, Phật giáo đã có sự biến đổi, thích ứng để dung hòa với tín ngưỡng của chủ thể văn hóa nơi đó. Với tinh thần nhập thể tùy duyên, Phật giáo Bắc Tông thực hiện giới luật một cách linh hoạt và hòa nhập với tất cả các truyền thống văn hóa, tín ngưỡng cho phù hợp đời sống xã hội. Điều này, đã làm cho Phật giáo Bắc Tông tác động mạnh mẽ đến đời sống văn hóa của nhân dân Tiền Giang, dẫn đến sự dung hợp chặt chẽ với tín ngưỡng dân gian của người Việt. Sự dung hợp giữa các tôn giáo với tín ngưỡng dân gian là một quá trình tất yếu, tuân thủ các quy luật mà các lý thuyết nghiên cứu văn hóa đã được đề cập đến như lý thuyết giao lưu, tiếp biến văn hóa, lý thuyết văn hóa vùng, lý thuyết cấu trúc chức năng, lý thuyết biến đổi văn hóa.

Ngày nay, cuộc sống của nhân dân Tiền Giang đã được nâng lên, dẫn đến sự biến đổi về nhiều mặt, trong đó có đời sống văn hóa, tinh thần. Cùng với cuộc sống ngày càng được cải thiện tốt hơn, những tiềm ẩn rủi ro về kinh tế, bệnh tật, tai nạn giao thông, thảm họa thiên nhiên làm ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống tinh thần của nhân dân.

Vì vậy họ dành nhiều thời gian, tiền của để tìm kiếm sự bình an trong đời sống tinh thần nên đã tìm đến các đấng linh thiêng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc các ngôi chùa là một trong những nhân tố quan trọng để giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Trong thời gian qua, đã có nhiều nhà khoa học nghiên cứu về sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian, nhưng chưa có công trình nghiên cứu nào về sự dung hợp giữa hai loại hình này trong các ngôi chùa ở tỉnh Tiền Giang. Ngoài ra, gần đây một số hoạt động của các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông có vấn đề cần được chấn chỉnh, làm sáng tỏ, đối chiếu từ Phật giáo và tín ngưỡng dân gian. Vì vậy, tìm hiểu sự dung hợp văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian sẽ cho thấy những sinh hoạt văn hóa đặc sắc của nhân dân Tiền Giang là một đề tài nghiên cứu hấp dẫn, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Việc nghiên cứu đề tài này càng trở nên có ý nghĩa thời sự và cập nhật, đặc biệt hiện nay lĩnh vực du lịch về văn hóa, du lịch tâm linh đang có nhu cầu phát triển.

Nghiên cứu “Sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian tỉnh Tiền Giang” dưới góc nhìn của văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức, văn hóa ứng xử được biểu hiện trên các lĩnh vực như huyền thoại về các ngôi chùa, phong thủy, nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, đối tượng thờ tự, thực hành nghi lễ, lễ hội và tục lệ tại một số ngôi chùa. Nghiên cứu cũng cho thấy sự tác động hai chiều giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian của người Việt; sự cộng sinh giữa chúng cùng tồn tại trong không gian ngôi chùa; những giá trị văn hóa truyền thống; xu hướng biến đổi. Từ đó đề xuất một số khuyến nghị nhằm phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực từ sự dung hợp này tại Tiền Giang hiện nay. Đồng thời, sự dung hợp góp phần làm giàu đẹp nền văn hóa, giữ gìn, lưu truyền, phát huy những tinh hoa văn hóa độc đáo và xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

2 Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu nhằm cho thấy biểu hiện sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian của người Việt trong ngôi chùa ở tỉnh Tiền Giang hiện nay. Đồng thời, nghiên cứu chỉ ra các giá trị văn hóa, xu hướng biến đổi của sự dung hợp trong thời gian tới. Từ đó, luận án đề xuất một số khuyến nghị nhằm phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực của sự dung hợp.

3 Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

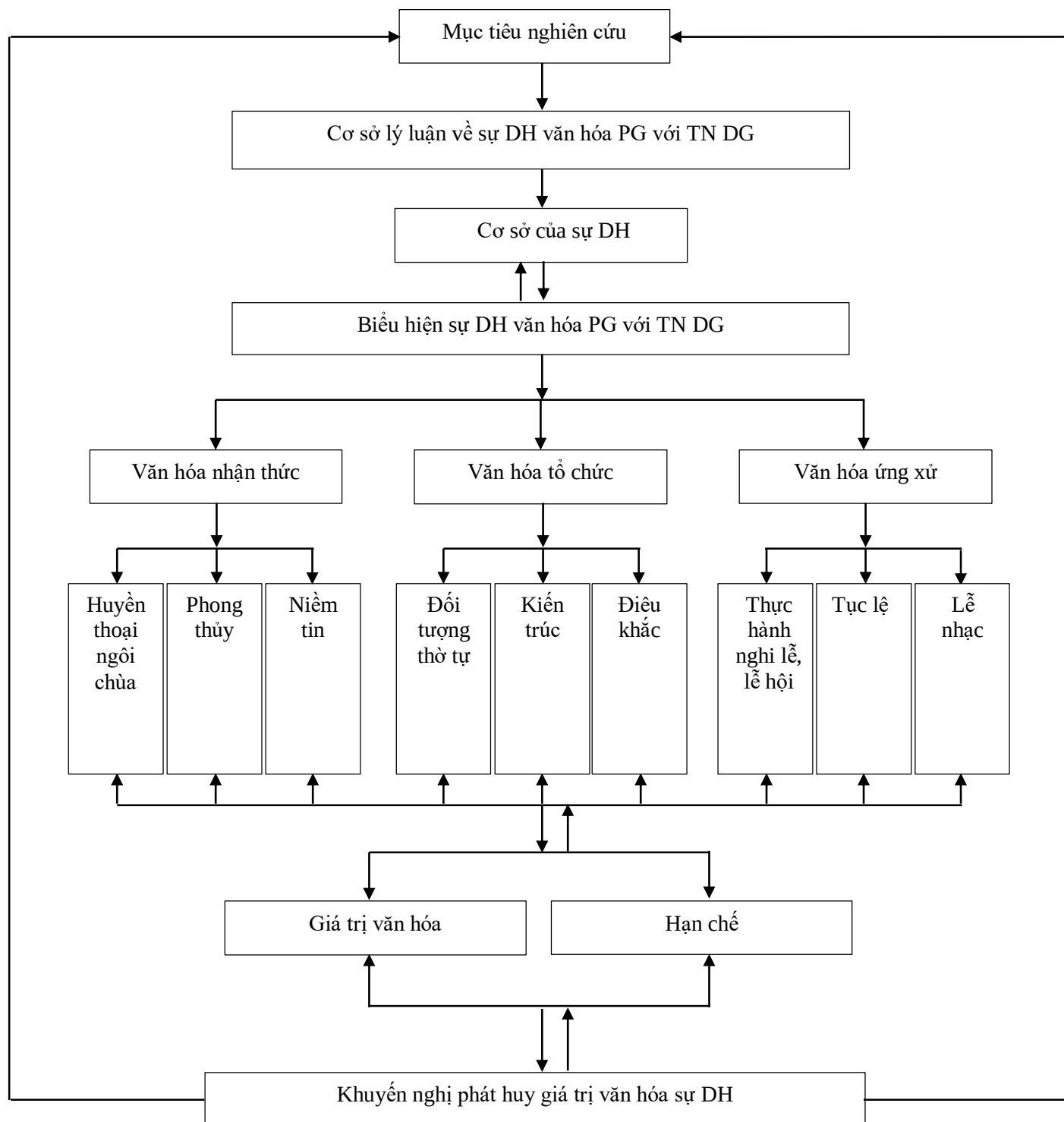
3.1 Câu hỏi nghiên cứu

- Sự dung hợp văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian là gì?
- Sự dung hợp văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian của người Việt trong những ngôi chùa ở tỉnh Tiền Giang hiện nay diễn ra như thế nào?
- Vì sao có sự dung hợp văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian của người Việt ở tỉnh Tiền Giang hiện nay?
- Những giá trị văn hóa và hạn chế của sự dung hợp văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian của người Việt ở tỉnh Tiền Giang hiện nay là gì?

3.2 Giả thuyết nghiên cứu

- Sự dung hợp văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian là quá trình đan xen, cộng sinh, chấp nhận lẫn nhau và cùng tồn tại một cách hòa hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian ở tỉnh Tiền Giang.
- Sự dung hợp văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian của người Việt ở tỉnh Tiền Giang hiện nay biểu hiện trên các lĩnh vực về huyền thoại ngôi chùa, phong thủy, niềm tin; nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, đối tượng thờ tự; thực hành nghi lễ, lễ hội và tục lệ.
- Ngay từ khi đạo Phật du nhập vào miền Bắc nước ta đã dung hợp với tín ngưỡng bản địa, thể hiện qua các ngôi chùa Tứ Pháp. Ngoài ra, do nhu cầu tâm linh của người dân cùng với quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa người Việt với người Hoa đã dẫn đến sự dung hợp văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian. Bên cạnh đó, sự tương đồng giữa đạo đức Phật giáo với đạo đức và tính cách của nhân dân Tiền Giang là một trong những nguyên nhân của sự dung hợp.
- Sự dung hợp tạo nên nền văn hóa phong phú cho tỉnh Tiền Giang, góp phần cải biến Phật giáo. Đồng thời, làm giàu đẹp và phong phú các giá trị văn hóa của Phật giáo. Bên cạnh đó, Phật giáo cũng đã góp một phần không nhỏ vào việc củng cố, duy trì, chuyển tải và phát triển nhiều giá trị văn hóa của tín ngưỡng dân gian.

4 Khung phân tích



5 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích trên, luận án cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn liên quan đến luận án;
- Điền dã tại các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang, thu thập tư liệu liên quan đến sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian;
- Phân tích những biểu hiện của sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Tiền Giang;
- Phân tích những giá trị văn hóa của sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Tiền Giang;
- Dự báo xu hướng biến đổi sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian Tiền Giang và đề xuất một số khuyến nghị nhằm phát huy những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực của sự dung hợp.

6 Đối tượng nghiên cứu và đối tượng khảo sát

6.1 Đối tượng nghiên cứu

Sự dung hợp văn hóa giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Tiền Giang.

6.2 Đối tượng khảo sát

Trên cơ sở thống kê xã hội học, nhóm đối tượng khảo sát: nhà sư, Phật tử và cả những người dân không phải Phật tử có đến chùa lễ Phật, các công trình nghiên cứu khoa học có liên quan trực tiếp đến luận án.

7 Phạm vi nghiên cứu

7.1 Về không gian nghiên cứu

Qua khảo sát ban đầu cho thấy có hơn 100 ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở tỉnh Tiền Giang có biểu hiện của sự dung hợp văn hóa giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian của người Việt (xem phụ lục số 3). Tuy nhiên luận án tập trung nghiên cứu 11 ngôi chùa mang tính đại diện như: Vĩnh Tràng (Mỹ Tho) di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, Bửu Lâm (Mỹ Tho di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia), Sắc Tứ Linh Thú (Châu Thành) di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, Sắc tứ Long An (Cai Lậy), Phước Sơn (Cai Lậy), Phù Châu (Cái Bè), Hội Thọ (Cái Bè) - di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, Khánh Lâm (Chợ Gạo), Long Đức (Gò Công), Phật Đá (Tân Phước), Kim Thiền (Tân Phú Đông) ở tỉnh Tiền Giang; nghiên cứu trên các mặt: không gian, nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, đối tượng thờ tự, thực hành tín ngưỡng và nghi lễ, lễ hội,...).

Ngoài ra luận án còn mở rộng tìm hiểu một số ngôi chùa khác nhằm mang tính khách quan.

- Lý do chọn tỉnh Tiền Giang là địa bàn khảo sát của luận án: Chúng tôi chọn Tiền Giang để nghiên cứu vì đây là tỉnh đa dân tộc, đa tôn giáo và tín ngưỡng. Tiền Giang vốn là một trong những tỉnh có lịch sử khai phá sớm nhất ở vùng đất mới (Tây Nam Bộ), cư dân di khẩn hoang có nhu cầu dung hợp văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng bản địa, họ mang theo phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo từ quê nhà vào tỉnh Tiền Giang. Tiền Giang là tỉnh đa tộc người, đa văn hóa.

Những ngôi chùa ở các huyện, thành phố tỉnh Tiền Giang được chọn để nghiên cứu nhằm đảm bảo tính đại diện, bao quát không gian các vị trí khác nhau ở tỉnh Tiền Giang tạo điều kiện cho luận án đưa ra những nhận xét mang tính khách quan; các ngôi chùa này đều có sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian; các ngôi chùa có nhiều giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật và tâm linh như lịch sử khá lâu đời, được nhiều người biết đến, số lượng người dân viếng chùa đông và có không gian rộng, kiến trúc, điêu khắc độc đáo. Một số ngôi chùa trong phạm vi nghiên cứu là những di tích lịch sử văn hóa.

7.2 Về thời gian nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu biểu hiện sự dung hợp ở các ngôi chùa hiện nay

7.3 Về nội dung nghiên cứu

- Nghiên cứu sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Tiền Giang trong bối cảnh có nhiều biến đổi văn hóa hiện nay.

- Nghiên cứu sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian qua góc nhìn của văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức và văn hóa ứng xử.

- Nhận diện cơ sở của sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian.

- Hệ thống hóa những giá trị văn hóa từ sự dung hợp.

8 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian của người Việt ở tỉnh Tiền Giang, chúng tôi sử dụng phối hợp các phương pháp sau: phương pháp nghiên cứu liên ngành, phương pháp điều tra xã hội học, phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu, phương pháp so sánh, phương pháp lịch sử.

8.1 Phương pháp nghiên cứu liên ngành (hướng tiếp cận liên ngành)

Để thực hiện luận án tốt nhất, chúng tôi còn sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành (văn hóa học, sử học, tôn giáo học, văn hóa dân gian, nhân học, xã hội học, ngôn ngữ học...) để xem xét, lý giải và đưa ra nhận định về sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian. Đồng thời, nghiên cứu còn dựa vào một số khía cạnh của các lý thuyết dưới đây: lý thuyết về giao lưu, tiếp biến văn hóa; lý thuyết về vùng văn hóa; lý thuyết cấu trúc - chức năng; lý thuyết biến đổi văn hóa.

- Đối với ngành sử học: Chúng tôi vận dụng nhằm nghiên cứu chiều dài lịch đại và đồng đại của quá trình biến đổi văn hóa từ khi hình thành vùng đất và con người Tiền Giang.

- Đối với ngành tôn giáo học: Chúng tôi vận dụng nhằm để giải quyết các vấn đề giáo lý, giáo luật của Phật giáo Bắc Tông trong diễn trình dung hợp với tín ngưỡng dân gian.

Đối với ngành văn hóa dân gian chúng tôi vận dụng giải quyết những vấn đề tín ngưỡng “dân gian hóa”, giáo lý, giáo luật của Phật giáo Bắc Tông

8.2 Phương pháp điều tra xã hội học

Phương pháp này nhằm thu thập và xử lý tư liệu, số liệu thống kê. Bên cạnh đó, chúng tôi còn tiến hành quan sát, tham dự cách bài trí trong chùa và nghi lễ thờ cúng, lễ hội, thực hành tín ngưỡng,

Chúng tôi quan sát, tham dự các lễ tại chùa vào những ngày lễ lớn (ngày tết, ngày rằm, mừng một, ngày lễ, ngày cúng sao,...). Đồng thời, chúng tôi ghi chép lại những thông tin có liên quan sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian. Sau đó, tổng kết, đánh giá chung về những gì đã nghiên cứu, quan sát, ghi chép được nhằm bổ sung vào phần phân tích dữ liệu kết quả nghiên cứu. Trong quá trình thực hiện, chúng tôi đảm bảo sự tự nhiên, khách quan, trung thực. Ngoài ra, chúng tôi đã thực hiện 16 cuộc phỏng vấn trong đó 07 cuộc phỏng vấn người dân và 9 cuộc phỏng vấn nhà sư về:

- Sự ra đời của ngôi chùa, quá trình xây dựng và tôn tạo, đặc điểm của ngôi chùa, các đối tượng thờ cúng ở chùa, lượng người đến lễ chùa vào các ngày lễ, thành phần và mục đích của người đến lễ chùa.

- Việc thực hành tín ngưỡng, nghi lễ thờ cúng của các nhà sư: thờ cúng tổ tiên, cầu siêu, cầu an, cúng sao, giải hạn, làm lễ khai trương cửa hàng, xem ngày cưới, làm lễ

hàng thuận, làm lễ trừ tà...; mục đích đến chùa, các dịp đến chùa, đưa vong người thân lên chùa của người dân...).

Các câu hỏi phỏng vấn được chuẩn bị một cách kỹ lưỡng nhằm thu thập những thông tin có liên quan đến vấn đề nghiên cứu một cách khách quan, có độ tin cậy cao. Trong quá trình phỏng vấn, chúng tôi luôn tạo bầu không khí thân thiện, gần gũi thể hiện sự tôn trọng người được phỏng vấn, ghi chép câu trả lời một cách có khoa học. Ngoài ra, chúng tôi còn tiến hành chụp ảnh, ghi âm,... về các ngôi chùa khảo sát.

Bên cạnh đó, chúng tôi tiến hành phát tổng cộng 500 phiếu khảo sát cho Phật tử và những người không phải là Phật tử đến lễ chùa bao gồm các đối tượng là nông dân buôn bán, kinh doanh, học sinh, sinh viên, lao động tự do, công chức, viên chức, công nhân (phiếu được phát ngẫu nhiên, không phân biệt, tuổi tác, giới tính, nghề nghiệp và trình độ). Tổng cộng 500 phiếu được chia đều và phát tại 11 ngôi chùa được giới hạn trong phạm vi nghiên cứu.

Theo tác giả Comrey (1973) và Roger (2006) thì kích thước của mẫu tối thiểu gấp 5 lần tổng số biến quan sát. Tức là số phiếu phát ra tối thiểu là $5 \times 45 = 225$ mẫu. Tuy nhiên trong nghiên cứu này nhằm tăng mức độ tin cậy và tính khách quan chúng tôi đã phát ra 500 phiếu khảo sát. Sau khi thu lại phản hồi và loại những phiếu mẫu không đạt, tổng số phiếu mẫu hợp lệ thu được là 483 đạt 96,6%. Phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu này là phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, thuận tiện.

8.3 Phương pháp phân tích, tổng hợp

Chúng tôi tiến hành tổng hợp, phân tích tài liệu thứ cấp. Dựa trên các tài liệu, số liệu thu thập được chúng tôi sẽ đánh giá, phân loại một cách khoa học những công trình nghiên cứu liên quan đến luận án để rút ra nhận định chung về các nghiên cứu trước đây đã thực hiện. Đồng thời, thông qua các tài liệu, số liệu chúng tôi tìm ra những đặc trưng của sự dung hợp Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian.

8.4 Phương pháp so sánh

Chúng tôi sử dụng phương pháp này nhằm so sánh một số biểu hiện của sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian ở tỉnh Tiền Giang so với các nơi khác để thấy được những đặc trưng chung, sự khác biệt của sự dung hợp Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian.

8.5 Phương pháp lịch sử

Chúng tôi sử dụng phương pháp lịch sử trong việc tìm ra nguồn gốc phát sinh, quá trình phát triển của sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian.

9 Đóng góp của luận án

Luận án khái quát được sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian trong tỉnh Tiền Giang. Chỉ ra được những hình thức dung hợp phong phú đa dạng tại một tỉnh vốn là địa bàn đa dân tộc, đa tôn giáo và tín ngưỡng.

Từ góc nhìn văn hóa nhận thức sự dung hợp thể hiện qua: huyền thoại tại một số ngôi chùa Mục Đồng, chùa xây dựng do người dân phát hiện ra các tượng Phật đá, Phật đồng, chùa xây dựng trên cơ sở các ngôi miếu; quan niệm dân gian về phong thủy; niềm tin của người dân vào sự linh thiêng của Phật và tất cả các loại hình tín ngưỡng dân gian thờ cúng tại chùa.

Từ góc nhìn văn hóa tổ chức sự dung hợp thể hiện qua: (1) Cơ sở thờ tự; (2) đối tượng thờ tự trong ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang rất đa dạng như thờ Phật, Bồ tát và nhiều loại hình tín ngưỡng dân gian có mặt trong không gian ngôi chùa như Mẫu, Thổ Địa, Thần Tài, Quan Công, Thiên Quan tứ phúc, danh nhân, anh hùng dân tộc, nhân vật lịch sử, Tổ tiên, cô hồn, dấu ấn tam giáo; (3) Nghệ thuật kiến trúc, rất nhiều ngôi chùa nổi tiếng ở Tiền Giang xuất phát từ những am, chòi tranh đơn sơ do trẻ mục đồng nặn tượng Phật. Theo thời gian, các ngôi chùa này được trùng tu, tôn tạo nhưng dấu ấn về những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc, chạm trổ dân gian vẫn thể hiện khá rõ qua nhiều chi tiết về kiến trúc ngôi chùa; (4) Nghệ thuật điêu khắc như nghệ thuật chạm khắc hoành phi, câu đối tại các chùa ở tỉnh Tiền Giang chứa đựng các giá trị văn hóa, nghệ thuật dân gian độc đáo.

Từ góc nhìn văn hóa ứng xử sự dung hợp thể hiện qua: (1) thực hành nghi lễ, lễ hội như Lễ tết; Phật Đản; Lễ Trung Nguyên; Lễ giỗ; Lễ tang; Lễ cưới; (2) Tục cúng sao, giải hạn; (3) Nhạc lễ Phật giáo.

Nguyên nhân của sự dung hợp: Nhu cầu tâm linh của người dân; Giao lưu, tiếp biến văn hóa; Tính cách cởi mở, thân thiện, hòa đồng của người dân; Giáo lý Phật giáo; Sự tương đồng trong quan điểm đạo đức; Sự tương đồng ở tư tưởng công bằng, bình đẳng; Sự tương đồng trong việc coi trọng giá trị thực hành là cơ sở cho sự dung hợp.

Sự dung hợp thể hiện giá trị lịch sử; giá trị nhân văn, làm phong phú giá trị các văn hóa, tạo nét đặc sắc trong văn hóa; đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân dân và cố kết

cộng đồng. Bên cạnh đó, sự dung hợp này vẫn còn một số hạn chế. Sinh hoạt tín ngưỡng dân gian tác động mạnh mẽ làm biến đổi một số hoạt động trong các ngôi chùa.

Xu hướng của sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông và tín ngưỡng dân gian ở Tiền Giang vẫn không ngừng phát triển theo nhiều chiều hướng khác nhau. Trong đó có cả xu hướng phục hồi Phật giáo nguyên thủy.

Luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu về văn hóa, tín ngưỡng dân gian, Phật giáo.

Luận án là nguồn tài liệu tham khảo cho các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách văn hóa, tôn giáo ở Tiền Giang và cho những ai quan tâm đến lĩnh vực này.

10 Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn

Chương 2: Biểu hiện sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian của người Việt ở tỉnh Tiền Giang

Chương 3: Những giá trị văn hóa của sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian của người Việt ở tỉnh Tiền Giang, dự báo xu hướng và khuyến nghị

CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.1 Các công trình nghiên cứu về văn hóa Nam Bộ

Trong thời gian qua, có rất nhiều công trình nghiên cứu về vùng đất Nam Bộ nói chung và Tiền Giang nói riêng đã được công chúng đón nhận.

Một số công trình tiêu biểu viết về quá trình khai khẩn vùng đất Nam Bộ: Tác giả Phan Quang (1981), “Đồng bằng sông Cửu Long”; Tác giả Sơn Nam với 2 công trình (1985), “Đồng bằng sông Cửu Long nét sinh hoạt xưa” và (1994), “Lịch sử khẩn hoang miền Nam”; Tác giả Huỳnh Lứa (2017), “Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ”; Công trình với 3 tập của nhiều tác giả được xuất bản vào các năm (2002), (2004), (2005) “Nam Bộ đất và người”.

Các công trình trên đã khái quát một cách chân thật và sống động về: cuộc sống và sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo của cư dân Nam Bộ từ buổi đầu khai hoang cho đến ngày nay. Ngoài việc phân tích về đời sống văn hóa của cư dân Nam Bộ, các công trình dưới đây đưa ra các tiêu chí phân vùng văn hóa, dựa vào các tiêu chí này các tác giả đã chứng minh các tiểu vùng văn hóa ở Nam Bộ có những khác biệt so với các khu vực khác trong nước. Tác giả Lê Anh Trà (1984), “Mấy đặc điểm văn hóa đồng bằng sông Cửu Long”; Tác giả Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường (1990), “Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Cửu Long”; Tác giả Nguyễn Phương Thảo (1997), “Văn hóa dân gian Nam Bộ”; Tác giả Ngô Đức Thịnh (2019), “Văn hóa vùng và phân vùng văn hoá ở Việt Nam”; Tác giả Trần Ngọc Thêm (2014), “Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ”,....

Các công trình trên đã cho thấy quá trình khai phá vùng đất Nam Bộ và sự giao lưu văn hóa của các tộc người. Bên cạnh đó, các tác giả đã khái quát một cách chân thật và sống động về: cuộc sống và sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo của cư dân Nam Bộ từ buổi đầu khai hoang cho đến ngày nay.

Ngoài ra, còn có một số công trình viết về quá trình hình thành, phát triển, đời sống văn hóa của người dân Tiền Giang như:

Hội nghiên cứu Đông Dương (2017), “Chuyên khảo về tỉnh Mỹ Tho” (Monographie De La Province de My Tho) cung cấp cái nhìn vừa tổng quát về vùng đất Mỹ Tho – Tiền Giang ở các mặt tự nhiên, kinh tế, lịch sử, hành chính, thành phần dân

cư, di tích, tín ngưỡng, phong tục tập quán, tôn giáo.

Tác giả Trịnh Hoài Đức (1972), “Gia Định thành thông chí” đặc tả về vùng đất Gia Định thời Nhà Nguyễn. Công trình miêu tả chi tiết về điều kiện tự nhiên, địa lý, phong tục tập quán, cách sinh hoạt,...của người dân vùng Gia Định. Trong trang 4 tập Hạ của công trình này, tác giả Trịnh Hoài Đức cho rằng người dân tin vào Phật và các loại hình tín ngưỡng dân gian như đồng, bóng, các nữ thần (Bà) để giúp họ có chỗ dựa tinh thần trong quá trình khai hoang lập nghiệp.

Quốc sử quán triều Nguyễn (in lại 2006), “Đại Nam nhất thống chí”, là công trình đồ sộ có tầm quan trọng rất lớn về địa chí nước ta thời phong kiến. Trong đó, tác giả cho thấy Tam giáo trở thành nhu cầu tinh thần không thể thiếu của người dân Việt Nam. Tam giáo kết hợp với tín ngưỡng đa thần của người Việt dẫn đến đối tượng thờ cúng đa dạng.

Tác giả Nguyễn Liên Phong (1909), “Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca” viết bằng thơ lục bát về lịch sử, kinh tế, văn hóa, phong tục tập quán ở các tỉnh Nam Bộ. Trong đó, tác phẩm đặc tả về Gò Công và Mỹ Tho rất thú vị và có giá trị tham khảo rất cao. Năm 2012 nhà xuất bản Văn học in lại. Tác phẩm này được nhà xuất bản Văn hóa – Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh tái bản vào năm 2012 với tên “Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca chú thích” của tác giả Nguyễn Liên Phong nhưng do tác giả Cao Thanh Tự - Trương Ngọc Tường chỉnh lý và chú thích.

Tác giả Nguyễn Đình Đầu (1994), với “Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: Định Tường” với 365 trang do nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh phát hành. Tác phẩm trình bày một cách khoa học về địa lý, địa bạ, thống kê diện tích các huyện, lịch sử tỉnh Định Tường thời nhà Nguyễn (hiện nay là tỉnh Tiền Giang)

Tác giả Nguyễn Phúc Nghiệp (1998), “Kinh tế nông nghiệp Tiền Giang thế kỷ XIX” phân tích một cách toàn diện về: quá trình khai hoang và hình thành thôn ấp ở tỉnh Tiền Giang; kinh tế nông nghiệp ở tỉnh Tiền Giang dưới triều nhà Nguyễn; kinh tế nông nghiệp ở tỉnh Tiền Giang khi thực dân Pháp chiếm tỉnh Tiền Giang đến trước cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.

Tác giả Nguyễn Phúc Nghiệp (2002), với hai công trình “Những trang sử ghi chép về lịch sử - văn hóa Tiền Giang”, “Tiền Giang con người và sự kiện” (công trình thứ ba đồng tác giả với Phạm Văn Khanh). Hai công trình này đã khái quát về vùng đất Tiền Giang giàu truyền thống văn hóa, cách mạng. Tác giả phân tích về các nhân vật, các sự

kiện và các địa danh lịch sử. Đồng thời, tác giả đề cập đến quá trình phát triển về văn hóa, kinh tế, xã hội tỉnh Tiền Giang.

Tác giả Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (chủ biên) năm (2005), (2007) với “Địa chí Tiền Giang”, cung cấp những thông tin cơ bản và thiết yếu về tỉnh Tiền Giang trên các mặt: hành chính, hệ thống chính trị, địa danh địa lý tự nhiên, lịch sử, kinh tế, văn hóa – xã hội. Đồng thời, công trình đã phân tích về quá trình hình thành và phát triển vùng đất và con người Tiền Giang. Trong công trình có một phần giải thích về phong tục, tín ngưỡng của người dân.

Sở Văn hóa – Thông tin Tiền Giang (2001), “Tiền Giang bước vào thế kỷ 21”. với sự tham gia của nhiều tác giả đã tập hợp các bài viết cung cấp những thông tin phong phú về nhiều phương diện lịch sử, kinh tế của vùng đất Tiền Giang giàu tiềm năng. Quyển sách đề cập đến những nội dung cụ thể như sau: Đất và người Tiền Giang, Tiền Giang trước thềm thế kỷ 21, sức vươn lên từ các địa phương Tiền Giang, những bài báo và bài viết về Tiền Giang.

Huỳnh Mẫn Chi (2007), “Người và đất Tiền Giang” viết về tiểu sử cũng như những cống hiến to lớn của những người tài năng cho sự phát triển về văn hóa, văn nghệ của vùng đất Tiền Giang.

Tác giả Lê Quý Đôn (2007), “Phủ biên tạp lục” ghi chép cách thức mà tác giả đã làm yên lòng dân trong thời kỳ làm quan ở Thuận Hóa – Quảng Nam. Công trình ghi chép chi tiết về kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa, phong tục tập quán ở xứ Đàng Trong vào thế kỷ XVIII, trong đó có tỉnh Tiền Giang.

Tác giả Mạc Nhân Tân Văn Công (2009), với “Mỹ Tho Xưa (1861- 1945) trong lục tỉnh Nam Kỳ” viết về những địa danh, những dấu chân lịch sử tại đây, các cộng đồng người ngoại kiều như Hoa, Pháp, Ấn và di sản văn hóa, sinh hoạt văn hóa của những cộng đồng người tại Mỹ Tho.

Tác giả Trần Thanh Đức chủ biên (2012), “Lịch sử địa phương Tiền Giang” là tài liệu giảng dạy dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông tỉnh Tiền Giang. Tập sách giới thiệu về truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng, lịch sử hình thành và phát triển, những đặc trưng văn hóa của tỉnh nhà.

Tác giả Nguyễn Phúc Nghiệp (2016), nghiên cứu “Văn hóa dân gian tỉnh Tiền Giang” cho thấy những loại hình tín ngưỡng dân gian tính chất nguyên thủy không thể hiện rõ nét. Đồng thời, tác giả đã giới thiệu 13 loại hình tín ngưỡng dân gian phổ biến

tại Tiền Giang như: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng nghề nông, tín ngưỡng nghề cá, tín ngưỡng nghề thủ công, tín ngưỡng tài lộc (thần Tài, ông Địa), tín ngưỡng thờ cúng Mẹ (mẹ Sanh), tín ngưỡng thờ thần độ mạng, tín ngưỡng thờ cúng Táo quân, tín ngưỡng thờ cúng Hành binh, Hành khiển, tín ngưỡng Ngũ hành, tín ngưỡng thổ thần, Bà Chúa Xứ, thủy thần, tín ngưỡng thờ cúng danh nhân và các anh hùng dân tộc, tín ngưỡng thờ cúng cô hồn.

Tác giả Lê Thị Sơn (2016), với luận án “Tín ngưỡng dân gian trong đời sống tinh thần của cộng đồng người Việt ở tỉnh Tiền Giang” trình bày và phân tích: đặc điểm, các hình thức sinh hoạt tín ngưỡng dân gian; ảnh hưởng của tín ngưỡng dân gian trong đời sống tinh thần của cộng đồng người Việt ở Tiền Giang. Luận án cũng đã nêu ra xu hướng vận động, đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm phát huy giá trị và hạn chế tiêu cực của tín ngưỡng dân gian trong đời sống tinh thần của cộng đồng người Việt ở tỉnh Tiền Giang hiện nay.

Những công trình nghiên cứu về đời sống văn hóa, quá trình hình thành và phát triển tỉnh Tiền Giang đã miêu tả cơ bản về địa lý hành chính, điều kiện tự nhiên, lịch sử khẩn hoang, quá trình giao lưu văn hóa của các tộc người ở đây. Các công trình là những tài liệu bổ ích, có giá trị rất lớn đối với chúng tôi.

1.1.2 Các công trình nghiên cứu về Phật giáo

Nghiên cứu của nước ngoài về Phật giáo

Nghiên cứu của nước ngoài về Phật giáo rất đa dạng và phong phú, sau đây là một số công trình giới thiệu về văn hóa Phật giáo, lịch sử hình thành, phát triển và giáo lý của Phật giáo. Đây là những nguồn tư liệu quan trọng, đáng tin cậy liên quan đến luận án. Dưới đây, chúng tôi xin đề cập chi tiết hơn tình hình nghiên cứu nói trên qua một số tác phẩm:

Tác giả Kimura Taiken (người Nhật Bản) với “Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận” và “Tiểu thừa Phật giáo tư tưởng luận” (Hòa thượng Thích Quảng Độ dịch). Công trình đã khái quát về lịch sử, giáo lý và những đặc điểm cơ bản của Phật giáo.

Tác giả K. Sri Dhammananda với “Đạo Phật và đời sống hiện đại” (Thích Tâm Quang dịch) tập hợp các bài giảng về đạo Phật. Công trình có những ví dụ cho thấy ảnh hưởng từ tư tưởng căn bản của Phật giáo trên mọi lĩnh vực của đời sống hiện tại: kinh tế, xã hội, an sinh,.... Các bài giảng này cho thấy tư tưởng của Phật giáo không chỉ ảnh hưởng đến Phật tử mà còn ảnh hưởng đến mọi tầng lớp, trong đó ảnh hưởng nhiều đến

giới bình dân trong xã hội.

Tác giả P.V. Banpat (Nguyễn Đức Tư, Hữu Song dịch) (1997) với công trình “2500 năm Phật giáo” gồm những nội dung như: Nguồn gốc đạo Phật; Cuộc đời và Giáo lý Đức Phật; những Hội nghị Kết tập của Phật giáo; Các trường Phái chính của Phật giáo; Văn học Phật giáo; Nền giáo dục của Phật giáo; Các tín đồ nổi tiếng của Phật giáo; những nhà hành hương Trung Hoa; Nghệ thuật Phật giáo; Các thánh địa Phật giáo; Phật giáo với thế giới ngày nay,... Đây là nghiên cứu có tính chiều sâu đã cho thấy một cách toàn diện và sâu sắc về Phật giáo. Kể cả những điều chỉnh về sau của Phật giáo và những nhìn nhận về Phật giáo được trình bày rất chi tiết.

Tác giả Léopold Cadière (Đỗ Trinh Huệ dịch, 2000), “Văn hóa, Tôn giáo, Tín ngưỡng Việt Nam” trình bày các nội dung: ấn phẩm của Léopol Cadière; Léopol Cadière với văn hóa, tín ngưỡng gia đình Việt; tư liệu và biên dịch minh họa về: Tôn giáo người Việt Đạo Khổng; Đạo Lão; Đạo Phật ở Việt Nam; Gia đình và tôn giáo người Việt; Kinh Thành tuyệt diệu; Tể Nam gia; Lăng mộ người Việt vùng phụ cận Huế; Lăng Gia Long; Tang lễ Vua Gia Long. Một vài sự kiện tôn giáo hoặc ma thuật ghi nhận được từ một mùa dịch tả, tín ngưỡng và ngạn ngữ dân gian vùng thung lũng Nguồn Sơn tỉnh Quảng Bình. Trong nghiên cứu này có trình bày về Phật giáo Việt Nam lúc bấy giờ như cách bày trí trong ngôi chùa Việt cho thấy sự hỗn dung giữa tín ngưỡng dân gian và Phật giáo. Một phần của nghiên cứu cũng cho thấy các chùa làng lúc bấy giờ chỉ có người trông coi chùa, không có chức sắc. Một số chùa do nhà nước quản lý cơ sở vật chất còn đơn sơ, phần lớn người Việt không sử dụng các phương thức của đạo Phật làm cho con người hạnh phúc trong đời sống và sau khi chết, không thể hiện hành vi tôn giáo cảm thụ được từ đạo Phật.

Tác giả Piyadassi (Nguyễn Kim Khánh dịch, 2001), “Phật giáo nhìn toàn diện”. Đây là tập sách có đến 18 chương, tập hợp những bài viết một cách toàn diện, chủ yếu về lời dạy của Đức Phật.

Robert J. Topmiller (2002), “Hoa sen nở: Phong trào hòa bình Phật giáo ở miền Nam Việt Nam, 1964 - 1966”, cho thấy phong trào hòa bình của quần chúng trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước, sự tham gia cách mạng đấu tranh vì hòa bình, chấm dứt chiến tranh của các nhà sư yêu nước ở Việt Nam, chỉ ra Phật giáo Việt Nam là lực lượng chính trị. Đồng thời cho thấy cuộc khủng hoảng Phật giáo ở nước ta năm 1966.

Shawn Frederick McHale (2004), viết về vai trò của việc xuất bản và sức mạnh Nho giáo, chủ nghĩa Cộng sản, Phật giáo trong việc làm nên một Việt Nam hiện đại (giai đoạn 1920 -1945). Trong nghiên cứu này, có đề cập đến vai trò và dấu vết của Nho Giáo trong nền văn hóa nước ta. Vai trò Huỳnh Phú Sổ đối với Phật giáo Hòa Hảo, tầm nhìn phổ biến về thiên đường ở Phật giáo và sự hồi sinh của Phật giáo.

Louis Frédséric (Phan Quang Định dịch, 2005), “Tranh tượng và thần phổ Phật giáo” tác phẩm mô tả về các tượng Phật, Thần trong Phật giáo; Sự tiến hóa của các biểu tượng Phật giáo ở các nước; Nghệ thuật tranh tượng. Công trình này giúp chúng tôi trong việc nhận dạng các tượng khi đến chùa khảo sát.

Philip Tolor (2007), nghiên cứu về tính hiện đại và việc khôi phục các tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam thời hậu cách mạng. Công trình tập hợp những nghiên cứu thực địa của các học giả nước ngoài và cả trong nước về tín ngưỡng, tôn giáo, văn hóa ở Việt Nam như: Những đổi mới trong tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên ở nước ta; thực trạng khôi phục các nghi thức, nghi lễ truyền thống của người dân Hà Nội; lễ vật trong nghi thức thờ cúng Tổ tiên ở Hội An; một cái nhìn toàn diện về các tôn giáo phổ biến ở miền Nam Việt Nam đương đại; phục hưng Phật giáo Việt Nam giai đoạn 1920 - 1951; Thiên – Phật giáo Trúc Lâm ở miền Bắc; các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam,... Công trình đã phân tích thực trạng và đưa ra cái nhìn khách quan của các nhà dân tộc học về thực hành tín ngưỡng, tôn giáo của người Việt.

Nhiều tác giả người Pháp, Mỹ, Đức (2011), “Toàn cầu hóa tôn giáo” quyển sách tập hợp những bài viết của các tác giả ở nhiều nước trên thế giới phân tích về những nguyên nhân, biểu hiện của toàn cầu hóa tôn giáo mang đến những cơ hội và thách thức cho các tôn giáo hiện nay.

Tác giả Alexander Soucy (2012) với công trình: “Phía Đức Phật: Giới tính, quyền lực và thực hành Phật giáo ở Việt Nam” cho thấy sinh hoạt Phật giáo ở một số ngôi chùa Bắc Tông tiêu biểu ở Việt Nam dưới góc nhìn của nhà nhân học đối với các vấn đề về giới, quyền lực và thực hành Phật giáo. Nghiên cứu tập trung vào quan điểm của người dân địa phương về những gì làm nên Phật giáo Việt Nam và hoạt động của nó trong cuộc sống hằng ngày. Nghiên cứu đã miêu tả sống động và chân thật về quan điểm, sinh hoạt tín ngưỡng của các đối tượng Phật tử trong ngôi chùa, qua đây cho thấy sự dung hợp giữa Phật giáo với niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên khác trong dân gian.

Nghiên cứu về Phật giáo trong nước

Liên quan đến nghiên cứu về Phật giáo trong nước, có những công trình nghiên cứu khái quát về lịch sử, giáo lý và những đặc điểm cơ bản của Phật giáo có thể kể đến như:

Viện Triết học thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1988), *“Lịch sử Phật giáo Việt Nam”*. Công trình đã trình bày các giai đoạn thăng trầm và phát triển của lịch sử Phật giáo Việt Nam từ đầu Công Nguyên cho đến nửa đầu thế kỷ XX. Công trình còn cho thấy ảnh hưởng của Phật giáo đến các các mặt của đời sống xã hội như: ảnh hưởng của Phật giáo vào thơ văn.

Tác giả Nguyễn Tài Thư (1997) *“Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo đối với con người Việt Nam hiện nay”*. Công trình nghiên cứu ảnh hưởng của tín ngưỡng dân gian, Nho học, Phật giáo, Thiên Chúa giáo, các học thuyết tư tưởng tư sản phương Tây, Chủ nghĩa Mác - Lê nin đến con người Việt Nam hiện nay. Luận án đã cho thấy thực trạng ảnh hưởng của các tôn giáo và hệ tư tưởng đối với người dân ở các địa phương mà luận án chọn làm điểm khảo sát.

Tác giả Nguyễn Lang (2000), với công trình *“Việt Nam Phật giáo sử luận”*, cho thấy tổng quát về lịch sử Phật giáo nước ta từ quá khứ đến hiện đại, bộ sách có 863 trang gồm 3 tập và 40 chương. Trong tập I, đề cập đến các nội dung: trung tâm Phật giáo Luy Lâu; hai thế kỷ đầu; khởi nguyên của Thiền học Việt Nam; sách Thiền Uyển Tập Anh và các tài liệu Đạo Phật đời Đường; các Thiền Phái; tổng quan về Phật giáo đời nhà Lý; nền tảng Phật giáo đời Nhà Trần; Trần Thái Tông; Tuệ Trung Thượng Sĩ; Trần Nhân Tông và Thiền Phái Trúc Lâm, Thiền Sư Pháp Loa; Thiền Sư Huyền Quang; những khuôn mặt Phật tử khác trong đời nhà Trần; tổng luận về Phật giáo đời Trần. Tập II gồm các vấn đề: sinh hoạt của tăng đồ, cư sĩ; Đạo Phật trong đời Nho học độc tôn; sức sáng tạo của Phật tử; phục hưng phái Trúc Lâm; Thiền sư Hương Hải; Thiền Phái Lâm Tế, Phật giáo Đàng Trong; Thiền Phái Tào Động tới Việt Nam; Lý học và Phật giáo; Danh Tăng thời Nguyễn. Tập III gồm các vấn đề: khái quát công cuộc chấn hưng Phật giáo; thiền sư Khánh Hòa với cuộc vận động tại Nam Kỳ; Hội An Nam Phật học Trung Kỳ; chấn hưng ở Bắc Kỳ; sau cách mạng tháng Tám; trùng tu, tôn tạo các cơ sở tôn giáo; một số ngôi chùa ở Việt Nam; con đường thống nhất; thể đứng của Phật giáo Việt Nam; Phật tử đời thực thi thông cáo chung, chính quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ.

Tác giả Minh Chi (2001), *“Về xu thế thế tục hóa và dân tộc hóa của Phật giáo”* lấy những ví dụ cụ thể để phân tích nghĩa của từ thế tục hóa, tức là dù tu hành nhưng vẫn hiểu rõ về thế gian và không bị những giá trị tầm thường của thế gian chi phối để

có thể hết lòng phục vụ và cứu độ thế gian; đối với xu thế dân tộc hóa của Phật giáo theo tác giả tức là “Phật giáo du nhập vào đất nước nào, dân tộc nào thì hội nhập vào nền văn hóa, vào đời sống của dân tộc ấy như một bộ phận cấu thành, không thể tách rời” và Phật giáo du nhập vào Việt Nam cũng như vậy. Bên cạnh đó, bài viết đã phân tích xu thế đổi mới của Phật giáo Việt Nam như Phật giáo không chỉ hoạt động trong phạm vi của chùa và tu viện, trong lễ bái và cầu nguyện mà còn dần thân vào công cuộc kinh tế, văn hóa và giáo dục ngay trong hiện tại.

Tác giả Nguyễn Hùng Hậu (2002), với cuốn “Đại cương triết học Phật giáo Việt Nam” đã khái quát quá trình du nhập và phát triển của Phật giáo ở Việt Nam. Dưới góc độ triết học, tác giả Nguyễn Hùng Hậu đã phân tích sự tiếp biến và phát triển của Phật giáo qua các giai đoạn; đồng thời, tác giả cho rằng sự kết hợp giữa Thiền tông, Tịnh độ tông, Mật tông với tín ngưỡng dân gian Việt Nam chính là đặc trưng của Phật giáo Việt Nam.

Tác giả Nguyễn Quốc Tuấn (2008), trong công trình “Vai trò của Phật giáo Việt Nam đối với sự phát triển bền vững của đất nước” đã trình bày các đặc điểm của Phật giáo: Phật giáo là một tôn giáo không đi ngược lại với lợi ích của cá nhân và dân tộc; đạo Phật là một khoa học về đời sống nội tâm và cải biến nội tâm; Phật giáo lấy nội tâm con người làm căn bản; đặc tính chủ yếu của đạo Phật là hướng mọi người đến lòng từ bi, tình thương đồng loại. Tiếp nối nghiên cứu trên, năm 2010 “Một số vấn đề cơ bản về Phật giáo Việt Nam giai đoạn 2010 – 2020” của cùng tác giả được thực hiện. Công trình đã cho thấy tình hình hoạt động, đặc điểm và sự biến đổi của các hệ phái Phật giáo ở Việt Nam như Bắc Tông, Nam Tông, Khất sĩ; hoạt động của Giáo hội Phật giáo. Đặc biệt, công trình đã phân tích tình hình hoạt động Phật giáo Việt Nam ở hải ngoại.

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2010), đã xuất bản quyển sách tập hợp nhiều bài viết của các vị hòa thượng, các nhà nghiên cứu có tên tuổi về “Giáo dục Phật giáo trong thời hiện đại”. Các bài viết chủ yếu tập trung vào phân tích mục tiêu, vai trò và nhiệm vụ của giáo dục Phật giáo. Một số bài viết còn cho thấy những thành tựu của giáo dục Phật giáo Việt Nam trong quá khứ và hiện tại.

Tác giả Trần Hồng Liên (2010), “Chức năng xã hội của Phật giáo Việt Nam”, công trình phân tích rất sâu về chức năng của Phật giáo ở Nam Bộ. Trên cơ sở đó tác giả đã cho thấy chức năng của Phật giáo Nam Bộ thể hiện trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa. Công trình cho thấy việc vận dụng các yếu tố tích cực trong giáo lý Phật giáo vào

các mặt của đời sống xã hội đã góp phần không nhỏ cho sự phát triển bền vững của xã hội ở Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung. Công trình này, là tài liệu tham khảo bổ ích cho chúng tôi khi vận dụng chức năng của Phật giáo đối với các vấn đề văn hóa để phân tích ảnh hưởng của Phật giáo đến tín ngưỡng dân gian.

Không chỉ dừng lại ở việc phân tích chức năng xã hội của Phật giáo Việt Nam, tác giả Trần Hồng Liên (2010) đã cho thấy các yêu cầu đối với “Vấn đề giáo dục Phật giáo Việt Nam hiện đại”. Trong thời đại khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, dưới sự tác động của nền kinh tế thị trường, xã hội có nhiều thay đổi. Vì vậy, nội dung giáo dục của Phật giáo Việt Nam hiện đại cần phải thể hiện: bản sắc văn hóa Phật giáo Việt Nam, tinh thần nhập thế, cốt lõi của giáo lý, phương châm hành động của giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Cùng chủ đề về giáo dục Phật giáo, tác giả Đào Nguyên (2010), với bài viết “Tác dụng giáo dục to lớn của Chùa Phật: Những thành tựu trong quá khứ và vai trò trong hiện đại” đánh giá những tác dụng giáo dục của ngôi chùa với những thành tựu trong quá khứ trên các lĩnh vực thẩm mỹ, đạo đức, triết học. Tác giả đề xuất một số giải pháp để phát huy vai trò giáo dục của ngôi chùa trong thời hiện đại như nâng cao trình độ của vị trụ trì, vai trò của vị trụ trì trong việc kế thừa, phát huy thẩm mỹ và đạo đức.

Tác giả Trần Trọng Kim (2010), với công trình “Phật giáo” đã khái quát về: cách bài trí tượng Phật ở một số chùa tiêu biểu; lịch sử Phật giáo; Phật giáo Tiểu thừa và Phật giáo Đại thừa; giáo lý căn bản của Phật giáo; mối quan hệ giữa Phật giáo và đời sống xã hội. Đặc biệt, qua công trình này sẽ giúp cho chúng tôi có được những hiểu biết cơ bản về cách bài trí tượng Phật khi đến viếng chùa.

Hòa thượng Thích Viên Giác (2010), trong bài viết “Tác dụng giáo dục của ngôi chùa” đã khẳng định ngôi chùa là cơ sở giáo dục có tác dụng giáo dục đạo đức, giáo dục tính dân tộc, giáo dục sự thức tỉnh. Bài viết cho thấy các ngôi chùa ở nước ta trong thời gian qua đã góp phần giáo dục đạo lý làm người, xây dựng nền tảng đạo đức cho xã hội, bảo tồn và phát huy nền văn hóa dân tộc. Bên cạnh đó, bài viết cho thấy dưới tác động của xã hội hiện đại, tác dụng giáo dục của ngôi chùa sẽ bị giảm hiệu quả nếu trình độ của những vị trụ trì không theo kịp thời đại. Tác giả bài viết đưa ra những điều kiện cần thiết nhằm phát huy tối đa tác dụng giáo dục của Phật giáo trong thời đại mới.

Tác giả Nguyễn Quốc Tuấn (2012), trong công trình “Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX” đã trình bày các vấn đề về: Phân kỳ lịch sử Phật giáo Việt

Nam từ trước công nguyên đến thế kỷ XIX, các vấn đề trong giáo lý Phật giáo như tư tưởng hòa trộn các tông phái, xây dựng một nền Phật giáo riêng biệt; bên cạnh đó, nguyên nhân và diễn biến của phong trào chấn hưng Phật giáo cũng được trình bày; tác giả dành cả 2 chương để phân tích đặc điểm của Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ XX đó là tính bình dân, tính vùng, tính phức hợp và tính thống nhất. Những đặc điểm này khiến cho Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX khác với chính nó ở các thế kỷ trước và khác với Phật giáo ở các quốc gia lân cận cùng thời”; vai trò của Phật giáo trong thế kỷ XX như tham gia kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành công cuộc thống nhất và kiến quốc, hiện đại hóa đất nước cũng được phân tích sâu sắc.

Tác giả Trần Khánh Dư (2012), “Lược sử Phật giáo Bắc Tông ở các nước trên thế giới” trình bày một cách có hệ thống và chi tiết về lịch sử phát triển, du nhập của Phật giáo Bắc Tông ở một số nước Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng, Mông Cổ; bên cạnh đó, đặc trưng của Phật giáo Bắc Tông ở các quốc gia qua từng thời kỳ lịch sử cũng được làm rõ; tác động của Phật giáo Bắc Tông đến mọi mặt trong đời sống văn hóa của cư dân ở các nước mà nó từng du nhập: cách ứng xử xã hội, đạo đức, giáo dục, chính sách tôn giáo có giá trị tham khảo rất lớn trong việc viết luận án của chúng tôi.

Tác giả Lê Mạnh Thát (2016), với “Lịch sử Phật giáo Việt Nam”, đã trình bày rõ ràng về lịch sử Phật giáo Việt Nam từ thời Hùng Vương cho đến Trần Thánh Tông; giáo lý cơ bản của Phật giáo; truyền thuyết của Phật giáo: Khâu-đà-la, Man Nương, đức Phật Pháp Vân, Khương Tăng Hội, Huệ Lâm, Không Lộ, Giác Hải, Trần Thái Tông, Quốc sư Phù Vân, Trần Thánh Tông.

Tác giả Phan Thị Lan (2016), “Đạo đức Phật giáo đối với văn hóa đạo đức người dân Long Biên”, đã phân tích tác động của đạo đức Phật giáo đến văn hóa qua hành vi đạo đức của giới tu sĩ trong mối quan hệ với tín đồ Phật tử tại chùa, với xã hội hiện đại; qua hành vi đạo đức của tín đồ Phật tử tại gia trong mối quan hệ với gia đình truyền thống, với xã hội hiện đại. Tác giả còn dự báo xu hướng vận động của đạo đức Phật giáo là ngày càng lan tỏa rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân, tiếp tục chung tay cùng cộng đồng, dân tộc, thực hiện phương châm Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội và xu hướng chính trị của Ban trị sự Phật giáo cơ sở. Công trình đã minh chứng thêm lần nữa Phật giáo có những ảnh hưởng tích cực về mọi mặt trong đời sống của nhân dân ta, tiêu biểu là đạo đức. Đây là công trình có ý nghĩa thực tiễn rất lớn, đáp ứng được yêu cầu của thời đại ngày nay.

Nghiên cứu về Phật giáo ở Tiền Giang

Nghiên cứu về văn hóa Phật giáo ở Tiền Giang trong thời gian qua chưa nhiều, chủ yếu các tác giả sơ lược về lịch sử của một số ngôi chùa tiêu biểu. Các công trình viết về Phật giáo ở Tiền Giang có thể kể đến:

Tác giả Thích Huệ Thông (2002), “Phật giáo Tiền Giang lược sử và những ngôi chùa” đã giới thiệu sơ lược về các ngôi chùa, Phật giáo Tiền Giang thời Bắc thuộc và Pháp thuộc, pháp nạn năm 1963, Đại hội Phật giáo Việt Nam và Đại hội Phật giáo Tiền Giang qua các nhiệm kỳ, tiểu sử của 20 vị danh tăng ở Tiền Giang.

Tác giả Trương Ngọc Tường – Võ Văn Tường (2006), “Chùa Phù Châu Tiền Giang”, viết về quá trình hình thành và phát triển của ngôi chùa từ khi thành lập đến nay. Ngoài ra, những tượng Phật cũng như tranh ảnh, câu đối trong chùa đều được giới thiệu chi tiết trong nghiên cứu này.

Tác giả Nguyễn Ngọc Phan (2008), “Yết Ma Từ Cẩn - một nhà sư yêu nước vị cao Tăng trùng kiến Khánh Sơn Tự” viết về lịch sử của ngôi chùa Khánh Sơn tại huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang và cuộc đời của nhà sư yêu nước, đóng góp của ông cho Cách mạng.

Tác giả Trương Ngọc Tường – Võ Văn Tường (2009), “Sắc Tứ Long An Cổ tự và hòa thượng Thích Ngộ Thông” tập trung viết về cuộc đời hòa thượng Thích Ngộ Thông và lịch sử ngôi chùa.

Hòa thượng Thích Huệ Minh (2012), “Phật giáo Tiền Giang hình thành và phát triển” cho thấy sơ nét về bối cảnh xã hội Phật giáo trước và sau năm 1975. Thời kỳ Chúa Nguyễn, Phật giáo ở đây chưa phát triển mạnh. Thời kỳ Pháp thuộc, Phật giáo suy yếu do người Pháp đề cao Công giáo. Đến phong trào chấn hưng Phật giáo, Phật giáo ở tỉnh Tiền Giang được khôi phục lại, số tín đồ theo Phật giáo ngày một tăng, đã mở trường Phật học. Đến năm 1963, chính quyền Ngô Đình Diệm đã công khai đàn áp Phật giáo, phong trào biểu tình đấu tranh vì Phật giáo nổi dậy. Riêng ở Tiền Giang, phong trào biểu tình diễn ra rất ít ở một số nơi, vì bị đàn áp nặng nề nên bị dập tắt nhanh chóng. Vào khoảng cuối năm 1963, khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị sụp đổ, tình hình Phật giáo ổn định lại. Nghiên cứu cho thấy những thành tựu và những bước phát triển của Phật giáo sau 1975.

Tác giả Cao Tự Thanh – Trương Ngọc Tường (2012), với tập sách “Chùa Bửu Lâm” ở Tiền Giang giới thiệu về Chùa – một di tích lịch sử, văn hóa cấp quốc gia ở Tiền

Giang hiện nay và ngược dòng thời gian về quá khứ. Tác giả giới thiệu về lịch sử; đặc tả về cảnh quan và kiến trúc ngôi chùa; Về tư liệu Hán – Nôm trong chùa gồm biển, hoành phi, 40 câu đối và bảng công đức, mộc bản nhiều kinh sách, tranh tượng, sớ điệp,...; các đời trụ trì chùa và sự đóng góp của các vị như: Hòa thượng Tiên Thiện, Hòa Thượng Thiên Trường, Hòa Thượng Huệ Thông.

Tác giả Lê Văn Trí (2019), với luận văn “Lễ hội Phật giáo Tiền Giang – Truyền thống và biến đổi” đã cho thấy sự biến đổi của lễ Phật Đản và lễ Vu Lan trong các ngôi chùa ở Tiền Giang từ năm 1986 đến 2019. Tác giả đã trình bày một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của lễ hội Phật giáo.

Có rất nhiều công trình nghiên cứu về Phật giáo nói chung và Phật giáo Việt Nam nói riêng. Các công trình trên đã nghiên cứu rất sâu về quá trình hình thành và phát triển của Phật giáo. Vai trò và sức ảnh hưởng của Phật giáo đối với nền văn hóa ở những nơi mà Phật giáo được truyền đến.

1.1.3 Các công trình nghiên cứu về tín ngưỡng dân gian

Tác giả Nguyễn Minh San (1994), trong quyển “Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam” đã phân tích khái niệm tín ngưỡng và tín ngưỡng dân dã; Trên cơ sở khảo sát thực tế, tác giả phân tích một số hiện tượng tín ngưỡng dân dã của người Việt như: tục thờ Mẫu, Tứ Pháp, tục vay tiền xin lộc thánh, tục đốt vàng mã. Qua đây, tác giả đã kết luận chính đức tin mãnh liệt vào tín ngưỡng của mình cùng với tinh thần cầu thị đã giúp người Việt không chỉ bảo lưu mà còn hòa đồng, tiếp nhận những yếu tố tích cực từ các tôn giáo ngoại lai, biến nó thành yếu tố văn hóa của dân tộc.

Tác giả Nguyễn Đăng Duy (2001), trong quyển “Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam” nhấn mạnh việc phân tích nguồn gốc, bản chất và ý nghĩa các hình thái tín ngưỡng dân gian như: thờ cúng tổ tiên, thờ thần, thờ Mẫu, tín ngưỡng ở các dân tộc ít người như Mường, Thái, Tày, Nùng, H'Mông, Dao và các dân tộc Tây Nguyên; các đạo ở Nam Bộ như Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo; các hình thái tôn giáo ngoại nhập gồm Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo và Công giáo. Công trình phân chia các hình thái tín ngưỡng tôn giáo một cách rõ ràng, có hệ thống.

Tác giả Hồ Đức Thọ (2002), “Nghỉ lễ thờ cúng truyền thống tại nhà và chùa, đình, đền, miếu, phủ”, nghiên cứu gồm 2 phần chính là nghỉ lễ thờ cúng tại nhà như: bản chất và đạo lý gia tộc, lễ tiết trong năm, giỗ, hiếu, hỷ, sóc, vọng và nghỉ lễ ở chùa – đình, đền, miếu, phủ, danh sơn cổ tích đã mô tả về lễ Phật, lễ tại đình, miếu, về các tượng

Phật, vị trí đặt các tượng Phật, các loại văn khấn trong chùa và trong đình, đền, miếu; nghiên cứu còn giới thiệu một số chùa, đền, miếu điển hình ở nước ta. Tác giả đã dày công sưu tầm và viết lại những điều cha ông ta đã làm về: phong tục, tập quán, tín ngưỡng trong quá khứ còn lưu giữ đến ngày nay. Tuy nhiên, xã hội ngày nay đã có nhiều thay đổi. Vì vậy, việc vận dụng hay thực hiện các tục lệ của cha ông để lại cũng cần thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh thực tế trên cơ sở kế thừa và phát huy những yếu tố tích cực.

Tác giả Huỳnh Quốc Thắng (2003), “Lễ hội dân gian của người Việt ở Nam Bộ (khía cạnh giao tiếp văn hóa dân tộc)” đề cập đến các vấn đề như môi trường sinh thái tự nhiên và xã hội, lễ hội dân gian, trình bày về các lễ hội cúng Thành hoàng và các nhân vật lịch sử, lễ hội nghề nghiệp, lễ hội thờ Mẫu. Trên cơ sở phân tích các lễ hội, tác giả Huỳnh Quốc Thắng đã rút ra các đặc điểm của lễ hội dân gian dưới góc nhìn của giao tiếp văn hóa dân tộc. Điều này là động lực phát triển và góp phần tạo nét đặc thù cho hệ thống lễ hội dân gian, hình thành văn hóa vùng Nam Bộ.

Tác giả Trương Thìn (2004), “Nghĩ lễ thờ cúng tổ tiên, đền, chùa, miếu truyền thống và hiện đại” đi sâu vào nghiên cứu những nghi lễ truyền thống và hiện đại của dân tộc gồm nghi lễ thờ cúng ở gia đình như thờ phụng tổ tiên; nghi lễ thờ cúng ở nơi công cộng như: tín ngưỡng dân gian Việt Nam, nghi lễ thờ cúng ở Đền, Phủ, Đình và nghi lễ thờ Thần, Thành hoàng, Đạo Nho ở Việt Nam. Trong sách này, tác giả đã giới thiệu các ngôi chùa cổ nhất ở nước ta, kiến trúc chùa, bài trí các tượng Phật, nghi lễ thờ cúng ở chùa.

Tác giả Nguyễn Hữu Hiếu (2004), trong quyển sách “Tìm hiểu về văn hóa tâm linh Nam Bộ” đã trình bày một cách khái quát về cơ sở tác động đến đời sống tâm linh; nguồn gốc ra đời và sự thay đổi theo thời gian và không gian của một số dạng sinh hoạt tâm linh phổ biến của người Việt ở Nam Bộ như tín ngưỡng thờ Thần Hoàng, cúng Việc lễ, thờ ông Tà, Cá Ông, Bà Chúa Xứ, lễ hội Gò Tháp, một số dạng sinh hoạt tâm linh tại gia.

Tác giả Ánh Hồng (2004), “Tín ngưỡng, phong tục và những kiêng kỵ dân gian Việt Nam” đã biên khảo những nét văn hóa về tín ngưỡng phong tục cổ truyền, những kiêng kỵ trong dân gian của người Việt Nam. Ngoài ra, tác giả còn trình bày những nội dung chính của lễ hội cổ truyền và khái quát về tranh dân gian. Công trình đã giúp chúng ta lý giải được rất nhiều phong tục, tín ngưỡng mà chúng ta thực hiện trong cuộc sống,

nhưng phần lớn không hiểu được vì phải sao thực hiện nó và nguồn gốc của các phong tục, tín ngưỡng có từ đâu.

Tác giả Ngô Đức Thịnh (2007), “Về tín ngưỡng lễ hội cổ truyền” đã phân tích các nội dung: tín ngưỡng dân gian của các tộc người ở nước ta. Trong đó, tác giả tập trung nghiên cứu hình thức thờ cúng Tản Viên, Chữ Đạo Tổ, Bà Chúa Kho, thờ Tà thần; tín ngưỡng thờ Mẫu và nghi lễ Shaman; một số nội dung về lễ hội, văn hóa tín ngưỡng, trình bày khái quát về tình hình nghiên cứu tín ngưỡng ở trong và ngoài nước.

Tác giả Trương Thìn (2007), “101 điều cần biết về tín ngưỡng và phong tục Việt Nam” đã trình bày những nội dung cốt lõi về các tôn giáo, tín ngưỡng dân gian tiêu biểu ở nước ta; nghi lễ vòng đời người, lễ tiết trong năm; ngoài ra, vấn đề về mê tín dị đoan, lối sống, nền nếp và các lĩnh vực khác cũng được đề cập. Qua đây, giúp chúng ta hiểu đầy đủ ý nghĩa của các ngày lễ, các nghi thức cần thiết của việc cúng lễ để phục vụ cho việc thực hành tín ngưỡng, nghi lễ mà không thực hành một cách máy móc.

Nhiều tác giả (2008), “Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay” tập hợp nhiều nghiên cứu thực địa của các nhà khoa học trong nước về tôn giáo, tín ngưỡng. Các bài viết tập trung phân tích thực trạng biến đổi của một số tôn giáo, tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam hiện nay trước sự tác động mạnh mẽ của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Trong công trình này, có những bài viết có giá trị tham khảo rất lớn đối với luận án của chúng tôi như chuyển đổi sinh hoạt văn hóa Phật giáo Việt Nam thời hội nhập, dịch vụ Phật giáo, là việc làm mang tính dân gian, cách thức giải quyết nhu cầu tâm linh của tín đồ Phật giáo Việt Nam hiện nay, vàng mã cho người sống chuyển hóa tâm linh trong xã hội mở, lên đồng xuyên quốc gia.

Tác giả Khai Đăng (2009), “Tản mạn về tín ngưỡng và phong tục tập quán của người Việt” khái quát về văn hóa Việt Nam: nhận diện về văn hóa Việt Nam, lớp văn hóa bản địa, lớp văn hóa ngoại sinh; tín ngưỡng của người Việt: tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, tín ngưỡng sùng bái con người; phong tục truyền thống của người Việt: tục hôn nhân, tục tang ma, phong tục lễ tết và lễ hội.

Qua nghiên cứu này giúp chúng tôi hiểu rõ được tín ngưỡng, phong tục truyền thống của người Việt từ đó đối chiếu vào chùa xem những tín ngưỡng này hiện nay đã ảnh hưởng đến Phật giáo Bắc Tông như thế nào và Phật giáo Bắc Tông tác động trở lại tín ngưỡng truyền thống ra sao.

Tác giả Ngô Văn Lệ (2010), “Đặc trưng tín ngưỡng tôn giáo và sinh hoạt văn hóa

của các cộng đồng cư dân Nam Bộ”. Bằng các phương pháp nghiên cứu lịch sử, phương pháp phân tích biểu tượng, phương pháp so sánh, phân loại loại hình và phương pháp thu thập thông tin, tác giả trình bày về thực trạng tôn giáo, tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa liên quan đến đời sống tôn giáo tín ngưỡng, đặc trưng tôn giáo tín ngưỡng của các tộc người ở Nam Bộ. Tác giả đã phân tích những đặc trưng khu vực tác động đến các hoạt động tôn giáo tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa của các tộc người ở Nam Bộ. Các yếu tố về môi trường, tộc người, xã hội tác động đến các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng và sinh hoạt văn hóa. Điều này, dẫn đến sự đa chiều trong hệ tư tưởng tôn giáo, tín ngưỡng, môi trường sống đa dạng tạo nên sự đa dạng trong tôn giáo. Xu hướng xuất hiện tôn giáo mới hiện nay ở Nam Bộ cũng đã được đề cập trong nghiên cứu.

Tác giả Ngô Đức Thịnh (2012), “Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam”. Bằng cách tiếp cận tôn giáo học và văn hóa học, với các phương pháp liên quan tới tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng, tác giả đã phân tích rất rõ các hình thức tín ngưỡng dân gian Việt. Công trình đã phác họa tín ngưỡng các dân tộc, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ Thần Hoàng làng, thờ Mẫu, tín ngưỡng Đức Thánh Trần, Tứ bất tử, tín ngưỡng nghề nghiệp. Một số hình thức văn hóa, tín ngưỡng cũng được phân tích trong nghiên cứu này như tín ngưỡng, tôn giáo và ca nhạc nhạc cổ truyền, múa nghi lễ, tranh thờ, văn hóa đạo Mẫu, lễ hội cổ truyền. Qua nghiên cứu, tác giả đã cho thấy giữa các hình thức nghệ thuật tín ngưỡng và nghệ thuật đời thường có mối quan hệ chặt chẽ.

Các tác giả Võ Văn Sen – Ngô Đức Thịnh – Nguyễn Văn Lên (2016), với quyển “Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ - bản sắc và giá trị” trình bày tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ - những vấn đề lý luận và thực tiễn, diễn xướng và nghi thức trong tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng thờ Bà Chúa Xứ, tín ngưỡng thờ Bà Thiên Hậu ở Nam Bộ, tín ngưỡng thờ các nữ thần khác.

1.1.4. Nghiên cứu sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian

Tác giả Thích Đồng Bôn (1991), nghiên cứu “Những tập tục dân gian chịu ảnh hưởng của Phật giáo đại thừa” đã khái quát sự tương tác giữa tập tục tín ngưỡng dân gian và Phật giáo. Trong nghiên cứu này, có 30 cặp trên 4 nhóm đối tượng các phong tục – nghi thức, lễ hội của tín ngưỡng dân gian và Phật giáo có tác động với nhau. Trong đó, có những tập tục dân gian ảnh hưởng đến Phật giáo như tục đốt vàng mã và tục hóa sớ tiền vãng sanh; nghi thức cúng ông bà và nghi thức cầu siêu; nghi thức cúng cơm và nghi thức cúng vong; tục cúng sao hạn và lễ cầu an hằng năm; tục cúng sóc vọng và lễ

sám hồi kỳ an; nghi thức đám cưới và lễ Hằng thuận; hạ nguyên rằm tháng Mười và lễ rằm tháng Mười; tết Trung Thu và lễ cúng trăng. Phật giáo ảnh hưởng đến văn hóa dân gian gồm tục bố thí, tục phóng sinh, tục ăn chay, tục hái lộc, lễ Phật Đản và lễ rằm tháng Tư. Đồng thời, giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian có các lễ cúng tác động qua lại với nhau như lễ Trung nguyên rằm tháng Bảy và lễ Vu Lan, lễ Báo Hiếu, lễ cúng cô hồn và lễ Chẩn tế, lễ cúng giao thừa và lễ vía Di Lạc.

Tác giả Trần Hồng Liên (1996), “Phật giáo Nam Bộ từ thế kỷ XVII đến 1975” đã khái quát về Phật giáo của người Việt ở Nam Bộ qua các thời kỳ như: thời chúa Nguyễn và triều Nguyễn, Phật giáo dưới thời kháng Pháp, Phật giáo trước ngày giải phóng (1954 - 1975). Tác giả còn phân tích sâu Phật giáo Bắc Tông của người Hoa, Phật giáo Nam Tông của Người Khmer ở Nam Bộ. Công trình đã cho thấy Phật giáo Nam Bộ dung hợp các luồng văn hóa, hình thành cho mình một bản sắc rất riêng, mang tính phong phú, đa dạng. Một tinh thần nhập thế năng động được thể hiện qua những đóng góp của Phật giáo vào cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm oanh liệt của nhân dân Nam Bộ.

Tác giả Trần Lâm Biền (1996), “Chùa Việt” cho thấy diễn biến của ngôi chùa Việt; văn hóa – hướng – bố cục chung vấn đề thuộc lĩnh vực kiến trúc, sự phân bố ngôi chùa gắn với sự phát triển từng giai đoạn lịch sử; giới thiệu về chùa Một cột, chùa Phật Tích và chùa Trăm Gian, chùa Phổ Minh, chùa Thầy; tượng thờ trong chùa, cách bài trí tượng Phật, phong cách tượng thờ qua các thời kỳ. Trong phần vài nét sinh hoạt quanh ngôi chùa cũng phần nào cho thấy mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian. Nghiên cứu cho thấy sự kết hợp tín ngưỡng bản địa với kiến trúc chùa Việt do nhiều nguyên nhân khác nhau như chiến tranh, thiên tai, ý thức tôn tạo của các thế hệ sau.

Tác giả Nguyễn Đăng Duy (1999), “Phật giáo với văn hóa Việt Nam” phân tích: lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật ở các ngôi chùa sơ khai. Trên cơ sở đó, công trình đã cho thấy nét đặc thù của Phật giáo nước ta là sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian. Đồng thời, công trình còn cho thấy rất rõ vai trò của Phật giáo trong lịch sử Việt Nam.

Tác giả Trần Hồng Liên (2000), với bài viết “Tính phiếm thần trong Phật giáo Bắc Tông ở Nam Bộ” cho thấy Phật giáo Nam Bộ có những nét đặc thù hơn so với Bắc Bộ và Trung Bộ; nguồn gốc và nguyên nhân đưa đến tính phiếm thần trong Phật giáo Bắc Tông ở Việt Nam. Tính đa thần thể hiện phổ biến trong các chùa Nam Bộ đã được tác giả phân tích rất sâu. Qua đây, cho chúng ta cái nhìn khách quan về tính đa thần trong

điện thờ Phật, nó thể hiện ý nghĩa xã hội và tính nhân văn sâu sắc: tính thực tiễn, khoan dung, tư duy sáng tạo và hướng thiện. Bên cạnh đó, tác giả cũng cho thấy mặt hạn chế của tính phiếm thần trong Phật giáo. Đây là công trình có giá trị tham khảo và định hướng rất lớn cho luận án.

Tác giả Trần Lâm - Hồng Kiên (2001), “Một vài yếu tố mang tính triết học của kiến trúc cổ truyền Việt Nam” cho thấy tác động qua lại giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian thông qua kiến trúc của một số ngôi chùa Việt như tiền Phật - hậu Thánh/thần. Bản chất của kiến trúc tín ngưỡng này là vừa thờ Phật lại vừa thờ thần hoặc thánh, nghĩa là vừa có tính chất chùa vừa có tính chất đền. Với hai lớp công, một là tam quan chùa, một là nghi môn đền. Việc thờ cúng nào được coi là trọng tâm thì hầu như kiến trúc công tương ứng sẽ được đặt trước. Ở chùa Bối Khê hay chùa Láng, chùa Keo ở Nam Định, chùa Keo ở Thái Bình người ta thường cầu thánh nhiều hơn Phật, vì vậy ngũ môn hoặc nghi môn tứ trụ được đặt trước.

Tác giả Ngô Đức Thịnh (2001) với công trình “Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam” phân tích một số hình thức tín ngưỡng dân gian Việt Nam như: tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng Thành hoàng, đạo Mẫu, tục thờ Bà chúa Ngọc, tín ngưỡng Đức Thánh Trần, Chữ Đạo Tổ và tín ngưỡng nghề nghiệp; đồng thời, công trình còn cho thấy mối quan hệ giữa tôn giáo, tín ngưỡng với văn hóa nghệ thuật dân gian. Qua đây, tác giả cho thấy ảnh hưởng qua lại giữa tôn giáo, tín ngưỡng và văn hóa nghệ thuật dân gian được thể hiện như: tôn giáo là môi trường sản sinh, tích hợp và bảo tồn các sinh hoạt văn hóa nghệ thuật dân gian.

Tác giả Nguyễn Hồng Dương (2004), “Tôn giáo trong mối quan hệ văn hóa và phát triển cho thấy Phật giáo có những ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống của nhân dân ta. Điều này, thể hiện rõ nét trên các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, kiến trúc - điêu khắc,.... Tác giả phân tích những ví dụ cụ thể để minh chứng cho nhận định của mình như ảnh hưởng của Phật giáo trong câu chuyện cổ tích Tấm Cám thông qua hình ảnh ông Bụt. Kết thúc câu chuyện thể hiện quy luật nhân quả của Đạo Phật.

Tác giả Hà Văn Tấn (2005), “Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam” đề cập đến ảnh hưởng của tín ngưỡng dân gian đến Phật giáo trong những ngày đầu, phần lớn các ngôi chùa ban đầu chỉ là những thảo am bằng tre lá. Tiền thân của các ngôi chùa là những ngôi đền thờ các thần, về sau người ta đặt thêm điện thờ Phật vào. Tác giả Hà Văn Tấn đã khẳng định: “Không phải người ta đặt thêm các tượng Tứ pháp vào các ngôi chùa thờ

Phật, mà đặt bàn thờ Phật vào các đền thờ Tứ pháp, tức đền thờ các vị thần nông nghiệp đã có từ trước. Sau đó, đến lượt các nữ thần này được Phật hóa, trở thành các Phật Bà”.

Tác giả Nguyễn Thị Toan (2006) với luận án tiến sĩ “Quan niệm về giải thoát trong Phật giáo và ảnh hưởng của nó đối với đời sống người Việt Nam hiện nay”. Đứng trên góc nhìn của Triết học, luận án đã trình bày các nội dung cơ bản của nhân sinh quan Phật giáo, phân tích sâu về quan điểm giải thoát trong Phật giáo ở Việt Nam. Từ đó, luận án cho thấy ảnh hưởng của Phật giáo đến đời sống người dân hiện nay trên các lĩnh vực như: văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức. Đồng thời, tác giả đã đưa ra một số khuyến nghị tăng cường những ảnh hưởng tích cực và hạn chế những tiêu cực của Phật giáo đối với các lĩnh vực trên.

Tác giả Nguyễn Duy Hình (2007) “Một số bài viết về tôn giáo học” phân tích rất kỹ về hai đặc điểm Phật giáo Việt Nam. Hai đặc điểm là tính dân gian và tính thống nhất Phật giáo Việt Nam. Khi minh chứng tính dân gian của Phật giáo, bài viết đã phân tích hình ảnh ông Bụt trong truyện cổ tích dân gian. Hiện nay, những giá trị và biểu hiện của Nho giáo còn tồn tại ở một số chùa. Đồng thời, để giải thích tính thống nhất của Phật giáo Việt Nam, bài viết đã phân tích việc đồng nhất các con đường truyền đạo với hai hệ phái Phật giáo Bắc Tông và Nam Tông là chưa chính xác. Tác giả Nguyễn Duy Hình khẳng định ở nước ta không có sự khác biệt về tông phái Phật giáo rõ rệt như ở các nước khác. Mặc dù vậy, khi nghiên cứu, ứng xử với Phật giáo nước ta hiện nay cần nhận thức những vấn đề tương đồng và bất đồng trong phong trào Phật giáo vốn gắn bó lâu đời với dân tộc.

Tác giả Phạm Thị Thu Hương (2007), “Những ngôi chùa tiền Phật hậu Thánh ở vùng châu thổ Bắc Bộ” cho thấy sự kết hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian thông qua việc phân tích kiến trúc, bố cục mặt bằng tổng thể, những di vật của các ngôi chùa dạng tiền Phật hậu Thánh và các lớp văn hóa tích hợp trong thần tích của các vị Thánh, lễ hội và các phong tục liên quan,...Tác giả còn khẳng định tính chất đền trong dạng thức chùa tiền Phật hậu Thánh.

Tác giả Phan An (2008), “Người Việt Nam Bộ từ góc nhìn tôn giáo” đã minh chứng sự hỗn dung tôn giáo, trong đó có sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng bản địa thông qua việc phân tích các vấn đề: Nguyên nhân và vai trò của Ông đạo trong đời sống văn hóa tâm linh của người dân; việc đơn giản và thuận tiện trong tín ngưỡng, theo tác giả đó là những “tôn giáo xách tay” như cách bày trí bàn thờ Thiên, cúng Thành

hoàng, bàn thờ của Phật giáo Hòa Hảo; phân tích và giải thích nguyên nhân sự hòa đồng các tôn giáo ở Nam Bộ thể hiện qua các cơ sở thờ tự và hỗn dung các đối tượng thờ trong gia đình của nhân dân; phân tích tác động và ảnh hưởng của Nho giáo đối với người dân, trong thời gian qua, Nho giáo Nam Bộ tương đối xa rời Nho giáo cổ truyền và không hoàn toàn giống với phía Bắc; việc nhận diện người Việt Nam Bộ thông qua tín ngưỡng tôn giáo đã cho thấy tính cách, đời sống tâm linh, văn hóa người Nam Bộ có một số khác biệt so với nơi khác.

Tác giả Nguyễn Minh Ngọc (2008), “Dịch vụ Phật giáo: hoạt động mang tính dân gian và là cách thức để giải quyết nhu cầu tâm linh của tín đồ Phật giáo Việt Nam đương đại” trong sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt nam (Nghiên cứu trường hợp Hà Nội) đề cập đến mối quan hệ giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian ở Hà Nội hiện nay. Tác giả Nguyễn Minh Ngọc cho rằng, khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo bị ảnh hưởng bởi tín ngưỡng bản địa, trở thành Phật giáo dân gian mang tính bình dân, chú trọng hoạt động nghi lễ để giải quyết nhu cầu cuộc sống thực tại. Nghiên cứu cho thấy, tính dân gian của Phật giáo Việt Nam hiện nay, thể hiện rất rõ qua việc cung cấp những “Dịch vụ Phật giáo” cho người dân. Sự đáp ứng nhu cầu tâm linh bằng cách thức Phật giáo. Nhu cầu này được đáp ứng thông qua hệ thống các nghi lễ cầu cúng. Sự trao đổi diễn ra giữa tín đồ - người đưa ra các yêu cầu về nghi lễ và tăng ni - người thực hiện nghi lễ. Điểm nổi bật trong nghiên cứu này là tác giả đã cho thấy ảnh hưởng của tín ngưỡng dân gian đến Phật giáo dưới tác động của nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên tác giả chưa cho thấy tính nhân văn thông qua các nghi lễ Phật giáo.

Tác giả Dương Quang Điện (2010), luận văn thạc sĩ chuyên ngành tôn giáo học nghiên cứu “Ảnh hưởng của Phật giáo đến văn hóa dân gian Việt Nam”. Luận văn đã nghiên cứu ảnh hưởng của Phật giáo tới văn hóa dân gian ở nước ta trên các lĩnh vực: văn học dân gian, tín ngưỡng dân gian, lễ hội, âm nhạc, diễn xướng và sân khấu dân gian. Qua đó, cho thấy ảnh hưởng và vai trò của Phật giáo đối với đời sống nhân dân.

Tác giả Nguyễn Duy Hình và Lê Đức Hạnh (2011), “Phật giáo trong văn hóa Việt Nam” đề cập đến một số vấn đề sau: sự phát triển của Tịnh Độ cư sĩ ở một số tỉnh Nam Bộ; các công trình nghiên cứu về lời dạy hay giáo lý của Đức Phật còn ít ỏi dù trình độ tăng, ni ngày càng cao, thậm chí nhiều nhà tu có trình độ sau đại học; Các công trình chỉ tập trung nghiên cứu lịch sử Phật giáo và những nhà sư có học vị tiến sĩ nhưng chủ yếu chỉ lo việc nghi lễ. Hoạt động Phật giáo ảnh hưởng nhiều trong dân chúng là những pháp

sự tang tế phổ biến như: làm lễ cầu siêu, đưa di ảnh hoặc lọ tro cốt người thân đã qua đời lên chùa thờ.

Tác giả Ngô Văn Lệ (2012), “Khoa học xã hội và văn hóa tộc người hội nhập và phát triển” nghiên cứu những vấn đề trong khoa học xã hội, văn hóa tộc người. Trong đó, nghiên cứu có trình bày về một số đặc trưng tín ngưỡng tôn giáo của các cộng đồng cư dân Nam Bộ. Nghiên cứu đã cho thấy sự đa dạng trong tín ngưỡng, tôn giáo, tính đa thần, tính tương đồng trong khu vực, sự ra đời của tôn giáo bản địa và biến thể tôn giáo ở Nam Bộ, tính hỗn dung trong tín ngưỡng tôn giáo, tính cứu thế và nhập thế trong tín ngưỡng tôn giáo của người dân Nam Bộ. Tác giả đã phân tích sơ lược về tín ngưỡng dân gian tác động qua lại với Phật giáo Bắc Tông như tín đồ của Phật giáo Bắc Tông không chỉ tin vào Phật mà còn tin vào sự phù hộ của các vị thần thuộc tín ngưỡng dân gian. Không gian chùa Bắc Tông thờ đa dạng, bên cạnh thờ Phật còn có miếu thờ thổ thần và các vị khác.

Tác giả Bùi Quang Hùng (2014), nghiên cứu về “Mối quan hệ và sự ảnh hưởng qua lại giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ” cho thấy hai loại hình tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ và tín ngưỡng thờ Phật không có cùng chung nguồn gốc và không xuất hiện cùng giai đoạn nhưng trong quá trình lưu truyền có ảnh hưởng qua lại với nhau. Một số ngôi chùa có bàn thờ Mẫu Tam Phủ và trong các đền thờ Mẫu Tam Phủ có Thờ Phật. Tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ chịu ảnh hưởng của Phật giáo được thể hiện qua các truyền thuyết liên quan đến Mẫu Liễu Hạnh như cha mẹ của Mẫu Liễu Hạnh là người sùng đạo và Mẫu Liễu Hạnh quy y Phật giáo và là tín đồ của Phật giáo. Đồng thời, tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ trong quá trình lưu truyền cũng đã và đang ảnh hưởng đến Phật giáo, điển hình như trong không gian các ngôi chùa có bàn thờ Mẫu hoặc nhà thờ Mẫu riêng.

Tác giả Phan Thị Thu Hiền (2014), nghiên cứu “Sự hợp hôn của Phật giáo với Tín ngưỡng thờ Mẫu” (Qua truyền thuyết Man Nương của Việt Nam và Vu Ca Tanggeum Aegi của Korea) minh chứng sự dung hợp giữa Phật giáo và Tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt và người Hàn có những điểm tương đồng và dị biệt. Đó là câu chuyện về sự “hôn phối” đặc biệt của nhà tu hành và cô gái đồng trinh (Man Nương, Tanggeum Aegi) cho thấy Phật giáo có ảnh hưởng đến tín ngưỡng bản địa và ngược lại. Tuy nhiên, Phật Mẫu và các nữ thần ở Việt Nam chủ yếu được thờ ở các điện thờ Phật trong chùa, trong khi Bà Tam Thần và Tam Thần Đế Thích của Hàn Quốc thuộc về điện thờ thần,

được thờ trong các lễ Shanman giáo.

Tác giả Nguyễn Thị Lệ Hằng (2014), “Yếu tố tích hợp trong tín ngưỡng thờ mẫu của Người Việt tại miếu Hỏa Đức Tinh Quân ở Vĩnh Kim, Châu Thành, Tiền Giang” cho thấy sự tích hợp các đối tượng thờ cúng trong miếu như ngoài việc thờ Bà Hỏa, Bà Chúa Xứ, thờ thần Hoàng Bồn Cảnh, thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu, Tiền Hiền, Hậu Hiền Bà Thủy, miếu còn thờ Phật Bà Quan Thế Âm Bồ tát và các chư Phật khác. Điều này cho thấy sự dung hợp của tín ngưỡng dân gian và Phật giáo không chỉ thể hiện trong các ngôi chùa mà cả trong các ngôi miếu.

Tác giả Nguyễn Thị Hằng (2015), với luận văn thạc sĩ “Ảnh hưởng của Phật giáo đến lối sống của người Việt Nam hiện nay” phân tích những ảnh hưởng của Phật giáo trong cách thức lao động sản xuất và tổ chức cuộc sống; đến phong tục, tập quán như góp phần củng cố, duy trì các phong tục, tập quán của người Việt ảnh hưởng đến tập tục đi lễ chùa, cúng Rằm, mừng Một, đến nghi thức ma chay, cưới hỏi. Ngoài ra, Phật giáo còn ảnh hưởng phương thức ứng xử, triết lý sống của người Việt. Từ những phân tích trên, luận văn đã khuyến nghị các giải pháp để phát huy những ảnh hưởng tích cực của Phật giáo đến lối sống của người Việt Nam hiện nay.

Tác giả Võ Văn Dũng (2015), “Sự dung hợp của đạo đức Phật giáo với phong tục tập quán người Nam Bộ Việt Nam” khái quát về đạo đức Phật giáo, phong tục tập quán của nhân dân miền Nam. Bài viết cho thấy sự dung hợp của đạo đức Phật giáo với phong tục tập quán của người dân đã đáp ứng nhu cầu tâm linh, thờ người có công trong công cuộc khẩn hoang, thờ anh hùng dân tộc, thờ thần hộ mệnh. Cách nhìn về giải thoát của Phật giáo giao thoa với chủ nghĩa yêu nước và phong tục tập quán người dân. Tư tưởng bình đẳng của Phật giáo dung hợp với tính trọng nghĩa, tư tưởng từ bi của Phật giáo dung hợp với tinh thần nhân ái của người dân. Tác giả Võ Văn Dũng còn nhận xét: “Khi Phật giáo du nhập vào Nam Bộ bản thân nó ít nhiều đã bị ảnh hưởng bởi lối sống, văn hóa, phong tục tập quán của người dân nơi đây. Phật giáo đã in dấu ấn của mình vào phong tục tập quán Nam Bộ, nhưng bản thân nó cũng bị tác động bởi phong tục tập quán bản địa” (Võ Văn Dũng 2015, tr 471)

Tác giả Phạm Ngọc Hòa (2015), “Ảnh hưởng của Phật giáo vùng Mê Kông đến đời sống của cư dân người Việt vùng Đồng bằng Sông Cửu Long” đã khái quát 5 ảnh hưởng của Phật giáo vùng Mê Kông đến đời sống của cư dân người Việt vùng Đồng bằng Sông Cửu Long: Thứ nhất ảnh hưởng đến phong tục tập quán như tục lệ đến chùa

vào ngày ngày rằm, mừng một; thứ hai các ngày lễ cúng ở chùa, ở nhà trở thành tập quán của dân tộc; thứ ba tục ăn uống của cư dân như ăn chay; thứ tư tục bố thí, phóng sinh; thứ năm tục thờ cúng tổ tiên. Bài viết đã phân tích những tương thích của Phật giáo với tâm lý, hoàn cảnh sinh sống cũng như xã hội ở Vùng Nam Bộ đã dẫn đến những ảnh hưởng cơ bản của Phật giáo đến người dân nơi đây. Tuy nhiên, phần tác động ngược lại của văn hóa truyền thống Nam Bộ đến Phật giáo thì tác giả chưa đề cập đến.

Tác giả Nguyễn Thúy Thơm (2015), “Phật giáo và tín ngưỡng dân gian thời Trần” (Bài đăng trên Tạp chí Lý luận chính trị số 12-2015) đã chỉ ra ảnh hưởng hai chiều giữa tín ngưỡng dân gian và Phật giáo tại các làng xã thể hiện trong sinh hoạt tín ngưỡng của người dân. Chùa dung nạp tín ngưỡng thờ tổ tiên của người Việt. Những người không có con trai thờ cúng hoặc những người sống đơn độc,... chùa trở thành nơi thờ cúng họ vì vậy ở hầu hết các chùa đều có những bia hậu ghi lại tên tuổi những người đã khuất được gửi vào chùa. Các chùa thời Trần còn có tượng các nhà sư hay những người có công đóng góp xây dựng chùa. Người ta đến chùa không chỉ để lễ Phật mà cả cúng những người đã khuất. Tín ngưỡng thờ Thần, Thánh cũng có ở chùa qua sự hiện diện của các điện thờ Mẫu trong khuôn viên chùa theo kiểu “Tiền Phật hậu thần” hay “Tiền thần hậu Phật”.

Tác giả Đặng Minh Châu (2016), “Nghiên cứu mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam” biểu hiện qua các ngôi chùa ở vùng đồng bằng Bắc Bộ như chùa Dâu, chùa Keo, chùa Dạm, chùa Thầy, chùa Lý Quốc Sư và hệ thống chùa Tứ Pháp. Nghiên cứu đã cho thấy mối quan hệ, sự tác động của Phật giáo đến tín ngưỡng truyền thống và ngược lại trên các mặt: cách bài trí trong chùa, nghi lễ thờ cúng, không gian và nghệ thuật kiến trúc. Đồng thời nghiên cứu cũng cho thấy xu hướng biến đổi của mối quan hệ này qua các ngôi chùa ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. Từ đó nghiên cứu đã rút ra những nhận định trong mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng truyền thống như:

- Phật giáo tác động đến tín ngưỡng dân gian qua ngôi chùa, các bài trí thờ cúng trong ngôi chùa có dung hợp với tín ngưỡng truyền thống nhưng nhìn chung vẫn theo giáo lý nhà Phật; sự “hóa phật” của các thánh thần vào chùa; sự thay đổi của các nghi lễ thờ cúng trong dân gian theo Phật giáo.

- Sự tác động của tín ngưỡng dân gian Việt Nam đến Phật giáo đã làm thay đổi cách thức bài trí và nghi lễ thờ cúng trong chùa; truyền thuyết về các ngôi chùa cổ; thay đổi quan điểm trong các ngày lễ Phật giáo. Những giá trị văn hóa Phật giáo từ sự kết

hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian: khuyến khích đời sống tâm linh hướng thiện, lành mạnh; những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể to lớn, làm nên bản sắc văn hóa Việt Nam.

Luận án Tiến sĩ của tác giả Phan Nhật Huân (2016), “Ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo đối với văn hoá Việt Nam thời Lý - Trần và bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa Phật giáo trong giai đoạn hiện nay” cho thấy Phật giáo du nhập vào nước ta rất sớm và phát triển cực thịnh ở thời kỳ Lý - Trần, văn hóa Phật giáo có ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt của văn hóa Việt Nam thời kỳ này. Trong đó, phong tục, tập quán, tín ngưỡng và lối sống, dưới thời Lý - Trần, với sự phát triển hưng thịnh của Phật giáo đã ảnh hưởng và làm “biến dạng” hệ thống tín ngưỡng của người Việt một cách sâu sắc. Phong tục quen thuộc nhất của người Việt dưới thời Lý - Trần là thờ cúng tổ tiên. Loại hình tín ngưỡng này cũng chịu sự ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo. Ngoài ra, trong các hội làng, hội chùa có phong tục tập quán thả chim cũng là một nghi lễ “phóng sinh” thể hiện tinh thần từ bi hỉ xả của nhà Phật. Nơi thờ tự của các thần linh thời Lý - Trần có khi được thờ trong đền miếu, cũng có khi được thờ trong chùa theo kiểu “Tiền Phật hậu thần” hay “Tiền thần hậu Phật”.

Ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo với văn hoá nước ta còn được thể hiện ra trên lĩnh vực kiến trúc, hội họa, điêu khắc, và nó biểu hiện thông qua việc tạo dựng những nơi thờ tự như đình, chùa, miếu điện, tượng Phật. Ảnh hưởng của văn hóa kiến trúc Phật giáo từ Ấn Độ và Trung Quốc vào Việt Nam rồi dung hợp với tín ngưỡng của người Việt tạo thành một nét văn hóa vật thể đặc sắc riêng của Việt Nam.

Tác giả Phan Nhật Trinh (2016), “Sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt hiện nay” đã phân tích những biểu hiện của sự dung hợp Phật giáo với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt từ năm 1986 đến nay trên một số lĩnh vực: đời sống văn hóa tín ngưỡng; nghi lễ thờ cúng, biểu hiện trong thực hành tín ngưỡng. Đồng thời tác giả cho thấy xu hướng phát triển của sự dung hợp này trong những năm tới, một số kiến nghị và giải pháp nhằm phát huy giá trị văn hóa dân tộc trong quá trình dung hợp Phật giáo với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên.

*** Nhận xét, đánh giá chung**

Những công trình trên là nguồn tài liệu quý giá, chúng tôi tiếp tục nghiên cứu, vận dụng trong luận án của mình. Trên cơ sở phân tích những công trình nghiên cứu liên

quan đến luận án ở các khía cạnh và góc nhìn khác nhau, chúng tôi có những nhận xét đánh giá sau đây.

Thứ nhất, liên quan đến nghiên cứu về Phật giáo phần lớn các công trình tập trung phân tích lịch sử hình thành, phát triển, những nội dung cơ bản giáo lý, quá trình du nhập cũng như vai trò, đặc điểm và ảnh hưởng của Phật giáo đối với đời sống của con người trên các lĩnh vực giáo dục, kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa. Phật giáo ra đời ở Ấn Độ khoảng 2500 trước đây và du nhập vào nước ta vào đầu Công nguyên. Khi Phật giáo truyền vào Việt Nam đã bị bản địa hóa, hòa quyện với văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của người Việt, tạo nên những đặc trưng như tính dung hợp, tính hài hòa âm dương, tính linh hoạt. Chính những nét riêng này làm Phật giáo Việt Nam có vai trò to lớn trong nền văn hóa của nước ta.

Thứ hai, những công trình nghiên cứu về tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam tập trung phân tích về quan điểm tín ngưỡng dân gian, cơ sở hình thành, đặc điểm cũng như sự phong phú và đa dạng của các loại hình tín ngưỡng dân gian, ý nghĩa và vai trò to lớn của chúng trong đời sống tâm linh người dân.

Thứ ba, nghiên cứu liên quan đến sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian. Thông qua việc tổng quan những công trình nghiên cứu liên quan đến luận án cho thấy đa số các công trình đều thừa nhận có sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Phần lớn những nghiên cứu đề cập một cách chung chung đến sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian trong lịch sử, hoặc tập trung vào cho thấy ảnh hưởng của Phật giáo đến đời sống văn hóa của người dân.

Thời gian gần đây, đã có một số luận án nghiên cứu sự dung hợp, về sự dung hợp của Phật giáo đến một tín ngưỡng dân gian cụ thể như tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Mẫu ở vùng Bắc Bộ. Nhìn chung, các công trình chủ yếu phân tích sự dung hợp giữa Phật giáo đến một tín ngưỡng dân gian ở vùng Bắc Bộ mà chưa có công trình nào nghiên cứu về sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian ở tỉnh Tiền Giang. Luận án sẽ góp phần nào bổ sung vào phần chưa đề cập nói trên.

Đồng thời, chúng tôi nhận thấy rằng lựa chọn nghiên cứu “*Sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian ở tỉnh Tiền Giang*” là phù hợp có ý nghĩa về mặt khoa học và thực tiễn. Trên cơ sở kế thừa, vận dụng những công trình nghiên cứu đi trước, chúng tôi mong muốn làm sáng tỏ những vấn đề sau:

- Về mặt lý luận

Dựa vào công trình của các nhà khoa học nghiên cứu về văn hóa, Phật giáo và tín ngưỡng của các tác giả như Durkheim, Wschmidt, C.Mác, Ph.Ăngghen, Nguyễn Phương Thảo, Phan An, Nguyễn Đăng Duy, Đặng Nghiêm Vạn, Ngô Đức Thịnh, Trần Quốc Vượng,... đã được phân tích trên phần tổng quan, chúng tôi đưa ra các khái niệm công cụ về tín ngưỡng, tín ngưỡng dân gian, sự dung hợp làm cơ sở thực hiện luận án của mình.

- Về nội dung

Thứ nhất, chúng tôi vận dụng các nghiên cứu về Phật giáo, lịch sử Phật giáo của các tác giả Lê Mạnh Thát, Nguyễn Lang, Nguyễn Tài Thư, Trần Hồng Liên, Thích Huệ Thông, Thích Huệ Minh, Hoàng Văn Việt... làm rõ quá trình du nhập, phát triển và các đặc điểm đặc trưng của Phật giáo ở Nam Bộ nói chung, Tiền Giang nói riêng.

Thứ hai, chúng tôi vận dụng các tác phẩm về tín ngưỡng dân gian người Việt ở Nam Bộ của các tác giả như: Nguyễn Đăng Duy, Đặng Nghiêm Vạn, Ngô Đức Thịnh, Trần Quốc Vượng, Hồ Đức Thọ, Nguyễn Khai Đăng, Huỳnh Quốc Thắng, Nguyễn Hữu Hiếu, Nguyễn Phúc Nghiệp,... để phân tích cơ sở hình thành, đặc điểm và phân loại tín ngưỡng dân gian Tiền Giang.

Thứ ba, chúng tôi vận dụng các công trình nghiên cứu về vùng đất Tiền Giang nhằm viết phần khái quát địa bàn nghiên cứu và cơ sở của sự dung hợp, đặc điểm sinh hoạt của cộng đồng dân cư ở chương 2 của luận án.

Thứ tư, chúng tôi vận dụng kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học trên các lĩnh vực văn hóa, tôn giáo đã được trình bày trong phần tổng quan như là: Phan An, Trần Quốc Vượng, Trần Ngọc Thêm, Hà Văn Tấn và Phan Nhật Trinh, Phan Nhật Huân, Thích Đồng Bồn, Trần Hồng Liên, Nguyễn Thị Toan, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Minh Ngọc, Nguyễn Hồng Dương,... về sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian của người Việt. Điều này có giá trị đối với luận án, bởi khi hiểu rõ hơn sự dung hợp này ở các vùng miền khác nhau trong quá khứ, chúng tôi sẽ có cơ sở để nghiên cứu, so sánh về sự dung hợp văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian ở tỉnh Tiền Giang trong giai đoạn hiện nay.

1.2 CƠ SỞ LÝ THUYẾT NGHIÊN CỨU

- Lý thuyết về giao lưu, tiếp biến văn hóa:

Cuối thế kỷ XIX, các nhà nhân học như Anglo – Saxon cho rằng giao lưu, tiếp biến văn hóa là sự tiếp xúc trực tiếp, trong một thời gian dài giữa các nền văn hóa khác nhau.

Điều này dẫn đến sự thay đổi hoặc biến đổi của một số loại hình văn hóa hoặc các nền văn hóa đó. Bên cạnh đó, giao lưu tiếp biến văn hóa đối với các nhà nhân học Mỹ, là quá trình một nền văn hóa thích nghi, ảnh hưởng của một nền văn hóa khác bằng cách vay mượn nhiều nét đặc trưng từ nền văn hóa ấy. Giao lưu giữa các nền văn hóa là quá trình trao đổi văn hóa ít nhất giữa hai nền văn hóa nhằm đáp ứng một số nhu cầu như giới thiệu những hoạt động văn hóa và trao đổi những sản phẩm văn hóa của mình. Đồng thời, giao lưu văn hóa giúp tăng sự hiểu biết lẫn nhau giữa các nền văn hóa, từ đó làm nảy sinh nhu cầu tiếp biến những giá trị văn hóa mới dẫn đến sự phát triển của mỗi nền văn hóa. Trong quá trình giao lưu, tiếp biến những thành tố của các nền văn hóa có thể bị biến đổi, tuy nhiên mỗi nền văn hóa vẫn giữ tính đặc trưng riêng. Quá trình giao lưu tiếp biến Phật giáo ở nước ta diễn ra một cách tự nguyện, bằng con đường hòa bình. Phật giáo du nhập vào Tiền Giang thích nghi, chịu ảnh hưởng của văn hóa bản địa và người dân Tiền Giang tiếp thu những thông tin mới từ Phật giáo. Xử lý những thông tin này, giúp cho cư dân Tiền Giang có được tri thức mới góp phần làm phong phú hơn nền văn hóa ở tỉnh Tiền Giang (Alan Barnard, 2014, (Dương Tuấn Anh, Đỗ Thị Thu Hà dịch)

- Lý thuyết về vùng văn hóa:

Nửa đầu thế kỷ XX, các nhà nhân chủng học người Mỹ mà điển hình là F. Boas, O.T.Mason, CL. Wisler, A.L.Kroeber đã cho ra đời thuyết vùng văn hóa. Lý thuyết này cho rằng văn hóa của từng tộc người được hình thành và phát triển gắn liền với môi trường xã hội và điều kiện lịch sử cụ thể (Ngô Đức Thịnh, 2019, tr. 38 - 39). Điển hình trong nghiên cứu sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông và tín ngưỡng dân gian ở tỉnh Tiền Giang diễn ra như thế nào qua sự ra đời của các ngôi chùa, đối tượng thờ cúng, nghi lễ thờ cúng, không gian và nghệ thuật kiến trúc, thực hành tín ngưỡng. Nghiên cứu chỉ ra được tính đặc thù của sự dung hợp này do quá trình lịch sử, địa văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội quy định. Sự ra đời của những ngôi chùa Mục Đồng hoặc các ngôi chùa cổ như Bửu Lâm, Vĩnh Tràng, Bửu Hưng, Sắc Tứ Linh Thứu, Thiên Phước,... và tính uyển chuyển, linh động, cởi mở, phóng khoáng, dễ dung nạp của người dân Tiền Giang.

- Lý thuyết cấu trúc chức năng:

Lý thuyết cấu trúc chức năng đề cập đến thiết chế xã hội tồn tại và phát triển là nhờ chức năng của các thiết chế này. Học giả Emile Durkheim là người đầu tiên đưa ra

khái niệm chức năng một cách có hệ thống và áp dụng vào nghiên cứu khoa học một cách chặt chẽ đối với đời sống xã hội. Ông cho rằng sự tồn tại của tôn giáo trong xã hội có chức năng góp phần duy trì sự thống nhất của đạo đức trong xã hội. Nối tiếp quan điểm về chức năng luận, một số nhà nhân chủng học người Anh mà điển hình là Bronislaw Malinowski (1884 -142) và Radcliff Brown (1881- 1955) đã nhấn mạnh tầm quan trọng của phân tích thiết chế và đưa ra khung phân tích thiết chế. Các nhà khoa học cho rằng xã hội chính là cách thức tổ chức các thành phần trong đó từng thành phần, từng bộ phận đều có chức năng riêng, cụ thể nhằm duy trì sự tồn tại của hệ thống xã hội tổng thể. Cách tiếp cận cấu trúc chức năng văn hóa lý giải về sự tồn tại và phối hợp của các thiết chế, thành phần văn hóa kết hợp qua thời gian nhằm phục vụ nhu cầu của con người (Mai Văn Hai, Mai Kiệm, 2012).

Trong nghiên cứu này, chúng tôi cho rằng sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian ở tỉnh Tiền Giang có những chức năng nhất định trong đời sống xã hội của chúng ta, sự dung hợp này góp phần cố kết cộng đồng, làm cho những người có cùng niềm tin vào Phật giáo và tín ngưỡng dân gian gắn bó với nhau, gần gũi nhau hơn. Đồng thời, đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân dân tỉnh tiền Giang là tin tưởng vào sự thiêng liêng của Phật và các loại hình tín ngưỡng dân gian. Phật giáo và tín ngưỡng dân gian còn góp phần điều chỉnh hành vi, hình thành nhân cách đạo đức, lối sống của một bộ phận nhân dân. Bên cạnh đó, sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian làm phong phú thêm sinh hoạt văn hóa ở tỉnh Tiền Giang.

- Lý thuyết biến đổi văn hóa:

Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 các nhà nghiên cứu nhân học và xã hội học trong quá trình nghiên cứu về biến đổi xã hội đã đưa ra lý thuyết biến đổi văn hóa. Một số nhà nghiên cứu Andrew Vayda, Roy Rappaport, Leslie White tìm ra thuyết sinh thái văn hóa, giải thích về sự thích ứng và tiến hóa, mối quan hệ giữa môi trường tự nhiên với các nền văn hóa. Văn hóa của các cộng đồng cư dân, tộc người sẽ có những biến đổi trong quá trình thích nghi với môi trường tự nhiên, môi trường sinh thái cụ thể vì vậy mỗi vùng miền có những đặc điểm văn hóa riêng. Các tác giả đã cho thấy mối quan hệ mật thiết giữa môi trường tự nhiên và văn hóa. Trong đó, môi trường tự nhiên có những ảnh hưởng lớn mang tính quyết định đến việc hình thành văn hóa của các cộng đồng cư dân khác nhau (Hoàng Cẩm, Phạm Quỳnh Phương, 2012, tr. 24)

Ngoài ra, theo các nhà nghiên cứu Redifield, Linton, Herskovids cho rằng các nhóm cộng đồng cư dân có nền văn hóa khác nhau trong quá trình giao lưu, tiếp xúc sẽ dẫn đến việc dung hợp các yếu tố văn hóa và làm biến đổi các yếu tố văn hóa vốn có ban đầu của nhau (Trần Văn Bình, 2015, tr.27)

Tác giả Elliot Smitt khi nghiên cứu về thuyết khuếch tán văn hóa cho thấy nguyên nhân chính dẫn đến sự biến đổi văn hóa là do sự vay mượn hoặc khuếch tán các thành tố văn hóa, các đặc trưng từ các nền văn hóa với nhau (Hoàng Cẩm, Phạm Quỳnh Phương, 2012, tr. 22)

Tỉnh Tiền Giang, nơi có lịch sử khai phá khá sớm ở Nam Bộ, nơi tiếp nhận nhiều đợt di dân của người Việt từ miền Trung, miền Bắc và cả những người Hoa đến đây lập nghiệp. Những người dân nơi đây đã trải qua hơn 300 năm cư trú và gắn bó với vùng đất này, trải qua những biến đổi từ một vùng đất hoang sơ trở thành vùng trù phú, qua những biến cố thăng trầm của lịch sử. Đến nay, bên cạnh những truyền thống văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo vẫn được duy trì và phát huy thì trong quá trình thích ứng với môi trường sinh thái – sông nước và giao lưu, chung sống với người Hoa đã phần nào làm biến đổi văn hóa, trong đó có tín ngưỡng dân gian và Phật giáo của cộng đồng cư dân nơi đây.

1.3 MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

Việc sử dụng khái niệm một cách chính xác có ý nghĩa quan trọng. Trong nghiên cứu này, chúng tôi trình bày một số khái niệm xem đó là quy chuẩn. Các khái niệm sử dụng dưới đây không phải là khái niệm mới mà trên cơ sở của những nghiên cứu trước chúng tôi vận dụng và đưa ra khái niệm phù hợp với đối tượng nghiên cứu của luận án.

1.3.1 Tín ngưỡng

Tùy vào từng cách tiếp cận, có rất nhiều quan điểm khác nhau của các nhà khoa học về tín ngưỡng.

Trong tiếng Anh, thuật ngữ tín ngưỡng hay niềm tin (belief/believe) là tự do về ý thức hay tự do về niềm tin tôn giáo. Khi hiểu theo nghĩa tự do về ý thức thì tín ngưỡng bao hàm cả tôn giáo, nếu hiểu theo nghĩa tự do về niềm tin tôn giáo thì tín ngưỡng là một bộ phận của tôn giáo.

Theo quan điểm của các nhà xã hội học, điển hình như Durkheim cho rằng, tín ngưỡng là những trạng thái tư tưởng nằm ở các biểu tượng và được thể hiện thông qua các nghi lễ thờ cúng: “*Trên cơ sở của tất cả các hệ thống tín ngưỡng và các hình thức*

thờ cúng đó, nhất thiết phải có một số biểu trưng cơ bản và các thái độ mang tính nghi lễ, bất chấp sự đa dạng về hình thức khoác lên chúng ở đâu, chúng cũng đều có cùng một ý nghĩa khách quan như nhau và cùng thực hiện những chức năng như nhau” (Hội khoa học lịch sử Việt Nam, 2006)

Đối với các nhà dân tộc học, Wschmidt quan điểm tín ngưỡng là: *“Hình thức tôn giáo nguyên sơ - tiền tôn giáo, là niềm tin vào một vị Chúa vĩ đại và vĩnh hằng, nhân từ và sáng tạo đang ngự trị trên trời. Tín ngưỡng là hiện tượng phổ biến có ở giai đoạn khởi đầu của mọi dân tộc”* (Viện Thông tin Khoa học xã hội, 1997, tr. 30)

Hiện tại, thuật ngữ tín ngưỡng ở nước ta cũng có nhiều quan điểm khác nhau:

Theo từ điển Tiếng Việt: *“Tín ngưỡng là tin theo một tôn giáo nào đó”* (Viện ngôn ngữ học, 1997, tr. 960)

Theo từ điển tín ngưỡng tôn giáo thì tín ngưỡng được hiểu: *“Tín ngưỡng là lòng tin và sự ngưỡng mộ, ngưỡng vọng vào một lực lượng siêu nhiên, thần bí; lực lượng siêu nhiên đó có thể mang hình thức biểu tượng là “Trời”, “Phật”, “Chúa”, “Thánh”, “Thần”, hay một sức mạnh hư ảo, huyền bí, vô hình nào đó tác động đến đời sống tâm linh của người ta, được con người tin là có thật và tôn thờ”* (Mai Thanh Hải 2006, tr. 634-635).

Theo từ điển Hán - Việt, tác giả Đào Duy Anh cho rằng: *“Tín ngưỡng là lòng ngưỡng mộ mê tín đối với một tôn giáo hay một chủ nghĩa”* (Đào Duy Anh, 1996, tr.238).

Từ điển tiếng Việt do Văn Tân chủ biên, thì: *“Tín ngưỡng là tin tưởng vào một tôn giáo: Tự do tín ngưỡng”* (Văn Tân, 1991, tr. 1209).

Theo luật tín ngưỡng, tôn giáo: *“Tín ngưỡng là niềm tin của con người được thể hiện thông qua những lễ nghi gắn liền với phong tục, tập quán truyền thống để mang lại sự bình an về tinh thần cho cá nhân và cộng đồng”* (Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016, tr.1).

Theo Nguyễn Đăng Duy trong tác phẩm Văn hóa Việt Nam đỉnh cao Đại Việt đã viết: *“Tín ngưỡng là niềm tin và sự ngưỡng mộ của con người vào lực lượng siêu nhiên, thần bí hoặc do con người tưởng tượng ra những vị thần linh đến mức họ cho rằng lực lượng ấy có ảnh hưởng, chi phối đời sống, số phận của con người và gây thành một nếp sống xã hội theo niềm tin thiêng liêng ấy”* (Nguyễn Đăng Duy, 2002, tr.351).

Tác giả Đặng Nghiêm Vạn cho rằng thuật ngữ tín ngưỡng có thể được hiểu hai nghĩa:

“Khi nói về tự do tín ngưỡng chúng ta có thể hiểu đó là tự do về ý thức hay tự do về tín ngưỡng tôn giáo, nếu hiểu tín ngưỡng là ý thức thì tín ngưỡng

bao trùm trên tôn giáo, là một bộ phận chủ yếu nhất cấu thành tôn giáo, không có tín ngưỡng sẽ không có tôn giáo. Trong chỉ thị của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo ở nước ta cụm từ “tín ngưỡng tôn giáo” không phân biệt hai phạm trù tín ngưỡng và tôn giáo” (Đặng Nghiêm Vạn, 2001, tr.67).

Theo tác giả Ngô Đức Thịnh:

“Tín ngưỡng được hiểu là niềm tin của con người vào cái gì đó thiêng liêng, cao cả, siêu nhiên hay nói gọn lại là niềm tin ngưỡng vọng vào cái “thiêng liêng”, đối lập với cái trần tục hiện hữu mà ta có thể sờ mó, quan sát được. Có nhiều loại niềm tin nhưng ở đây là niềm tin của tín ngưỡng niềm tin vào cái thiêng liêng. Do vậy niềm tin vào cái thiêng liêng thuộc về bản chất con người, nó là nhân tố cơ bản tạo nên đời sống tâm linh của con người, cũng giống như đời sống vật chất, đời sống xã hội tinh thần, tư tưởng, đời sống tình cảm” (Ngô Đức Thịnh, 2001, tr.16).

Tác giả Trần Ngọc Thêm cho rằng:

“Tổ chức đời sống cá nhân là bộ phận thứ hai trong văn hóa tổ chức cộng đồng. Đời sống mỗi cá nhân trong cộng đồng được tổ chức theo những tập tục được lan truyền từ đời này sang đời khác (phong tục). Khi đời sống và trình độ hiểu biết còn thấp, họ tin tưởng và ngưỡng mộ vào những thần thánh do họ tưởng tượng ra (tín ngưỡng). Tín ngưỡng cũng là một hình thức tổ chức đời sống cá nhân rất quan trọng. Từ tự phát lên tự giác theo con đường quy phạm hóa thành giáo lý, giáo chủ, thánh đường,... tín ngưỡng trở thành tôn giáo. Ở xã hội Việt Nam cổ truyền, các tín ngưỡng dân gian chưa chuyển được thành tôn giáo theo đúng nghĩa của nó – mới có những mầm mống của những tôn giáo như thế - đó là đạo Ông Bà, đạo Mẫu. Phải đợi khi các tôn giáo thế giới như Phật, Kitô giáo,... đã được du nhập và đến thời điểm giao lưu với phương Tây, các tôn giáo dân tộc như: Cao Đài, Hòa Hảo mới xuất hiện” (Trần Ngọc Thêm, 1998, tr .262).

Phan Hữu Dật thì cho rằng: *“Tín ngưỡng là một bộ phận cấu thành của văn hóa dân gian” (Phan Hữu Dật, 1999, tr. 328).*

Ngoài ra, có quan điểm cho rằng: *“Tín ngưỡng đồng nghĩa với tâm linh (niềm tin thiêng liêng) cũng có nghĩa tâm linh không phải là tôn giáo, tâm linh chỉ là khả năng dẫn tới tôn giáo” (Trương Thìn , 2005, tr. 97).*

Trong nghiên cứu này, chúng tôi trình bày khái niệm tín ngưỡng phản ánh niềm tin của con người vào lực lượng siêu nhiên, thần thánh, một đối tượng mà con người cho là thiêng liêng. Tín ngưỡng phát sinh ngay từ thuở bình minh của nhân loại. Tín ngưỡng được coi là hiện tượng của đời sống tinh thần xã hội và bao gồm nhiều dạng thức được nảy sinh, tồn tại và phát triển suốt chiều dài lịch sử nhân loại.

1.3.2 Tín ngưỡng dân gian

Theo nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Patrick B Mullen cho rằng: *“Tín ngưỡng dân gian là một thể loại lớn lao bao gồm sự biểu cảm và cách ứng xử mà người ta gọi là mê tín, tín ngưỡng bình dân, làm phép, các hiện tượng siêu nhiên, các lời khấn cầu, tụng niệm, người hay vật mang đồ rủi, những điều tốt hay điều xấu, các chuyện yêu ma và điều cấm kỵ”* (Ngô Đức Thịnh, Frank Prosc, 2015, tr.273).

Từ điển Anh - Việt của Trường Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội thì cụm từ *“folk beliefs”* được dịch sang tiếng Việt là *“các tín ngưỡng cổ truyền”*.

Tác giả Đặng Minh Châu trong luận án tiến sĩ cho rằng:

“Tín ngưỡng dân gian Việt Nam là niềm tin, sự tôn sùng, ngưỡng mộ với các đối tượng thiêng có tác động, chi phối đời sống sinh hoạt người Việt Nam. Tín ngưỡng này ra đời và phát triển cùng với đời sống con người từ thuở sơ khai và biến đổi theo mỗi một trình độ phát triển khác nhau của đời sống xã hội, tâm linh” (Đặng Minh Châu, 2016, tr. 94).

Theo tác giả Nguyễn Đức Lữ:

“Tín ngưỡng dân gian có thể và cần được xem là một yếu tố, một bộ phận văn hóa dân gian. Từ quan niệm đó, nếu văn hóa dân gian (folklore) được hiểu là loại hình văn hóa ra đời nhờ sự sáng tạo của chính nhân dân, thì tín ngưỡng dân gian cũng có thể xem là loại hình tín ngưỡng tôn giáo do chính nhân dân - trước hết là những người lao động - sáng tạo ra trên cơ sở những tri thức phản ánh sai lạc dưới dạng kinh nghiệm cảm tính từ cuộc sống thường nhật của bản thân mình” (Nguyễn Đức Lữ, 2005, tr.8).

Trên cơ sở của những nghiên cứu trước về tín ngưỡng dân gian, trong luận án này, chúng tôi thống nhất rằng tín ngưỡng dân gian là cách thức thể hiện niềm tin của đông đảo quần chúng nhân dân vào các đối tượng mà họ cho là linh thiêng và được truyền từ đời này qua đời khác với mong ước cầu mong cho cuộc sống thực tại được tốt đẹp.

1.3.3 Phật giáo

Theo từ điển Phật học của Ban biên tập Đạo Uyển thì: Phật giáo là một tôn giáo lớn trên thế giới. Phật giáo do Thái Tử Tất Đạt Đa hiệu Phật Thích-ca Mâu-ni sáng lập khoảng thế kỷ thứ V trước Công nguyên. Ngài là người đầu tiên giảng về Tứ diệu đế, đây là giáo lý căn bản của đạo Phật, là những điều mà Thái Tử Tất Đạt Đa đã giác ngộ lúc đạt đạo. Đây là những chân lý trả lời cho câu hỏi của xã hội phân chia theo chế độ đẳng cấp, bất bình đẳng ở Ấn Độ thời đó: *“Tại sao con người cứ bị trôi buộc trong luân hồi và liệu con người có thoát khỏi nó chăng. Đức Phật xem cuộc đời là vô thường, vô ngã và vì vậy mà con người phải chịu Khổ”* (Đạo Uyển, 2001, tr. 353).

Tác giả Phan Thị Kim, trong luận án tiến sĩ “Sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu ở thành phố Hải Phòng” cho rằng:

“Phật giáo là một đạo giác ngộ và giải thoát. Phật giáo là một tôn giáo hướng cho con người tới một cuộc sống tốt đẹp nhất, cao cả nhất, thúc đẩy con người tự hoàn thiện mình bằng một nỗ lực đạo đức không ngừng, vượt lên những nhu cầu vật chất tầm thường của cuộc sống, để đạt được sự an lạc và giải thoát” (Phan Thị Kim, 2016, tr. 27).

Theo tác giả Đặng Minh Châu:

“Thực chất của đạo Phật là học thuyết về nỗi khổ và sự giải thoát. Phật chỉ rõ sự thật và nguyên nhân khổ đau của con người, chỉ dạy con đường để có thể giải thoát, chấm dứt sự khổ đau. Vì thế, toàn bộ triết lý của đạo Phật đặt trên hai trụ cột là “Tứ diệu đế” và “Bát chính đạo”. Tác giả cũng cho rằng “đạo Phật là đạo giác ngộ, không phải khởi nguyên bằng suy tưởng mà bằng sức sống chân thật của mình. Nhìn chung, các lý thuyết về Phật giáo đều nói về thế giới và con người” (Đặng Minh Châu, 2016, tr.41).

Chúng ta thấy rằng Phật giáo là một tôn giáo lớn ra đời trong điều kiện xã hội Ấn Độ có sự phân chia đẳng cấp dẫn đến cuộc sống vô cùng khó khăn của người dân nơi đây. Thái Tử Tất Đạt Đa là người sáng lập ra đạo Phật. Tư tưởng cơ bản và chủ đạo của đạo Phật thể hiện qua giáo lý của Phật giáo đó là Lý Nhân duyên và Tứ Diệu đế. Phật giáo cho rằng tất cả các sự vật đều có quá trình hình thành, tồn tại và phát triển đến một giai đoạn rồi suy tàn và mất đi. Đồng thời, nội dung cơ bản của giáo lý Phật giáo còn cho thấy các nỗi khổ của con người, nguyên nhân dẫn đến nỗi khổ, hướng dẫn cách thức, phương pháp để thực hành, diệt trừ nguyên nhân dẫn đến nỗi khổ.

1.3.4 Phật giáo Bắc Tông

Có rất nhiều quan điểm khác nhau lý giải về hệ phái Phật giáo, theo tác giả Đặng Minh Châu trong luận án tiến sĩ về *“Mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam (qua nghiên cứu một số ngôi chùa tiêu biểu của Phật giáo Bắc Tông)”* có đoạn cho rằng:

“Sau khi đức Phật nhập niết bàn, do sự bất đồng ý kiến trong việc giải thích kinh điển và thực hành giới luật, các đệ tử của đức Phật chia làm 2 phái: Một là, phái gồm các vị trưởng lão, gọi là Thượng tọa bộ theo xu hướng bảo thủ, chủ trương bám sát kinh điển, giữ nghiêm giáo luật, Phật tử phải tự giác ngộ bản thân mình, chỉ thờ Phật Thích Ca và chỉ tu đến bậc La - hán. Hai là, số tăng chúng còn lại lập ra Đại chúng bộ, chủ trương không cố chấp theo kinh điển, khoan dung, đại lượng trong thực hiện giáo luật, thu nạp tất cả những ai muốn giác ngộ, quy y, giải thoát cho nhiều người. Phái Đại thừa phát triển lên phía Bắc nên gọi là Bắc truyền (Bắc Tông), phái Tiểu thừa phát triển xuống phía Nam nên gọi là Nam truyền (Nam Tông)” (Đặng Minh Châu, 2016, tr. 41).

Cùng quan điểm này, Tác giả Thu Huyền – Ái Phương trong công trình *“Tìm hiểu tín ngưỡng tôn giáo, phong tục tập quán và lễ hội tôn giáo Việt Nam”* đã giải thích cho sự phân chia hệ phái Phật giáo có từ khi Đức Phật nhập niết bàn hơn 100 năm, trong lần kết tập kinh điển thứ hai tổ chức tại thành Tỳ Xá Ly để giải thích về kinh điển, thực hành giới luật và tranh luận về các điều luật mới. Một số Tỳ kheo trẻ đưa ra và cho rằng 10 điều luật mới là hợp chính pháp, còn các Tỳ kheo lớn tuổi không chấp nhận. Cuộc tranh luận đã dẫn đến tách các đệ tử của Đức Phật thành 2 phái đoàn riêng. Một định hướng hành đạo với tinh thần “Khế lý - khế cơ”, phù hợp với hoàn cảnh từng thời kỳ, từng vùng, từng miền. Những người theo quan điểm này chiếm số phần lớn nên gọi là phái Đại chúng bộ. Những vị còn lại với mong muốn giữ nguyên giới luật gọi là phái Thượng tọa bộ.

Phái Thượng tọa bộ được truyền sang phía Nam qua Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia nên gọi là hệ phái Nam Tông. Phái Đại chúng bộ với chủ trương linh hoạt, khoan dung trong giới luật, không quá lệ thuộc, không dựa vào từng câu từng chữ trong kinh, thực hành giới luật với tinh thần nhập thế. Phái này truyền sang Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản được gọi là hệ phái Phật giáo Bắc Tông.

Trong luận án này chúng tôi kế thừa quan điểm của các tác giả trên về việc giải thích nguồn gốc của hệ phái Phật giáo. Bắc Tông hay Bắc truyền là hệ phái Phật giáo xuất phát từ miền Bắc Ấn Độ, truyền và phổ biến ở các nước Trung Quốc, Việt Nam, Hàn Quốc, Triều Tiên và Nhật Bản,... Phật giáo Bắc Tông giữ căn bản Phật giáo là giới, định, tuệ, thực hiện giới luật một cách linh hoạt tùy theo hoàn cảnh của chúng sinh với tinh thần nhập thế. Ban đầu, kinh sách được viết bằng chữ Bắc Phạn, sau đó dịch ra chữ Trung Quốc. Người xuất gia tu học có tăng và ni, lấy Thiền tông làm căn bản nhưng cũng có nơi theo Tịnh độ tông và kết hợp với Mật tông. Trong chùa Phật giáo Bắc Tông thờ Phật, Bồ tát. Ngoài ra, có chùa thờ thêm La hán và các vị thiện thần.

1.3.5 Sự dung hợp

Đại từ điển tiếng Việt: *“Sự dung hợp là dung hòa với nhau trong một thể thống nhất”* (Nguyễn Như Ý, 1999, tr. 554).

Từ điển tiếng Việt, định nghĩa: *“Sự dung hợp là hòa vào nhau để hợp thành một thể thống nhất”* (Từ điển tiếng Việt, 1996, tr. 427).

Theo tác giả Phan Nhật Trinh thì: *“Dung hợp văn hóa và dung hợp tín ngưỡng, tôn giáo là: Quá trình năng động trong đó một nền văn hóa (tín ngưỡng, tôn giáo) diễn tiến dưới ảnh hưởng của một văn hóa (tín ngưỡng, tôn giáo) khác: văn hóa (tín ngưỡng, tôn giáo) thống trị và chúng được hòa hợp trong một thể thống nhất để tồn tại, phát triển”* (Phan Nhật Trinh, 2016, tr. 25).

Tác giả Phan Thị Kim cho rằng: *“Sự dung hợp là quá trình hòa hợp, lựa chọn và đan xen, kết hợp những yếu tố trong cùng không gian”* (Phan Thị Kim, 2016, tr. 23).

Từ việc kế thừa các quan điểm của những tác giả đi trước, trong luận án này, chúng tôi cho rằng sự dung hợp là quá trình đan xen, cộng sinh, chấp nhận lẫn nhau và cùng tồn tại một cách hòa hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian trong không gian ngôi chùa.

1.4 KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH XÃ HỘI, TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG Ở TIỀN GIANG

1.4.1 Sơ nét lịch sử khai phá vùng đất Tiền Giang

Theo tác giả Nguyễn Phúc Nghiệp nghiên cứu về tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX cho thấy vào khoảng đầu Công nguyên, một số tộc người Indonesia, người Nam Á hải đảo ở vùng châu Á, có nguồn gốc với các tộc người ở vùng Tây Nguyên, đến châu thổ sông Cửu Long để sinh sống.

Tỉnh Tiền Giang vào khoảng đầu công nguyên thuộc vương quốc Phù Nam. Vào khoảng thế kỷ thứ VII, vương quốc Phù Nam sụp đổ. Đồng bằng sông Cửu Long thuộc vương quốc Phù Nam trở nên hoang sơ. Sau đó, mãi đến thế kỷ XII - XIII, người Khmer, do chiến tranh loạn lạc ở nước Chân Lạp đã tìm đến vùng Tiền Giang, lúc bấy giờ dân cư thưa thớt. Từ thế kỷ XVII, do chiến tranh giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh – Nguyễn, cùng nạn sưu cao, thuế nặng, nạn bắt phu lính, do sự bóc lột thái quá của giai cấp địa chủ, điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt. Điều đó đã làm cho những lưu dân người Việt, trong đó là phần lớn nông dân nghèo khổ từ miền Bắc, miền Trung đã vượt qua muôn trùng khó khăn, thử thách vào vùng đất Tiền Giang khai hoang, lập nghiệp. Những lưu dân Việt di cư vào vùng đất Tiền Giang ban đầu lẻ tẻ, rời rạc. Sau khi cuộc sống tương đối ổn định, họ đã tìm cách đem người thân vào Tiền Giang định cư ngày càng nhiều hơn. Cùng với quá trình lao động đầy gian khổ và chính sách khuyến khích khai hoang của nhà Nguyễn đã hỗ trợ cho cuộc sống của họ ổn định hơn, góp phần làm cho vùng đất hoang vu này ngày càng trở nên trù phú. Năm 1679, một số người Hoa do Dương Ngạn Địch chỉ huy, vì chống đối với vương triều ngoại tộc Mãn Thanh, nên di trú sang Huế và được chúa Nguyễn cho vào định cư ở Mỹ Tho. Người Hoa chủ yếu tập trung ở thành thị nhằm thuận tiện cho việc kinh doanh, buôn bán. Dân cư Tiền Giang phân bố không đều giữa thành thị và nông thôn. Nơi có mật độ dân cư cao nhất là Mỹ Tho, Gò Công, tiếp đến là các huyện Châu Thành, Cai Lậy, Chợ Gạo, huyện Tân Phước có mật độ dân cư thấp nhất (Nguyễn Phúc Nghiệp, 2002, tr.17)

1.4.2 Một số loại hình tín ngưỡng dân gian tại Tiền Giang

Theo tác giả Nguyễn Phúc Nghiệp tại tỉnh Tiền Giang có 14 hình thức tín ngưỡng dân gian: thờ cúng tổ tiên; nghề nông; nghề cá; nghề thủ công; tài lộc; thờ cúng Mẹ; thờ thần độ mạng; thờ cúng Táo quân; thờ cúng Hành binh, Hành khiển; Ngũ hành; tín ngưỡng Thổ thần, Bà Chúa xứ, Thủy thần; thờ cúng Thành hoàng, tiền hiền, hậu hiền; thờ cúng danh nhân và các anh hùng dân tộc, thờ cúng Cô hồn (Nguyễn Phúc Nghiệp, 2016, tr 328 - 381). Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là loại hình tín ngưỡng dân gian phổ biến của người Việt Nam nói chung và của nhân dân tỉnh Tiền Giang nói riêng. Thờ cúng tổ tiên đã có từ bao đời nay, thể hiện lòng tri ân đối với những người cùng huyết thống như cha mẹ, ông bà, tổ tiên đã khuất, những người có công với cộng đồng, làng xã và đất nước. Với ý nghĩa cao cả thể hiện ý thức hướng về cội nguồn, lòng hiếu thảo, có giá trị tâm linh, thờ cúng tổ tiên trở thành đạo lý của xã hội được hầu hết người dân

Tiền Giang thực hiện. Bên cạnh đó, tín ngưỡng thờ thần cũng rất phổ biến tại Tiền Giang, tín ngưỡng này thể hiện lòng nhớ ơn và kính sợ sự linh thiêng của các vị thần, đồng thời người dân cầu mong sự bình yên, thịnh vượng.

1.4.3 Tôn giáo ở Tiền Giang

Bên cạnh các loại hình tín ngưỡng dân gian, vùng đất Tiền Giang là một trong những tỉnh ở Tây Nam Bộ có đa dạng các loại hình tôn giáo ngoại nhập và tôn giáo bản địa. Tiền Giang có 224.059 tín đồ (chiếm 13% dân số của tỉnh) thuộc 9 tôn giáo: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao đài, Phật giáo Hòa hảo, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam, Phật đường Nam Tông Minh Sư, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Hồi giáo. Toàn tỉnh có 2.319 chức sắc, cơ sở thờ tự tại tỉnh là 601. Trong các tôn giáo tại Tiền Giang, Phật giáo là một tôn giáo lớn có số lượng tín đồ đông nhất. Trên địa bàn tỉnh không có khu dân cư riêng của người có đạo, tín đồ các tôn giáo sống hòa nhập với cộng đồng dân cư (số liệu xin từ Ban Tôn giáo tỉnh Tiền Giang)

Phật giáo tại Tiền Giang

Hệ phái Phật giáo Bắc Tông từ Trung Quốc truyền vào xứ Đàng Trong vào thời chúa Nguyễn. Theo Trần Hoàng Diệu – Nguyễn Quang Ân, vào cuối thế kỷ XVIII, một số thiền sư từ vùng Bình Định - Phú Yên đến vùng đất Tiền Giang. Các vị này nhận đệ tử, thành lập một số ngôi chùa như chùa Bửu Lâm năm 1742, chùa Vĩnh Tràng năm 1849. Từ đây, vùng đất Tiền Giang có những ngôi chùa nổi tiếng. Vào khoảng cuối thế kỷ XIX, ở Tiền Giang, Phật giáo phát triển mạnh. Chùa Bửu Lâm (Mỹ Tho), chùa Đức Lâm ở xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho, chùa Thiên Trường, Thanh Trước, Linh Tuyền ở Gò Công, chùa Phước Lâm ở Cai Lậy, chùa Hội Thọ ở Cái Bè,... bắt đầu đào tạo các tăng – ni nhằm đáp ứng nhu cầu hoằng pháp. Đa số các ngôi chùa ở Tiền Giang đều theo hệ phái Bắc Tông. Vào thời gian này, có 73 ngôi chùa ni và 267 chùa tăng (đều là các ngôi chùa Bắc Tông) (Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân, 2007, tr.1022).

Phật giáo Nam Tông phổ biến tại một số nước phía Nam Châu Á như Srilanka, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia và Ấn Độ. Đối với nước ta, hệ phái Nam Tông vào thời điểm này còn tương đối mới. Phật giáo Nam Tông giữ nét căn bản chung của Phật giáo là giới, định tuệ. Về cách hành đạo, hệ phái này dùng kinh luật Nam truyền. Đặc điểm của hệ phái Nam Tông chỉ thờ Phật Thích Ca. Trong ngôi chùa hệ phái Phật giáo Nam Tông chỉ có tăng (không cho người nữ đi tu). Kinh sách phái Nam Tông viết bằng tiếng Pali. Vào khoảng năm 1955, hệ phái này được truyền đến Mỹ Tho. Chùa Pháp

Bảo là ngôi chùa Nam Tông đầu tiên ở Mỹ Tho. Về sau, Tiền Giang có thêm 02 chùa là Phước Hải huyện Tân Hiệp và Đông Phương huyện Cai Lậy. Tỉnh Tiền Giang hiện nay, hệ phái Nam Tông chỉ có 4 ngôi chùa (Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân, 2007, tr.1022).

Phật giáo có mặt sớm nhất ở vùng đất Tiền Giang, vì vậy phần lớn cư dân nơi đây hướng về Phật giáo. Khi khai hoang, lập nghiệp ngoài việc cất cho mình ngôi nhà để che mưa, che nắng thì người dân nghĩ ngay đến việc cất đình, chùa thờ cúng nhằm thỏa mãn nhu cầu tâm linh về sự bình an nơi vùng đất mới. Tuy nhiên, lúc bấy giờ đình, chùa nơi này còn rất ít và chưa kiên cố. Thời gian đầu, chùa chỉ cất tạm, khi cuộc sống dần đi vào ổn định, cư dân mới cất lại kiên cố và rộng rãi hơn, thậm chí có nơi có chùa nhưng không có sư trụ trì nên bỏ hoang ở đó quản lý. Dù chùa có rải rác nhiều nơi nhưng sự thờ cúng vẫn theo truyền thống tín ngưỡng dân gian. Phật giáo lúc bấy giờ được các vị danh tăng truyền bá theo từng nhóm nhỏ lẻ.

Theo Hòa thượng Thích Huệ Minh, ở thời kỳ Pháp thuộc, người Pháp tôn trọng và đề cao Thiên Chúa, mặt khác ra sức kỳ thị và chèn ép Phật giáo, không muốn người dân Mỹ Tho (Tiền Giang ngày nay) đặt niềm tin vào Phật giáo. Vì vậy, Đạo Phật suy yếu dần, người dân không còn ủng hộ Phật giáo như trước đây, việc thực tập tu hành bị xao lãng, nội bộ Tăng đoàn bị chia rẽ, mất đoàn kết,....

Đến thập niên 30 của thế kỷ XX, phong trào chấn hưng Phật giáo cả nước nổi dậy, Hội Phật giáo thành lập, trường Phật học được mở ra đào tạo ngày càng nhiều tăng ni, Phật tử. Năm 1935, một số vị danh tăng ở tỉnh Tiền Giang tham gia vào Hội Lưỡng Xuyên Phật học và tham gia xuất bản tạp chí Duy tâm Phật học. Trong giai đoạn này, một số tạp chí, kinh sách về Phật giáo bằng tiếng Việt được phát hành, nhờ vậy các tăng ni, Phật tử trong tỉnh Tiền Giang được tiếp cận thông tin nên đã hiểu sâu hơn và củng cố niềm tin đối với Đạo Phật.

Đến tháng 10 năm 1940, cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh Nam Kỳ diễn ra, trong đó Cai Lậy - Tiền Giang là nơi nhân dân nổi dậy chống Pháp sôi nổi và mạnh mẽ. Do đó, thực dân Pháp tìm cách dập tắt và đàn áp. Từ đây, các hoạt động của Phật giáo tỉnh Tiền Giang bị cấm đoán, không được tổ chức An cư kiết hạ, Phật đàn, Vu Lan,....

Khi thực dân Pháp chiếm lại miền Nam Việt Nam, hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ các Tăng ni, Phật tử nhiều nơi trong tỉnh Tiền Giang tạm gác việc tu hành tham gia lực lượng vũ trang chống Pháp. Lúc bấy giờ, được sự hỗ trợ của Mặt trận Việt Minh một

số danh tăng ở tỉnh Tiền Giang đã thành lập cơ quan Giáo hội tại xã Mỹ Phước, huyện Châu Thành, Tiền Giang. Khi tình hình tạm ổn định, các vị hòa thượng Minh Nguyệt, Pháp Tràng,... vận động Tăng Ni khắp nơi tổ chức Đại hội Phật giáo bầu ban chấp hành Hội Phật giáo cứu quốc Nam Bộ. Đây là điểm khởi đầu cho sự lãnh đạo của Giáo hội Phật giáo miền Nam nói chung và tỉnh Tiền Giang nói riêng. Ban chấp hành Hội Phật giáo cứu quốc các tỉnh và huyện ra đời kêu gọi tăng ni, Phật tử các chùa ủng hộ cuộc kháng chiến. Các chùa trong tỉnh Tiền Giang đã ủng hộ về lương thực, thuốc men và hiến Đại hồng chung, chuông, lu đồng, thau để chế tạo vũ khí chống giặc Pháp. Một số ngôi chùa ở Tiền Giang trong vùng giải phóng trở thành căn cứ địa cách mạng. Các chùa ở đô thị bị giặc chiếm đóng. Sau khi đánh đuổi được thực dân Pháp rời khỏi nước ta thì đình, miếu, chùa phần lớn bị phá hủy.

Đến năm 1963, Phật giáo bị chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp dữ dội, không cho tổ chức Lễ Phật Đản, không cho treo cờ Phật giáo. Tăng ni và Phật tử ở một số chùa lớn trong nước bị giam giữ. Vì vậy, dẫn đến cuộc đấu tranh giữa những người ủng hộ Phật giáo với chính quyền Ngô Đình Diệm diễn ra mạnh mẽ trên nước ta. Một số chùa Phật Ân, Kim Liên cũng tổ chức biểu tình nên bị đàn áp nặng nề, bị dập tắt nhanh chóng. Hoạt động Phật giáo Tiền Giang giai đoạn này rất yếu.

Khi chính quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ. Tướng Dương Văn Minh lên thay thế, ông đã không đàn áp Phật giáo mà có những chính sách hỗ trợ Phật giáo như cho thành lập Giáo hội Phật giáo và cấp kinh phí cho hoạt động của Phật giáo. Trong giai đoạn này, nội bộ trong Phật giáo xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, dẫn đến mất đoàn kết, có sự chia rẽ và đấu tranh trong nội bộ Phật giáo.

Tại Tiền Giang, tình trạng chia rẽ trong nội bộ Phật giáo vẫn có xảy ra nhưng không nhiều. Giáo hội lục hòa tỉnh Tiền Giang thành lập đặt tại chùa Vĩnh Tràng dưới sự lãnh đạo của Hòa thượng Pháp Tràng, tình hình Phật giáo lúc này có phần tạm ổn định.

Ngày 30/4/1975 nước ta hoàn toàn giải phóng, sau khi đất nước thống nhất thì Phật giáo Việt Nam thành lập Giáo hội chung cho cả dân tộc. Từ đây Phật giáo Tiền Giang có sự đổi mới và phát triển (Hòa thượng Thích Huệ Minh, 2012, tr. 10 - 26).

Tính đến hiện nay, trong toàn tỉnh có 104 697 tín đồ Phật giáo với 408 cơ sở thờ tự (Văn kiện Đại hội đại biểu GHPGVN tỉnh Tiền Giang lần IX, 2017-2022)

Trong tỉnh có trường trung cấp Phật học đã đào tạo rất nhiều tăng ni và các chùa còn đưa Tăng Ni đi đào tạo ở nhiều nơi trong nước và cả cho đi du học ở nước ngoài.

Trong thời gian qua, Phật giáo Tiền Giang cũng đã đào tạo một số Tăng ni trẻ có trình độ và kiến thức về Phật học đủ sức duy trì và kế thừa Phật pháp. Công tác hoằng pháp được tổ chức thuyết giảng ở nhiều đạo tràng với rất đông lượt Phật tử tham dự. Ngoài ra, Ban hoằng pháp tỉnh Tiền Giang còn tổ chức nhiều cuộc thi tìm hiểu về giáo lý, lịch sử Phật giáo và cuộc đời đức Phật cho Phật tử tham gia.

Các chùa trên địa bàn tỉnh tổ chức các ngày lễ lớn của Phật giáo như Lễ Vu Lan, Phật Đản, An Cư Kiết Hạ với rất đông tín đồ tham dự. Ngoài ra còn tổ chức Trai Đàn Chẩn tế Kỳ siêu anh linh chiến sĩ tại nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Tiền Giang.

Phật giáo Tiền Giang trong thời gian qua cũng rất chú trọng sự tu tập Phật pháp của Phật tử, nâng cao kiến thức về giáo lý thông qua sinh hoạt giáo lý, thuyết giảng định kỳ, tổ chức các cuộc thi hái hoa trí tuệ, tổ chức tu Bát Quan trai, mở Phật thất cho Phật tử tu học (Tịnh xá Ngọc Tường – Thành phố Mỹ Tho, Chùa Huệ Quang thị xã Gò Công,...). Ngoài ra Phật giáo Tiền Giang cũng đã phát hành Báo giác ngộ, nguyệt san, tập san văn hóa Phật giáo, tạp chí nghiên cứu Phật học,... nhằm góp phần phổ biến giáo lý đến tín đồ Phật giáo ở tỉnh nhà.

Chùa ở Tiền Giang cũng là nơi quyên góp và kêu gọi các mạnh thường quân tổ chức các hoạt động từ thiện xã hội. Đây là việc làm có ý nghĩa thiết thực hỗ trợ rất nhiều cho những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội.

Ngoài ra, trong thời gian gần đây, trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đã xuất hiện một số hiện tượng tôn giáo mới như Nhất quán đạo (có 7 cơ sở thờ tự với 295 tín đồ); Đạo Lão Mẫu (không có cơ sở thờ tự công mà chủ yếu tổ chức thờ tự tại các hộ gia đình ở huyện Châu Thành với 109 tín đồ); Pháp lý Vô vi khoa học huyền bí Phật pháp (Thiền Vô vi) chỉ có 1 hộ gia đình ở thành phố Mỹ Tho với 15 người tham gia, trong đó có 10 người ngoài tỉnh; Đạo Tâm linh khoảng 60 tín đồ tại huyện Cai Lậy; Đạo Vô vi xuất hiện tại Gò Công Đông có khoảng 50 tín đồ. Gần đây nhất xuất hiện Hội thánh Đức chúa trời (Lê Thị Sơn, 2019, tr. 146 -150)

Các tôn giáo mới tại Tiền Giang xuất hiện trên phạm vi hẹp với số lượng tín đồ chưa nhiều, chưa có cơ cấu tổ chức, chưa có giáo lý rõ ràng. Hình thức sinh hoạt, nội dung truyền đạo đa số vay mượn từ các hình thức tín ngưỡng truyền thống và từ các tôn giáo khác mà chủ yếu là Phật giáo, trong đó có xen lẫn một số yếu tố về mê tín dị đoan.

Mặc dù, tỉnh Tiền Giang rất phong phú và đa dạng các tôn giáo, hình thức tín ngưỡng dân gian, nhưng một bộ phận người dân vẫn tìm đến niềm tin, sự an ủi mới.

Tiểu kết chương 1

Những công trình nghiên cứu của các tác giả đi trước đã cung cấp nền tảng lý luận, quan điểm, kiến thức và những vấn đề còn chưa đề cập đến trong các công trình trên đã định hướng cho chúng tôi trong việc lựa chọn nghiên cứu của mình một cách phù hợp. Từ đó luận án đóng góp thêm những thông tin khoa học và thực tiễn về sự dung hợp, về tình hình văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng ở Tỉnh Tiền Giang.

Một số khái niệm mang tính quy ước nhằm thống nhất cách hiểu trong luận án như: tín ngưỡng, tín ngưỡng dân gian, Phật giáo, Phật giáo Bắc Tông, sự dung hợp. Đây là những công cụ có tính chất định hướng, mở đường cho nghiên cứu sự dung hợp văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian tỉnh Tiền Giang.

Những yếu tố về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, con người và quá trình giao lưu văn hóa của các tộc người ở tỉnh Tiền Giang là cơ sở, nguyên nhân tạo nên sự dung hợp văn hóa trong đó có sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian.

CHƯƠNG 2 BIỂU HIỆN SỰ DUNG HỢP GIỮA VĂN HÓA PHẬT GIÁO BẮC TÔNG VỚI TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TỈNH TIỀN GIANG

2.1 SỰ DUNG HỢP TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA NHẬN THỨC

Theo tác giả Trần Ngọc Thêm thì văn hóa nhận thức là một thành tố của văn hóa, có ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực của văn hóa. Văn hóa nhận thức là những hiểu biết, kinh nghiệm, tri thức của con người về bản chất vũ trụ và chính con người. Đó chính là những hiểu biết của con người về sự chuyển động của vũ trụ, của thời tiết; sự hiểu biết về cơ thể và bản tính con người. Những kinh nghiệm, tri thức mà con người nhận thức có nguồn gốc cổ xưa thuộc lớp văn hóa bản địa như triết lý âm dương, ngũ hành. Ngoài ra, có những nhận thức được hình thành trong quá trình giao lưu văn hóa với Trung Hoa và các nước trong khu vực như những tri thức về nhân sinh quan và vũ trụ quan thông qua tư tưởng Nho – Phật – Đạo đã để lại dấu ấn sâu đậm đối với người dân Việt Nam; tri thức khoa học là những nhận thức được hình thành trong quá trình giao lưu văn hóa với các nước phương Tây (Trần Ngọc Thêm, 1999, tr. 50 -51)

2.1.1 Huyền thoại tại một số ngôi chùa

2.1.1.1 Chùa Mục Đồng

Theo tác giả Lê Thị Thanh Thảo, qua khảo sát những ngôi chùa ở tỉnh Tiền Giang, không ít chùa trong dân gian có huyền thoại là chùa Mục Đồng. Đó là chùa do những đứa trẻ chăn trâu trong quá trình chơi đùa cùng nhau, chúng đã dùng đất sét nặn tượng Phật một cách thô sơ, hồn nhiên và làm am thờ Phật. Theo quan niệm dân gian cho rằng mục đồng là con cháu Thần Nông, có khả năng liên thông với cõi thiêng, cảnh giới bên ngoài trần thế. Vì vậy, các thế lực siêu nhiên như ma quỷ, cô hồn phải kiêng nể và tuân phục. Tương truyền, trẻ mục đồng vẫy tay thì các bè chở lễ vật cúng cô hồn trong lễ Tống ôn, Tống gió sẽ cập vào bờ. Nhờ vậy, mục đồng được quyền hưởng các lễ vật cúng. Những nhà sư truyền đạo đi cùng những đoàn người di dân vào vùng đất mới đã dựa vào niềm tin trong dân gian tôn tạo các ngôi chùa này thành nơi sinh hoạt tôn giáo nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh cho nhân dân trong làng. Các ngôi chùa Mục Đồng ở Nam Bộ thờ Phật và thần linh. Đồng thời, Phật được thờ ở các ngôi chùa này theo tâm thức của Phật giáo dân gian hơn là đề tu học giáo lý đích thực của Phật pháp (Huỳnh Ngọc Trảng – Nguyễn Đại Phúc, 2005, tr.18)

Diễn hình như sự ra đời của chùa Sắc Tứ Linh Thụ hiện tọa lạc tại ấp Chợ, xã Thanh Phú, huyện Châu Thành, Tiền Giang. Ngôi chùa cổ này đã từng được ban sắc tứ ba lần và được xem là ngôi chùa của vua. Tiền thân ngôi chùa này là do mục đồng lập (năm 1702). Lúc đầu những đứa trẻ chăn trâu, lấy đất nặn tượng Phật, chuông, mõ chơi. Để bảo vệ các tượng mình làm được, các mục đồng cất chòi che nắng, che mưa và đem các tượng vào thờ. Sau một thời gian, chủ ruộng sợ mục đồng phá phách nên tháo dỡ. Vài hôm sau, mục đồng dựng lại. Cứ lặp lại nhiều lần như vậy, chòi bị tháo dỡ rồi dựng lên. Một hôm: “chủ ruộng nằm mơ thấy các vị thần mách bảo đây là điềm lành phá bỏ sẽ mang tội”. Vì vậy chủ ruộng không tháo nữa. Ngày qua ngày căn chòi trở thành thảo am. Dân làng đến cúng, thổi hồn linh vào thảo am và các tượng do các trẻ mục đồng tạo nên, cho rằng các tượng này là tượng Phật rất linh thiêng. Đến năm 1722, nhà sư Nguyễn Phước Chánh từ miền Trung đến ở, trở thành trụ trì chùa. Nhà sư xây dựng ngôi chùa nhỏ bằng tre lá. Ngôi chùa vì vậy trở nên tôn nghiêm. Tương truyền, sau này có một thầy địa lý rất giỏi phong thủy đến chùa nói với trụ trì Nguyệt Hiện rằng chùa được xây dựng trên mạch đất suối rồng, ắt sẽ có chân mệnh đế vương đến ngự. Vì vậy, sư trụ trì đặt tên chùa là Long Tuyền tự, với ngụ ý là chùa Suối Rồng.

Đồng thời, cũng theo tương truyền, sau khi thua trận trên sông Tiền đoạn Rạch Gầm – Xoài Mút, Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn truy đuổi. Trên đường trốn chạy, Nguyễn Ánh và cận thần chạy vào Long Tuyền tự để lánh nạn trong tình trạng bị thương nặng. Trụ trì chùa đã cứu chữa và cho Nguyễn Ánh tá túc tại chùa. Một buổi sáng vị trụ trì nghe tiếng chim kêu thấy lạ bèn kêu Nguyễn Ánh tạm lánh đi. Cũng trong lúc này, quân Tây Sơn đuổi đến chùa, trước tình thế hiểm nguy, trụ trì chùa đã giấu Nguyễn Ánh vào chiếc đại hồng chung. Hiện trên chiếc đại hồng chung tại chùa còn ghi: “Gia Long Ất Sửu Niên tặng Phong Sắc Tứ Linh Thụ Tự” .

Điều rất đặc biệt là cổng chùa lúc này bị nhện giăng khắp lối, khung cảnh chùa, cây cối, nhìn hoang sơ, quân Tây Sơn vào chùa lay chuông nhưng không thấy động tĩnh gì nên bỏ đi, Nguyễn Ánh thoát nạn. Sau khi diệt được quân Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi lấy đế hiệu là Gia Long. Nhớ lại ơn ngôi chùa đã giúp đỡ mình qua lúc hoạn nạn, năm 1811, vua Gia Long ra sắc chỉ đặt lại tên chùa là Long Nguyệt tự và hòa thượng Nguyệt Hiện được phong Tăng Cang. Chùa được phong cấp ruộng đất, người dân phụ để chăm sóc ngôi chùa, xem như đây là ngôi chùa của nhà vua. Khi hòa thượng Nguyệt Hiện viên tịch, triều đình ban thụy hiệu là “Mẫn Huệ hòa thượng”. Hòa thượng Từ Lâm

sau đó thay hòa thượng Nguyệt Hiện trụ trì. Năm 1830, nhân lễ Tứ tuần Đại khánh của vua Minh Mạng, triều đình triệu hòa thượng Từ Lâm về kinh đô Huế để tụng kinh chúc thọ. Sau khi lễ nghi hoàn tất, Bộ Lễ tổ chức sát hạch, hòa thượng Từ Lâm và 50 cao tăng trúng tuyển được cấp “giới đao độ điệp”. Lúc này, triều đình đổi hiệu “Sắc tứ Long Tuyên tự” thành “Sắc Tứ Linh Thụ tự”. Hiện nay, tại chánh điện của chùa vẫn còn câu đối: “Long Tuyên Thịnh Hỷ Đạo Tràn Thuận Cảnh Hoàng Khai Thanh Tịnh Cảnh” “Linh Thụ Phú tại Phật Pháp Bình Tâm Phát Nguyệt Diệu Hiền Tâm”. Khoảng năm 1890, Sắc Tứ Linh Thụ tự được hòa thượng Trà Chánh Hậu trùng tu khá quy mô. Đến đời Bảo Đại, chùa Linh Thụ được sắc tứ lần thứ ba (Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân, 2007, tr. 998).

Huyền thoại tương tự với chùa Sắc Tứ Linh Thụ còn có chùa An Long tọa lạc tại xã Song Bình, huyện Chợ Gạo. Tương truyền khi bị quân Tây Sơn truy đuổi, vua Gia Long đã trốn vào chùa lánh nạn vì vậy sau khi thoát nạn Vua đã đặt tên cho chùa là An Long cổ tự. Ngoài ra, chùa Từ Quang được xây dựng năm 1800 tại ấp Bình Đức xã Tam Hiệp huyện Cai Lậy. Trong quá trình chạy giặc, Vua Gia Long vào chùa trú ẩn. Sau này, Vua đã sắc phong tên chùa Quang Long.

Ngoài ra, chùa Hội Thọ có địa chỉ tại ấp Mỹ Hưng, xã Thiện Trí, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cũng được cho là chùa của Vua. Tiền thân của ngôi chùa này là Sắc Tứ Kim Chương tự.

Theo tác giả Nguyễn Mạnh Thắng thì chùa Kim Chương được xây dựng năm 1755 tại đường Thiên Lý, thôn Tân Triêm, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định. Đây là một trong những ngôi chùa ở Nam Bộ đã ba lần được sắc tứ. Năm 1775 được ban sắc là Kim Chương tự, năm 1776 ban sắc là Phổ Quang Thiên Sơn tự và năm 1813 là Thiên Tường tự. Đến khi giặc Pháp tấn công nước ta và tỉnh Gia Định thất thủ. Năm 1859, trụ trì Tăng Cang Minh Giác đã dời Thiên Tường tự về huyện Cái Bè, Tiền Giang và đổi tên thành chùa Hội Thọ như ngày nay (Nguyễn Mạnh Thắng, 2015)

Thiên Trường cổ tự ấp Bình Trinh, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang cũng có huyền thoại về chùa Mục Đồng. Tương truyền, ngày xưa khu vực này rất hoang sơ, có nhiều đầm lầy, các mục đồng thường thả trâu ở đây. Trong lúc đi chăn trâu, các mục đồng tập hợp lại dùng đất nặn ra các tượng Phật. Chơi một thời gian thấy chán, các mục đồng đem những tượng mình thờ liệng xuống ao nhưng lạ thay tượng không hư và nổi lên mặt ao. Dân làng thấy vậy cho rằng các tượng này là tượng Phật rất linh thiêng

nên gom lại cát am nhỏ đơn sơ và đem các tượng vào thờ. Về sau, có một nhà sư từ nơi khác đến, thấy am thờ Phật hieu quanh nên ở lại với mong muốn xây dựng ngôi chùa ngày càng khang trang hơn. Nhà sư một mình khai phá một khu đất cây cối um tùm, lầy lội để lập chùa. Người dân địa phương không biết danh tính, chỉ thấy suốt ngày, vị sư này phơi tấm lưng trần sạm nắng như da lươn để nặn tượng Phật nên gọi ông là thầy Da Lươn và đặt tên chùa là chùa Da Lươn. Sau nhiều lần trùng tu, chùa được đổi tên là Thiên Trường cổ tự (Huỳnh Ngọc Trảng – Nguyễn Đại Phúc, 2008)

Thanh Trước cổ tự cũng có huyền thoại chùa Mục Đồng được xây dựng từ năm 1826 tại ấp Gò Tre, xã Long Thuận, thị xã Gò Công, Tiền Giang. Từ một chòi tranh giữa đồng, được thờ cúng rất linh thiêng nên có tên gọi trong dân gian là chùa Phật Linh. Với niềm tin đây là ngôi chùa rất linh và mong muốn nơi sinh hoạt tâm linh này được tươm tất hơn, nhân dân trong vùng quyên góp tiền, của và hiện vật cất thành ngôi chùa nhỏ bằng tre, lá và thỉnh thiện sư Ngô Hiện về trụ trì. Thầy đặt tên cho chùa là Thanh Trước. Trải qua bao thăng trầm và được trùng tu nhiều lần nay chùa Thanh Trước trở thành ngôi chùa cổ kính đẹp ở thị xã Gò Công tỉnh Tiền Giang. Đây là một trong những ngôi chùa đóng góp rất nhiều cho cách mạng. Theo sư cô Hồng Liên, trụ trì chùa Nhơn An tọa lạc tại ấp 5, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy tỉnh Tiền Giang thì:

“Chùa Nhơn An được xây dựng năm 1885. Nguồn gốc của ngôi chùa là ngôi miếu do các mục đồng trong lúc rảnh rỗi nặn đất thành những pho tượng Phật thờ ở gốc cây. Ban đêm người dân thường nghe tiếng trẻ nhỏ khóc tại đây, mọi người đến cầu nguyện thấy linh thiêng. Vì vậy người dân lập miếu thỉnh những tượng Phật do các trẻ mục đồng nặn đem vào miếu thờ cúng. Thời gian sau chủ đất đã xây dựng ngôi chùa đơn sơ để tu tại gia. Trải qua bao thăng trầm ngôi chùa được trùng tu như ngày hôm nay” (PL 2, BBPV số 1); (Lê Thị Thanh Thảo, 2018, tr 91 - 94).

Ngoài ra, tại tỉnh Tiền Giang còn có các ngôi chùa Mục Đồng khác như: Chùa Đông Sơn, ấp Mỹ Thạnh A xã Long Tiên, Cai Lậy được thành lập năm 1820, trụ trì chùa (Thích Thiện Phước) cho biết:

“Ngôi chùa này do các mục đồng lập chòi tranh che mưa, che nắng và nặn tượng Phật dần dần trở thành ngôi chùa với tên là Đông Sơn Thảo Lư” (PL 2, BBPV số 2).

Chùa Linh Châu xã Tân Tây huyện Gò Công Đông, Tiền Giang còn một tượng Phật tọa thiền toát lên vẻ nhân hậu, từ bi do mục đồng nặn. Tuy nhiên tượng này hiện đã bị hư hỏng nặng. Ở Tiền Giang, còn có một số ngôi chùa gắn với huyền thoại chùa Mục Đồng như chùa Linh Sơn ở Tân Tây huyện Gò Công Đông, chùa Linh Bửu tại Tân Quý, Tân Thới, Tân Phú Đông,....

Ở Nam Bộ có khá nhiều những ngôi chùa Mục Đồng, tiêu biểu như: chùa Hóc Tra (An Phước Tự) ở An Bình Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; chùa Phật Nổi (Phước Lâm tự) ở ấp Ràng, xã Trung Lập Hạ, Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh; chùa Tập Phước Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh; chùa Mục Đồng, Phước Đồng, Dĩ An Bình Dương; chùa Hội Sơn Long Bình, Thủ Đức (Võ Văn Dũng, 2015, tr.22).

2.1.1.2 Chùa xây dựng trên cơ sở người dân phát hiện ra các tượng Phật đá, Phật đồng.

Theo tác giả Lê Thị Thanh Thảo, không chỉ ra đời trên nền tảng các ngôi Miếu, do nhân dân đóng góp xây dựng, hoặc mang dấu ấn là chùa của Vua, tại tỉnh Tiền Giang còn có những ngôi chùa trong quá trình lao động, người dân phát hiện ra các tượng Phật đá, tượng Phật đồng, nhân dân cho đó là điềm báo của Phật nên đã xây chùa. Kim Thạch tự xây dựng năm 1952, tại ấp Tân Phong, xã Tân Lý Tây, huyện Châu Thành. Chùa có sự ra đời khá đặc biệt là do người dân trong lúc đào đất đã phát hiện ra một tượng đá và một nải chuối bằng vàng. Vì vậy đã xây dựng chùa tại đây để thờ tượng đá và lấy tên là Kim Thạch tự.

Linh Phước cổ tự (chùa Phật Đá) tại thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước tỉnh Tiền Giang. Chùa Phật Đá hiện tại cách ngôi chùa cổ khoảng 500 mét về hướng tây bắc. Tương truyền trong dân gian, ngày xưa có một mục đồng lớn tuổi đi thả trâu ngang qua Bàu Sọ thì gặp phải một tượng đá rất lớn, người mục đồng này về kể cho dân làng trong vùng nghe. Dân làng đến xem và thỉnh tượng lên. Đây là một tượng Phật bằng đá có bốn tay, đứng trên tòa sen. Theo các nhà nghiên cứu đây là tượng thần Vishnu (xem phụ lục 5, mục 2.1.1.2, hình 3).

Người dân tin rằng đây là điềm báo của Phật nên đã xây dựng tại đây một ngôi chùa và đặt tên là chùa Phật Đá. Một thời gian sau, quan Bảo hộ Thoại Ngọc Hầu đi qua khu vực này, bỗng nhiên vợ ông phát bệnh. Ông được người dân khuyên, nên vào chùa cầu xin mới mong khỏi bệnh. Quan Bảo hộ nghe theo, vào chùa van vái, quả nhiên vợ

ông khỏi bệnh. Để tạ ơn, Bảo hộ Thoại Ngọc Hầu cho xây dựng lại ngôi chùa khang trang hơn và đặt tên chùa là Linh Phước.

Chùa Thiên Lâm được thành lập năm 1920, tọa lạc tại khu phố 5, thị trấn Cai Lậy. Theo tác giả Trương Ngọc Tường, đây là trong những ngôi chùa mà tiền thân là do trẻ mục đồng phát hiện các tượng Phật bằng đồng trong lúc đào đất bắt dế. Dân làng thấy vậy lập ngôi am tranh để thờ các tượng này. Minh chứng cho sự ra đời của ngôi chùa, trên cổng chùa có câu đối:

“Thiên thất tịnh tâm đăng Thửu lĩnh liên hoa khai bạch hạc/Lâm tùng nhàn xứ hảo bông lai kính trúc ứng thanh long. Tạm dịch: Thiên nhà thanh tịnh, lên Linh Thửu, sen nở hoa đến châu hạc trắng/Lâm tùng nhàn xứ, tới bông lai, qua đường trúc ứng hiện rồng xanh. Tại nhà thờ tổ có câu: “Tổ đức viễn thâm tề hải nhạc/Tông môn trường cửu phối càn khôn” Dịch là: “Tổ đức sâu xa bằng non biển/Dài lâu dòng giống hợp đất trời”. Nhắc đến sự tích được Phật đồng từ lòng đất, chánh điện có câu đối: “Long đức tự vân lạc bích tự thảo thụ hàm triêm; cổ Phạn tăng truyền kim bố địa/An tâm như nguyệt thượng hoa trì quang minh biến chiếu; duyên thân chân kính cảnh phi đài. Dịch nghĩa: Long đức thịnh tự rắng mây lành, cổ cây xanh biếc, nên cảnh dát vàng tăng truyền cổ Phạn/Lòng thanh tịnh trắng soi bóng nước, lung linh chiếu hiện, bày rõ chân thân lạng bóng chẳng gương” (Võ Phước Lộc, 2017, tr. 44).

Linh Bửu tự (tên trong dân gian là chùa ông Năm Thọ) tọa lạc tại ấp Bình Hưng, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xây dựng vào năm 1952. Sự tích ngôi chùa được tương truyền trong dân gian rằng lúc còn trẻ ông Năm Thọ là người có võ nghệ, thường ăn chơi, không lo làm ăn. Mọi người khuyên bảo ông tu tâm, dưỡng tánh. Ông bảo rằng khi nào gặp được Phật thì ông sẽ tu. Một thời gian sau ông Thọ và con trai của mình đi cày ruộng gặp được các tượng Phật bằng đồng. Nhớ lại lời nói trước kia, ông Thọ quy y và xây dựng ngôi chùa ngay trên đất nhà và đặt tên cho chùa là Linh Bửu tự với ngụ ý là sự linh ứng (Lê Thị Thanh Thảo, 2018, tr. 98 – 99).

Gắn với huyền thoại về chùa Mục Đồng, chiếc đại hồng chung đã cứu Nguyễn Ánh lúc lâm nguy, chùa Sắc Tứ Linh Thửu còn gắn với huyền thoại nằm mộng thấy Phật Bà Quan Thế Âm Bồ tát báo mộng đang bị chôn vùi dưới lòng đất. Kể từ khi đào tượng Quan Thế Âm Bồ tát và an vị tượng tại chùa Sắc Tứ Linh Thửu đến nay, trong

dân gian và các ni cô trong chùa cho rằng có rất nhiều người hiếm muộn đến cầu xin có con, những người bị bệnh hiếm nghèo cầu xin lành bệnh,... Những nguyện vọng chính đáng của người dân đến chùa cầu xin đều được như ý nguyện (theo bia đặt gần tượng Phật Quan Âm tại sân chùa)

2.1.1.3 Chùa xây dựng trên cơ sở của ngôi miếu

Theo tác giả Lê Thị Thanh Thảo, cùng với huyền thoại về chùa Mục Đồng là một số ngôi chùa được hình thành trên nền tảng của các ngôi miếu. Chùa Bửu Hưng (chùa Bà Cải Sủ) tại đường Nguyễn An Ninh, phường 2, thành phố Mỹ Tho là Miếu Bà Thiên Hậu do ông Lý Quang Phúc cùng thân tộc và nhân dân trong vùng đóng góp xây dựng. Đây là ngôi miếu do những người làm nghề đánh cá xây dựng để thờ cúng Bà Thiên hậu. Đến năm 1902, miếu Bà đã được đưa thêm tượng Phật Bồ Tát Thích Ca và tượng Phật Quan Thế Âm vào thờ. Qua thời gian, ngôi chùa được xây dựng cạnh ngôi miếu. Năm 1970, chùa được hòa thượng Thích Phổ Quang trùng tu và xây dựng lại. Hiện tại ngôi miếu thờ Bà Thiên hậu ở chùa vẫn còn.

Chùa Long Tường tọa lạc tại ấp 5, xã Tân Hiệp, huyện Châu Thành. Tiền thân của chùa là miếu Bà Thiên Hậu (từ năm 1932 - 1988). Từ năm 1989, miếu Bà Thiên Hậu được xây dựng lại thành ngôi chùa thờ Phật cho đến nay.

Bửu Sơn tự tọa lạc trên đường Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, thành phố Mỹ Tho được xây dựng trên nền của miếu Quan Thánh. Đến năm 1960, thầy Thích Từ Tự và các thầy ở chùa Trường Sanh lập chùa với tên là Bửu Sơn tự thay miếu Quan Thánh.

Tiền thân chùa Kim Thiên tại Cù Lao ấp Tân Định, xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang được xây dựng năm 1960. Ngôi miếu này, do ông Nguyễn Văn Dân đã trùng tu ngôi nhà đang ở thành am thờ Đức Địa Mẫu. Năm 1992, gia đình giao am Kim Thiên Địa Mẫu cho thầy Thích Minh Hiện quản lý. Năm 1994, am Kim Thiên gia nhập Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam do thầy Thích Minh Hiện trụ trì và chính thức được gọi là chùa Kim Thiên.

Năm 1932, tại ấp Long Tường, xã Long An, huyện Châu Thành có miếu thờ Bà Thiên Hậu. Đến năm 1975, miếu được xây dựng lại thành chùa có tên là Long Tường tự.

Chùa Hòa Thành, địa chỉ đường Nguyễn An Ninh, phường 8, thành phố Mỹ Tho được xây dựng năm 1970. Năm 1965, chùa được xây dựng tại xã Bình Ninh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nhưng bị xuống cấp do chiến tranh tàn phá nên đã dời về địa chỉ hiện nay. Tiền thân của chùa là miếu Tân Thành thờ Bà Thiên Hậu. Về sau sửa chữa lại

thành chùa lấy hiệu Hòa Thành tự (theo tên chùa cũ ở huyện Chợ Gạo); (Lê Thị Thanh Thảo, 2018, tr. 98 – 99).

Theo tác giả Trương Ngọc Tường: *“gốc trước đây của ngôi chùa Trường Sanh tại đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Mỹ Tho là ngôi miếu thờ Quan Công của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Đến năm 1950 ngôi miếu này được xây dựng thành ngôi chùa theo hệ phái Phật giáo Bắc Tông”* (PL2, BBPV số 3).

Tác giả Trần Hồng Liên cho rằng:

“Trên địa bàn Nam Bộ, nguồn gốc hình thành của khá nhiều ngôi chùa đều có sự gắn bó với tín ngưỡng truyền thống qua các biểu hiện như chính nơi lập chùa đã là ngôi miếu, ngôi đền thờ có từ trước hoặc sau khi xây dựng chùa trong vườn chùa đặt hai ngôi miếu nhỏ hai bên để thờ Thổ Thần và Năm Bà Ngũ hành (hoặc Bà Chúa Xứ, Bà Cửu Thiên Huyền Nữ hoặc Bà Thủy, Bà Hỏa...)” (Trần Hồng Liên, 1997, tr. 20)

Ngoài ra, tại tỉnh Tiền Giang còn rất nhiều ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông do người dân hiến đất, góp công, góp của lập nên. Điển hình về sự ra đời của chùa Bửu Lâm tại thành phố Mỹ Tho do Phạm Thị Đạt, một Phật tử giàu có cúng dường về vật chất xây nên. Chùa Vĩnh Tràng do ông quan huyện Bùi Công Đạt đứng ra xây dựng. Chùa Thiên Đức AK có nguồn gốc là nhà thờ Ông Bà của dòng họ Hồ. Năm 1945, ngôi nhà thờ này cùng mảnh vườn được dòng họ Hồ đem hiến để thiền sư Thích Thiện Túc lập thành ngôi chùa. Đây là một trong những ngôi chùa có nhiều đóng góp to lớn cho cán bộ Cách mạng trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Vì chùa nằm gần khu quân sự Đồng Tâm của Mỹ trước đây, để tránh cán bộ cách mạng và nhân dân bị quân giặc giết hại, thầy Thích Thiện Túc – trụ trì chùa ra hiệu cho quân ta và nhân dân trong vùng biết: “nếu nghe chùa đánh trống là giặc đến và nếu nghe hồng chung vọng là giặc rút”. Vì vậy mà mỗi lần lính Mỹ càn quét đều bị cán bộ Cách mạng và du kích phục kích tiêu diệt nên chúng gọi là chùa AK. Tại tỉnh Tiền Giang còn rất nhiều ngôi chùa do người dân hiến đất, góp công, góp của xây như: Chùa Bửu Thạnh, địa chỉ phường 5, thành phố Mỹ Tho được xây dựng cuối thế kỷ XIX trên đất do Phật tử hiến; Chùa Đức Lâm (chùa Bà Lớn) do gia đình bà Lê Thị Khương đứng ra xây dựng vào năm 1740; Chùa Thiên Phước xây dựng năm 1812, tọa lạc trên đường Gò Cát, ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho do dân chúng địa phương đóng góp xây dựng; Trường Quang cổ tự xây dựng năm 1893, tại phường 6, thành phố Mỹ Tho, đất xây chùa cũng là do người dân hiến (bà Lê Thị Tý và Lê Thị Can); Chùa Phổ Đức xây dựng năm 1945 tại đường Trần

Hung Đạo, phường 5, thành phố Mỹ Tho, nguồn gốc đất xây dựng chùa trước đây cũng là do người dân hiến cúng (ông Tám Hứa). Đến năm 1965, chùa dời về số 40 đường Ấp Bắc, phường 5, thành phố Mỹ Tho cho đến nay; Chùa Hưng Điều xây dựng năm 1947 tại phường 7, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang. Đất xây dựng chùa cũng là do người dân hiến – Ông Nguyễn Văn Lợi. Lúc đầu đây chỉ là nơi thờ tự thô sơ và là nơi bốc thuốc Nam chữa bệnh miễn phí cho người dân. Trải qua bao thăng trầm ngôi chùa được xây dựng kiên cố và tồn tại đến hôm nay; Chùa Phổ Hiền xây dựng năm 1950 trên đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Mỹ Tho. Chùa do người dân hiến đất xây - ông Tôn Tường. Đến năm 1965 ông Tôn Tường mời ni cô Như Hạnh về trụ trì; Tiền thân chùa Liên Hoa là nhà thờ ông bà, về sau gia đình hiến để thành lập chùa. Chùa được xây dựng năm 1962 tại ấp 1, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông. Hiện tại, nơi đây đặt Văn phòng Đại diện Phật giáo huyện Gò Công Đông; Chùa Khánh An được thành lập năm 1975 do người dân lập (gia đình ông Chín) tại xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho; Chùa Linh Phước được xây dựng năm 1965 tại phường 5, thành phố Mỹ Tho cũng là do đất hiến cúng của người dân (ông Tám Bồn); Linh Thử Ni Viện được thành lập năm 1960 tại xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, đất xây chùa cũng do người dân hiến cúng; Tiền thân chùa Từ Phong tọa lạc tại Ấp 5, xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo do bà Đốc Định dùng tài sản, đất của mình để cất nhằm thờ Phật và thờ ông bà. Năm 1992, chùa được giao cho Giáo hội Phật giáo Tỉnh quản lý và do Đại đức Thích Chánh Tâm làm trụ trì. Như vậy, qua nguồn gốc sự ra đời của các ngôi chùa, cho chúng ta thấy rất rõ ràng sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian (Lê Thị Thanh Thảo, 2018, tr. 95 – 97).

2.1.2 Quan niệm dân gian về phong thủy

Theo tác giả Lê Thị Thanh Thảo, khi lập làng xong người ta sẽ dựng miếu, xây đình và chùa (chùa làng), đàn (đàn thần nông) việc phong thủy đặc biệt được chú trọng: phải ở ngã ba, ngã tư sông và hướng ra đường cái; riêng đàn Thần nông đôi lúc chỉ cần hướng ra sông. Trong tâm thức người dân Tiền Giang nói riêng và Nam Bộ nói chung, việc chọn đất xây dựng chùa, đình rất quan trọng. Nơi đó phải là mạch đất phong thủy tốt, phong cảnh hữu tình và phải đảm bảo được về thâm nghiêm, linh thiêng. Theo quan niệm người Việt, công trình tín ngưỡng quay mặt hướng Nam và quan niệm rằng đây là hướng trí tuệ. Cũng có quan niệm cho rằng với vị trí địa lý và khí hậu nước ta thì công trình tín ngưỡng quay mặt hướng Đông Nam và hướng Nam sẽ đón được gió mát vào mùa hè đồng thời không bị nắng chiếu vào buổi chiều, không bị gió mùa đông bắc, gió

bắc thối vào cửa chính. Đình và chùa là công trình kiến trúc cộng đồng nên khi xây dựng sẽ không dựa vào tuổi của bất kỳ người nào vì vậy các quan niệm tính theo Ngũ hành tương sinh, tương khắc không được chú ý đến mà người ta quan tâm đến quy luật âm dương. Theo quan niệm dân gian, nếu các công trình, trong đó có công trình tín ngưỡng quay mặt về hướng Tây, Tây Bắc, Tây Nam sẽ bị dương khí mặt trời mạnh chiếu vào. Trong khi nơi thờ tự là nơi hội tụ khí âm, nếu bị khí dương chiếu vào sẽ làm cho khí âm nơi đây khó tụ lại hoặc phân tán ra.

Việc xây dựng ngôi chùa bên cạnh các đình thể hiện sự gần gũi, gắn bó giữa tín ngưỡng dân gian và văn hóa Phật giáo trong đời sống tinh thần của người Việt. Ngoài ra, do sự chi phối của địa hình, quan niệm dân gian về mặt phong thủy mà nơi xây dựng chùa và đình ở các vùng nông thôn thường được xây dựng gần nhau. Đây là những khu đất tốt, có cảnh quan thiên nhiên hữu tình, thuận tiện giao thông. Quan niệm Phong thủy cho rằng vị trí của nơi ở, thế đất có sự ảnh hưởng không nhỏ đối với những người sống trên mảnh đất đó:

“Xây dựng chùa, phải chọn đất tốt, ngày tốt, giờ tốt. Đất tốt là nơi bên trái trống không, hoặc có sông ngòi, hồ ao ôm bọc. Núi hỏ ở bên phải cao dày, lớp lớp quay đầu lại, hoặc có hình hoa sen, tràng phướn, lọng báu, hoặc có hình Rồng, Phượng quy, xà châu báu. Đó là đất dương cơ ái hỏ vậy. Cũng lại nên cuồi đảo lại, như là người cuồi ngựa thì đầu ở phía trước. Nước thì nên chảy quanh sang trái. Nếu đảo kỵ, thì mạch nước lại vào ở phía trước. Trước mặt có minh đường hay không có minh đường đều được cả. Phía sau không nên có núi áp kê, thế là đất tốt. Còn cách chọn ngày tốt, giờ tốt thì nên dùng các sách Ngọc Hạp, Tư Cát xem cho kỹ lưỡng. Nếu được như thế mới có thể hưng hiển được đạo pháp, người trụ trì nảy sinh trí tuệ, người thí chủ có công đức lớn, phúc ấm đến con cháu. Nếu không làm như thế thì về sau tất mau chóng đổ nát, không có công đức gì. Cho nên hãy cẩn thận” (Hà Văn Tấn, 1993, tr. 69)

Đồng thời, nơi xây chùa không chỉ có thế đất tốt mà còn phải gần với người dân, cộng đồng:

“Khi đã liễu ngộ chính tông rồi thì chọn cảnh chùa mà trụ trì, tránh những nơi nước độc non thiêng. Cảnh có bốn điều: một là nước, hai là lửa, ba là lương thực, bốn là rau. Đây là bốn điều cần. Lại cũng nên biết cảnh không

gần nhân gian mà cũng không xa nhân gian, vì gần thì ồn ào, mà xa thì không ai giúp đỡ cho. Cảnh có thể trú là chỗ yên nghiệp, dễ dưỡng thần, nuôi tính, tâm linh sáng suốt, trường dưỡng thánh thai, để được chứng đạo, ấy là cứu cánh” (Hà Văn Tân, 1993, tr. 72).

Một số ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang cho thấy việc chọn lựa môi trường thuận lợi, phong thủy tốt để xây dựng chùa của ông bà ta ngày xưa như: Chùa Sắc Tứ Linh Thụ hiện nay tọa lạc tại ấp Chợ, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành được dân gian quan niệm có phong thủy rất tốt, gần với huyền thoại chùa xây dựng trên mạch đất suối Rồng.

Chùa Phù Châu tại xã Đông Hòa Hiệp, huyện Cái Bè từng được ví như viên ngọc nổi bởi vị trí xây đã tạo cảnh chùa hài hòa với sông nước. Hiện nay ở chùa còn lưu những câu đối liên ca ngợi vị trí xây dựng ngôi chùa: *“Giáo lý kế truyền, Phật pháp lưu hành cầu ba ngàn nước mạnh/Ngọc kia kế nối, tăng đồ ca ngợi nguyện trăm họ an khang. Đại hùng bảo điện đề: Hoa Bát - nhĩ khai, muôn pháp tức tâm tức Phật/Quả Bồ-đề chín, một lòng chẳng sắc chẳng không”*. Bên cạnh đó một số chùa như: Bửu Tháp (xã Tân Hội, huyện Cai Lậy); chùa Bà Kết (xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo) và chùa Giồng Tháp (Tân Niên Tây, Gò Công Đông); chùa Trường Tháp xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy được cất trên gò đất cao. Các nơi này là giồng, gò đất cát, nổi lên. Vào mùa nước nổi các giồng, gò này nổi lên như cù lao giữa đồng bằng biển nước. Người dân địa phương gọi nơi đây là gò chùa (Võ Phước Lộc, 2017, tr. 43).

Chùa Vĩnh Tràng (Mỹ Tho), chùa Bửu Lâm (Mỹ Tho), là những ngôi chùa cổ được xây dựng ở những nơi phong cảnh hữu tình, nên thơ và trở thành những danh lam thắng cảnh nổi tiếng. Trong dân gian có câu ca nói về cảnh chùa nơi đây: *“Về sông Bảo Định bờ Đông, Có ngôi chợ Cũ, có chùa Bửu Lâm”*.

Ngôi đình ở xã Kiểng Phước, huyện Gò Công, là một trong những ngôi đình được lập đầu tiên từ thời vua Minh Mạng. Đây là một trong những ngôi đình được sắc phong nhiều nhất ở Tiền Giang (4 lần được sắc phong). Ngôi đình Kiểng Phước được xây trên một thế đất cao, vị trí địa lý thuận lợi cho việc đi lại để người dân đến viếng thăm. Nhờ vị trí đặc địa của ngôi đình đã cứu được bao mạng người ở trận bão năm Giáp Thìn. Gò Công là vùng cận biển, ngày 16 tháng 3 năm 1904, khu vực này nước dâng rất cao, nhấn chìm nhà cửa người dân. Rất nhiều người sống sót được sau trận bão kinh hoàng là nhờ chạy vào trú ẩn tại đình Kiểng Phước (Phan Thanh Sắc, 2015, tr. 501)

Nhìn chung, trong tâm thức người dân tỉnh Tiền Giang, khi chọn đất xây dựng chùa, đình rất quan trọng. Nơi đó phải là mạch đất phong thủy tốt, phong cảnh hữu tình và phải đảm bảo được vẻ thâm nghiêm, linh thiêng. Đồng thời qua cách chọn đất trong dân gian để xây đình, chùa đã cho thấy sự tương đồng, chịu ảnh hưởng lẫn nhau và ảnh hưởng của kiến trúc, phong thủy phương Đông. Bên cạnh đó, kiến trúc xây dựng và nghệ thuật chạm khắc trong các ngôi chùa cũng thể hiện sự dung hợp văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian; cũng như sự tương đồng, chịu ảnh hưởng lẫn nhau và ảnh hưởng của kiến trúc, điêu khắc phương Đông.

Tuy nhiên, đình và chùa là sở hữu tập thể. Hôm nay, có phong thủy tốt với người chủ này, có thể một thời gian sau sẽ xấu với người chủ khác. Thế nên quan niệm dân gian “*Đông không thầy, Tây không chủ*” là không cần thiết. Do đó hướng đình chùa luôn bị thay đổi. Nhiều đình chùa cổ do đô thị hóa nên hướng thay đổi (Lê Thị Thanh Thảo, 2018, tr. 234-237).

2.1.3 Thể hiện qua niềm tin

Sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian được thể hiện qua niềm tin của người dân vào sự linh thiêng của các đối tượng được thờ cúng tại chùa. Người dân Tiền Giang không chỉ tin vào Phật mà trong tâm thức của họ, tất cả các vị thần, thánh dân gian được thờ trong chùa chiếm vị trí rất quan trọng trong đời sống tâm linh.

Bảng 2.1: Niềm tin vào sự thiêng liêng của các đối tượng được thờ cúng

Tin vào Phật và các loại hình tín ngưỡng dân gian có thờ cúng tại chùa	Số lượng	Tỉ lệ %
Tin vào Phật	483	100
Tin vào tín ngưỡng dân gian (Mẫu, Thổ Địa, Thần Tài, Quan Công, Thiên quan tứ phúc, danh nhân, anh hùng dân tộc, nhân vật lịch sử, vong linh – những vong linh được thỉnh lên chùa, chiến sĩ, cô hồn...)	454	93.99

[Nguồn: Lê Thị Thanh Thảo, 2018]

Kết quả khảo sát cho thấy có 100% tin vào Phật và 93.99% các đối tượng thuộc về tín ngưỡng dân gian (Mẫu, Thổ Địa, Thần Tài, Quan Công, Thiên quan tứ phúc,

đanh nhân, anh hùng dân tộc, nhân vật lịch sử, những vong linh được thỉnh lên chùa, chiến sĩ, cô hồn...).

Bảng 2.2: Hoạt động của người dân khi đến chùa

Những hoạt động của người dân khi đến chùa	Số lượng	Tỉ lệ %
Lễ Phật	483	100
Lễ Phật và các loại hình tín ngưỡng dân gian (Mẫu, Thổ Địa, Thần Tài, Quan Công, thiên quan tứ phước, đanh nhân, anh hùng dân tộc, nhân vật lịch sử, vong linh – những vong được thỉnh lên chùa, chiến sĩ, cô hồn...)	462	95.65
Những hoạt động của người dân khi đến chùa	Số lượng	Tỉ lệ %
Tham gia lễ cúng sao, giải hạn, cầu an, cầu siêu	367	75.98
Xin xăm, bói quẻ	258	53.41
Xem ngày, giờ tốt – xấu	83	17.18
Xem tử vi, tướng số	45	9.31
Khác	31	6.41

[Khảo sát trên 483 người; Nguồn: Lê Thị Thanh Thảo, 2018]

Niềm tin được thể hiện qua những hoạt động cụ thể và đa dạng của người dân khi đến chùa: 100% người dân đến chùa lễ Phật; 95.65% người dân lễ Phật và lễ tất cả các đối tượng thờ cúng tại chùa; 75.98% tham gia lễ cúng sao, giải hạn, cầu an, cầu siêu; 53.41% xin xăm, bói quẻ; 17,18% nhờ nhà sư xem ngày, giờ tốt – xấu; 9,31% đến chùa nhờ xem tử vi, tướng số. Kết quả thống kê bên trên trùng khớp với những thu thập được khi chúng tôi đi điền dã thực tế cho thấy khi người dân đến chùa họ thấp nhang lễ bái tất cả các nhân vật thờ tự (xem phụ lục 5, mục 2.1.3). Ngoài ra, một số người dân xem các vị Phật như vị thần, có thể đem đến sự tốt lành cho họ. Một số người đi lễ chùa sờ vào tượng Phật Di Lặc, Bò tát Quan Âm sau đó xoa lên trán, lên đầu cầu mong được vui vẻ, khỏe mạnh. Họ mong muốn được che chở của một đấng thần quyền. Việc vuốt vào tượng Phật, Bò tát rồi xoa lên đầu thường thấy ở những ngôi chùa lớn hoặc những nơi được xem là linh thiêng (xem phụ lục 5, mục 2.1.3).

Bà Phạm Hồng Th, 57 tuổi, nghề nghiệp tự do chia sẻ:

“Cô vuốt tượng Phật Di Lặc là mong ngài gia hộ cho cô được sáng suốt, khỏe mạnh, gặp nhiều may mắn. Thường khi lễ lạy xong cô thường sờ như vậy và kêu các cháu đi cùng sờ cho được thông minh, học giỏi” (PL 2, BBPV số 4).

Theo Thầy Thích Ngọc Tường, trụ trì chùa Thiên Phước tại xã Ông Văn, huyện Chợ Gạo cho rằng:

“Phật tử vuốt tượng Phật Di Lặc, Bỏ tát Quan Âm sau đó vuốt lên trán, lên đầu, vuốt vào chỗ bị đau là hành động mê tín, Phật tử làm lâu dần như thế thành một thói quen, điều này phản khoa học, có bệnh thì phải đi khám chữa bệnh, không thể vuốt lên tượng Phật thì khỏi bệnh được” (PL 2, BBPV số 5).

Qua phân tích trên cho thấy, ngôi chùa không chỉ là nơi tu học của các tăng, ni mà còn là nơi đáp ứng mọi nhu cầu tâm linh của người dân

Mục đích đến chùa của người dân Tiền Giang cũng rất đa dạng và phong phú.

Bảng 2.3: Mục đích đi chùa của người dân Tiền Giang

Mục đích đi chùa	Số lượng	Tỉ lệ %
Cầu bình an, sức khỏe	483	100
Cầu cho người thân đã khuất được siêu thoát	325	67.29
Cầu giải quyết khó khăn trong cuộc sống	317	65.63
Thăm và thắp nhang cho người thân được an vị tại chùa (di ảnh, lọ tro cốt, bài vị, chôn cất tại chùa)	292	60.46
Cầu sự nghiệp và tài lộc	281	58.18
Cầu trí tuệ	216	44.72
Thỉnh nhà sư về tư gia: cầu an, cầu siêu, thực hiện nghi lễ tang, lễ khai trương cửa hàng...	151	31.26
Tham quan, văn cảnh	73	15.11
Cầu tình duyên	63	13.04
Tìm sự bình an trong tâm (tịnh tâm)	48	9.94
Nhờ nhà sư chữa bệnh	22	4.55
Làm công quả	18	3.73

Mục đích đi chùa	Số lượng	Tỉ lệ %
Gửi con, em khó nuôi vào chùa cho đức Phật độ trì (bán khoán con vào chùa)	9	1.86
Làm từ thiện (mang tiền, vật phẩm... gửi vào chùa làm từ thiện)	7	1.45
Khác	25	5.18

[Khảo sát trên 483 người; Nguồn: Lê Thị Thanh Thảo, 2018]

Người dân đi lễ chùa tập trung vào cầu bình an, sức khỏe dồi dào 100%; 67.29% cầu cho người thân đã khuất được siêu thoát; 65.63% cầu giải quyết khó khăn trong cuộc sống; 60.46% thấp nhang cho người thân đã khuất an vị tại chùa (di ảnh, lọ tro cốt, bài vị, chôn cất tại chùa); 58.18% cầu sự nghiệp và tài lộc; 31.26% thỉnh nhà sư về tư gia: cầu an, cầu siêu, thực hiện nghi lễ tang, lễ khai trương cửa hàng, ...; 44.72% cầu trí tuệ. Ngoài ra, người dân còn cầu tình duyên, cầu sự bình an trong tâm, chữa bệnh, làm từ thiện, tham quan, văn cảnh. Dù rằng việc tìm chỗ dựa tâm linh để con người có thể vượt qua những khó khăn trong cuộc sống hiện tại đã mang lại những giá trị nhất định trong đời sống tinh thần của một bộ phận người dân. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy cách hành xử thể tục đã xâm nhập mạnh mẽ vào ngôi chùa, tính thực dụng của người đi lễ chùa ngày một tăng, người dân tin tưởng nhiều vào sự tồn tại của Phật, trời, thần, thánh. Họ cho rằng mọi thứ trong cuộc sống này, các đối tượng thiêng đều có thể phù hộ, độ trì và giúp đỡ họ vì vậy việc gì cũng phải khẩn vái, cầu xin.

2.2 SỰ DUNG HỢP TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA TỔ CHỨC

Theo tác giả Trần Ngọc Thêm văn hóa tổ chức cộng đồng bao gồm văn hóa tổ chức đời sống tập thể và tổ chức đời sống cá nhân. Trong đó, tổ chức nông thôn, quốc gia và đô thị thuộc văn hóa văn hóa tổ chức đời sống tập thể; còn tất cả những vấn đề về tín ngưỡng, phong tục, giao tiếp, nghệ thuật liên quan đến đời sống của mỗi người thuộc văn hóa tổ chức đời sống cá nhân (Trần Ngọc Thêm, 1999, tr. 88, 126).

2.2.1 Cơ sở thờ tự

Tính đến hiện nay, trong toàn tỉnh Tiền Giang có 104 697 tín đồ Phật giáo với 412 cơ sở thờ tự (Văn kiện Đại hội đại biểu GHPGVN tỉnh Tiền Giang lần IX, 2017-2022). Toàn tỉnh có 404 ngôi Phật giáo chùa Bắc Tông và 08 ngôi chùa Phật giáo Nam Tông: chùa Pháp Bảo (My Tho, Tiền Giang), chùa Phước Hải (Châu Thành, Tiền Giang), chùa Đông Phương (Cai Lậy, Châu Thành), chùa Linh Cổ (Thân Cửu Nghĩa, Châu Thành,

Tiền Giang), chùa Thiện Thông (Tiền Giang), chùa Phước Điền (Tam Bình, Cai Lậy, Tiền Giang), chùa Ân Lâm (Cai Lậy, Tiền Giang), chùa Bửu Thanh (Gò Công Đông, Tiền Giang).

Tại tỉnh Tiền Giang có rất nhiều ngôi chùa có sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian, một số ngôi chùa tiêu biểu sẽ được trình bày tóm lược dưới đây.

2.2.1.1 Chùa Vĩnh Tràng

Chùa Vĩnh Tràng là một trong những ngôi chùa nổi tiếng ở miền Tây Nam Bộ, là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia được nhiều người biết được xây dựng năm 1849 tại xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho. Lúc đầu chùa chỉ là cái am lá đơn sơ, cất lên nhằm mục đích để gia đình Bùi Công Đạt tu hành lúc tuổi già – sau khi đã nghỉ hưu không làm quan huyện nữa. Vì vậy nhân dân trong vùng gọi là chùa Ông Huyện. Một thời gian sau, ông bà Bùi Công Đạt thỉnh hòa thượng Thích Huệ Đăng ở chùa Giác Lâm (Gia Định) về đây trụ trì và dạy học cho các con. Sau khi ông bà Huyện qua đời, năm 1849, nhân dân trong vùng cùng sư trụ trì Thích Huệ Đăng đã xây dựng lại ngôi chùa và đặt tên là chùa Vĩnh Trường. Trải qua nhiều lần trùng tu, vào năm 1984, chùa được công nhận là Di tích Kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia (Trần Hoàng Diệu – Nguyễn Quang Ân (2007), tr. 998).

Cổng chùa Vĩnh Tràng trang trí 2 tượng tở (tượng 2 vị nhà sư có nhiều công với chùa). Chánh điện của chùa bày trí rất nhiều tượng Phật. Bên cạnh đó, ngay trên điện thờ này, bày trí tượng của hai hòa thượng Chánh Hậu và hòa thượng Minh Đăng. Hai bên điện Phật là điện thờ ngài Tiêu Diện cầm cờ (bên trái) và điện thờ Hộ Pháp tay phải cầm Pháp khí là Chày Kim Cang (bên phải). Đặc biệt, 18 tượng La Hán được bày trí mỗi bên 9 vị đối xứng với nhau được đặt 2 bên điện Phật. Tượng những vị La Hán cưỡi trên những linh thú: trâu, bò, ngựa, lạc đà, hà mã, tê giác,...Phía trái, cuối chánh điện bày trí điện thờ mẫu. Phía sau, bày trí điện thờ các vị Diêm Vương, điện thờ Ngọc Hoàng cùng Ông thiện và Ông ác, điện thờ ông Bùi Công Đạt. Nhà tổ của chùa, ngoài việc thờ các vị Phật và Bồ tát, bên trong có án thờ các vị Hòa thượng có nhiều gắn bó với chùa trong quá trình tạo lập và phát triển. Bên trên bày trí tượng ba vị hòa thượng Huệ Đăng, Chánh Hậu và Minh Đăng và điện thờ chư vị hòa thượng khai sơn, điện thờ bài vị thiện nam, tín nữ. Sau điện thờ tổ là điện thờ ông Giám, các vị Bồ tát khác và bàn thờ cốt của thiện nam, tín nữ (xem phụ lục 5, mục 2.2.1.1).

2.2.1.2 Chùa Bửu Lâm

Chùa Bửu Lâm tại số 162B, khu phố 7, đường Anh Giác, phường 3, thành phố Mỹ Tho được xây dựng năm 1742 là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia. Năm 1802, bà Phạm Thị Đạt xây dựng thỉnh ngài Tiên Hiện - Từ Lâm từ chùa Đức Lâm về làm trụ trì chùa. Năm 1803, hoà thượng Tiên Hiện đã trùng tu và xây dựng lại ngôi chùa một cách khang trang. Để tưởng nhớ công đức người sáng lập chùa, vị trụ trì chùa đã đặt tên là Bửu Lâm với ngụ ý “Báu vật nhiều như cây trong rừng”. Từ năm 1999, chùa được công nhận là di tích văn hóa cấp quốc gia (Cao Tự Thanh – Trương Ngọc Tường, tr. 20). Hiện nay, chùa Bửu Lâm là một trong những ngôi chùa cổ ở Tiền Giang, dù nằm ở trung tâm thành phố Mỹ Tho nhưng đối tượng thờ tự trong chùa cũng cho thấy rất rõ sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian. Chùa Bửu Lâm được bày trí theo kiểu tiền Phật hậu tổ. Chánh điện thờ các vị Phật và các vị Bồ tát, hai gian hai bên thờ Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma, Quan Công - thần Già Lam, Thập Điện Diêm Vương. Trước chánh điện là bái đường có rất nhiều hoành phi, câu đối sơn son thếp vàng, nổi bật hơn hết là các bộ lam chạm trổ rất sắc xảo. Nơi đây thờ tượng Di Đà (bàn giữa) phía trước có tượng Thích Ca còn nhỏ, hai bên là tượng Đại Thế Chí và Quan Âm hầu Di Đà. Tượng Di Lạc được thờ bàn trái, tượng Thích Ca được thờ bàn phải, hai bên là tượng ông thiện và ông ác. Hai bên vách chùa, mỗi bên đặt ba bàn hướng vào, thờ Già Lam, Tổ Sư, Ngọc Hoàng, Thập Điện, Địa Tạng, thần Hộ pháp Vi Đà và Tiêu Diện đại sĩ, Quan Công – Già Lam. Sau chánh điện là bàn thờ các vị Tổ sư và Phật tử có nhiều công lao với chùa và rất nhiều bài vị. Trong khuôn viên chùa, dành riêng một khu vực thờ các vị thần theo tín ngưỡng dân gian như Thổ Địa Thần Tài, Kim Liên thánh Mẫu, Ngũ hành Nương Nương (xem phụ lục 5, mục 2.2.1.2).

Theo sơ đồ bài trí tượng thờ tại chánh điện chùa Bửu Lâm do tác giả Trần Hồng Liên lập năm 1991 chùa có thờ Thần Nông, Nữ Oa. Phụ lục hình trong sách Đạo Phật của tác giả Trần Hồng Liên thì chùa có thờ vua Nghiêu, Thuấn (Trần Hồng Liên, 2000, tr156, 208).

2.2.1.3 Chùa Sắc Tứ Linh Thú

Chùa Sắc Tứ Linh Thú là một trong những ngôi chùa nổi tiếng linh thiêng ở Tiền Giang, là di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia. Trong sân chùa Sắc Tứ cạnh hàng rào, phía trái từ ngoài cổng nhìn vào có hai ngôi miếu nhỏ, một ngôi miếu thờ Bà Chúa Xứ, một ngôi miếu thờ chiến sĩ. Phía tay phải, từ cổng chùa đi vào có một ngôi miếu thờ thần Thổ Địa. Chánh điện chùa Sắc Tứ Linh Thú thờ rất nhiều tượng Phật như sau:

Tính từ trên cao xuống hàng đầu tiên, tính từ bên trái qua thờ Phật A Di Đà quá khứ, Đại thế Chí Bồ tát, Phật A Di Đà hiện tại, Quan Thế Âm Bồ tát, Phật A Di Đà tương lai; Hàng thứ hai thờ Phật Di lặc, Đại Tạng Bồ tát, Phật Thích Ca, Mục Kiền Liên Bồ tát, Phật Thích ca; Hàng thứ ba thờ Phật Thích Ca Đản Sanh; Phật Dược Sư Lưu Ly; Dưới cùng là thờ Phật Thích Ca niết bàn. Bên phải gian chánh điện thờ Phật Mẫu chuẩn đề, Già Lam hộ pháp, khuyến thiện. Góc trong cùng bên phải thờ Ngọc Hoàng, kế đến thờ Thiên Thủ Thiên Nhân, Thập Điện Diêm Vương, Thế Âm Bồ tát, Hộ pháp, Tiêu Diện đại sĩ thờ bên phải cạnh cửa ra vào, gần cửa chính từ ngoài vào bày trí đèn Dược Sư, đối diện với chánh điện. Cây đèn Dược Sư tồn tại hàng trăm năm. Cây đèn này có 49 ngọn tượng trưng cho Phật Dược Sư, được nhà chùa thắp sáng mỗi ngày (xem phụ lục 5, mục 2.2.1.3).

Theo Ni trưởng Thích Minh Như – Trụ trì chùa: *“trước đây, khi những lưu dân vừa đến vùng đất mới khai hoang, cuộc sống còn nhiều khó khăn do bệnh dịch. Vì vậy, nhà chùa thờ Phật Dược Sư với mong muốn vị Phật này hộ trì cho người dân nơi đây được tai qua, nạn khỏi, có cuộc sống bình an, sung túc trên vùng đất mới”* (PL2, BBPV số 6).

Cây đèn 49 ngọn là sự tổng hợp 7 lần con số 7. Theo Phật giáo, số 7 là số tốt, với ý nghĩa việc tu tập sẽ giúp con người vượt qua những ràng buộc, những lo toan của cuộc sống đời thường để đạt được sự giải thoát (Nguyễn Phúc Nghiệp, 1998, tr.249).

Hiện tại, ở chùa còn hai chiếc chuông đồng được bày trí cặp hai bên tường gần cửa chùa, trước chánh điện. Trong hai chuông này có một chiếc đại hồng chung có ghi dòng chữ: *“Gia Long thập nhất niên tặng phong Sắc Tứ Linh Thừu tự”*. Đây là chiếc Đại hồng chung gắn với huyền thoại Nguyễn Ánh đã trốn trong đó trước sự truy đuổi của quân Tây Sơn, nhờ vậy mà ông đã thoát nạn.

Đối tượng thờ cúng tại nhà tổ chùa cũng thể hiện sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian: Tổ Đạt Ma được thờ ở tầng trên, tầng dưới thờ chư vị tổ khai sơn và vua Gia Long. Hai bàn thờ Ngọc Hoàng và Giám trai được bày trí hai bên nhà tổ. Nhà hậu của chùa có bàn thờ Bác Hồ, bàn thờ Phật chuẩn đề, bàn thờ tổ ni các đời trụ trì, bàn thờ linh vị người quá cố.

2.2.1.4 Chùa Phù Châu

Chùa Phù Châu tọa lạc tại ấp An Ninh xã Đông Hòa Hiệp, thị trấn Cái Bè: chánh điện thờ Tây Phương Tam Thánh (Tây Phương Đại thánh A Di Đà Phật tọa thiền hai bên có hai tượng Quan Thế Âm Bồ tát và Đại Thế Chí Bồ tát đứng hầu) sát vách hậu,

phía dưới điện thờ Tây Phương Tam Thánh là một điện thờ Thất Phật và Bốn sư Thích Ca Mâu ni Phật. Hai góc phải và trái của Đại hùng bảo điện là nơi đặt chuông và trống. Cạnh đó có hai bàn thờ: Một bàn thờ Hộ Pháp Vi Đà và Thiện Hữu, một bàn thờ Ác Hữu và Tiêu Diện đại sĩ. Ở nội điện, trên đầu tường có rất nhiều bức phù điêu tả cuộc đời Đức Phật Thích Ca từ lúc sơ sinh đến khi nhập niết bàn. Ngoài ra, còn có các câu liên cho thấy sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian. Phía trong cùng Bát Nhã đường của chùa Phù Châu có bàn thờ (hậu) thiện nam tín nữ quá vãng và bàn thờ Tổ sư. Ngũ Trí Như Lai, Bồ tát Đản sinh, Ma Ha Ca Diếp và A Nan, Đức Phật Di Đà (tượng mục đồng nặn), Đức Phật Di Đà (tượng đồng), Bồ tát Chuẩn Đề (gỗ), thờ Hộ Pháp vi Đà và Thiện Hữu (gỗ), Ác Hữu và Tiêu Diện (gỗ), Diêm Vương và Phán Quan, Quan Công - Già Lam, Diêm Vương và Phán Quan. Tổ sư Bồ Đề Đạt Ma (xem phụ lục 5, mục 2.2.1.4).

2.2.1.5 Chùa Phật Đá

Ngôi chùa Phật Đá được đại trùng tu vào năm 2007 và xây thêm một số hạng mục phụ vào năm 2014. Nhờ vậy, hiện nay ngôi chùa rất khang trang, phần nào đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân huyện Tân Phước. Chùa được công nhận là cơ sở thờ tự vào năm 2006 và là nơi đặt trụ sở văn phòng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Tân Phước. Trong sân chùa Phật Đá thờ Quan Âm Bồ tát, chánh điện chùa thờ Phật Di Đà, Thích Ca, Dược Sư và tượng thần Vishnu. Ngoài ra, chùa thờ Hộ Pháp Tiêu Diện, thờ Tổ sư Đạt Ma và các nhà sư quá cố,... (xem phụ lục 5, mục 2.2.1.5).

2.2.1.6 Chùa Kim Thiên

Chùa Kim Thiên tọa lạc tại Ấp Tân Định xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, Tiền Giang được xây dựng năm 1960. Sau nhiều lần trùng tu, hiện tại ngôi chùa rất khang trang, có không gian rộng rãi, thoáng mát, khung cảnh đẹp. Đây là một ngôi chùa lớn ở vùng Cù lao Tân Phú Đông có rất nhiều cây xanh mát, được nhiều người biết đến. Trong khuôn viên chùa bày trí tượng Phật Thích Ca, tượng Quan Âm Bồ tát, Di Lặc, tượng 18 vị La Hán rất lớn, vườn Lâm Tì Ni và ngôi miếu thờ Địa Mẫu. Chánh điện chùa thờ Phật Thích Ca, Tam Thánh, Phật Dược Sư. Bên cạnh đó, chùa còn thờ Quan Âm Bồ tát, Địa Tạng Bồ tát, thờ bài vị, hủ cốt,... (xem phụ lục 5, mục 2.2.1.6).

2.2.1.7 Chùa Khánh Lâm

Trong sân chùa Khánh Lâm thờ Quan Âm ở giữa sân, vào phía trong, gần chánh điện phía bên phải có ngôi miếu thờ hai tượng Ngọc Hoàng, mẫu Diêu Trì rất lớn. Phía

ngoài hành lang, trước chánh điện có một bàn thờ Cô hồn. Vào chánh điện chùa, ngay bên phải đứng từ ngoài nhìn vào thờ Hộ pháp, bên trái thờ Tiêu Diện đại sĩ. Sát vách chánh điện, tính từ trên xuống thờ Phật A Di Đà rất lớn. Hàng phía dưới thờ bảy tượng Phật Dược Sư. Sau chánh điện sát vách tường thờ tượng Phật tổ, ngay trên bàn thờ tổ thờ sư Đạt Ma có thờ Ngọc Hoàng...Đôi diện bàn thờ tổ là bàn thờ Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu. Cặp hai bên bàn thờ Ngọc Hoàng là hai bàn thờ Thập Điện La Hán (xem phụ lục 5, mục 2.2.1.7).

2.2.1.8 Chùa Sắc tứ Long An

Sắc tứ Long An là một trong những ngôi chùa Sắc tứ tọa lạc tại ấp Bình Sơn, xã Bình Phú, Cai Lậy, Tiền Giang. Trong sân chùa có ngôi miếu thờ Bà Thiên Hậu. Chánh điện thờ Phật Thích Ca, Tôn giả Ca Diếp, A Nan, tượng Nam Tào, Bắc Đẩu. Hai bên trái và phải của chánh điện thờ các ban Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền, Thập bát La hán, Thập Điện Diêm Vương. Nhà tổ thờ các vị sư Tiên bối và chư hương linh Phật tử, những người có công với chùa. Trải qua nhiều lần trùng tu, ngôi chùa vẫn còn lưu giữ nhiều pho tượng Phật cổ, mang phong cách tượng mục đồng. Đây là những di sản quý cần được bảo tồn.

2.2.1.9 Chùa Phước Sơn

Chùa Phước Sơn xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là một ngôi chùa minh chứng tiêu biểu cho sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian. Trong sân chùa có miếu thờ thổ địa, có bàn Thiên, bàn thờ Cô Hồn, có khu vực thờ hương linh Phật tử. Trong chùa, ngoài thờ Phật còn thờ Quan Công, tượng Vua Hùng, Vua Gia Long, tượng Vua Trần Nhân Tông, tượng Bác Hồ, Đại tượng Võ Nguyên Giáp.

2.2.1.10 Chùa Hội Thọ

Chùa Hội Thọ thành lập năm 1755 tại ấp Mỹ Hưng, xã Thiện Trí, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Chùa là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh. Trong sân chùa có bày trí ngôi miếu thờ Mẫu, điện thờ Bồ tát Quan Thế Âm và điện thờ tượng Phật Di Lặc. Trong chánh điện chùa thờ Phật Thích Ca, A Di Đà, Bồ tát Thế Chí, Bồ tát Quan Âm, Địa Tạng, Di Lặc, Phật Dược Sư, Thiên Thủ Thiên Nhãn. Nhà thờ tổ, ngoài thờ bài vị tổ, các vị có công với chùa còn thờ Phật Chuẩn Đề và nhiều tượng Thập Điện Diêm Vương, Quan Công. Chùa là nơi các nhà yêu nước thời chống Pháp từng họp bàn việc nước.

2.2.1.11 Chùa Long Đức

Chùa Long Đức tại lớp Sơn Qui B, xã Tân Trung, Gò Công tỉnh Tiền Giang thành lập năm 1962. Chùa có khuôn viên rộng, có nhiều cây cảnh, có hồ sen. Trong sân chùa thờ tượng Phật Di Lặc, Bồ tát Quan Âm, thờ Phật Thích Ca. Chánh điện chùa thờ Phật A Di Đà, tam thánh (Thế Chí, Di Đà, Quan Âm), Đức Phật Đản Sanh, Phật Dược Sư. Bên trái có ban thờ Địa Tạng, bên phải chánh điện có ban thờ Bồ tát Quan Âm và thờ Địa Mẫu.

2.2.2 Đối tượng thờ tự trong ngôi chùa

Các ngôi chùa ở Tiền Giang không chỉ là nơi thờ Phật mà còn thờ các vị thần của tín ngưỡng dân gian.

“Chùa là nơi thờ Phật, nhưng trong các ngôi chùa Việt Nam người ta thờ nhiều vị trước và sau Đức Thích Ca như A Di Đà, Di Lặc, La Hán, Bồ tát, rồi còn thờ cả các vị Thánh, Thần, Tiên, Mẫu... của tôn giáo, tín ngưỡng dân gian, hoặc những vị anh hùng dân tộc như (Trần Hưng Đạo, Hồ Chí Minh), thờ người có công với cộng đồng, dân tộc, hoặc những người có công xây dựng, tôn tạo chùa... Bất cứ nơi thờ tự của loại hình tín ngưỡng dân gian, tôn giáo nào ở Việt Nam, chúng ta cũng được chứng kiến cách thờ phối, sự dung hợp. Các vị Tiên, Thánh, Phật, Mẫu, ... đến người có công với dân, với nước đều quy tụ và ngồi chung trong một điện thờ” (Đỗ Lan Hiền, 2011, tr.73- 74).

Đối tượng thờ tự trong một số ngôi chùa ở Tiền Giang đa dạng, phong phú. Các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang ngoài thờ Phật còn thờ rất nhiều các vị thần dân gian, vua Hùng Vương, vua Gia Long, Bác Hồ, Quan Công, Thổ Địa, Thần Tài, Thần Nông, Mẫu, Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu, cô hồn, vong linh, tổ tiên,... Ngoài ra còn một số ngôi chùa và đình ở cạnh nhau, trong một khuôn viên, không có tường rào ngăn cách vì vậy các tín ngưỡng dân gian đều tập trung nơi này: chùa Nhơn Phước tại ấp 1 xã Tam Hiệp, Châu Thành và đình Nhơn Hội; chùa Huệ Quang ấp Hòa Bình xã Hòa Tịnh, huyện Chợ Gạo, đối diện đình Hòa Mỹ. Chính các đối tượng thờ tự trong các ngôi chùa đã cho thấy sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian.

2.2.2.1 Thờ Phật

Qua khảo sát thực tế, chúng tôi thấy rằng phần lớn các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang thờ các vị Phật: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, Phật

Di Lạc, Bồ tát Quan Thế Âm, Bồ tát Đại Thế Chí, Bồ tát Địa Tạng, Phật Dược Sư. Mỗi vị Phật, Bồ tát đều có hình tượng, hạnh nguyện riêng. Đồng thời mỗi danh hiệu của các vị Phật, Bồ tát có một ý nghĩa vì vậy mỗi vị tạo niềm tin riêng trong lòng dân chúng khi đến lễ chùa. Điều này làm nên sự phong phú trong văn hóa Phật giáo (xem phụ lục 5, mục 2.2.2.1).

2.2.2.2 Thờ Mẫu

Thờ Mẫu là loại hình tín ngưỡng đặc trưng của cư dân nông nghiệp. Trong nền văn minh nông nghiệp, phụ nữ đóng một vai trò rất quan trọng. Thờ Mẫu thể hiện sự tôn kính đối với thiên chức sinh sản và sự dưỡng dục, che chở của người phụ nữ. Xuất phát từ quan niệm âm dương và triết lý âm dương người Phương Đông tôn thờ những vị thần tự nhiên: thần Đất, thần Nước, thần Lúa ... và những hiện tượng tự nhiên mây, mưa, sấm chớp. Những vị thần tự nhiên và các hiện tượng tự nhiên vừa kể trên được dân gian cho là mang tính âm, đồng thời nhân hóa trở thành nữ thần hay Mẫu. Cũng có quan niệm phân biệt giữa tục thờ Mẫu và thờ Nữ thần: *“Tất cả Mẫu đều là nữ thần, nhưng không phải tất cả nữ thần đều là Mẫu thần mà chỉ một số nữ thần được tôn vinh là Mẫu thần”* (Ngô Đức Thịnh, 2012, tr. 34).

Truyện thuyết về Mẫu Liễu Hạnh cho rằng cha, mẹ của Liễu Hạnh là người sùng kính Phật giáo, trong nhà thờ Phật và luôn nhang khói mỗi ngày. Vì muốn có con nên cha, mẹ Liễu Hạnh đã dùng tài sản của mình để làm từ thiện. Vì vậy mà trong ba năm gia đình của Liễu Hạnh đã hết sạch tài sản. Kết quả của việc làm trên đã giúp cha, mẹ Liễu Hạnh có được hai người con. Truyện thuyết về Mẫu Liễu Hạnh còn kể rằng Liễu Hạnh đã quy y (Bùi Quang Hùng, 2016, tr. 611).

Truyện thuyết Man Nương kể về một cô gái chất phác, thuần khiết tìm đến nhà sư Khâu Đà La để xin học đạo nhưng vì chữ nghĩa yếu, nói năng chậm chạp nên cô không thể theo học giáo lý Phật giáo, không thể tụng kinh cùng chúng tăng nên cô lo việc nấu ăn để cúng dường cho chúng tăng và phật tử đến chùa học đạo. Rồi đến buổi tối, cô ngủ quên dưới bếp, vô tình nhà sư Khâu Đà La bước chân qua người cô. Điều kỳ diệu xảy ra là chỉ bước ngang qua người nhưng Man Nương đã có thai và sinh ra một bé gái vào ngày mừng Tám tháng Tư, trùng ngày sinh của Phật theo quan niệm truyền thống của các nước Đông Nam Á. Sau đó, Man Nương đem đứa con này đến trả cho nhà sư. Nhà sư đã đặt đứa bé vào một gốc cây và nói: *“Ta gửi đứa con này của Phật cho người giữ rồi sau sẽ nên danh đạo Phật”*. Cây đã nuôi nấng đứa bé đó. Sau này, do gió lớn xô ngã

cây, nước lụt cuốn trôi cây đi, duy chỉ có Man Nương mới có khả năng đem cây lên bờ. Tại nơi đặt đứa bé trong lòng cây trước đây, người ta đã tìm thấy một khối đá tỏa sáng và cho rằng đó là “*con của Phật*” và tôn là “*Thạch Quang Phật*”. Còn thân cây được dùng để tạc bốn tượng Phật là Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Từ đó, Man Nương được tôn là Phật Mẫu. Qua truyền thuyết về Man Nương, cho thấy khi Phật giáo truyền sang nước ta đã dung hợp ngay với tín ngưỡng thờ nữ thần vốn tồn tại bên bờ, lâu đời trong tâm linh người dân Việt Nam (Phan Thị Thu Hiền, 2016, tr. 549 -558).

Hai truyền thuyết trên cho thấy sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian trong buổi đầu khi Phật giáo vừa du nhập vào nước ta ở phía Bắc.

Khi tiến về phía Nam, sự dung hợp này thể hiện đậm nét trong tâm thức người dân được Trịnh Hoài Đức nhận xét trong Gia Định thành thông chí như sau: “*Họ hay chuộng đạo Phật, tin vào việc đồng bóng, kính trọng nữ thần như Bà chúa Ngọc, Bà chúa Động (quen gọi người phu nhân tôn quý bằng Bà), Bà Hỏa Tin, Bà Thủy Long, Cô Hồng, Cô Hạnh...*”. Người dân Nam Bộ tin vào cả Mẫu và Phật để làm chỗ dựa tinh thần trong những lúc khó khăn, đặc biệt giai đoạn đầu đi khai khẩn (Trịnh Hoài Đức, 1820, tr.4)

Theo tác giả Lê Thị Thanh Thảo, Tiền Giang là vùng đất mới, khoảng 300 năm trước, khi di dân vào đây, những cư dân người Việt từ nhiều vùng miền khác nhau đã mang cả hành trang văn hóa tâm linh của nơi chôn nhau cắt rốn vào cùng, trong đó có văn hóa thờ Mẫu. Tại đây, với đặc trưng sông nước và trong quá trình chung sống xen kẽ với nhau, nhờ sự giao lưu văn hóa với người Khmer, Chăm và sau này là người Hoa cũng di dân đến, đã tạo nên văn hóa riêng và độc đáo. Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam bộ có những đặc trưng khác biệt so với miền Bắc và miền Trung. Nếu các vị Mẫu được thờ cúng ở phía Bắc là Mẫu Liễu Hạnh, Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoải. Thì ở Tiền Giang nói riêng và Tây Nam Bộ nói chung Mẫu (nữ thần) là biểu tượng. Đó là những nữ thần phù hộ xóm làng bên cạnh thần Thành Hoàng (Lê Thị Thanh Thảo, 2018, tr. 483).

Ngày nay, tín ngưỡng thờ Mẫu (Bà) vẫn tồn tại phổ biến tại Tiền Giang với nhiều hình thức khác nhau. Theo số liệu thống kê của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Tiền Giang, vào năm 2006, toàn tỉnh có 182 miếu Bà. Mẫu ở Tiền Giang không chỉ được tôn thờ ở các miếu mà còn được thờ cúng trong các ngôi chùa.

Qua khảo sát các chùa, chúng tôi thấy rằng sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian ở Tiền Giang được thể hiện đậm nét trong việc thờ Mẫu (nữ thần) ở

các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông. Chùa là nơi thờ Phật, nhưng khi đến viếng các ngôi chùa ở tỉnh Tiền Giang, chúng ta dễ nhận thấy đối tượng thờ cúng trong chùa rất đa dạng. Một biểu hiện rõ nét nhất đó là chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang không chỉ là nơi thờ Phật mà còn là nơi thờ Mẫu.

Thầy Thích Huệ Phát chùa Vĩnh Tràng cho biết:

“Mẫu đã được thờ trong rất nhiều ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông tại tỉnh Tiền Giang, Mẫu được thờ từ lâu rồi, có chùa Mẫu được đưa vào thờ từ khi mới thành lập chùa và nhân dân tin rằng Mẫu linh thiêng vì vậy các thầy để thờ luôn. Trong khuôn viên chùa Vĩnh Tràng có ngôi miếu đã tồn tại lâu đời, mấy năm trước, vị trụ trì chùa cho tháo dỡ ngôi miếu để mở rộng không gian sân chùa rộng hơn. Sau khi ngôi miếu bị tháo dỡ một thời gian ngắn sau vị trụ trì bệnh rất nặng và thầy nằm mộng nghe Mẹ (Mẫu) hỏi sao thầy lại bỏ đi nơi mà Mẹ đã ngự trị. Sau đó thì vị trụ trì này cho xây dựng lại ngôi miếu. Ngôi miếu này đến nay vẫn tồn tại, hằng năm bà con đều có tổ chức cúng rất lớn” (PL, BBPV số 7).

Kết quả cho thấy phần lớn các ngôi chùa được giới hạn trong phạm vi nghiên cứu có thờ Mẫu. Các vị Mẫu thờ trong chùa rất đa dạng như: Chùa Vĩnh Tràng (Mỹ Tho) thờ Linh Sơn Thánh Mẫu ngay trong chánh điện chùa, trong viên chùa cũng có 01 ngôi miếu thờ Mẫu; chùa Bửu Lâm (Mỹ Tho) thờ Cửu Thiên Huyền Nữ, Linh Sơn Thánh Mẫu bên hiên chùa; chùa Kim Liên (Mỹ Tho) thờ Bà Kim Liên trong ngôi miếu trước sân chùa, chùa Bửu Trung (Một cột) (Mỹ Tho) thờ Địa Mẫu theo kiểu tiền Phật hậu Mẫu, chùa Bửu Hưng (Mỹ Tho), chùa Dược Sư (Mỹ Tho) thờ ngay trong chùa gần cửa chính của tầng trệt, Chùa Hòa Thành (Mỹ Tho) thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu; chùa Thanh Quang (Mỹ Tho) thờ Địa Mẫu ở ngôi miếu trước sân chùa; chùa Bửu Hưng (Mỹ Tho) thờ Ngũ hành nương nương, Cửu Thiên huyền nữ, Linh Sơn Thánh Mẫu theo kiểu tiền Phật hậu Mẫu; chùa Hưng Thiên (Tân Mỹ Chánh Mỹ Tho) có ngôi miếu thờ Ngọc Hoàng, Mẫu Diêu Trì trong sân chùa; chùa Phước Lâm (tại Phú Phong, Châu Thành) thờ Mẫu Diêu Trì và năm mẹ Ngũ hành; chùa Long Tường (Châu Thành) thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu; chùa Sắc Tứ Linh Thúy (Châu Thành) thờ linh Sơn Thánh Mẫu trong ngôi miếu trước sân chùa. Trong khuôn viên Sắc tứ Long An cổ tự (Cai Lậy) có ngôi miếu thờ Bà Thiên Hậu, chùa Bửu Vương (Cai Lậy) có miếu thờ Bà Chúa Xứ trước sân chùa; chùa Long Sơn (Nhị Mỹ, Cai Lậy) thờ năm mẹ Ngũ hành. Chùa Khải Tường (Cái Bè)

thờ năm mẹ Ngũ hành. Chùa Long Đức (ấp Sơn Quy B, Tân Trung, Gò Công) thờ Địa Mẫu, chùa Phước An (Vàm Láng – Gò Công) thờ Địa Mẫu theo kiểu tiền Phật hậu Mẫu. Chùa Bửu Thắng (Tân Bình Thạnh, Chợ Gạo) thờ Bà Chúa Xứ Nguyên Nhung, Bà Ngũ hành, Bà Linh Sơn Thánh Mẫu; Chùa Khánh Lâm (Chợ Gạo) thờ Ngọc Hoàng, Mẫu Diêu Trì (xem phụ lục 5 mục 2.2.2.2); (Lê Thị Thanh Thảo, 2018, tr. 100).

Tại Tiền Giang, tục thờ Bà Chúa Xứ rất phổ biến và miếu thờ Bà Chúa Xứ nhiều nhất có khoảng 110/182 miếu chiếm 60,4%. Bà Chúa Xứ được thờ ở các chùa đã phân tích phía trên.

Tác giả Ngô Đức Thịnh đã từng nhận xét: *“Nhìn vào lớp văn hóa tạo nên biểu tượng tâm linh Bà Chúa Xứ, chúng ta đều thấy thấp thoáng hình bóng bà mẹ Xứ Sở Po Ina Nagar của người Champa, Thánh Mẫu Thiên Yana của người Việt, nữ thần Neang Khmau (Bà Đen), tục thờ Neak Ta của người Khmer và xa hơn, nhưng cũng biểu hiện hơn là tất cả những biểu tượng trên đều được quy tụ trong linh tượng Shivalinga và Shakti của Shiva là nữ thần Uma của Bà La Môn giáo, mà Bức tượng Bà Chúa Xứ An Giang mách bảo cho chúng ta những điều như vậy, cho dù bề ngoài bức tượng đó cũng được cải trang dưới hình dáng thánh Mẫu của người Việt”* (Ngô Đức Thịnh, 2012, tr. 282)

Bên cạnh đó, tín ngưỡng thờ Bà Chúa Xứ thì ở Tiền Giang còn có tín ngưỡng thờ Thiên Hậu. Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu du nhập vào Tiền Giang do những di dân người Hoa mang đến. Khoảng thập niên 1660, rất nhiều người Hoa do Dương Ngạn Địch và Trần Thượng Xuyên đưa vào sinh sống tại Đồng Nai, Chợ Lớn và Mỹ Tho. Lần thứ hai do Mạc Cửu đưa một số người Hoa đã đến khai phá vùng đất từ Hà Tiên đến Cà Mau. Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XX, một số người Hoa di dân đến vùng đất Nam Bộ do nhiều nguyên nhân khác nhau. Tại Tiền Giang người Hoa sống chan hòa với người Việt. Đối với người Hoa, Thiên Hậu Thánh Mẫu là hải thần. Là vị thần hỗ trợ, giúp đỡ người dân đi biển một cách an toàn *“thuận buồm xuôi gió”*. Ngoài ra, theo tác giả Trần Hồng Liên: Đối với người Hoa, Thiên Hậu Thánh Mẫu còn có chức năng bảo an, ban phát phúc lộc, thịnh vượng và hộ mệnh cho trẻ sơ sinh (Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân, 2007, tr. 342 - 352)

Tại Tiền Giang có một số miếu Thiên Hậu lớn có thể kể đến như: Miếu Thiên Hậu ở thị trấn Cai Lậy, chùa Bà Thiên Hậu ở Cái Bè. Người Việt tiếp nhận vị thần này của người Hoa và xem như là vị phúc Thần linh thiêng như Bà Chúa Xứ, ...Đồng thời, người

Việt còn xem Thiên Hậu như một vị Bồ tát trong Phật giáo. Miếu Bà Thiên Hậu được gọi là chùa Bà, chùa Thiên Hậu. Một số miếu Thiên Hậu ở Tiền Giang còn đem tượng Phật vào thờ và được phối thờ theo cách Tiền Phật hậu Mẫu như miếu Hỏa Đức Tinh Quân ở Vĩnh Kim, huyện Châu Thành là ngôi miếu do người Việt lập để thờ Bà Hỏa và tôn vinh Bà như một vị tổ nghiệp của nghề rèn. Vì ở Vĩnh Kim vào thời Pháp thuộc có nghề rèn nông cụ rất nổi tiếng. Nhưng miếu không chỉ thờ Bà Hỏa mà Bà Thiên Hậu cũng được đặt thờ song song và còn thờ một số chư vị Phật. Một số nơi ở Nam Bộ cũng có hình thức phối thờ này.

Bà Thiên Hậu không chỉ được thờ tại Miếu mà còn được thờ trong các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang. Không chỉ chùa Phật của người Việt ở Tiền Giang thờ Bà Thiên Hậu mà một số chùa ở Nam Bộ cũng thờ Bà như: Chùa Hải Phước An ở Sóc Trăng (Trần Hồng Liên, 2015, tr. 342).

Khi Phật giáo du nhập vào nước ta, để có thể tồn tại, phát triển và khẳng định vị thế của mình, Phật giáo đã tìm những điểm tương đồng với tín ngưỡng dân gian để hòa hợp, dung nạp như tục thờ Mẹ hay tục thờ nữ thần, tục thờ Tứ Pháp... từ đó hình thành nên Phật Mẫu, Phật Tứ Pháp. Các nữ thần trong tín ngưỡng dân gian đã hóa thân thành Phật Bà. Minh chứng cho sự dung nạp này là nhiều vị nữ thần được thờ phụng phổ biến trong khá nhiều ngôi chùa. Nguồn gốc của hình tượng Phật Bà Quan Âm trong Phật giáo Ấn Độ là nam thần nhưng khi truyền sang nước ta, Trung Quốc... đã bị “nữ thần hóa”, “Mẫu hóa”. Lý giải cho điều này, do các nước Đông Nam Á, trong đó có nước ta, người dân sống chủ yếu bằng nông nghiệp đề cao vai trò người phụ nữ vì vậy tín ngưỡng dân gian của chúng ta cũng tôn thờ các vị Mẫu. Chính sự chi phối mạnh mẽ của tín ngưỡng thờ Mẫu, cùng với sự dung hợp mật thiết với đạo Phật mà không ít ngôi chùa ở tỉnh Tiền Giang có cấu trúc theo kiểu “*tiền Phật hậu Mẫu*”. Đây không chỉ là một đặc trưng của ngôi chùa ở tỉnh Tiền Giang mà còn là đặc trưng của các ngôi chùa ở các tỉnh Tây Nam Bộ và cả nước ta.

Trong khuôn viên chùa Huệ Quang tại khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, Bến Tre có ngôi miếu thờ Bà Ngũ hành. Chùa Phước Lâm tọa lạc ấp Kinh Ngoài, xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm có ngôi miếu thờ Bà (Cửu vị thánh nương). Trong khuôn viên chùa Long Đức tại khu phố 1, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, Bến Tre có ngôi miếu thờ Bà Thiên Hậu. Chùa Vạn Linh tại ấp Gò Chùa, xã Mỹ Chánh, huyện Ba Tri có ngôi miếu thờ Bà Chúa Xứ. Chùa Bửu Minh tại xã Phú Sơn, huyện Chợ Lách, Bến Tre có ngôi

miếu thờ Bà Ngũ hành. Chùa Vạn Đức tọa lạc xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại có ngôi miếu thờ Địa Mẫu. Chùa Viên Minh 2, xã Thành Thới B, huyện Mỏ Cày Nam có ngôi miếu thờ Bà Chúa Xứ (Bùi Hữu Nghĩa, 2018, tr. 282 - 288).

Chùa Vạn Phước thị trấn Bình Đại, tỉnh Bến Tre có thờ Mẫu. Chùa Bửu Phong Đồng Nai, Bửu Phước An Tự Sóc Trăng (Trần Hồng Liên, 2005, tr. 256). Chùa Tân Hòa Quận 9 có miếu thờ Bà Chúa Xứ (Huỳnh Quốc Thắng, 2003, tr. 377).

Tại Nam Bộ, quá trình giao lưu, hỗn dung với văn hóa với các tộc người Việt, Hoa, Khmer và Chăm nên Mẫu được tôn thờ trong các chùa là Phật Mẫu Diêu Trì (Diêu Trì Kim Mẫu - một hóa thân của Cửu Thiên Huyền Nữ của Đạo giáo Trung hoa), Bà chúa Ngọc, Bà Chúa Xứ, Bà Đen - Linh Sơn Thánh Mẫu, Thiên hậu thánh Mẫu.

Do Mẫu được thờ từ rất lâu trong các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang nên hiện nay có rất nhiều ngôi chùa còn thờ Mẫu hoặc cất riêng một khu vực thờ Mẫu trong khuôn viên ngôi chùa. Có những ngôi chùa lúc mới thành lập không có thờ Mẫu nhưng vì nắm bắt được nhu cầu của người dân có niềm tin mãnh liệt vào Mẫu nên đưa vào thờ. Thầy Thích Bồn Tịnh, chùa Phật Đá chia sẻ:

“Cũng có một số chùa trước là Miếu sau đó là chùa. Do có một số nơi người dân rất tín ngưỡng thờ Mẫu, đôi khi nơi nào không có miếu thờ Mẫu họ không đi. Đến miếu họ có thể xin những điều mình muốn, có xem xăm bói quẻ mà cái đó thì đánh động vào người dân rất nhiều. Cho nên một số chùa cho xây miếu nhằm trước là để người dân đến miếu thờ Mẫu thắp nhang rồi sau đó vào chùa. Đây cũng là một điều linh hoạt của các chùa, chứ không gò bó vào một khuôn khổ. Tùy theo vùng miền mà có các chùa linh hoạt” (PL 2, BBPV số 8).

Theo tác giả Trần Lâm Biền cho rằng: “Thờ Mẫu là một sự đảm bảo cho sự tồn tại của ngôi chùa, hay sự dung hội với tín ngưỡng dân gian này là đường đi tất yếu của Phật giáo, nhờ đó mà Phật giáo có bề dờ của quần chúng” (Trần Lâm Biền, 2000, tr. 637).

Qua phân tích bên trên, cho chúng ta thấy không chỉ tín ngưỡng thờ Mẫu ảnh hưởng, xâm nhập vào Phật giáo mà ngược lại tín ngưỡng thờ Mẫu có sự tiếp thu và ảnh hưởng qua lại lẫn nhau với Phật giáo. Sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu (bà) thể hiện qua nghi lễ thờ cúng. Khi thực hiện nghi lễ cúng Mẫu phần nào vay mượn từ đạo Phật và ngược lại những nghi lễ trong đạo Phật có sự dung hợp và cải biến

từ tín ngưỡng thờ Mẫu. Đây là quá trình giao thoa văn hóa về mặt nghi lễ và thực hành niềm tin tín ngưỡng. Niềm tin Mẫu luôn song hành và hòa nhập với niềm tin Phật giáo.

Bên cạnh đó, các chùa ở Tiền Giang có thờ Mẫu (Bà) trong chánh điện chùa, trong sân chùa. Vào dịp cúng Bà còn tổ chức nghi thức diễn xướng bóng rối (chùa Kim Thiên, ấp Tân Định xã Tân Thới, Cù Lao Tân Thới, huyện Tân Phú Đông; chùa Phước An địa chỉ 333 khu phố 2 thị Trấn Vàm Láng, Gò Công Đông,.... tổ chức đại lễ vía Địa Mẫu có múa mâm vàng).

2.2.2.3 Thờ Địa, Thần Tài

Theo tác giả Nguyễn Phúc Nghiệp, ông Địa và thần Tài hai vị gia thần phù hộ hoạt động kinh tế trong gia đình. Bàn thờ ông Địa và thần Tài thường được thờ sát đất và gần cửa chính nhằm bao quát các hoạt động của gia chủ. Ở Tiền Giang, phần lớn những người kinh doanh, buôn bán đều có thờ ông Địa và thần Tài nhằm cầu mong việc buôn bán được thuận lợi. Tục thờ này là sản phẩm giao lưu văn hóa của người Việt với người Hoa (Nguyễn Phúc Nghiệp, 2016, tr. 350 – 352)

Thờ ông Địa, thần Tài là tín ngưỡng dân gian, Phật giáo không chủ trương mua bán nhưng trong các chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang đều có thờ. Dù đạo Phật nguyên thủy không có chủ trương thờ Ông địa, Thần tài nhưng Phật giáo đã dựa vào ý nghĩa thờ Thần Tài và ông Địa mà giáo hóa người dân. Theo quan niệm dân gian cúng là xin sự phù hộ nhưng theo đạo Phật cúng là nhìn lại bản thân của mỗi người. Tín ngưỡng thờ cúng ông địa của cha ông ta ngụ ý nhắc nhở cháu con tôn trọng môi trường, giữ gìn đất, nước, nơi mới đến, như một cam kết với nơi mình vừa đến.

Ở Tiền Giang có rất nhiều chùa thờ Ông Địa, Thần Tài như: chùa Bửu Hưng, Bửu Lâm thờ Ông Địa, Thần Tài tại sân chùa phía tay phải nhìn từ ngoài vào cạnh cửa ra vào chánh điện, chùa Phước Lâm, chùa Phước Sơn, chùa Trường Sanh, chùa Thanh Quang thờ Ông Địa, Thần Tài tại sân chùa, ngay cổng chùa phía tay phải nhìn từ ngoài vào gần miếu thờ Mẫu, Sắc tứ Long An cổ tự,.... (xem phụ lục 5 mục 2.2.2.3).

Theo thầy Thích Thiện Hải – Trụ trì chùa Khánh Lâm, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo cho rằng: *“Thờ Ông Địa, Thần Tài trong các chùa ở Tiền Giang là do đáp ứng tín ngưỡng của người dân. Người dân tin vào việc các vị ấy có thể đem đến may mắn hay tài lộc cho nên một số chùa cũng lấy đó làm phương tiện cho họ đến thắp nhang nhằm tạo duyên lành cho họ đến chùa để sanh phước báu”* (PL 2, BBPV số 9).

Tại Tiền Giang có khi do người dân thờ ông Địa, thần Tài tại nhà, lâu ngày thấy tượng ông đã cũ muốn thay tượng mới nên đã mang vào chùa để từ đó người dân đến chùa thắp nhang, khấn vái cho rằng linh thiêng từ đó nhà chùa thờ luôn.

2.2.2.4. Quan Công

Song song với việc thờ Mẫu, trong chùa Phật giáo Bắc Tông tại Tiền Giang còn thờ Quan Công. Tại tỉnh Tiền Giang, Quan Công được thờ tại các Quan thánh miếu (chùa Ông). Theo tác giả Nguyễn Phúc Nghiệp ở thành phố Mỹ Tho có chùa Quan Đế của người Hoa - Triều Châu (phường 8), chùa Quan Đế của người Hoa - Hải Nam (phường 3), chùa Quan Đế của người Hoa - Hẹ (phường 5), chùa Quan Đế của người Hoa - Quảng Đông (phường 2). Ngoài ra, Quan Công còn được người dân thờ các trong miếu Bà Thiên Hậu và tại rất nhiều tư gia thờ ông làm thần độ mạng (Nguyễn Phúc Nghiệp, 2016, tr. 358).

Bên cạnh đó, Quan Công còn được thờ ở các chùa Phật giáo Bắc Tông của người Việt tại tỉnh Tiền Giang. Một số chùa có thờ Quan Công: Bửu Lâm (Mỹ Tho); chùa Bửu Trung (chùa Một cột) (Mỹ Tho); chùa Thanh Quang (Mỹ Tho); chùa Phước Lâm (Chợ Gạo), chùa Tân Phước (Đông Hòa, Châu Thành); chùa Phước Ân (Long Hưng, Châu Thành); chùa Phù Châu (Cái Bè); chùa Khánh Lâm (Chợ Gạo); chùa Bửu Vương (Cai Lậy); Bửu Tháp (Cai Lậy); chùa Hưng Thiện (Mỹ Tho); chùa Hòa Thành (Mỹ Tho); chùa Hội Thọ Thiên Trì (Cái Bè); chùa Long Đức (ấp Sơn Quy B, Tân Trung, Gò Công); chùa Phước An (Vàm Láng – Gò Công); chùa Phước Sơn (xã Bình Phú, huyện Cai Lậy), chùa Ông ấp Thanh Đăng, xã Thanh Bình, Chợ Gạo là ngôi chùa của người Việt vừa thờ Phật vừa thờ Quan Công, Mẫu, Thần Nông, Bác Hồ (xem phụ lục 5, mục 2.2.2.4); (Lê Thị Thanh Thảo, 2018, tr.101).

Quan Công – Già Lam là một trong các vị thần bảo hộ Phật, pháp, tăng được thờ rất nhiều ở các chùa Phật giáo Bắc Tông của người Việt tại tỉnh Tiền Giang. Việc thờ Quan Công trong các ngôi chùa của người Việt thể hiện sự giao lưu văn hóa giữa người Hoa và người Việt ở Tiền Giang.

2.2.2.5 Thiên quan tứ phước

Phần lớn nhà người dân Tiền Giang đều có bàn thờ Thiên, mỗi ngày vào buổi sáng sớm hoặc chiều tối, hoặc vào những ngày mừng một, ngày rằm chủ nhà thắp nhang vái tứ phương. Cách thờ tự này cho thấy rõ tín ngưỡng tôn kính Cha Trời – Mẹ Đất truyền thống của người Việt, có sự linh hoạt, sáng tạo nơi vùng đất mới.

Tác giả Bình Nguyên Lộc cho rằng: *“Trước năm 1945 ở thôn quê ta, trong 100 nhà có ít lắm là 80 nhà có bàn thờ ông Thiên”* và tục thờ này đã đi vào ca dao Việt Nam:

“Mỗi đêm mỗi thấp đèn trời

Cầu cho cha mẹ sống đời với con”

Theo tác giả Phan An thờ thiên là một trong những tôn giáo xách tay của người Nam Bộ. Tác giả còn cho biết *“Bàn thờ thiên là bàn thờ trời, vị thần cao nhất, uy quyền nhất trong đời sống của người Việt, người Hoa đã Nam Bộ”* (Phan An, 2008, tr.2).

Các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang đã dung hợp với tín ngưỡng thờ trời được thể hiện qua một số chùa có bàn thờ Thiên: chùa Phước Lâm cổ tự ấp Tân Thành xã Tân Thuận Bình, Chợ Gạo; Sơn Tăng tự Châu Thành; chùa Phước Sơn, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy; chùa Kim Liên (thị trấn Cai Lậy); chùa Thanh Quang số 806, Đình Bộ Lĩnh, phường 9, thành phố Mỹ Tho; chùa Thiên Phước ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho (xem phụ lục 5, mục 2.2.2.5).

2.2.2.6 Danh nhân, anh hùng dân tộc, nhân vật lịch sử, người có công với nước

Theo tác giả Nguyễn Phúc Nghiệp:

“Danh nhân và các anh hùng dân tộc là những người coi trọng nghĩa khí hơn danh lợi, thậm chí coi tính mạng nhẹ hơn nghĩa khí. Đối với họ, trách nhiệm với cộng đồng và lí tưởng sống sao cho lưu danh thơm đến đời sau mới là tối thượng, còn những thứ khác chỉ là phù du, tạm thời, thậm chí cả tình riêng (như tình vợ chồng, cha con...) cũng được đặt vào hàng thứ yếu. Do đó, họ sẵn sàng hi sinh mọi thứ, thậm chí cả gia đình và tính mạng bản thân, coi cái chết nhẹ như lông hồng để phụng sự lợi ích tối thượng của cộng đồng, của quốc gia” (Nguyễn Phúc Nghiệp, 2016, tr. 388)

Theo tác giả Lê Thị Thanh Thảo, Tiền Giang là một trong những vùng đất được khai hoang sớm, có vị trí quan trọng về quân sự nên trong thời gian qua đã đối đầu với một số tình huống khó khăn. Trong những hoàn cảnh gay go, cũng lúc xuất hiện các anh hùng dân tộc hết lòng vì quê hương, đất nước. Nhằm thể hiện lòng biết ơn, sự tôn kính các danh nhân, anh hùng dân tộc, người dân Tiền Giang đã lập nhiều đình, miếu thờ cúng những vị này.

Ngoài ra, Tiền Giang có một số ngôi chùa thờ người có công với nước, anh hùng dân tộc mà những đối tượng này có khu thờ riêng. Tại chùa Phước Quang xã Mỹ Lợi, huyện Cái Bè thờ linh vị Thiên hộ Dương, Đốc binh Kiều. Ngôi chùa này do lãnh binh

Nguyễn Văn Cẩn tạo lập. Nguyễn Văn Cẩn là vị tướng giỏi thời của Thiên hộ Dương, Đốc binh Kiều. Tuy nhiên đến năm 1964 do chiến tranh tàn phá ngôi chùa Phước Quang bị hư hại, hiện chỉ là ngôi miếu nhỏ (Trần Hoàng Diệu, Nguyễn Quang Ân, 2007, tr.1141- 1142).

Lãnh binh Cẩn tên thật là Nguyễn Văn Cẩn sinh năm 1802 ở thôn Mỹ Lợi, huyện Kiến Đăng, tỉnh Định Tường nay là ấp Lương Nhơn, xã Mỹ Lương, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Khi Pháp xâm chiếm tỉnh Định Tường ông tham gia lực lượng kháng chiến và là tướng tài của Thiên hộ Dương được giữ chức Lãnh binh. Khi Pháp đánh vào Gò Tháp – Đồng Tháp Mười, dù tướng lĩnh cùng ông chiến đấu là Đốc binh Kiều tử trận nhưng Lãnh binh Nguyễn Văn Cẩn không đầu hàng. Ông quyết tâm bảo toàn lực lượng và cố gắng mở đường đưa quân về Hồng Ngự nhưng tới Vàm Hồng Ngự nghĩa quân của ông lại bị chặn đánh. Lần này ông tiếp tục đánh mở đường và đưa quân về Gia Định. Sau khi chiêu mộ thêm quân, ông đã dấy binh ở Châu Đốc. Dù quân của ông đã chiến đấu quyết liệt nhưng bị giặc Pháp đàn áp dữ dội, vì lực bất tòng tâm Lãnh binh Nguyễn Văn Cẩn đã bãi binh về lại Cái Bè và xuất gia sau đó với pháp danh Minh Mai và pháp hiệu là Phương Danh. Ông thành lập ngôi chùa Phước Quang để tu tập. Sau này, ông còn trở về Đồng Tháp Mười xây dựng chùa Gò Tháp thờ Thiên hộ Dương, Đốc binh Kiều và những nghĩa binh tử trận. Khi ông viên tịch, nhà chùa thờ cúng ông tại chùa Phước Quang (Võ Phúc Châu, 2011).

Trước 30/4/1975 chùa Linh Sơn thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây thờ Nguyễn Tri Phương, thờ linh vị của Ông Đốc binh Đặng Khánh Tình là tướng của nghĩa quân chống Pháp. Hiện nay, linh vị ông được chuyển về nhà truyền thống phòng văn hóa huyện Gò Công Tây. Ngôi mộ của Đốc binh Đặng Khánh Tình được chôn cất tại chùa Phước Hựu xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây. Đặng Khánh Tình quê gốc ở Vĩnh Hựu, Gò Công Tây tham gia nghĩa quân với chức Đốc binh dưới thời Trương Định thống lĩnh. Sau khi Trương Định mất, nghĩa quân tan rã, Đốc binh Đặng Khánh Tình đã lập căn cứ kháng chiến chống Pháp trên phần đất của gia đình ông.

Chùa Kim Tiên thị xã Cai Lậy thờ Khâm sai Chương cơ Hồ Văn Lân và mộ ông. Chùa Bửu Vương ấp Mỹ Thuận, xã Nhị Mỹ, huyện Cai Lậy có thờ Ngô Quyền. Chùa Phước Ân ấp Long Hưng, huyện Châu Thành có thờ Bác Hồ và anh hùng Lê Thị Hồng Gấm (thờ chung bàn thờ cứu huyền thất tổ). Long An cổ tự thuộc ấp Bình Sơn, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy thờ vua Gia Long. Chùa Quang Long ấp Bình Đức, xã Tam Bình

huyện Cai Lậy thờ vua Gia Long, vua Minh Mạng. Chùa Phước Sơn, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy thờ Vua Hùng, vua Trần Nhân Tông, Bác Hồ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Chùa Tân Phước, ấp Trung, xã Đông Hòa, huyện Châu thành thờ Vua Hùng, vua Trần Nhân Tông, Bác Hồ. Thiền Viện Trúc Lâm tại Tân Phước thờ Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Chùa Sắc Tứ Linh Thúy thờ vua Gia Long (xem phụ lục 5, mục 2.2.2.6).

Song song đó, một số chùa ở Nam Bộ có thờ danh nhân, anh hùng dân tộc như: Tháp Linh cổ tự ở Đồng Tháp Mười có thờ Thiên hộ Dương và Đốc binh Kiều. Chùa Sùng Hưng tọa lạc trên đường Trần Hưng Đạo huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang có khu vực thờ Nguyễn Trung Trực. Chùa Khánh Hội tỉnh Bình Dương thờ Nguyễn Xuân Sắc. Chùa Cây Mít (Hòa Thành cổ tự) ở Châu Đốc có thờ Nguyễn Sinh Sắc; Chùa Giồng Thành (Long Hưng tự) An Giang có thờ Nguyễn Sinh Sắc.

Việc thờ cúng danh nhân, anh hùng dân tộc thể hiện sự tôn trọng, sùng bái con người là một trong những nét đặc trưng của tín ngưỡng dân gian nước ta. Việc đưa những anh hùng vào trong chùa thờ là do người dân Nam Bộ xem chùa gần gũi, gần bó như ngôi nhà của mình. Những ngôi chùa đầu tiên ở Nam Bộ là do người dân phát tâm dựng nên hoặc những ngôi chùa Mục Đồng do những đứa trẻ chăn trâu tạo lập. Đồng thời, trong tâm tư của nhân dân Phật giáo là đạo của những người yêu nước. Trong lịch sử Phật giáo có vị vua đi tu có thể kể đến như Trần Nhân Tông, Lý Huệ Tông. Không ít những Thiền sư trong thời chiến tạm gác lại việc tu hành lên đường chiến đấu bảo vệ đất nước. Bên cạnh đó, Phật giáo Bắc Tông với tinh thần cứu khổ, cứu nạn đối với mọi chúng sinh nên việc đưa linh vị của danh nhân, anh hùng dân tộc vào thờ trong chùa là một cách giữ gìn sự linh thiêng của các anh hùng đồng thời thể hiện lòng biết ơn, sự tri ân của nhân dân đối với những người đã hy sinh thân mình cho Tổ quốc.

Đặc biệt, tại tỉnh Tiền Giang có chùa Nhơn Phước và đình thần Nhơn Hội, ấp 1, xã Tam Hiệp, Châu Thành, Tiền Giang được xây dựng cạnh nhau, trong cùng một khuôn viên, không có sự ngăn cách về tường rào. Vì vậy, vào các lễ hội tại chùa người dân đều mang thức ăn chay qua cúng đình và ngược lại những ngày lễ hội Đình người dân sẽ mua hoa quả và cúng dường để làm thức ăn chay cúng chùa. Lễ hội đình và chùa gần như là một. Với đạo lý uống nước nhớ nguồn, hằng năm, vào tháng 8 âm lịch chùa Nhơn Phước đều có lệ giỗ hội vào ngày 21 giỗ Lê Lai và 22 giỗ Lê Lợi (Lê Thái Tổ). Trong lễ giỗ này, rất đông các vị sư từ nhiều chùa trong khu vực và Phật tử cũng như người dân tập trung về đây tụng kinh. Lê Lợi và Lê Lai là những bậc tiền nhân có công lớn

trong việc giành độc lập yên bình cho quê hương, đất nước. Hiện nay, tại tỉnh Thanh Hóa có một ngôi đền thờ Trung Túc Vương Lê Lai tại làng Tép xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lặc tỉnh Thanh Hóa đã được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia và hằng năm đều có lễ hội cúng Lê Lai và đền thờ Lê Lợi tại làng Năng Cát, tỉnh Thanh Hóa. Qua lễ hội tại ngôi chùa Nhon Phước chúng ta thấy rõ ràng sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ cúng các vị anh hùng, những người có công với đất nước.

Việc đưa những anh hùng dân tộc vào chùa thờ còn thể hiện cái nhìn phóng khoáng, đầy thực tế của người dân Nam Bộ về vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng. Với người dân Nam bộ, chỉ những tôn giáo nào biết quan tâm đến sự sống còn của nhân dân, biết chống lại kẻ thù cướp nước và bán nước thì mới tồn tại được trong đời sống tinh thần của nhân dân (Lê Thị Thanh Thảo, 2018, tr. 103 – 105).

So với với chùa ở miền Nam thì các chùa ở miền Bắc những nhân vật lịch sử hay huyền thoại các vị quan lại, tướng lĩnh có công với làng, với nước không chỉ được thờ ở đình, đền, miếu mà rất nhiều chùa ở miền Bắc thờ các vị này.

Một số ngôi chùa tiêu biểu thờ các vị này như: tượng Trần Hưng Đạo ngồi trên long ngai, đầu đội mũ bình thiên, mặc áo long bào (Đức Thánh Trần) được thờ ở chùa Linh Ứng phường Thổ Quan, quận Đống Đa. Chùa Ngọc Hồ phường Văn Miếu, quận Đống Đa cũng thờ Đức Thánh Trần bên cạnh tượng vua Lê Thánh Tông cùng hai tướng Yết Kiêu và Dã Tượng. Hầu hết các ngôi chùa khác ở miền Bắc đều có thờ Trần Hưng Đạo trong khu thờ Mẫu với tên gọi Đức Thánh Trần. Bên cạnh đó Từ Đạo Hạnh, Dương Không Lộ và Nguyễn Minh Không là các thiền sư thời Lý được thờ trong các chùa như chùa Keo (Thái Bình), chùa Cổ Lễ (Nam Định), chùa Nghĩa Xá,... với tư cách là các vị thần. Chùa Trăm Gian (Hà Nội) có thờ tượng Đô đốc Đặng Tiến Đông cạnh gian chánh điện thờ Phật. Chùa Ngọc Quán tọa lạc phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy và chùa Hàm Long tại phố Hàm Long, quận Hoàn Kiếm thờ Ngô Long - một vị tướng dưới thời vua Hùng,... chùa Bộc (quận Đống Đa) thờ Quang Trung hoàng đế; chùa Cầu Đông (phường Hàng Đào, quận Hoàn Kiếm) thờ tượng Trần Thủ Độ và vợ là Trần Thị Dung; chùa Dục Khánh (quận Đống Đa) thờ Nguyễn Trãi cùng Nguyễn Thị Lộ; chùa Kim Cổ (quận Hoàn Kiếm) thờ Nguyên phi Ỗ Lan; chùa Hoàng Mai (quận Hai Bà Trưng) thờ công chúa nhà Trần; chùa Mía (Sơn Tây) thờ bà chúa Mía; chùa Kim Cổ (quận Hoàn Kiếm) thờ Nguyên phi Ỗ Lan; chùa Hoàng Mai (quận Hai Bà Trưng) thờ công chúa nhà Trần (Đặng Minh Châu, 2016, tr. 94 - 101).

2.2.2.7 Tổ tiên

Phật giáo không chỉ dung hợp với tín ngưỡng thờ Mẫu, thờ Quan Công mà còn dung hợp với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Trong kinh Đại thừa bản sanh tâm địa quán, kinh Nhân - Nhục, kinh Đại Tập đều có dạy về đạo hiếu. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Nó được truyền từ đời này sang đời khác, nhằm nhắc nhở con cháu về cội nguồn, lòng biết ơn đối với các thế hệ cha ông. Thờ cúng tổ tiên là điều hệ trọng nhất đối với người Việt, ăn sâu vào tâm trí của người dân, thậm chí những cộng đồng cư dân theo các tôn giáo bên ngoài, kể cả công giáo đều có thờ cúng tổ tiên. Do đó, những người Việt không theo tôn giáo nào thì hay tự nhận rằng mình theo “*đạo ông bà*”, còn những người theo tôn giáo vẫn phải thực hành các nghi thức thờ cúng tổ tiên thì mới có thể hòa đồng với văn hóa truyền thống của dân tộc.

Tác giả Đặng Minh Châu cho rằng: đối với người Việt, tổ tiên có nghĩa rất rộng, có thể là tổ tiên của làng (người có công lập làng, bảo vệ làng), tổ tiên của cả nước (Quốc tổ), tổ của gia đình dòng họ, tổ nghề (Đặng Minh Châu, 2016, tr. 93).

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt được thể hiện chủ yếu qua việc bài trí bàn thờ gia tiên, việc cúng ông bà hàng ngày và đặc biệt là ngày giỗ hay các dịp lễ, đám tiệc khác. Ngoài ra, tín ngưỡng này còn được thể hiện rõ qua phong tục tảo mộ hàng năm.

Thấu hiểu tầm quan trọng của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và tâm lý người dân nên trong các chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang bố trí thêm bàn thờ cửu huyền thất tổ của các dòng họ. Qua khảo sát chúng tôi thấy rằng 100% các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang đều có khu vực dành để thờ cúng tổ tiên, những người có công sáng lập ra ngôi chùa, các vị trụ trì tiền nhiệm. Một số chùa để tưởng nhớ công ơn to lớn của các vị trụ trì đã tạ thế các vị này thờ ngay chánh điện như chùa Vĩnh Tràng (phụ lục 5, mục 2.2.1.1, hình 6), chùa Dược Sư lập tháp thờ cốt và di ảnh của Cố Hòa Thượng người sáng lập ngôi chùa. Tượng vị trụ trì được đặt trong tháp trước sân chùa, chùa Thanh Quang ở thành phố Mỹ Tho. Trước đây, chùa chỉ thờ những người có qui y, có đến chùa. Sau chùa có thể có nghĩa địa của những người trong một chùa. Sau năm 1975, do việc giải tỏa nghĩa địa nên trong chùa thờ lọ tro cốt, thờ di ảnh. Một số người cho rằng điều này dẫn đến mất sự tôn nghiêm nơi thờ tự.

Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cho thấy 100% các chùa có thờ hậu, đây là hình thức thể hiện rất rõ sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Theo quan niệm từ bao đời nay của người Việt, sau khi qua đời con cháu phải thờ cúng. Tuy nhiên, đối với những hoàn cảnh đặc biệt không có con cháu hoặc con cháu muốn người thân sau khi chết gửi vào chùa để được thờ cúng. Thường thì những trường hợp như thế, lúc còn khỏe mạnh, trước khi mất những người này thường cúng vào chùa những tài sản của họ như đất hoặc một số tiền mà họ dành dụm được nhằm nhờ nhà chùa cúng sau khi mất. *“Thờ hậu có nghĩa là thờ cúng sau khi chết, thay cho những người hậu tự, tức con cháu nối dõi”* (Phan Nhật Trinh 2016, tr.113).

Tất cả các chùa ở Tiền Giang đều có bàn thờ hậu và thậm chí có chùa rất nhiều bàn thờ hậu để dày đặc những tấm bia khắc rõ tên, tuổi, quê quán của những người quá cố. Có những chùa dành cả một khu vực để thờ linh cốt của Phật tử và cả những người không phải là Phật tử đã qua đời gửi vào chùa. Chùa Trường Sanh (Bảo Tháp Liên Hoa) ở Mỹ Tho, Tiền Giang từ tầng 1 đến tầng 7 đều có thờ hải cốt (sức chứa của chùa khoảng 45, 000 hải cốt Phật tử, người dân có nhu cầu. Chùa Dược Sư ở thành phố Mỹ Tho dành một tầng lầu thờ lọ tro cốt, bài vị người quá cố. Rất nhiều gia đình gửi tất cả những người thân đã quá cố vào chùa thờ. Chùa Vĩnh Tràng, chùa Bửu Lâm có một gian thờ bài vị và lọ tro cốt; chùa Bửu Hưng, thành phố Mỹ Tho; chùa Phật Ân thành phố Mỹ Tho; chùa Tịnh Nghiêm thành phố Mỹ Tho, có khu thờ bài vị và lọ tro cốt; chùa Phước Sơn, huyện Cai Lậy; Chùa Long Nguyên xã Đạo Thạnh; Chùa Thanh Quang thành phố Mỹ Tho; Chùa Thiên Phước thành phố Mỹ Tho (xem phụ lục 5, mục 2.2.2.7).

Chùa Long Thiên cổ tự ở huyện Gò Công Đông thờ bài vị của gia đình người có công sáng lập ra ngôi chùa, như bài vị ông bà Dương Tấn Bồn - Trần Thị Sanh, ông bà Huỳnh Đình Nguơn - Dương Thị Hương, ông bà Nguyễn Văn Hạc và các cháu.

Ngày nay, tại tỉnh Tiền Giang không chỉ những người quá cố không có con cháu thờ tự mới đưa vào chùa mà cả những người có con cháu thờ cúng, những người chết khi còn trẻ vẫn gửi vào chùa. Nhiều người dân có nguyện vọng, mong muốn đưa vong linh của người thân đã qua đời vào khuôn viên chùa thờ tự hoặc chôn cất với ước nguyện linh hồn được sớm tới nghe kinh kệ, được nhang khói hay vì nhiều lý do khác. Có nhiều gia đình khi người thân vừa qua đời họ đem di ảnh và cốt vào chùa nhờ thờ cúng, từ cúng thất đến đám giỗ (phụ lục 5, mục 2.2.2.7).

Điều này cũng thể hiện nhu cầu tâm linh, niềm tin của người dân đối với ngôi chùa.

Ông Nguyễn Hữu Qu 40 tuổi, nghề nghiệp tài xế, cho biết:

“Má tôi lúc còn sống thường đi chùa này, giờ Má tôi đã mất, tôi thỉnh di ảnh của Má tôi vào chùa để mỗi ngày Má được nghe kinh kệ, được Phật tử đi chùa thắp nhang, có như vậy linh hồn sẽ sớm được siêu thoát” (PL 2, BBPV số 10)

Bên cạnh việc đặt bài vị, lọ tro cốt người quá cố trong chùa, một số chùa ở tỉnh Tiền Giang còn cho chôn cất những người có công với chùa, những người đã hiến đất, hiến của xây chùa.

Việc thỉnh Phật về thờ cúng tại nhà của Phật tử và một số người dân không phải là Phật tử cũng minh chứng cho sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Trong một số gia đình của người Việt ở tỉnh Tiền Giang không chỉ có bàn thờ tổ tiên mà có cả bàn thờ Phật. Mặc dù, bàn thờ Phật có sau bàn thờ tổ tiên, do trước khi Phật giáo du nhập nước ta người Việt đã có tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của riêng mình. Tuy nhiên, người dân bao giờ cũng đặt bàn thờ Phật ngay căn giữa, có khi được đặt cao hơn, trang trọng cạnh bàn thờ tổ tiên hoặc phía trên bàn thờ tổ tiên. Đồng thời, khi thắp nhang, những thành viên trong gia đình thắp cho cả bàn thờ Phật và bàn thờ tổ tiên. Vào những ngày quan trọng trong gia đình như giỗ, cưới hỏi, những ngày lễ, tết những người trong gia đình thường thắp nhang, trưng hoa quả để cầu xin Phật và Tổ tiên phù hộ độ trì (Lê Thị Thanh Thảo, 2018, tr. 101 – 103).

2.2.2.8 Cô hồn

Trong dân gian có quan niệm, những người qua đời vì tay nạn nghề nghiệp hoặc những người chết mà không có người thân thờ cúng sẽ trở thành cô hồn. Vào tháng bảy âm lịch, những vong hồn này có thể trở về trần gian nếu được các vị Thập Điện Diêm Vương cai quản ở cõi âm mở cửa. Do đó, hằng năm vào đầu tháng bảy âm lịch, người dân tổ chức lễ Vu Lan nhằm cầu siêu cho những người thân đã khuất. Hoặc người dân tổ chức lễ hội Địa Tạng vào ngày 16 tháng bảy âm lịch nhằm tụng kinh phá ngục nếu Thập Điện Diêm Vương không mở cửa để hồn ma có thể lên trần gian.

Theo địa chí Tiền Giang, người dân Tiền Giang quan niệm có một số loại cô hồn như:

“Có loại cô hồn chết bỏ xác trong lòng biển lúc tìm đường vào Nam khai hoang; có loại cô hồn chết vì nạn hùm tha sáu bắt, xóm làng xiêu tán, người đời sau gọi là “xiêu mô lạc mã”; có loại chết vì nạn chiến tranh; có loại chết vì tai nạn đánh cá ngoài biển khơi; có loại chết vì trận bão năm Thìn (1904)

và nạn dịch năm Tị (1905),... và phổ biến gần đây là chết vì tai nạn giao thông. Tất cả được gọi chung là “thập loại cô hồn” (thực tế là “thập nhị loại cô hồn”), như văn tế thập loại chúng sinh mà Nguyễn Du đã mô tả” Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân, 2007, tr. 1107 -1108)

Vào các ngày 16 tháng giêng, ngày 16 tháng 10 và ngày 16 tháng 7 âm lịch, người dân Tiền Giang thường tổ chức cúng cô hồn với mong muốn không bị các vong hồn này quấy phá. Kết quả khảo sát cho thấy, trong tất cả các chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang đều có bàn thờ nhỏ phía trước hành lang đường vào chánh điện thờ cô hồn hoặc được thờ chung tại bàn thờ Tiêu Diện đại sĩ (phụ lục 5, mục 2.2.2.8).

Chùa Tứ Sanh (Cai Lậy) do ông Châu Văn Phước thành lập. Ông gốc là tu sĩ Bửu Sơn Kỳ Hương, ông tham gia khởi nghĩa của Quân cơ Trần Thành thất bại, chạy về quê ẩn náu. Ông cất am thờ Phật, trước am có ngôi miếu thờ Tứ Sanh lục đạo, thập loại cô hồn, đó là những bằng hữu, bạn bè ông, liệt sĩ đã chết trận hy sinh vì đất nước và có ngôi miếu thờ Phật mẫu Man nương. Tương truyền ông có nhiều lời tiên đoán được bà con tin tưởng. Đồng thời, ông đã bán hết ruộng đất để cúng cô hồn vì ông thương nhớ những đồng đội của mình đã chết trận quá nhiều. Hiện chùa vẫn còn thờ bài vị của ông.

Các chùa thờ cúng cô hồn với ý nghĩa nhân văn, với tấm lòng Bỏ tất. Chùa không chỉ quan tâm đến người đang sống mà cả những người đã mất, trong đó có những vong linh không nơi nương tựa. Tục thờ cô hồn của cư dân Tiền Giang ngày nay tuy ảnh hưởng Phật giáo nhưng có gốc gác sâu xa từ tín ngưỡng dân gian.

2.2.2.9 Dấu ấn tam giáo

Tam giáo ăn sâu đậm trong đời sống người dân và có quá trình tồn tại lâu dài trong lịch sử nước ta. Nó trở thành nhu cầu tinh thần và sinh hoạt tôn giáo phổ biến của người dân Việt Nam. Sự kết hợp giữa Tam giáo với tín ngưỡng đa thần của người Việt tạo nên sự pha trộn thờ cúng đa dạng. Trong quá trình Nam tiến, hành trang văn hóa của những lưu dân người Việt mang vào vùng đất mới có cả truyền thống, dấu ấn Tam giáo. Trong đó, quan niệm về Tiên - Thần - Phật còn sâu đậm trong tâm thức người dân: *“Ở hiền thì lại gặp hiền; Người ngay thì được phật, tiên độ trì”*.

Tại một số ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang, dấu ấn tam giáo vẫn còn được lưu giữ. Việc thờ bộ tượng Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu; Thập Điện Diêm Vương trong các chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang khá phổ biến: Chùa Khánh Lâm (Chợ Gạo), chùa Bửu Thắng (Chợ Gạo), chùa Phước Lâm (Chợ Gạo), chùa Hội

Thọ (Cái Bè), chùa Phù Châu (Cái Bè), chùa Khải Tường (Cái Bè), chùa Vĩnh Tràng (Mỹ Tho), chùa Bửu Lâm (Mỹ Tho), chùa Trường Sanh (Mỹ Tho), chùa Sắc Tứ Linh Thú (Châu Thành), chùa Linh Phong (Châu Thành), chùa Nhơn Phước (Tam Hiệp, Châu Thành), chùa Thiền Lâm (Cai Lậy), Long An cổ tự (Bình Phú, huyện Cai Lậy), chùa Phước Sơn (Cai Lậy),....

Sự dung hợp giữa Phật giáo, Nho giáo và Lão giáo qua các câu liên ở một số chùa: Tại chùa Sắc Tứ còn lưu hai câu liên:

“Phật nhật tăng huy tam giáo trang nghiêm phổ nguyện vãng thủy vạn cổ; Pháp vân hội chuyển nhật tâm thanh tịnh quang minh biến chiếu thập phương”. Dịch nghĩa: “Trời Phật thêm sáng ba giáo trang nghiêm rộng nguyện thuyền mãi muôn đời; Mây pháp hội chuyển một lòng thanh tịnh ánh sáng chiếu khắp mười phương”.

“Sanh tiền giáo dưỡng đắc nhân vô tử nhi hữu tử; Một hậu thanh danh tại thế tuy vong giả bất vong”. Dịch nghĩa: “Hiện đời nuôi dạy được mọi người thành nhân tuy không con mà cũng như có; Sau này để lại danh thơm cho đời dù người mất mà danh không mất”.

Chùa Phù Châu tọa lạc tại ấp An Ninh, xã Đông Hòa Hiệp, thị trấn Cái Bè là một ngôi chùa khang trang, có sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian rất đậm nét từ kiến trúc điêu khắc và đối tượng thờ tự, trong chùa còn lưu giữ nhiều câu đối cổ. Trong đó có hai câu đối cho thấy sự dung hợp giữa Phật giáo – Nho giáo – Lão giáo: *“Hiệu uông phương, cần miễn lệ, niệm cù lao, quân sư phụ, nhất ban kiệt lực. Chí trung thứ, niệm từ bi, tu cảm ứng, Nho Thích Đạo, Tam giáo đồng tâm”* với nghĩa là: Lật đặt hấp tấp, cố gắng siêng năng, nhớ ơn sinh dưỡng, quân sư phụ một lòng gắng sức. Chuẩn đích trung thứ, niệm tưởng từ bi, lo sợ cảm ứng, Nho Thích Đạo, Tam giáo đồng lòng (Trương Ngọc Tường – Võ Văn Tường, 2006, tr. 28). Qua đây cho thấy yếu tố Nho giáo, Lão giáo còn thể hiện rất đậm nét trong các ngôi chùa Phật giáo ở Tiền Giang.

“Độc binh thư cụ chiến, độc luật thư cụ hình, độc Phật thư chiến hình vô cụ. Canh Vũ điền ưu thủy, canh Thang điền ưu hạn, canh tâm điền thủy hạn hà ưu”. Tạm dịch là: “Độc sách binh sợ giặc, độc sách luật sợ tù, độc sách Phật giặc tù không sợ. Cày ruộng vũ lo lụt, cày ruộng thang lo hạn, cày ruộng lòng lụt hạn nào lo” (Trương Ngọc Tường – Võ Văn Tường, 2006, tr. 32).

Chùa Bửu Lâm có câu đối *“Thích thị diễn tam thừa, dục cá cá tề thành chánh giác; Nho gia truyền nhất quán, sử nhân dân Doãn chấp quyết trung”* tạm dịch: “Họ Thích

diễn tam thừa, muốn kẻ kẻ đều thành chánh giác; Nhà nho truyền nhất quán khiến người người thầy giữ trung dung” (Cao Tự Thanh, Trương Ngọc Tường, 2012, tr. 71).

Chùa Vĩnh Tràng có câu đối của các học trò là những người đứng đầu lục bộ của triều đình nhà Nguyễn ca ngợi công ơn thầy Võ Trường Toản, dù rằng Thầy không có con nhưng như là có con và đã mất nhưng thanh danh còn mãi đời sau: *“Sanh tiền giáo dưỡng đức nhân vô tử nhi hữu tử; Một hậu thanh danh tại thế tuy vong giả bất vong”*. Dịch nghĩa: “Hiện đời nuôi dạy được mọi người thành nhân tuy không con mà cũng như có; Sau này để lại danh thơm cho đời dù người mất mà danh không mất” (Thích Huệ Phát, 2017, tr. 33).

Các minh chứng trên cho thấy, chùa là nơi thờ Phật, đồng thời còn dung hợp các yếu tố Nho giáo và Lão giáo. Dù rời bỏ nơi chôn nhau, cắt rốn di dân đến vùng đất mới nhưng những lưu dân này vẫn bảo lưu các truyền thống tín ngưỡng, tôn giáo. Điều này góp phần đáp ứng nhu cầu tâm linh của những lưu dân nơi đây. Đặc biệt, việc lưu giữ truyền thống tín ngưỡng, tôn giáo còn tạo điều kiện thuận lợi cho triều đình nhà Nguyễn trong việc thiết lập các thể chế quản lý trên vùng đất mới.

2.2.3 Nghệ thuật kiến trúc

Theo tác giả Lê Thị Thanh Thảo, từng thời kỳ có những quy tắc, quy định về việc xây dựng cơ sở thờ tự trong tín ngưỡng dân gian cũng như cơ sở tôn giáo. Ở nước ta văn hóa dân gian có những ảnh hưởng nhất định đến kiến trúc tôn giáo mà tiêu biểu là kiến trúc Phật giáo Bắc Tông. Câu tục ngữ: *“Phép vua thua lệ làng”* phần nào đã cho thấy sức ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa dân gian. Trong thời phong kiến, đình là một thiết chế văn hóa thôn làng, vừa là nơi thờ các vị thần bảo hộ dân làng như thần Thành hoàng Bổn cảnh. Thần Thành hoàng có thể là nhân thần - người có công xây dựng và bảo vệ khu vực, cũng có thể là nhiên thần. Đồng thời đình vừa là trụ sở hành chánh, nơi hội hè, yến ẩm vui chơi. Kiến trúc của đình làng Nam Bộ nói chung và ở tỉnh Tiền Giang nói riêng có bình diện hình vuông hoặc hình chữ nhật, có kết cấu khung gỗ đơn giản, chiều cao thân đình bằng chiều cao mái, góc mái thẳng. Các công trình kiến trúc của ngôi đình truyền thống ở tỉnh Tiền Giang gồm 3 gian đó là gian trước, gian giữa và gian cuối (chánh điện). Mỗi công trình nhỏ tương tự như ngôi nhà tứ trụ có mái hình “bánh ít”, có 4 cột cái được mở rộng về các phía. Dù theo từng giai đoạn mà vật liệu xây dựng ngôi đình có khác nhau và nếu có ảnh hưởng của kiến trúc phương Tây thì đó là những biểu hiện bên ngoài của ngôi đình còn bên trong các dạng kiến trúc truyền thống vẫn còn

được bảo lưu. Tùy theo từng hạng mục mà có cách bày trí khác nhau nhưng nhìn chung bên trong ngôi đình thường có những điểm giống nhau như: có đôi liễn chữ Hán được gắn dọc theo từng cột cái, phía trên là bức hoành phi đại tự, chính giữa đình có bàn thờ hội đồng và bàn thờ thần, trước bàn thờ thần là bộ quy hạc và lỗ bộ. Hai bên bàn thờ thần là các bàn thờ tả ban, hữu ban, tiền hiền, hậu hiền,... Đặc biệt, ở gian chính giữa có bàn thờ thần thường có bộ lam trang trí hình hoa lá, chim thú, Rồng, Phụng. Trên đỉnh nóc chánh điện đình thường được bày trí mô típ lưỡng long châu nhật hay lưỡng long tranh châu (Nguyễn Phúc Nghiệp, 2016, tr. 186 - 191).

Ở Tiền Giang có các ngôi đình mà nghệ thuật kiến trúc đẹp còn được bảo tồn đến ngày nay như đình Long Trung xã Long Trung, huyện Cai Lậy; đình Long Hưng xã Long Hưng huyện Châu Thành; đình Điều Hòa phường 2, thành phố Mỹ Tho; đình Kiểng Phước, xã Kiểng Phước, Gò Công; đình Gia Thuận xã Gia Thuận, Gò Công; đình Đồng Thạnh, xã Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây; đình Mỹ Lương xã Mỹ Lương, Cái Bè,....

Phần lớn các ngôi chùa cổ ở Tiền Giang, ngay từ khi mới xây dựng có kiến trúc gần gũi với lối kiến trúc trong văn hóa dân gian. Rất nhiều ngôi chùa nổi tiếng ở Tiền Giang xuất phát từ những am, chòi tranh đơn sơ do trẻ mục đồng nặn tượng Phật. Theo thời gian các ngôi chùa này được trùng tu, tôn tạo nhưng dấu ấn về những tác phẩm nghệ thuật, điêu khắc, chạm trổ dân gian vẫn thể hiện khá rõ qua nhiều chi tiết về kiến trúc ngôi chùa. Nhìn chung, chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang nói riêng và Nam Bộ nói chung có đặc điểm là quần thể kiến trúc gồm nhiều ngôi nhà nối với nhau. Bố cục các ngôi chùa Tiền Giang mang tính mở. Phần lớn các ngôi chùa có hành lang, sân rộng, có vườn. Một số chùa có gác chuông, giảng đường, nơi tu học của tăng ni. Một số kiểu kiến trúc chùa ở Tiền Giang:

Kiểu chữ đình: là chùa có nhà chánh điện nơi đặt các tượng Phật và tượng Bồ tát nằm vuông góc với nhà tiền đường/bái đường.

Kiểu chữ công: là kiểu chùa có nhà bái đường (tiền đường) nối song song với nhà chánh điện bởi nhà thiêu hương, nối với nhà tăng đường. Có 2 hành lang dọc chánh điện.

Kiểu chữ tam: là kiểu chùa có ba ngôi nhà nằm song song nhau đó là bái đường, chánh điện, tăng đường.

Kiểu chùa “nội công ngoại quốc”: là kiểu chùa mà nhà bái đường, chánh điện, hậu đường được nối với nhau bởi hai hành lang dài dọc 2 bên. Có chùa có thêm nhà tổ nối phía sau (Hà Văn Tấn, 1993, tr.72).

Tác giả Nguyễn Phúc Nghiệp cho rằng phần lớn các ngôi chùa ở Tiền Giang có bình đồ hình vuông với khung tứ trụ mở rộng về bốn phía giống như đình. Do đặc thù riêng nên trong khuôn viên chùa có nhiều dạng mục kiến trúc hơn đình, theo thứ tự từ trước ra sau, giảng đường gồm: chánh điện, tổ đường, nhà tăng, nhà bếp. Các dãy nhà trong khuôn viên chùa thường tạo ra một lối kiến trúc theo quần thể chữ tam, chữ công hoặc nội công ngoại quốc. Bên cạnh đó, chùa xây dựng theo dạng nhà một gian 2 chái, 3 gian 2 chái hoặc kiểu long thuyền với đòn dông nằm dọc (Nguyễn Phúc Nghiệp, 2016,

Chùa Bửu Lâm, chánh điện có 3 gian 2 chái; chùa Vĩnh Tràng kiến trúc theo dạng chữ Quốc gồm 4 gian nối tiếp nhau; chùa Hội Thọ (Cái Bè) xây dựng theo kiểu chữ công, chùa Phước Long (Gò Công) được xây theo kiểu 3 gian, 2 chái. Chùa Sắc tứ xây dựng theo kiểu kiến trúc nhà Nam bộ, chánh điện có 5 gian và 2 chái gian nối tiếp nhau: Tiền đường, chánh điện, hậu tổ và nhà hậu.

Dân gian quan niệm số bậc tam cấp nên là số lẻ, nếu bậc tam cấp có năm bậc là tốt nhất, theo thuyết Ngũ hành, bậc tam cấp số lẻ sẽ thể hiện được những yếu tố thuận lợi: Kim, mộc, thủy, thổ, hỏa. Còn theo quan niệm: Sinh, lão, bệnh, tử thì bậc tam cấp đầu tiên từ sân chùa được cho là sinh, bậc thứ 2 là lão, bậc thứ 3 là bậc bệnh, bậc thứ tư là bậc tử và bậc thứ 5 là bậc sinh và ngược lại.

Bên cạnh việc chọn thế đất, thì kiến trúc xây dựng chùa và nghệ thuật chạm khắc trong các ngôi chùa cũng thể hiện sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian (Lê Thị Thanh Thảo, 2018, tr. 237 - 238).

2.2.4 Nghệ thuật điêu khắc

Theo tác giả Lê Thị Thanh Thảo, nghệ thuật chạm khắc hoành phi, câu đối tại các chùa ở tỉnh Tiền Giang chứa đựng các giá trị văn hóa, nghệ thuật dân gian độc đáo. Tại chùa Vĩnh Tràng có 2 đôi long trụ chạm khắc hình Rồng uốn lượn một cách tinh xảo, sinh động. Từ ngàn xưa, trong văn hóa của người Việt Nam, Rồng luôn gắn với sự linh thiêng, ở vị trí tối thượng, thể hiện cho quyền uy, sức mạnh tuyệt đối của các đấng Thiên Tử. Rồng cũng đứng đầu trong tứ linh “Long, lân, quy, phụng”. Dân tộc ta cũng có nhiều truyền thuyết về Rồng bởi nó gắn liền với mây, mưa, với việc trồng lúa nước, với sự tích “Con Rồng Cháu Tiên”. Hình ảnh con Rồng đã dần dần ăn sâu vào tâm thức của

người Việt. Nhiều nơi trên đất nước ta, có những địa danh gắn với con vật linh thiêng này như là Thủ đô Hà Nội trước đây được gọi là Thăng Long; hay chúng ta có địa danh Hạ Long là một trong những thắng cảnh đẹp trở thành di sản văn hóa của thế giới. Qua đây cho chúng ta thấy hình ảnh con Rồng không những là biểu tượng cho nguồn gốc của dân tộc ta, mà còn biểu trưng cho quyền năng cao cả, sức mạnh nguồn nước, mang lại sức sống cho muôn loài. Đôi long trụ thứ hai tại chùa Vĩnh Tràng có sự kết hợp rất đặc biệt, chim Phượng đứng đầu Rồng biểu thị cho âm dương hài hòa, trời đất giao hòa tại nơi linh thiêng này. Theo tín ngưỡng dân gian, ở nước ta nói riêng và các nước Đông Nam Á thì Phượng là một trong tứ linh.

Ngoài ra, tại chùa Vĩnh Tràng còn lưu giữ giá trị nghệ thuật điêu khắc độc đáo. Trong đó, đáng quý nhất là bộ phù điêu bát Tiên cười thú được chạm trổ tinh xảo. Bát Tiên là những vị tiên trong thần thoại Trung Hoa, được những người theo Đạo giáo tôn sùng. Việc trang trí bát Tiên trong chùa với ngụ ý những vị Tiên này hầu Phật và Bồ tát. Mỗi vị Tiên được chạm khắc ở chùa Vĩnh Tràng có một tư thế khác nhau đồng thời cười một con thú và trên tay cầm một bảo bối. Ngoài ra, tại chùa còn rất nhiều bao lam, biển, bảng, hoành phi, câu đối được chạm trổ rất đẹp mang đậm nét dân gian. Không chỉ có hình ảnh tứ linh được chạm khắc tại chùa mà trong những bức tranh sơn thủy tồn tại hơn 100 năm nơi trang nghiêm này với những hình ảnh mai, lan, cúc, trúc tạo ra phong cảnh nên thơ.

Không chỉ có chùa Vĩnh Tràng mà còn rất nhiều ngôi chùa khác tại tỉnh Tiền Giang thông qua nghệ thuật chạm khắc gỗ độc đáo đã cho thấy sự dung hòa giữa Phật giáo và văn hóa dân gian.

Chùa Bửu Lâm là di tích kiến trúc nghệ thuật thuộc loại hình kiến trúc tôn giáo, có tiền đường, chánh điện và hậu tổ. Tại chánh điện của chùa còn lưu giữ mười hai tấm hoành phi có nghệ thuật chạm khắc gỗ tinh xảo, phong phú, ba cột chạm trổ Rồng một cách công phu và chín bao lam rất có giá trị nghệ thuật. Bao lam trước bàn thờ chánh điện chạm trổ cảnh chín con Rồng phun nước và đôi Cá hóa Rồng được sơn son thếp vàng làm tăng thêm vẻ trang nghiêm. Tại ngôi chùa cổ Bửu Lâm còn rất nhiều bao lam được chạm khắc tứ Linh, tứ Quý, Mai Điều, song Phụng châu cuốn thư, Mẫu Đơn, chim Trĩ, hoa Sen, cây lá,... Nghệ thuật chạm khắc tuyệt vời của các nghệ nhân còn được thể hiện trên những tấm hoành phi còn lưu giữ tại chùa với hoa văn mang đậm tính dân gian như tứ linh, lưỡng Long tranh châu,... Đến nay, chùa Bửu Lâm đã tồn tại hơn 200 năm

và trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa nhưng chùa vẫn cơ bản còn giữ được nét kiến trúc ban đầu. Chùa Bửu Lâm là một trong những ngôi chùa tiêu biểu mang phong cách thế kỷ XIX ở Tiền Giang. Đồng thời, vào tháng 9 năm 1999 chùa được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia.

Sắc Tứ Linh Thúu cổ tự từng có tên là Long Tuyên tự và Long Nguyệt tự, tức chùa Suối Rồng. Trên nóc cổng tam quan ngôi chùa có trang trí lưỡng long triều bánh xe pháp luân, chim Phượng ngậm cuốn thư và các bức họa có chủ đề về điển tích của Phật. Ngay cổng chính, phía dưới có trang trí cặp Nghê. Linh vật này có nguồn gốc từ nước ta, bản chất của Nghê là chó thần. Nhân dân ta có tục lệ đặt hình tượng con chó trước cửa nhà, đình, chùa để bảo vệ. Dần dần hình tượng loài vật này được thần hóa và được trang trí thêm nhiều chi tiết như đầu có bờm, nhe nanh nhọn trông rất dữ, cổ đeo lục lạc, nhằm thể hiện sức mạnh và sự phi thường như xua đuổi các loài ma quỷ, trấn mạch. Trong văn hóa nước ta có phong tục thờ chó Đá, tại các làng quê Bắc bộ như Định Vĩ, xã Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội còn có tục thờ chó Đá. Bên cạnh đó một số dân tộc anh em như Tày, Nùng, Dao tại vùng Lạng Sơn vẫn còn lưu giữ tục thờ này.

Trên cổng tam quan chùa Sắc Tứ Linh Thúu còn có 2 câu liên chữ Hán:

*“Linh cảnh an nhàn hoàng đế sắc phong niên cổ tại
Thúu sơn tịnh lạc cao tăng trí phước vạn niên tồn”*

Điều đáng chú ý là cột phướn bố trí tại sân chùa Sắc Tứ Linh Thúu đặt trên tượng một cụ Rùa rất lớn, đầu ngẩng cao chống Lân, thân cột phướn với hình Rồng, Phụng uốn lượn rất oai nghiêm, hùng tráng. Các hình ảnh Long, Lân, Quy, Phụng với màu sắc nổi bật biểu trưng cho sự linh thiêng, nhiều may mắn, trường tồn của ngôi chùa đã nhiều lần được sắc tứ này.

“Tượng Quy đầu ghéch lên cao, trông vô cùng phóng khoáng, tượng trưng cho sự bền vững, trường cửu. Phía dưới gốc cột cờ được chạm hình con Lân, toát lên vẻ uy nghi, oai vệ. Thân cột cờ được trang trí hình rồng uốn lượn từ dưới gốc lên đến ngọn, tạo sự uyển chuyển, mềm mại nhưng không kém phần oai nghiêm, hoành tráng. Tất cả các hình Quy, Lân, Rồng đều được sơn thếp rất rực rỡ. Việc bố trí các tượng Quy, Lân, Rồng xuất phát từ quan niệm Á Đông về các con vật linh thiêng, tượng trưng cho những điều tốt đẹp, hạnh phúc mà đình, chùa nào cũng có. Nhưng điều đáng nói là mô thức chế tác tượng. Các tượng này, tuy mới được tạo tác gần đây, bằng ciment cốt sắt,

song không cứng nhắc, gò bó, rập khuôn theo kiểu tạc tượng điển lệ, chuẩn tắc theo tôn giáo, mà rất sinh động, mang dấu ấn cảm thức sáng tạo dân gian vô cùng rõ nét” (Nguyễn Phúc Nghiệp, 1998, tr.249).

Ngoài ra, ở một số chùa như: chùa Thiên Phước Gò Cát, phường 9, Mỹ Tho; chùa Tân Phước ấp Trung, xã Đông Hòa, Châu Thành,... cũng có trang trí cột phướn rất lớn tại sân chùa với những chạm trổ Long, Lân, Quy, Phụng rất tinh xảo mang đậm nét dân gian.

Trong chánh điện của chùa Sắc Tứ Linh Thấu tự còn lưu giữ: Hai tấm hoành phi “*Long Tuyên tự*” và “*Sắc Tứ Linh Thấu tự*”; hai câu đối “*Sắc ngự định Long Tuyên thỉnh hỷ đạo tràng thuận cảnh hoằng khai thanh tịnh cảnh*”, “*Tứ phê tường Linh Thấu phú tại Phật pháp bình tâm phát nguyện diệu huyền tâm*”; một số bao lam khắc hình ảnh rồng, hoa lá, chim tinh xảo. Nơi này, đôi long trụ chạm hai câu đối về việc vua Gia Long, vua Thiệu Trị ban sắc tứ cho chùa.

Chùa Kim Tiên tọa lạc khu phố 6 thị trấn Cai Lậy còn ba bộ bao lam chạm cừ long, tùng, lộc, mai điều, lộng hoa lá với nghệ thuật kiến trúc mới lạ, sinh động nhưng đậm nét dân gian. Trong chùa hiện còn 6 bức hoành chạm trổ hoa văn và bảy đôi liễn. Trong bảy đôi liễn thì có một đôi cù Phó bằng Nguyễn Sinh Sắc viết với nội dung: “*Đại đạo quang khai thố giác đàm để nguyệt/ Thiên cơ giáo dưỡng qui mao thăng thọ đầu phong*”. (Rộng mở đạo thiên như tìm sừng thỏ khêu bóng trăng đáy nước/Nuôi dưỡng mái thiên như tìm thấy lông Rùa để trời ngọn gió vào đầu ngọn cây).

Khi đến chùa chúng ta dễ dàng bắt gặp hình ảnh đức Phật ngồi trên tòa sen hoặc những hoa văn trang trí tại chùa có hình hoa sen, bên cạnh đó một số chùa ở tỉnh Tiền Giang còn trang trí một hồ sen trong khuôn viên chùa như chùa Sắc Tứ, Bửu Lâm, Phù Châu, Phật Đá,... Thời đức Phật còn tại thế ngồi trên cỏ khô bó tròn còn gọi là bồ đoàn để thiền. Nhưng sau này, tượng Phật được tạc ngồi trên đài sen. Hoa sen có nhiều ý nghĩa cao đẹp thể hiện tính chất vô nhiễm, ở trong bùn nhưng không nhiễm bùn. Bên cạnh đó, hoa sen còn có ý trùngthanh, nước ở trong bùn nhưng bùn lắng, hồ sen trong. Hoa Sen còn có ý nghĩa kiên nhẫn là một củ sen từ lòng đất vượt lên. Đặc biệt, hoa, nhân và quả cùng một lúc có mặt thể hiện sự viên dung – tròn đầy. Chính những tính chất cao đẹp của loài hoa sen mà trong nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc của các ngôi chùa chúng ta dễ dàng bắt gặp hình ảnh hoa sen. Ngoài ra, có những ngôi chùa và đình trong cùng một khuôn viên, không có sự ngăn cách về tường rào như chùa Nhơn Phước và đình

thần Nhơn Hội ấp 1, xã Tam Hiệp, Châu Thành, vì vậy hoa văn trang trí kiến trúc của đình và chùa giống nhau hoàn toàn. Chùa Khải Tường và đình Ông Lữ sát vách với nhau, lịch sử ngôi chùa và cả trong nhân dân còn lưu truyền câu chuyện về ông Phật ở nhờ đất ông Thần để nói về chùa Khải Tường và đình Ông Lữ.

Qua khảo sát các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang cho thấy dù theo thời gian các ngôi chùa này được trùng tu, tôn tạo nhưng dấu ấn dân gian vẫn thể hiện khá rõ qua nhiều chi tiết về kiến trúc ngôi chùa. Phong thủy, kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc các ngôi chùa ở tỉnh Tiền Giang thể hiện sự dung hợp giữa tín ngưỡng dân gian với Phật giáo Bắc Tông. Sự dung hợp này còn cho thấy những giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc ta (Lê Thị Thanh Thảo, 2018, tr. 239 - 242)

2.3 SỰ DUNG HỢP TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA ỨNG XỬ

Văn hóa ứng xử là thái độ của cộng đồng với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội. Ứng xử với môi trường tự nhiên bao gồm văn hóa tận dụng môi trường tự nhiên và văn hóa ứng phó với môi trường tự nhiên. Đối với môi trường xã hội, trong quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa, nhằm góp phần làm giàu đẹp thêm nền văn hóa của mình các dân tộc đã tận dụng các thành tựu của các nước lân cận. Bên cạnh việc khai thác các giá trị văn hóa của các dân tộc khác phù hợp với nước mình thì việc ứng phó trên mặt trận quân sự và ngoại giao cũng được các dân tộc quan tâm (Trần Ngọc Thêm, 1999, tr. 200, 226)

2.3.1 Thực hành nghi lễ, lễ hội

2.3.1.1 Lễ tết

Một trong những ngày lễ quan trọng bậc nhất ở nước ta là Tết Nguyên Đán. Đối với người dân Tiền Giang, Tết không chỉ mang ý nghĩa chào đón một năm mới mà còn thể hiện đời sống tâm linh phong phú. Trong dịp lễ Tết Nguyên Đán, người dân có rất nhiều hoạt động từ tín ngưỡng, lễ hội. Người dân đến chùa lạy Phật vào dịp tết, thường thì mừng một tết đông nhất, để cầu xin Phật, trời, thần thánh phù hộ cho một năm mới gia đạo được bình yên, được khỏe mạnh và làm ăn phát đạt,... Để tôn vinh các giá trị truyền thống trong dịp Tết và đáp ứng nhu cầu viếng chùa, lễ Phật của nhân dân. Các ngôi chùa ở Tiền Giang chuẩn bị một cách trang nghiêm và luôn mở rộng cửa để đón tiếp người dân địa phương và du khách thập phương một cách chu đáo.

Một số tập tục trong những ngày Tết và một tháng sau tết của người Việt Nam cho thấy sự dung hợp giữa tín ngưỡng dân gian và Phật giáo như: đưa ông táo về trời,

tảo mộ, cúng ông bà tổ tiên, cúng giao thừa, hái lộc, cúng sao, giải hạn, vía trời, vía đất. Lễ thượng nguyên - rằm tháng Giêng còn gọi là Tết Nguyên Tiêu hay còn gọi là đêm Hoa Đăng hoặc Tết Trạng Nguyên vua mời trạng nguyên đến triều đình làm thơ. Tiết Nguyên Tiêu gắn với đời sống dân gian. Khi đạo Phật truyền vào nước ta đã hội nhập với truyền thống văn hóa của đất nước và chế tác thêm vào ngày Tết Nguyên Tiêu để ngày này thêm có ý nghĩa. Đạo Phật mượn ngày lễ này để người dân, Phật tử đến chùa ngồi lại với nhau. Nguyên Tiêu là đêm trăng tròn đầu tiên của năm. Thượng nguyên (rằm tháng Giêng) là một trong những lễ lớn tại chùa, rất nhiều Phật tử, người dân đến chùa lễ Phật, cầu siêu, cầu an.

2.3.1.2 Lễ Phật Đản

Lễ Phật Đản tổ chức từ ngày mùng 8 đến ngày 15 tháng 4 âm lịch. Cứ đến ngày rằm tháng 4 âm lịch thì các chùa sẽ tổ chức lễ kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh. Đồng thời, đây cũng là thời gian bắt đầu mùa an cư kiết hạ của tăng ni trong chùa. Trong ngày lễ chung của Phật giáo này, các chùa sẽ tiến hành lễ tắm Phật. Lễ tắm Phật trong ngày Phật Đản – Đản sinh của đức Phật gắn liền với tín ngưỡng cầu mưa của nhân dân nước ta. Tác giả Hà Văn Tấn trong tác phẩm “Chùa Việt Nam” đã nêu rõ người dân có niềm tin vào ngày mùng 8 tháng tư trời sẽ mưa để lấy nước tắm Phật đồng thời hình thức dội nước lên Phật trong lễ tắm Phật vào ngày Phật Đản cũng là cách thức cầu mưa. Đối với người dân sống bằng nông nghiệp thì yếu tố nước đóng vai trò quan trọng nhất trong sản xuất để có được mùa màng bội thu. Câu tục ngữ *“nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”* đã đúc kết nên kinh nghiệm bao đời của nhân dân. Tại vùng Dâu đồng bằng Bắc Bộ, các nữ thần Mây, Mưa, Sấm, Chớp có ảnh hưởng lớn trong đời sống cư dân nông nghiệp. Ngay khi vừa du nhập vào Luy Lâu, Phật giáo đã nhanh chóng dung hợp và tùy thuận vào tín ngưỡng dân gian này, biến các nữ thần Mây, Mưa, Sấm, Chớp thành Tứ Pháp gắn liền với truyền thuyết Phật Mẫu Man Nương. Hệ thống chùa Tứ Pháp ra đời cũng xuất phát từ đây. Từ thời nhà Lý, nếu năm nào trời hạn hán Vua đều cho làm lễ rước Phật Pháp Vân về Thăng Long để làm lễ cầu mưa. Tại đồng bằng Bắc Bộ, các hội chùa Tứ Pháp đã minh chứng cho sự giao thoa, dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian mà tiêu biểu là tín ngưỡng cầu mưa của dân gian (Hà Văn Tấn, 1993, tr. 69, 72).

Trong dân gian cũng có câu truyền miệng nhau rằng ngày Phật Đản là ngày *“Bụt sinh, cá đẻ”* vì vậy nên phóng sinh để được phước như chim Bò Câu để cầu nguyện hòa

bình. Hay khi đến chùa tham dự lễ Phật Đản người dân thường xin nước tắm Phật mang về uống.

Tại các ngôi chùa ở Tiền Giang, ngày lễ Phật Đản được tổ chức rất long trọng (xem phụ lục 5, mục 2.3.2.1). Trong ngày lễ Phật Đản, các tăng, ni hoặc Phật tử chuẩn bị nước tinh khiết, nấu nước với lá dứa hoặc nấu nước với hoa lài, quế khô hoặc nấu với sâm để tắm Phật. Trong dân gian và cả các vị tăng, ni trong chùa tin rằng nếu dùng nước tắm Phật để uống sẽ được khỏe mạnh, sáng suốt, thông minh. Vì vậy sau khi thực hiện nghi lễ tắm Phật xong, một số người đã dùng nước tắm Phật để uống hoặc rửa mặt.

Tại chùa Sắc tứ Long An (Cai Lậy), Bà Nguyễn Thị P, 75 tuổi, nghề nghiệp làm ruộng, cho biết: *“Dùng nước tắm Phật uống sẽ được sáng suốt, cầu cho khỏe mạnh, nếu trong người có bệnh sẽ mau khỏi, năm nào đi lễ Phật Đản tôi đều dùng nước này để uống, tôi còn xin một chai mang về cho con cháu ở nhà để uống”* (PL 2, BBPV số 11)

Thầy Thích Ngọc Tường, trụ trì chùa Thiên Phước xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cho biết:

“Uống nước tắm Phật rất tốt, đó là nước sạch, thanh khiết, một năm nghi lễ tắm Phật có một lần nên nước đó rất quý, nước tắm Phật tựu trung những gì tinh hoa nhất nhưng phải vệ sinh tượng Phật thật sạch. Chùa Thiên Phước thường nấu nước quế khô để tắm Phật, thầy rửa tượng Phật rất kỹ, bản thân thầy cũng dùng nước đó để uống” (PL 2, BBPV số 5)

Bên cạnh lễ còn có phần hội như lễ hội hoa đăng mừng Khánh Đản, văn nghệ chào mừng ngày Phật Đản, các chùa có mời nghệ sĩ về hát, các bài hát ca ngợi Đức Phật.

2.3.1.3 Lễ Trung Nguyên

Lễ Trung Nguyên được tổ chức vào rằm tháng 7 âm lịch hàng năm gắn liền với lễ Vu Lan tổ chức trên tinh thần của Kinh Vu Lan Bồn là lễ thể hiện rất rõ sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian. Do sự tương đồng giữa giáo lý Phật giáo với ý nghĩa của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt đã dẫn đến sự dung hợp này. Trước khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, trong dân gian đã có Tết Trung Nguyên. Đây là ngày Tết theo truyền thống của tín ngưỡng dân gian, gắn liền với tập tục thờ cúng tổ tiên. Lễ Vu Lan là mùa lễ nhớ ơn, báo ơn, mùa giải oan, cứu khổ ở địa ngục. Trong Phật giáo Bắc Tông, lễ Vu Lan khởi phát từ tích Mục Kiền Liên cứu mẹ. Thanh Đề là mẹ Tôn giả mục Kiền Liên. Đầu tiên, bà với lòng mộ đạo, muốn đi cúng chùa nên bỏ hàng tháng công ngồi lựa từng hạt nếp. Khi đem số nếp ấy cúng chùa thì bị sư sai chê ít, không tiếp

đãi chu đáo như những người giàu có khác. Do đó bà ta tức giận, về nhà giết chó làm nhân bánh bao, lừa gạt chư tăng phạm giới, khi họ ăn nhầm bánh của bà dâng cúng. Khi chết Thanh Đề bị đọa vào ngục A tỳ (địa ngục), “đầu đội chậu máu, mình ngồi bàn chông” chịu đói khổ, đau đớn vô cùng. Lúc ấy Mục Kiền Liên đã đắc lục thông, thấy mẹ mình đang đói khát, khổ sở nên đem chén cơm đến phụng dưỡng, thế nhưng khi nhận được bát cơm của con dâng đến bà Thanh Đề không ăn uống được vì tất cả đã hóa thành lửa. Mục Kiền Liên trở lại thế gian (Thích Huệ Đăng, 2008). Tôn Giả Mục Kiền Liên vì lòng hiếu thảo đã đến gặp đức Phật cầu cứu. Đức Phật bày ngài nên đem phẩm vật cúng dường chư tăng tự tứ, chư tăng thọ nhận, cùng chú nguyện thì vong hồn này sẽ được thoát khỏi cảnh đọa đầy ấy, được siêu thoát. Tích Mục Kiền Liên, Thanh Đề đề cao đạo hiếu theo quan niệm Phật giáo cũng tương tự như đạo hiếu của Nho giáo. Đồng thời tích này cũng giải thích rõ nguồn gốc của Lễ Vu Lan.

Ngày chư tăng tự tứ theo Phật giáo nguyên thủy thì chỉ ở vào khoảng tháng 7. Nhưng khi Phật giáo vào Đông Nam Á thì ngày Vu Lan ngày rằm tháng 7 còn là ngày xá tội vong nhân, do có ý nghĩa tương tự như ngày tết cô hồn đã có từ trước nên hai ngày này bị nhập lại thành một. Từ đó trong dân gian có tục cúng lễ trai đàn được tổ chức vào thượng tuần tháng Bảy thì được gọi là ngày hội Vu Lan mục đích cầu siêu cho cha mẹ, tổ tiên, tứ sanh lục đạo, thập loại cô hồn. Theo dân gian đến ngày Trung Nguyên địa quan xá tội tức ngày rằm tháng Bảy mà Diêm Vương quên mở cửa âm dương thì lễ Trai Đàn là một biện pháp mạnh để mở toang cánh cửa ấy. Ở huyện Tầm Vu, Long An tổ chức vào rằm tháng Giêng (Tết Nguyên Tiêu).

Từ sau khi Mục Kiền Liên thực hiện đúng theo lời dạy của Đức Phật cứu được mẹ thì cứ đến ngày rằm tháng Bảy, các chùa đều tổ chức lễ Vu Lan và rất đông người dân khắp mọi miền của đất nước tham gia với ước nguyện cầu xin cho vong hồn người thân, tổ tiên của mình được siêu thoát. Hiện nay, ở các chùa tỉnh Tiền Giang vào ngày Lễ Vu Lan rất đông người tham dự (xem phụ lục 5, mục 2.3.1.3)

Như vậy, trong Phật giáo có ngày Lễ Vu Lan, còn trong dân gian tin rằng có ngày mở cửa Quỷ Môn Quan để ma quỷ, các linh hồn chưa siêu thoát, các vong linh còn vất vưởng, không nơi nương tựa được ra ngoài. Vì vậy, người dân tổ chức cúng các vong linh này với mong muốn được bình an, không bị phá phách đồng thời với hàm ý từ bi và tri ân những người đã nằm xuống trên mảnh đất này để cho chúng ta có được cuộc sống bình an hôm nay. Trong dân gian tin rằng việc tổ chức nghi thức cúng bái, mượn làn khói, nén

nhang, mâm cơm với cả tấm lòng chân thành để xoa dịu nỗi đau của vong hồn uổng tử, chia sẻ giúp họ thoát khỏi nỗi đau ở nơi tăm tối. Đây là cách để người sống và người chết giao thoa, trao đổi, thông tin với nhau với niềm tin người khuất hiểu được tấm lòng của người sống. Quan niệm này đã trở thành nếp sống, văn hóa của con người Việt Nam, theo truyền thống Phật giáo là một trong Tứ trọng ân. Qua đây cho thấy sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ cúng cô hồn.

Đại lễ cầu siêu hay Trai Đàn Chẩn Tế hàng năm là ví dụ minh họa cho sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian. Vào ngày thương binh liệt sĩ 27 tháng 7 hàng năm, nhằm tạo dựng công đức hồi hướng đến các cô hồn để khai thị nhằm giúp họ thoát khỏi nơi tăm tối, nhiều chùa trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đã tổ chức Đại lễ cầu siêu. Việc tổ chức Đại lễ cầu siêu cho vong linh các anh hùng liệt sĩ, những người có công với đất nước, đã hy sinh quên mình vì độc lập tự do của Tổ quốc nhằm cho chúng ta có được cuộc sống bình yên hôm nay và cả cầu siêu cho những người đã khuất vì tai nạn, bệnh tật, thiên tai. Việc làm này có ý nghĩa sâu sắc thể hiện truyền thống văn hóa nhân văn, đạo lý tốt đẹp của người Việt Nam “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, uống nước nhớ nguồn*”. Theo báo cáo tổng kết hoạt động Phật sự nhiệm kỳ 2007 -2012 ban nghi lễ đã tổ chức Đại Trai Đàn Chẩn Tế cầu siêu cho các anh linh chiến sĩ tại nghĩa trang liệt sĩ tỉnh. Đồng thời, chùa Vĩnh Tràng đã tổ chức 03 Đại Trai Đàn Chẩn Tế cầu siêu. Một số chùa khác như chùa Bửu Long (phường 10 thành phố Mỹ Tho), chùa Kim Linh (Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang) (23/10/2016) đã thu hút được hàng trăm người thuộc đủ các thành phần và lứa tuổi tham gia. Việc làm này mang tính giáo dục, nhân văn cao thể hiện tình thương giữa người với người, mong muốn chia sẻ với những vong hồn đau khổ. Giá trị nhân văn của việc cúng cô hồn còn thể hiện ở tâm của người tham gia cúng là đối xử bình đẳng không phân biệt, hay kỳ thị cô hồn này thuộc loại gì, giàu hay nghèo, trai hay gái, thuộc tôn giáo gì. Trai Đàn Chẩn Tế không chỉ giúp cho vong linh không nơi nương tựa được khai thiện, khởi thiện nghiệp nhằm tự bản thân cô hồn giúp họ thoát khỏi đau khổ, được siêu thoát. Qua đây, cũng có ý nghĩa nhắc nhở, cảnh tỉnh, giác ngộ người đang sống, cảm hóa cho những ai đang sống mà còn yếu chính kiến, còn tham hóa lợi danh. Đồng thời, mục đích giải nghiệp và chuyển hóa nghiệp cho cô hồn vì vậy cần phải nhiều người kết hợp lại. Đây là hình thức sinh hoạt tâm linh mang tính cộng đồng.

Lễ vật cúng có cơm, canh, bánh kẹo, nước, gạo, muối và cả tiền,... Quan niệm dân gian tin rằng tiền vừa cúng cô hồn do được nhiều người chú nguyện nên có phúc vì vậy

mọi người tranh nhau lấy. Bên cạnh đó, việc nhiều người dân tham gia lễ chẵn tề đã đốt giấy tiền vàng bạc, mô hình nhà lầu, mô hình xe hơi, mô hình quần áo,... Trong kinh, luật Phật không có dạy việc làm này. Nhằm để cho Phật tử yên tâm, thực hiện tục đốt vàng mã, các sư trong chùa xem đây như là phương tiện. Vì vậy, tại chùa ở tỉnh Tiền Giang vẫn còn đốt giấy tiền vàng bạc, nhà lầu, xe hơi, quần áo. Hiện nay, vào buổi chiều các sư ở chùa đều thí thực, đem cơm, muối cúng cô hồn.

2.3.1.4 Lễ giỗ

Lễ giỗ thuộc về tín ngưỡng dân gian nhưng trong rất nhiều chùa ở Tiền Giang đều có tổ chức lễ giỗ những vị trụ trì, nhà sư quá cố. Đám giỗ tại chùa được các nhà sư mời rất đông Phật tử đến tham dự. Đây là dịp các Phật tử ngồi lại cùng nhau ăn bữa cơm chay với chùa, góp phần cố kết cộng đồng. Một số chùa ở Tiền Giang có tổ chức lễ giỗ các vị trụ trì, sư quá cố một cách rất trọng thể và có mời đông khách: lễ giỗ cố hòa thượng chùa Thanh Trú vào ngày 16/5/2018 (nhằm ngày mùng 2 tháng 4 năm Mậu Tuất) có rất đông tăng, ni và hơn 200 Phật tử về chùa tham dự. Ngày 1/9/2018 (nhằm ngày 22/7 năm Mậu Tuất) chùa Phước Lâm ấp Phú Nhuận, huyện Cai Lậy tổ chức rất trang nghiêm, lễ giỗ lần thứ 6 cố thượng tọa Thích Minh Trí có rất đông chư tăng trong tỉnh và Phật tử tham dự. Ngày 5/4/2018 (nhằm ngày 20 tháng 2 năm Mậu Tuất), chùa Thiên Hòa xã Đông Hòa Hiệp huyện Cái Bè tổ chức lễ giỗ cố Hòa thượng Chí Thành và chư vị tiền bối tổ sư có ban trị sự Giáo hội Phật giáo huyện Cái Bè cùng với các tôn đức tăng ni trong, ngoài tỉnh và rất đông Phật tử tham gia. Ngày 27/7/2018 (ngày 15 tháng 6 năm Mậu Tuất) tại chùa Linh Quang ấp Trung xã Dưỡng Diêm, huyện Châu Thành tổ chức trọng thể lễ giỗ lần thứ X cố hòa thượng Thích Nhuận Hiền. Ngày 22 tháng 8 năm 2018 (nhằm ngày 12 tháng 7 năm Mậu Tuất), chùa Bửu Lâm thành phố Mỹ Tho tổ chức long trọng lễ giỗ lần thứ X hòa thượng Thích Huệ Thông cùng rất đông tăng, ni và Phật tử tham gia. Ngày 2 tháng 9 năm 2018 (nhằm ngày 23 tháng 7 năm Mậu Tuất) tại chùa Nam An xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành tổ chức lễ giỗ cố hòa thượng Viện Chứng. Ngày 22/6 âm lịch, tại chùa Phật Đá lễ giỗ hòa thượng Thích Nhuận Sanh được tổ chức long trọng (phụ lục 5, mục 2.3.1.4)

Đây là dịp các nhà sư của chùa tưởng niệm, thể hiện lòng tri ân và báo ân đối với các bậc thầy đã khuất. Ở một số chùa lễ Giỗ thượng tổ chức khá lớn, mời rất đông Phật tử đến tham dự. Bên cạnh đó, theo yêu cầu của Phật tử một số chùa đảm nhiệm việc giỗ những người đã khuất gửi vào chùa thờ cúng.

2.3.1.5 Lễ tang

Sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở Tiền Giang còn được thể hiện qua lễ tang. Hiện nay, ở Tiền Giang, người vừa qua đời, dù là Phật tử hoặc không nhưng vì người nhà mộ đạo Phật nên nhờ các nhà sư xem ngày, giờ nhập quan, hạ huyệt,... Đối với các vị sư trong chùa viên tịch, nhà chùa cũng tiến hành xem ngày giờ để thực hiện lễ nhập quan, nhập tháp...(tang lễ Hòa Thượng Thích Nguyên Tấn trụ trì chùa Phước Sơn xã Bình Phú huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; tang lễ Thích nữ Như Tâm tại chùa Lương Phước, phường 10, thành phố Mỹ Tho; Thích Thiện Lễ trụ trì chùa Phước Thiện xã Trung Hòa, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang) có xem ngày giờ cho việc làm lễ nhập quan, nhập tháp,....

Theo quan niệm của dân gian, đây là những giờ khắc quan trọng đối với người đã mất và có ảnh hưởng không nhỏ tới những người thân còn đang sống. Trong Phật giáo, mặc dù không có quan niệm về ngày, giờ xấu, tốt nhưng vì Phật giáo khi du nhập vào nước nào đã tùy thuận vào nền văn hóa của nước đó. Nhằm đáp ứng mong mỏi, nhu cầu của nhân dân nên các nhà sư đã thực hiện việc này. Đồng thời các nhà sư còn hỗ trợ tang chủ thực hiện các nghi lễ cho người vừa mất trước và sau khi an táng. Các nhà sư được thỉnh đến tụng kinh để cầu nguyện hồi hướng cho người vừa chết. Theo quan niệm của Phật giáo, khi người chết ngừng thở, linh hồn rời khỏi thể xác và vẫn còn quanh quẩn gần đó. Lúc này, việc trợ niệm cho vong linh người chết nghe tiếng kinh, tiếng mõ để sớm siêu thoát. Việc tụng kinh trợ niệm vắng sinh đôi khi diễn ra trước khi tắt thở, lúc người ốm có dấu hiệu xấu sắp qua đời. Việc làm này với mong muốn người sắp mất nghe được những lời tụng kinh của những chư tăng hộ niệm, sẽ thanh thản ra đi, không giành giật sự sống, không sợ cái chết mà thành tâm niệm Phật để khi chết, nhanh chóng được siêu thoát.

Lúc liệm, thường để vào quan tài các vật dụng, trong đó có áo tràng hoặc áo nâu, tràng hạt mà người vừa mất thường mặc đi chùa. Theo quan niệm nhà Phật khi một người chết không nhất thiết phải mang theo những vật chất, tư trang vì chúng vô thường, giống như thân xác khi mất đi sẽ không còn mà trở thành cát bụi.

Sau khi liệm xong, nhà sư làm lễ thành phục phát tang (phát quần áo tang và quần khăn tang) cho người nhà của người chết. Theo quan điểm dân gian, khi cha mẹ qua đời, con cháu phải thọ tang, thể hiện lòng tôn kính ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ và ơn này chỉ có thể đền trên đầu. Việc làm này trở thành văn hóa truyền thống của nước ta,

phong tục của nhân dân ta. Trong Phật giáo không có quan niệm để tang nhưng các nhà sư thuận theo phong tục của nhân dân ta phát đồ tang, đeo khăn tang cho những người thân của tang gia. Việc lập bàn thờ Phật trong đám tang của người dân Tiền Giang đã thể hiện rõ ràng sự dung hợp giữa tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên với Phật giáo. Bàn thờ Phật được lập trong đám tang thường đặt trước bàn thờ người vừa mất để người đến viếng vào lễ Phật trước rồi mới viếng người mất. Tại Tiền Giang, có nhiều đám tang mời các vị sư đến làm lễ và tụng kinh hồi hướng cho người sắp qua đời. Nếu người mất là Phật tử, trong đám tang sẽ có những Phật tử sinh hoạt chung đạo tràng đến tụng kinh, niệm Phật. Nghi thức tiễn đưa người chết cũng thể hiện sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Đi đầu đám tang là xe rước ảnh Phật với mong muốn Phật sẽ hộ dẫn vong linh người chết về nơi cực lạc. Kế đến các nhà sư, các đội kèn, trống theo sau là kiệu ảnh người chết, linh cữu và thân nhân người mất (xem phụ lục 5, mục 2.3.1.5). Trước khi hạ huyệt, nhà sư cũng tụng kinh làm lễ cho người mất. Rõ ràng, quan niệm và cách thực hành của người dân trong đám tang thể hiện rất rõ sự dung hợp giữa tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và Phật giáo.

Không chỉ Phật tử mà cả người dân thường khi qua đời con cháu và người thân đều để khăn tang. Ngay cả các vị trụ trì khi qua đời, các chư tăng của chùa và Phật tử cũng để tang vì xem Thầy như cha, nhưng chiếc khăn tang này màu vàng. Để tang cho người mất là phong tục, là tín ngưỡng dân gian thể hiện sự mang ơn sinh thành của cha mẹ, ơn của người còn lại với người khuất nên để tang trên đầu. Sự dung hợp giữa nghi lễ Phật giáo với nghi lễ dân gian làm cho lễ tang thêm ý nghĩa sâu sắc.

Sau lễ tang là lễ cúng 7 tuần thất (có trong Kinh Địa tạng), theo quan điểm nhà Phật, một người sau khi chết thần thức sẽ tái sinh trong 49 ngày hoặc đã堕 vào trong địa ngục. Vì vậy, phải cúng tuần, mỗi tuần cúng một lần và cúng 7 lần sau khi chết. Phật giáo quan niệm mỗi người đều có nghiệp riêng, việc có được tái sinh hay không và tái sinh vào cõi nào tương ứng với nghiệp do chính người đó tạo ra. Tuy nhiên, nếu người thân tổ chức cúng tuần với nghĩa trợ duyên, hỗ trợ thần thức tìm môi trường tái sinh, tạo duyên lành, gọi lại hạt giống lành để người chết trên đường tái sinh rất quan trọng.

Trong Phật giáo không có quan niệm cúng 100 ngày, cúng giáp năm, cúng xả tang, lễ giỗ. Đây là niềm tin của nhân gian vì vậy Phật giáo thuận vào làm cho nó thêm dồi dào ý nghĩa. Các nhà sư cho rằng việc cúng này làm cho người sống có cơ hội tạo lập phước báo, cũng như để giải quyết vấn đề về tâm lý hay thể hiện lòng biết ơn, tình cảm

của người còn sống với người thân đã khuất. Nghi lễ thờ cúng tổ tiên thể hiện truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta. Ở mỗi gia đình, nghi lễ này thể hiện qua bàn thờ tổ tiên, đó là niềm tin của mỗi người với tổ tiên. Theo văn hóa Việt Nam cây có cội, nước có nguồn. Thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng trong dân gian. Người dân tin rằng hương linh tổ tiên sau khi mất vẫn còn đâu đó, quanh chúng ta và luôn theo dõi phù hộ độ trì cho con cháu. Vì vậy, phần lớn người dân Tiền Giang đã lập bàn thờ cúng tổ tiên trang nghiêm ngay trung tâm ngôi nhà và mọi việc lớn nhỏ trong nhà đều báo cáo với tổ tiên như đám cưới, hỏi, ma chay. Hằng ngày, thắp nén hương cho tổ tiên hay trình bày với tổ tiên những mong muốn, nguyện vọng của mình mà theo dân gian gọi là cầu xin sự phù hộ của ông bà. Khi du nhập vào nước ta, Phật giáo đã du nhập tín ngưỡng có giá trị văn hóa tốt đẹp này và cho rằng thờ tổ tiên là biểu tượng. Việc trình bày với tổ tiên thật ra là việc mình tự hứa với lòng mình. Phật giáo cho rằng khi đứng trước bàn thờ tổ tiên hay khi thắp hương mà tâm về với thân làm cho mình hạnh phúc vững chãi có ngay trong hiện tại. Thiết lập bàn thờ tổ tiên là hành động có ý nghĩa giáo dục to lớn, công nhận đạo lý cây có cội nước có nguồn. Bàn thờ tổ tiên biểu trưng cho niềm tin có gốc, có nguồn và chúng ta tiếp nhận từ gốc nguồn đó. Giá trị văn hóa của nghi lễ này đã được Phật giáo tiếp thu và thực hiện trong các chùa ở Tiền Giang. Tất cả các chùa ở Tiền Giang đều có thờ Tổ, có đám giỗ những vị tiền bối khai sơn chùa. Như vậy, nghi lễ thờ cúng tổ tiên đã dung hợp với giáo lý Phật giáo thể hiện lòng tri ân, tình thương, lòng hiếu thảo của con cháu đối với ông bà, cha mẹ.

2.3.1.6 Lễ cưới

Lễ cưới là nghi lễ trong dân gian. Quan niệm dân gian rất coi trọng việc cưới xin, đây là việc hệ trọng trong cuộc đời mỗi người: *“Tậu trâu, cưới vợ, làm nhà”*. Từ bao đời nay, thông thường lễ cưới sẽ được tổ chức tại gia đình của cô dâu, chú rể. Sau này, lễ cưới còn được tổ chức tại nhà hàng. Những người theo đạo Công giáo tổ chức đám cưới tại nhà thờ. Hiện nay, tại Tiền Giang lễ cưới không chỉ được tổ chức tại tư gia, nhà hàng mà những người mộ đạo Phật còn tổ chức lễ cưới - lễ Hằng Thuận tại chùa. Tuy nhiên, lễ Hằng Thuận tại các chùa ở Tiền Giang chưa phổ biến.

Người đề xướng việc tổ chức lễ Hằng Thuận trong chùa chính là Nguyễn Trọng Thuật. Ông là cụ đồ, quê ở tỉnh Hải Dương đã đề xướng lễ thành hôn trong nhà chùa với mục đích nhờ chư tăng chú nguyện cho cô dâu chú rể với mong muốn hướng dẫn đôi nam nữ Phật tử mới thành hôn biết được đạo lý Phật dạy để sống tốt hơn. Hưởng ứng

tinh thần đó, năm 1970 một Phật tử đã tổ chức đám cưới đầu tiên cho con mình ở nước ta tại chùa Từ Đàm - Huế. Năm 1971, Hòa Thượng Thích Thiện Hoa hưởng ứng tinh thần của ông Nguyễn Trọng Thuật và chính thức đặt tên cho lễ thành hôn trong chùa là Hằng Thuận. Ngày nay, việc tổ chức lễ Hằng Thuận là nương vào lời dạy của Hòa Thượng Thích Thiện Hoa. Nghi lễ cưới diễn ra tại chánh điện trong chùa. Trước tiên gia đình muốn tổ chức lễ cưới phải gặp sư trụ trì để được hướng dẫn. Thầy trụ trì sẽ tổ chức một lễ trang nghiêm. Khi vào lễ, đôi nam nữ trình diện trước Tam bảo. Trước khi lạy 4 on, cô dâu và chú rể được nghe dạy về ơn cha mẹ; ơn thầy đã dạy chữ, nghĩa, lễ cho mình có được như ngày hôm nay; ơn bà con quyến thuộc và bạn bè đã tác thành cho mình có được đám cưới ấm cúng và ơn mọi loại chúng sanh; đồng thời, thầy Trụ trì giảng cho cô dâu và chú rể nghe đạo lý vợ chồng như đạo lý tiếp nối nối giống, đạo lý hiếu thương, khi yêu thương phải đúng cách và phải hiểu đúng. Đây là những bài học trong kinh mà thầy trụ trì trích ra để giảng dạy cho đôi vợ chồng son. Tiếp đến, đôi vợ chồng đọc lời phát nguyện. Khi tiến hành lễ trao nhẫn, thầy trụ trì sẽ giảng giải ý nghĩa chiếc nhẫn (Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, 2016, tr. 29-31)

Như vậy việc tổ chức lễ Hằng Thuận có ý nghĩa cao đẹp, giúp cho đôi vợ chồng trẻ hiểu được bổn phận, trách nhiệm của mình đối với nhau, nhờ vậy cuộc sống gia đình sau khi cưới sẽ tốt hơn, hạnh phúc bền lâu. Việc tổ chức đám cưới tại chùa nhằm tạo nhân duyên để nhà chùa phổ độ Phật pháp đến dân chúng. Việc làm này thể hiện tinh thần nhập thế của Đạo Phật, lấy Phật pháp phổ hóa trong đời sống nhân dân. Như vậy, Lễ Hằng Thuận đã tạo điều kiện cho văn hóa truyền thống hòa quyện với tâm linh Phật giáo, đây là sự thể tục hóa tôn giáo.

Ngày 3 tháng 2 năm 2010, chùa Phước Long ấp Cửu Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang đã tổ chức lễ Hằng Thuận cho Bùi Hiếu Nghĩa và Trần Thị Kim Ngọc. Ngày 18 tháng 5 năm 2013, chùa Dược Sư tọa lạc số 5, đường Tết Mậu Thân, phường 4, Mỹ Tho đã tổ chức lễ Hằng Thuận cho anh Trần Gia Duy Thoại và chị Huỳnh Phúc Phi. Ngày 25 tháng 4 năm 2014, Huỳnh Phước Thạnh và Trần Thị Trúc Linh cũng tổ chức lễ Hằng Thuận tại chùa (xem phụ lục 5, mục 2.3.1.6). Hai Phật tử Đặng Quốc Vương và Nguyễn Thị Mỹ Phước tổ chức lễ Hằng Thuận tại chùa Phước Thới khu phố 4, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè tỉnh Tiền Giang vào ngày 18 tháng 1. Ngày 14 tháng 10 năm 2017 chùa Phước Phú tại ấp Tân Hiệp, xã Tân Phú, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tổ chức lễ Hằng Thuận cho Thanh Long và Khánh Trang.

Một số tỉnh ở Tây Nam Bộ cũng có tổ chức lễ Hằng Thuận tại chùa. Tại Trà Vinh ngày 29/11/2019 chùa Long Hòa huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tổ chức lễ Hằng Thuận cho hai Phật tử Huỳnh Thanh Tường Khoa và Trần Thị Diễm My. Tại Long An, ngày 11 tháng 5 năm 2019 chùa Phước Bảo ấp 1 xã Đức Thạnh, huyện Bến Lức. Tại Bến Tre ngày 22/12/2015 tại chùa Phước Linh huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tổ chức lễ Hằng Thuận cho John Hoàng Dũng Nguyễn và Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

2.3.2 Tục cúng sao, giải hạn

Trong giáo lý, kinh điển Phật giáo không có việc sao tốt, sao xấu. Tuy nhiên, trong chùa hiện nay có tổ chức cúng sao, giải hạn. Cúng sao, giải hạn là tín ngưỡng dân gian nhưng ngày nay đã thâm nhập và gắn liền với nhà chùa, được thực hiện vào dịp đầu năm. Việc làm này ảnh hưởng bởi Đạo Lão đã hòa nhập vào Phật giáo trong truyền thống Tam giáo đồng nguyên. Mừng 9 viếng Ngọc Hoàng, tối mừng 8 cúng sao. Tâu Nam Tào Bắc Đẩu để xin phước cho người dân. Người Việt quan niệm rằng mỗi con người sinh ra đều có một vì sao chiếu mệnh. Tùy theo năm mà sao chiếu mệnh của mỗi người có khác, có những năm rơi vào sao xấu như sao Kế đô, La hâu, Thái bạch,... và có năm là sao tốt. Những năm mà 2 con số tuổi của mỗi người cộng lại bằng 10, ví dụ như 28 tuổi, 37 tuổi, 46 tuổi, 55 tuổi, 64 tuổi,... là sao xấu. Những người có tuổi như vậy nên cẩn thận trong lời ăn tiếng nói, trong hành động và ý nghĩ, tức là giữ gìn về thân, khẩu, ý. Nhằm muốn khuyên mọi người nhường nhịn nhau trong cuộc sống.

Các chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang vào các ngày mừng 8, mừng 10, ngày 15 tháng Giêng hằng năm đều có tổ chức cho người dân làm lễ dâng sao, giải hạn. Trước những ngày này người dân đến chùa ghi tên, tuổi của mình và người thân vào sổ để được chùa cúng sao, giải hạn (xem phụ lục 2.3.2, hình 1-3). Vào đúng ngày chùa tổ chức cúng khá đông người dân tham gia với mong muốn giải hạn sao xấu, cầu xin cho bản thân và gia đình tai qua, nạn khỏi, được nhiều may mắn.

Tại chùa Bửu Lâm, Mỹ Tho, theo Bà Phan Thị Kim L, 42 tuổi, nghề nghiệp viên chức, cho biết:

“Trước đây tôi cúng sao tại nhà, gần đây năm nào sao xấu tôi cũng đến chùa ghi tên để nhờ chùa làm lễ cúng sao, giải hạn. Cúng sao cầu mong tôi và gia đình được bình an, khỏe mạnh. Năm tôi 37 tuổi, tôi quên cúng sao, tôi và gia đình gặp đủ thứ chuyện không may” (PL 2, BBPV số 12)

Đồng thời, các nhà sư mong muốn Phật tử, người dân đến chùa lễ Phật vào đầu năm để tăng phước đức nên tuyên truyền vào đầu năm nên đi cúng sao, giải hạn. Theo Thầy Thích Bôn Tịnh, chùa Phật Đá cho biết:

“Việc cúng sao giải hạn từ Trung Quốc truyền sang nước ta, nó tồn tại trong dân gian nhưng các chùa lấy đó làm phương tiện để người dân đến ghi tên để cúng, sau đó lễ lạy Đức Phật nhằm tạo cho họ đến chùa lễ Phật thôi, chứ việc cúng sao giải hạn không có làm thay đổi được điều con người đã tạo ngay trong hiện tại” (PL 2, BBPV số 9)

Lễ vật cúng sao là nến, nhang, và trái dừa tươi. Những lễ vật này cũng chứa những ý nghĩa sâu xa trong đó. Theo các nhà sư việc cúng tam tai là hóa giải tai nạn về miệng, về thân, về ý, tức hóa giải những suy nghĩ, lời nói, hành động. Không nên có ý nghĩ, lời nói và hành động xấu. Việc cúng sao muốn nhắc nhở người cúng sang năm mới cẩn thận để bảo vệ thân mình nhờ vậy chuyện buồn bớt đi. Đồng thời cúng sao là hóa giải tai nạn về lửa, nước, gió: tức là hóa giải sự nóng nảy, bức bối trong lòng mình (lửa), hóa giải về tình cảm (nước) và tai nạn về phong (tức là xê dịch về chỗ ở, thay đổi việc làm, địa vị).

Tại Tiền Giang, mỗi người dân tham gia cúng sao sẽ mua một ngọn đèn rồi dán họ tên, tuổi của mình và người thân vào cây đèn, gửi ở chùa để cầu an. Vì vậy, vào ngày cúng sao trong chùa có rất nhiều ngọn đèn được thắp lên, các ngọn đèn được bày trí ở tất cả các bàn thờ, có chùa do nhiều người gửi đèn cúng nên phải bày trí các ngọn đèn ngoài sân chùa, phía dưới các tượng Phật. Có chùa dán họ tên, tuổi của Phật tử, người dân tham gia cúng sao vào tháp đèn được sư (xem phụ lục 5, mục 2.3.2, hình 4-10).

Sau khi nhà chùa tổ chức đọc Chú Đại Bi, Kinh tiêu tai cát tường thần chú, tiếp đến các Thầy sẽ đọc danh sách tên của những người đã ghi vào sổ cúng sao, cầu an. Những người có mặt trong lễ cúng, khi nghe tới tên mình sẽ lạy.

2.3.3 Nhạc lễ Phật giáo

Khi Phật tử còn tại thế, âm nhạc chỉ dùng cho người Phật tử tại gia chứ không phù hợp với các tăng Đoàn. Vì âm nhạc được cho là: *“thường gọi lên những tình cảm bi lụy, quyến luyến, làm xáo động tâm thức và gây ra nhiều trở ngại cho sự thăng hoa của tâm linh. Mỗi khi tụ hội và ôn lại những lời dạy của Đức Phật, chư vị tùy kheo chỉ tụng theo ngữ điệu thông thường, không có nhạc cụ và dĩ nhiên cũng không tán tụng du dương như thời nay”* (Đồng Thành, 2001, tr.29).

Dần về sau, âm nhạc bước đầu tác động đến sinh hoạt của Phật giáo điển hình như lúc Đức Phật nhập diệt những người trong bộ tộc Malla bố trí lễ trà tỳ. Bên cạnh việc sử dụng hương hoa còn sử dụng âm nhạc trong lễ này để dâng cúng Đức Phật (Phan Nhật Trinh, 2016, tr.88)

Mặc dù kinh điển Phật giáo không khuyến khích sử dụng âm nhạc, nhưng trong quá trình phát triển của Phật giáo, âm nhạc được xem “lễ phẩm” cúng dường Đức Phật. Trong phẩm Phương tiện của Kinh Pháp Hoa xem dâng cúng âm nhạc lên Đức Phật cũng như Giáo pháp. Việc làm này sẽ mang lại phúc đức và là một trong những công cụ để đi đến Phật đạo. Trong Phẩm 40 của kinh Hoa Nghiêm và phẩm Nhất của kinh Niết bàn cũng xem việc cúng dường âm nhạc là một trong những pháp cúng dường cao nhất. Ngoài ra, kinh Vô Lượng Thọ xem việc dùng âm nhạc trong hành đạo là âm thanh rất trang nghiêm được đưa lên thành “Pháp”, giúp cho người nghe sự an lạc và giải thoát (Phan Nhật Trinh, 2016, tr.88).

Khi Phật giáo truyền đến Nam bộ, trong các ngôi chùa, nhạc lễ Phật giáo được phát huy qua các nghi lễ quan trọng. Lễ nhạc Phật giáo Nam bộ được sử dụng để phục vụ nhu cầu cầu an và cầu siêu của những lưu dân vùng đất mới. Phật giáo với tinh thần “*tùy thuận, khế lý, khế cơ*” nên ngay khi du nhập vào vùng đất mới đã nhanh chóng thích nghi với điều kiện và hoàn cảnh nơi đây hình thành nên Phật giáo mang những đặc điểm riêng. Trong đó, chính yếu tố địa văn hóa vùng đất mới góp phần làm cho âm nhạc Phật giáo cũng có nét riêng, khác biệt so với Bắc bộ và Trung bộ. Những thanh âm, điệu thức có tính dung hợp cao trong âm nhạc Phật giáo phối hợp với tính bi, hài trong tâm thức con người. Điều này thấy rõ trong nhạc lễ qua điệu Thiên và điệu Xuân.

Đạo Phật ra đời ở Ấn Độ, một số kinh được đưa từ Trung Quốc sang các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam nhưng nét nhạc ở các bài tụng, tán truyền thống của nước ta không chịu tác động của Ấn Độ hoặc Trung Quốc. Nhạc Phật giáo là loại thanh nhạc. Khí nhạc Phật giáo nhằm hỗ trợ cho lời tán tụng. Ở nước ta, nét nhạc các bài tụng, tán thay đổi tùy theo vùng, miền. Thanh âm điệu, thức trong những bài này gần với thanh âm điệu thức của tiếng hát ru, điệu dân ca của mỗi vùng (Trần Văn Khê, 2001, tr. 23).

Môi trường sống đã tạo ra tính cách con người Tây Nam Bộ phóng khoáng, chất phác, bộc trực, giản dị nhưng cũng rất kiên cường, bất khuất. Điều này ảnh hưởng đến nhạc lễ nơi đây. Lễ được tổ chức khá đơn giản nhưng rất trang nghiêm. Nhạc thì có lúc

nhặt, lúc thừa, dẫn đến người học có khi tiếp thu một cách dễ dàng như có lúc lại không đơn giản như: “*bài đầu năm (2 roi nhặt, 3 roi thừa) nhưng khi ra roi rất mắc*”. Đối với Bạc thét, người mới vào học: “*chen chen chen sải (1234)*”. Đối với Bạc dẫn: “*chen sải chen, chen chen sải chen sải chen sải*, đến lúc xóc bạc là *chen sải chen sải, chen chen sải chen sải chen sải* ”; vào bài trống dẫn làm cho nghe có cảm giác nhẹ nhàng, thư thái: “*ròn ròn ròn, ròn – ròn*”, khi kết thúc là “*tán cắt cắt tán cắt, cắt tán, cắt tán, cắt rà rụt*”. Ngoài ra có rất nhiều điệu tán như *tán thiên, tán dẫn, tẩu mã, tán trạo*,.... Tác giả Thích Huệ Khai nhận xét: *từng roi đầu, roi trống, điệu tán lúc nhặt lúc thừa, lúc khó lúc khó, lúc dễ cũng nhằm phản ánh vùng sông nước này như sông, như biển có lúc êm lặng, thơ mộng nhưng cũng có lúc cuồng phong sóng lớn dữ dội*” (Thích Huệ Khai, 2007, tr. 87).

Từ thế kỷ XVII- XVIII, nhạc lễ Phật giáo ở Nam bộ gắn với hình thức diễn xướng các bài kinh, tụng, tán Phật. Cách thức tán, tụng được đề cao và phổ biến là ngân nga từng chữ. “*Mỗi miền đều có những giai điệu đặc thù theo giọng nói địa phương. Nếu không thuộc trước đoạn kinh, chúng ta sẽ không biết người kia tụng, tán cái gì*” (Chơn Quang, 2002, tr. 364).

Đồng thời, “*khi tụng một bài kinh, thanh giọng mỗi chữ không thay đổi, thang âm chính phù hợp với thang âm của âm nhạc dân gian Việt Nam. Bài tán là khen ngợi nên giọng đọc kéo dài, nhịp thay đổi, mỗi chữ có nhiều giọng. Trong lễ cầu siêu thường dùng theo lối Nam Ai vì lối này dùng cho những bài buồn*” (Trần Hồng Liên, 2000, tr. 152).

Sự dung hợp giữa nhạc lễ Phật giáo và âm nhạc dân gian truyền thống còn được thể hiện lối cúng ứng phú. Ứng phú là môn kinh sử dụng trong chùa, là môn âm nhạc riêng của đạo Phật. Khi thực hiện nghi lễ, nhà sư tụng kinh, tán xướng. Ứng phú thường sử dụng lối “tán” với giọng đọc kéo dài, thang âm cẩn thận, nhịp điệu khá phức tạp chủ yếu sử dụng trong cầu siêu, cúng vong. Lối cúng này khá gần với âm nhạc dân gian nước ta đồng thời còn ảnh hưởng của lối hát Hồ Quảng. Trong quá trình thực hiện nghi lễ, ứng phú sử dụng một số pháp khí như: trống, chuông, mõ, còi, khánh, đồng la, đầu, linh,...(Trần Hồng Liên, 2000, tr. 152)

Đồng thời, tại các buổi lễ cầu siêu, cầu an với quy mô lớn, sau khi cúng thường có hát bội. Thường thì phía trong tổ chức bày tiệc chay, bên ngoài tổ chức các trò chơi dân gian, ca hát: “*Cuộc bày trong ăn đồ lạt, làm việc sám hối; ngoài bày chuyện vui chơi ca hát*” (Huỳnh Tịnh Paulus Của, 1895, tr.115)

Các thầy cúng cũng tham gia hát bội như hóa trang thành Mục Liên, Thanh Đề, hát bội các bài Ông Đồng Kim Lân đi tu, Nguyệt Kiều đi tu, Quan Âm giáng thế, Mục Liên tầm Mẫu,...(Trần Hồng Liên, 2007, tr. 47)

Lễ nhạc Phật giáo nước ta mang âm hưởng dân gian, là một bộ phận quan trọng trong âm nhạc truyền thống của dân tộc. Trong giai đoạn loại hình ca cổ phát triển mạnh ở nước ta thì thang âm, điệu thức của các bài tụng, tán trong nhạc lễ Phật giáo ảnh hưởng đậm nét của ca cổ vì vậy có nét đặc thù riêng, không nhầm lẫn với hình thức khác.

Sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian còn được biểu hiện ở sự tương đồng, ảnh hưởng giữa âm nhạc truyền thống với âm nhạc Phật giáo. Tuy âm nhạc truyền thống chủ yếu hướng ngoại, được sử dụng với mục đích thiên về thưởng thức nghệ thuật, trong khi âm nhạc Phật giáo thiên về nội tâm, được sử dụng như là phương tiện để người nghe thấu cảm với giáo lý Phật giáo và có được trạng thái tâm lý thanh tịnh, an nhàn. Nhưng giữa hai loại hình âm nhạc trên có những điểm tương đồng như: nét nhạc, thanh âm, điệu thức, tiết tấu, nhịp phách,... Một số bài sử dụng trong Phật giáo như Nhành dương liễu rải nước cam lồ xuống trần và Tào Khê, có nét nhạc thể hiện ở sự lên bổng, xuống trầm của thanh giọng, ngôn ngữ tương tự với nét nhạc ở các bài dân ca, bài ca trong nhạc thánh phòng. Thanh âm thuộc loại ngũ cung, hai âm chính và năm âm phụ. Điệu thức có hơi Thiên, hơi Ai giống như điệu thức Khách và điệu thức Ai của nhạc hiếu. Điệu Bắc hơi Nhạc, hơi Hạ và hơi Ai trong các bài nhạc đờn ca tài tử ở Nam Bộ. Thang âm điệu thức rất giống nhau. Bên cạnh việc sử dụng các dụng cụ mõ, chuông, đàn, mộc bảng Phật giáo còn sử dụng các nhạc cụ như đàn nhị, đàn nguyệt, kèn trống, phách – đây là nhạc cụ truyền thống của dân tộc ta khi khai trường, nhập lễ hoặc hỗ trợ các bài tán. Bài bản nhạc lễ Phật giáo, bài bản nhạc lễ dân gian và bài bản nhạc lễ cung đình giống nhau. Ở Nam Bộ dàn nhạc Ngũ đối Hạ khi khai trường Nhập lễ có phong cách như dàn nhạc Ngũ âm có Phe văn, Phe võ. Cách tụng, niệm kinh của Phật giáo mang âm hưởng của lời hát ru. Vào những ngày lễ hội lớn của Phật giáo như lễ Vu Lan, lễ Phật Đản,... Phật giáo có sử dụng dàn nhạc trong dân gian. Phật giáo Tiền Giang có những cách tán dùng hơi và nhịp theo lối hát khách của hát Bội, tuy nhiên vẫn có sử dụng mẫu âm ở những chỗ luyến láy có khác nhau. Ngoài ra, các nhà sư đã sử dụng những thang âm điệu thức của âm nhạc truyền thống nhằm đặt cho các bài tán của Phật giáo. Dù có tiết tấu tương đối chậm hơn nhưng hơi thiên ở âm nhạc Phật giáo có cấu trúc âm thanh tương tự hơi nhạc, hơi hạ ở Nam Bộ. Hơi ai của âm nhạc Phật giáo tương

tự như điệu ai trong nhạc lễ hoặc điệu ai dùng trong cải lương, trong đờn ca tài tử. Các nhà sư còn ứng dụng những giai điệu trong âm nhạc truyền thống vào phong cách tán tụng trong Phật giáo (Trần Văn Khê, 2001, tr. 24).

Bên cạnh đó, vùng đất mới là nơi có nhiều cộng đồng cùng sinh sống như Kinh, Hoa, Khmer. Những người Hoa khi tụng kinh sử dụng ngôn ngữ địa phương và sử dụng pháp khí. Do đó, từ đầu thế kỷ XX nhạc lễ Phật giáo ở Nam bộ có ảnh hưởng lối hát Hồ Quảng vì vậy nhạc lễ Phật giáo nước ta rất đa dạng.

Ngày nay, ở nước ta, việc đọc, tụng kinh, cách tán tụng ở các ngôi chùa có nhiều thay đổi, sự khác biệt về thanh điệu ở mỗi vùng miền, do ảnh hưởng của âm nhạc truyền thống địa phương, tạo nên sự phong phú, đa dạng và nhiều màu sắc.

Khi thực hiện các nghi thức chân tế, các chùa ở Tiền Giang đều có sử dụng nhạc lễ và các nhạc cụ dân gian. Phần lớn các chùa sẽ mời ban nhạc lễ ở Gò Công thực hiện (xem phụ lục 5, mục 2.3.5).

Vào các lễ lớn tại chùa như lễ Vu Lan báo hiếu, lễ Phật đản, lễ dâng y cà sa,...thường có thực hành nghi thức dâng nhiều y tức là đi đứng theo nhịp điệu, không chỉ đi theo nhịp điệu mà trên đầu còn đội tràng hoa được kết từ chiếc áo cà sa để cúng dường chư tôn đức, tăng, ni. Nghi thức dâng nhiều y ngày nay đã trở thành nghệ thuật múa trang trọng như: múa Thiên Thủ Thiên Nhãn, múa dâng Hoa,... Trong đó yếu tố nhạc lễ đóng vai trò không kém phần quan trọng. Nhân dịp lễ Phật Đản, ngày 22/5/ 2018 (nhằm ngày 8/4/ Mậu Tuất) tại chùa Vĩnh Tràng tổ chức đêm văn nghệ khai mạc tuần lễ Phật Đản. Vào ngày 27.5. 2018 nhằm ngày 13/4/Mậu Tuất, chùa Phước Lâm, ngày 15 tháng 4 năm Kỷ Hợi tại chùa Phật Đá tổ chức đêm văn nghệ đón mừng lễ Phật Đản đều có sử dụng âm nhạc dân gian.

Qua phân tích trên cho thấy sự ảnh hưởng của âm nhạc truyền thống đến âm nhạc Phật giáo rất rõ ràng.

Tiểu kết chương 2

Sự dung hợp văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian ở tỉnh Tiền Giang là sự dung hợp, cộng sinh, tiếp biến lẫn nhau giữa tín ngưỡng dân gian và Phật Giáo, qua một thời gian dài đã hòa quyện vào nhau tạo nên bản sắc văn hóa riêng.

Thông qua lịch sử ra đời của các ngôi chùa Mục Đồng, chùa xây dựng do người dân phát hiện ra các tượng Phật đá, Phật đồng, chùa xây dựng trên cơ sở các ngôi miếu, quan niệm dân gian về phong thủy tốt của ngôi chùa. Niềm tin của người dân vào sự linh thiêng

của Phật và tất cả các loại hình tín ngưỡng dân gian có thờ cúng tại chùa là những định hướng giá trị vững chắc của sự dung hợp, biểu hiện sự thừa nhận, nhận thức của người dân.

Từ góc nhìn văn hóa tổ chức, cho chúng ta thấy đôi tượng thờ tự trong các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang rất đa dạng. Ngoài thờ Phật, Bồ tát thì rất nhiều loại hình tín ngưỡng dân gian có mặt trong không gian ngôi chùa như Mẫu, Thổ Địa, Thần Tài, Quan Công, Thiên Quan tứ phúc, danh nhân, anh hùng dân tộc, nhân vật lịch sử, Tổ tiên, cô hồn, dấu ấn tam giáo. Sự đa dạng này xuất phát từ nhu cầu tâm linh của người dân Tiền Giang và sự linh hoạt của các vị sư theo tinh thần khế lý khế cơ, tùy duyên phương tiện.

Thực hành nghi lễ, lễ hội trong các chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang hiện nay rất phong phú và đa dạng, được thể hiện qua một số ngày lễ chính như lễ Phật Đản, lễ Phật xuất gia, lễ Phật thành đạo, lễ Phật nhập niết bàn, lễ Vu Lan, lễ giỗ các vị tiền bối,.... Bên cạnh đó còn có các ngày sóc, vọng, ngày vía các vị Phật và Bồ tát. Thực hành nghi lễ trong chùa hội nhập và ảnh hưởng của tín ngưỡng dân gian. Các tập tục cúng sao, giải hạn cũng như những giá trị văn hóa, lịch sử về nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc tại chùa minh chứng cho sự dung hợp qua góc nhìn từ văn hóa ứng xử. Bên cạnh đó, luận án cho thấy thực hành nghi lễ, lễ hội tại chùa của các nhà sư và cộng đồng không chỉ là nghi lễ riêng của Phật giáo. Nó đã trở thành truyền thống văn hóa, được gìn giữ và truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, trở thành các khuôn mẫu được thực hiện trong các ngày lễ hằng năm tại chùa. Trước tình hình hội nhập và biến đổi về văn hóa như hiện nay thì việc thực hành nghi lễ, lễ hội, tập tục cũng bị tác động vì vậy nó đã có những thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tiễn.

CHƯƠNG 3 CƠ SỞ SỰ DUNG HỢP, GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA SỰ DUNG HỢP GIỮA PHẬT GIÁO BẮC TÔNG VỚI TÍN NGƯỠNG DÂN GIÀN, DỰ BÁO XU HƯỚNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

3.1 CƠ SỞ SỰ DUNG HỢP

3.1.1 Nhu cầu tâm linh của người dân

Theo tác giả Nguyễn Phúc Nghiệp, đến thế kỷ VI sau CN, nền văn hoá Óc Eo ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long bị suy vong. Đồng thời, cùng với những đợt di chuyển đến những vùng đất khác của cư dân dẫn đến đồng bằng sông Cửu Long nói chung, Tiền Giang nói riêng trở thành một vùng đất hoang vắng. Đến đầu thế kỷ XVII, do rất nhiều nguyên nhân như chiến tranh giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn; tình trạng sưu cao thuế nặng; do bị bắt phu, lính; do bị bóc lột nặng nề của giai cấp địa chủ; điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt làm cho lưu dân người Việt, phần lớn là nông dân nghèo khổ không đất canh tác, những tù binh từ miền Bắc, miền Trung vượt qua rất nhiều khó khăn, thử thách vào vùng đất Tiền Giang khai hoang, lập ấp. Lúc đầu, luồng di dân còn lẻ tẻ, tự phát. Về sau, chính quyền chúa Nguyễn tổ chức những đoàn di dân, cho phép tự nhân được chiêu mộ dân nghèo vào vùng đất mới khai hoang. Nhờ đó, tốc độ khai hoang ngày càng được đẩy mạnh.

Vào năm 1679, một bộ phận người Hoa do Dương Ngạn Địch dẫn đầu, do chống đối vương triều Mãn Thanh, vì vậy bỏ quê hương đến Huế, được chúa Nguyễn cho vào sinh sống ở Mỹ Tho. Về sau, do sự giao lưu văn hoá, do kết hôn với người Việt, nên số người Hoa này có cuộc sống tín ngưỡng tâm linh có những điểm tương đồng, có sự dung hợp với tín ngưỡng của người Việt.

Trước thế kỷ XVII, khi chưa có người Việt từ Đàng ngoài vào khai phá, Tiền Giang là một vùng rừng rậm, hoang vu, đầy thú dữ. Một số nơi ở Tiền Giang còn khan hiếm nước ngọt, đất bị nhiễm phèn, nước lũ dâng. Đây là mối đe dọa, khó khăn, trở ngại trong giai đoạn đầu của người đến khai hoang. Theo Lê Quý Đôn: *“Phủ Gia Định, đất Đồng Nai, từ các cửa biển Cần Giuộc, Xoài Rạp, Cửa Tiểu, Cửa Đại toàn là rừng rậm hoang vu cỏ rậm, mỗi đám rừng có thể rộng hơn nghìn dặm”* (Lê Quý Đôn, 1959 tập 1, tr. 345).

Song song đó, tình hình xã hội ở Tiền Giang trong những năm đầu khai hoang, mở đất còn nhiều bất ổn cũng là mối hiểm nguy, đe dọa đến cuộc sống của người dân như: Năm Ất Dậu (1705), quân giặc kéo xuống xâm chiếm nhưng bị Nguyễn Cửu Vân chặn

đánh, quân giặc thua trận rút về nước. Cuối năm 1784, khi Nguyễn Ánh cầu viện, quân Xiêm tiến đến sông Tiền đặt căn cứ tại cồn Năm Thôn và tấn công vào Mỹ Tho. Giặc Xiêm vô cùng gian ác, khi đi đến đâu chúng cướp bóc và hãm hiếp dân lành đến đó. Những làng nằm dọc sông Tiền từ Mỹ Tho đến Trà Lọt (Cái Bè) bị quân giặc hoành hành, nhân dân vô cùng khổ sở, chạy tứ tán khắp nơi. Trước tình hình đó, quân Tây Sơn vượt biển đến Mỹ Tho và chọn đoạn sông từ Rạch Gầm – Xoài Mút chiến đấu với quân giặc. Phần lớn quân giặc bị tiêu diệt, số ít còn lại trốn chạy về nước.

Bên cạnh đó, bệnh tật cũng làm cho người dân lo lắng. Nhiều người dân đã chết vì các đợt dịch bệnh. Năm 1757, dịch bệnh xuất hiện tại huyện Cái Bè - Tiền Giang. Năm 1820 dịch bệnh xảy ra nhiều nơi ở Nam kỳ lây lan đến Huế, dịch bệnh xảy ra trong thời gian dài và gây ra chết người hàng loạt (Nguyễn Phúc Nghiệp, 1998, tr.17)

Ngoài ra, nạn cướp cũng đem lại nỗi lo không nhỏ cho người dân. “*Năm Mậu Thân, Phó tướng Long Môn là Huỳnh Tấn nổi loạn, giết chủ tướng Dương Ngạn Dịch, tự xưng là Phấn Dũng Hồ uy tướng quân. Huỳnh Tấn thống lĩnh quân Long Môn, cầu viện Campuchia, đắp lũy ở Rạch Nan, đúc đại bát, đóng chiến thuyền, đi cướp bóc dân lành. Chúa Nguyễn nhiều lần sai quân tướng đánh, cuối cùng lập kế giết được Huỳnh Tấn và giao quân Long Môn cho Tổng binh Trần Thượng Xuyên cai quản. Trần Thượng Xuyên đem quân đóng tại Doanh Châu*” (nay thuộc cù lao Giang tỉnh An Giang) (Chu Đạt Quan – Hà Văn Tấn dịch, 2017)

Trước những bờ ngõ giữa một vùng mênh mông sông nước cùng với cuộc sống gặp nhiều khó khăn từ nhiều mối đe dọa như: bệnh tật, thú dữ, thù trong giặc ngoài quấy phá, những lưu dân ở Tiền Giang đã tìm chỗ dựa tinh thần cho mình trong cuộc khai mở vùng đất mới. Họ đã tin tưởng, cầu mong vào sự giúp đỡ, che chở của các thể lực siêu nhiên và cả những con người thật bằng xương, bằng thịt nhưng gần gũi, sống cùng với người dân. Đây là những người có những khả năng tâm linh đặc biệt. Bên cạnh những tín ngưỡng, phong tục do lưu dân miền Trung, miền Bắc mang vào, cùng với những tín ngưỡng mới nảy sinh. Nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh, ông Đạo, một hiện tượng đặc thù trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo đã nảy sinh ở Nam Bộ nói chung và Tiền Giang nói riêng.

Theo tác giả Phan An, Ông Đạo là người có khả năng làm những việc đặc biệt, mang màu sắc thần bí mà người bình thường không làm được như: có thể chữa bệnh bằng bùa phép, có khả năng tiếp cận thần linh, có khả năng khai sáng. Hành động của

các ông Đạo có phần kỳ quái mà theo tác giả Phan An một số Ông Đạo lâm vào trạng thái tâm thần phân liệt hay hư ảo tự huyền. Nam Bộ xuất hiện rất nhiều Ông Đạo như Đạo Dừa, Đạo Gò mối, Đạo ngồi, Đạo nằm, Đạo Khoai, Đạo Cùi,... Mặc dù các Ông Đạo không có tín đồ, hệ thống giáo lý như các tôn giáo lớn nhưng họ được sự sùng bái, sùng tín của người dân Nam Bộ. Khi gia đình có hữu sự, một bộ phận người dân ở Nam Bộ thỉnh những ông đạo hỗ trợ như chữa bệnh theo phương thuốc gia truyền, chữa bệnh theo nghi thức cúng bái, bùa chú như lên đồng, bói toán, trừ ếm tà ma. Bên cạnh đó, hầu như tất cả các nhu cầu thuộc về tâm linh như xem ngày giờ, ếm bùa, xua đuổi tà ma, ngăn chặn ma quái, cầu an, cầu siêu,... người dân Nam Bộ đều nhờ đến Ông đạo (Phan An, 2008, tr.1-2).

Như vậy, sự xuất hiện Ông đạo đã phần nào đáp ứng nhu cầu tâm linh cho người dân trên vùng đất mới. Ngày nay, ở tỉnh Tiền Giang, những công việc do các ông Đạo thực hiện trước đây đã được thay thế bởi nhà sư trong các ngôi chùa.

Nhu cầu cấp thiết trong việc tìm chỗ dựa tinh thần là yếu tố quan trọng dẫn đến sự dung nạp các loại hình tín ngưỡng và tôn giáo ở Tiền Giang. *“Theo Phật để tu nhân tích đức cho kiếp sau được lên cõi niết bàn, còn theo Mẫu là mong muốn được phù hộ, độ trì mang lại sức khỏe, tài lộc, may mắn cho đời sống hiện hữu hàng ngày”* (Ngô Đức Thịnh, 2012, tr .42.).

Tác giả Nguyễn Khắc Thuần đã nhận xét về nhu cầu tiếp nhận và dung hợp Phật giáo với các tôn giáo tín ngưỡng của cư dân xứ Đàng trong như sau:

“Quá trình tạo lập xứ Đàng trong cũng là quá trình liên tục tổ chức khẩn hoang. Lực lượng khẩn hoang đông đảo nhất chính là những người nông dân nghèo khổ. Họ không có điều kiện để con em tới trường, và với số ít ỏi có điều kiện thì đạo thánh hiền mà Nho giáo rất mực tôn kính, trong họ cũng đã dần dần bớt thiêng. Họ tìm đến những gì phù hợp hơn, thiết thực vỗ về và an ủi họ khi đối mặt với vùng đất mới bao la và dữ dội. Họ cần trước hết là những bài học về đức làm người, cụ thể, giản dị và sinh động chứ không phải là sự nghiền ngẫm thiên kinh vạn quyển với vô số những triết lý cao siêu. Và Phật giáo với đội ngũ các nhà tu hành giàu nhiệt huyết, nhập thế một cách tích cực đã mau chóng đáp ứng được điều này. Ở đâu có đất mới được mở ra là ở đó có chùa được dựng. Tiếng chuông chùa và tiếng tụng kinh chẳng

khác gì lời ru êm ái đối với một xã hội làm lúa” (Nguyễn Khắc Thuần, 2001, tr.156).

3.1.2 Giao lưu, tiếp biến văn hóa

Tiền Giang là nơi gặp gỡ của nhiều nền văn hóa, tôn giáo. Đây là một trong những biểu hiện của sự giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa người Việt, Khmer với người Hoa, nhưng chủ yếu vẫn là văn hóa Việt. Qua phân tích lịch sử, năm 1693 chúa Nguyễn đánh bại Champa và đổi vùng đất từ sông Phan Rang đến Bình Thuận thành Trấn Thuận Thành – một đơn vị hành chính của Đại Việt. Lúc này, một bộ phận dân cư đã theo các quý tộc Champa vào vùng hạ lưu và trung du sông Cửu Long. Đồng thời, qua phát hiện khảo cổ học cho thấy, ở Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Tiền Giang nói riêng đã từng có sự hiện diện của những cư dân cổ. Tiền Giang vào 2000 - 2500 năm trước từng tồn tại vương quốc Phù Nam, Chân Lạp. Người Khmer có mặt lâu đời nhất tại vùng đất mới, nhưng vì số lượng ít nên sự giao lưu văn hóa của Khmer cùng với các dân tộc khác tương đối mờ nhạt.

Những cư dân từ miền Bắc, Trung khi vào vùng đất mới đã mang theo các nét riêng về phong tục, tín ngưỡng, tôn giáo từ quê cha đất tổ và dung nạp, thích nghi với tín ngưỡng dân gian tại Tiền Giang. Đặc trưng tôn giáo của cư dân Việt trước khi di dân vào là “tam giáo đồng nguyên”. Nho giáo là một trong những tôn giáo, có nguồn gốc từ Trung Hoa đã được những người Việt mang từ Bắc vào vùng đất Tiền Giang. Ngoài ra, người dân còn tiếp nhận Nho giáo trong quá trình chung sống với người Hoa. Qua đây, cho thấy Nho giáo đã phần nào ảnh hưởng đến đời sống văn hóa của người dân tỉnh Tiền Giang. Theo tác giả Phan An, tác động và ảnh hưởng của Nho giáo đối với người Việt tại Nam Bộ có những điểm khác so với phía Bắc. Những nhà Nho ở Nam Bộ ngày càng xa rời Nho giáo truyền thống. Đồng thời, tác giả cũng minh chứng ở vùng đất này mới có sự đoạn tuyệt với những học thuyết chính trị, đạo đức của Nho giáo (Phan An, 2008).

Ngoài ra, những cư dân từ miền Bắc, Trung ít nhiều họ đã bị ảnh hưởng tục thờ nữ thần của văn hóa Chăm. Người Chăm theo chế độ Mẫu hệ nên hệ thống thần linh của họ phần nhiều là nữ thần. Còn đối với người Hoa, hành trang tín ngưỡng, thần linh họ mang vào vùng đất mới đó là Thiên Hậu thánh Mẫu, Thổ địa – Thần tài, Quan Thánh đế quân, Thiên quan Tứ phúc,.... Như vậy, cùng với tiến trình nhập cư của các tộc người, Việt, Hoa, Chăm, Khmer, ... vào vùng đất này, trong quá trình chung sống xen kẽ cùng nhau, người dân Tiền Giang có điều kiện giao lưu, tiếp biến văn hóa và tất nhiên dẫn đến hiện

tượng giao thoa về tín ngưỡng, tôn giáo giữa các tộc người khác nhau trên vùng đất mới. Đây là sự giao lưu tiếp biến một cách tự nhiên và tự nguyện. Nhưng do người Việt chiếm phần lớn nên văn hóa Tiền Giang mang đậm nét văn hóa của người Việt. Trên nền tảng bảo tồn tín ngưỡng bản địa, nhân dân Tiền Giang đã dung nạp các tín ngưỡng và tôn giáo khác. Ngoài ra, Tiền Giang có vị trí là giao điểm giữa thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Cần Thơ nên Tiền Giang có lợi thế trong giao lưu phát triển kinh tế, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo với các tỉnh trong khu vực như Đồng bằng sông Cửu Long, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Đông Nam Bộ. Đây cũng là cơ sở cho sự dung hợp văn hóa và tín ngưỡng, tôn giáo.

Tác giả Ngô Đức Thịnh cho rằng Thần, Phật xuống gần cõi đời hơn để “cứu khổ, cứu nạn” cho đời. *“Người Việt Nam chấp nhận mọi thứ tín ngưỡng, tôn giáo, dù bản địa hay ngoại lai, miễn là nó phù hợp với nền tảng đạo đức”* (Ngô Đức Thịnh, 2012, tr. 39).

3.1.3 Tính cách cởi mở, thân thiện, hòa đồng của người dân

Phần lớn những lưu dân Việt vào Tiền Giang là những nông dân nghèo ở vùng Bắc bộ, Bắc trung bộ. Ngoài những nông dân, thợ thủ công nghèo, có một số tù binh của Tây Sơn đầu hàng chúa Nguyễn; một số người chống chế độ Lê - Trịnh, Nguyễn; binh lính vùng biên giới; quan lại cấp dưới; thầy đồ bất đắc chí. Đây là những thành dân không có đất canh tác, những tù binh phải rời bỏ quê hương, xứ sở, rời bỏ nơi chôn nhau, cắt rốn để đi tìm cuộc sống mới. Để tồn tại và phát triển trên vùng đất mới còn nhiều khó khăn họ phải đoàn kết, sát cánh cùng nhau.

Mặc dù, trong giai đoạn đầu khai hoang, cuộc sống của những lưu dân Việt trên vùng đất mới gặp nhiều khó khăn: “Đến đây xứ sở lạ lùng; con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng kinh”. Nhưng nhìn chung, điều kiện địa lý, tự nhiên của vùng đất Tiền Giang tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp như đất đai bằng phẳng, khá màu mỡ do được bồi đắp qua các đợt lũ hàng năm, sông rạch chằng chịt, nguồn nước dồi dào, khí hậu điều hòa, ít bão lụt, ít hạn hán. Nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi, với tinh thần lao động cần cù, sáng tạo nên đời sống của những lưu dân đến Tiền Giang tương đối dễ chịu, sung túc so với trước khi di cư vào đây. Khi tiến vào vùng đất mới hành trang mang theo của họ phần lớn chỉ là văn hóa, phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian đã khắc sâu trong tâm trí họ. Cùng với, tâm lý không chịu khuất phục trước những khuôn khổ phong kiến. Chính những điều kiện trên đã làm nên tính cách của người dân vùng đất mới: thẳng thắn, giàu lòng vị tha, khát vọng vươn tới tự do, bất khuất trong cuộc đấu

tranh chống cường quyền. Nhờ đó, tính cách, tâm lý của những lưu dân phần nào đã thay đổi, họ trở nên bao dung, phóng khoáng. Vì vậy, họ dễ dàng chấp nhận những cái mới trong đời sống văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo,... vượt ra ngoài khuôn khổ của những truyền thống nơi vùng đất cũ. Đó là cơ sở tạo nên sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo và Tín ngưỡng dân gian Tiền Giang.

3.1.4 Giáo lý Phật giáo

Phật giáo du nhập vào Việt Nam bằng con đường hòa bình. Trên nền tảng triết lý mang tính “khế lý”, “khế cơ” tùy duyên phương tiện, Phật giáo đã dễ dàng hòa nhập và phát triển ở nước ta.

Theo tác giả Trần Quốc Vượng, khi du nhập vào nước ta Phật hay Bồ tát cũng trở thành một loại thần. Lúc này, những sắc thái tâm linh sâu sắc của Phật giáo Ấn Độ nhường bước cho những tín ngưỡng gần gũi, nặng về tình cảm hơn là giáo lý: “*sự suy tưởng nội tâm (thiền định) nhường bước cho sự van vái, co kéo*” (Trần Quốc Vượng, 1996. tr.140).

Tác giả Đặng Minh Châu cho rằng ẩn chứa sâu xa bên trong của những lý giải về hiện thực và những nội dung của giáo lý Phật giáo là động cơ làm nổi bật tinh thần nhập thế của tôn giáo này. Những giải thích về thế giới quan thể hiện trong phạm trù: vô ngã, vô thường, những giải thích về nhân sinh quan trong thuyết “Tứ Diệu Đế” của Phật giáo đã đạt tới tầng khái quát triết học.

“Phật giáo cho rằng không có hình danh sắc tướng, không có vị trí trong không gian và thời gian, không thể cảm nhận trực quan. Nó tồn tại như một tự tính, nhất thể đích thực mà biểu hiện của sự tồn tại đó là những pháp cụ thể. Vậy hiện thực cụ thể chẳng qua chỉ là giả tướng, ảo ảnh của cái tồn tại đích thực, mà việc chứng ngộ được cái bản thể ấy thông qua trí tuệ bát nhã chính là quá trình con người giải thoát được mọi khổ đau, giác ngộ thành Phật. Khi đã ngộ đạo, vượt ra khỏi sự sợ hãi đối với sự sống, chết, con người sẽ bình thản đối diện với những hiện hữu của giả hợp, vô thường, không lãng tránh hiện thực mà dấn thân vì một cuộc sống tốt đẹp hơn trong giai đoạn trụ lại của đời người” (Đặng Minh Châu, 2016, tr. 73).

Bên cạnh đó, giáo lý Phật giáo có sự tương đồng với triết lý sống của người Việt Nam nói chung và người dân Tiền Giang nói riêng.

Những lưu dân vào vùng đất Tiền Giang phần lớn là những người bình dân, những người lao động. Họ không có thời gian, chữ nghĩa nhiều để nghiên cứu những triết lý

sâu xa của Phật giáo. Nhưng họ dễ dàng dung nạp Phật giáo bởi đối với những người dân hiền lành, chất phác này thì các vị Phật, Bồ tát giúp đỡ, phù hộ, độ trì cho họ. Hình ảnh ông Bụt trong văn hóa dân gian là hình tượng đặc sắc của Phật giáo Việt Nam. Trong các truyện dân gian, ông Bụt xuất hiện đúng lúc để giúp đỡ người hiền lành, nghèo khổ, thân cô, thế cô như trong các truyện Tấm Cám, Cây tre trăm đốt, Ăn khế trả vàng, sự tích Tứ Pháp,... Điều này, cho thấy sự hội nhập, dung hợp giữa văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng truyền thống ngay từ khi Phật giáo truyền vào nước ta.

3.1.5 Sự tương đồng trong quan điểm đạo đức

Sự tương đồng giữa đạo đức Phật giáo với tính phóng khoáng, giàu lòng nhân ái, vị tha, bao dung của cư dân vùng đất mới. Tư tưởng về từ, bi, hỷ, xả trong giáo lý Phật giáo có rất nhiều điểm tương đồng với quan điểm đạo đức, tính cách, hành xử của cư dân: phóng khoáng, giàu lòng nhân ái, vị tha, bao dung, đoàn kết. Tứ Vô Lượng Tâm (từ, bi, hỷ, xả) trong Phật giáo là bốn đức độ mà Phật giáo khuyên chúng sanh nên trau dồi để đem lại phước lành cho chính mình và cho chúng sanh. Tư tưởng về từ, bi, hỷ, xả trong Phật giáo như sau: “*Từ*” đây chính là Tâm từ có nghĩa: “*Lòng thành thật ước mong tất cả chúng sanh đều được an lành hạnh phúc*” (Thích Bảo Lạc, 2018, tr. 234). Theo nghĩa này, thì người có tâm từ là người luôn phấn đấu đem lại an lành cho tất cả chúng sanh. Đồng thời chỉ nên quan tâm đến những điểm tốt đẹp của người khác mà không soi mói những thói hư tật xấu của mọi người.

“*Bi*” là người có Tâm bi: “*Đức tánh giúp con người trở nên cao thượng; là động lực làm cho tâm rung động trước sự đau khổ của kẻ khác, là cái gì xoa dịu niềm đau khổ, sầu não của người. Đặc tánh của tâm Bi là ý muốn giúp người khác thoát khỏi cảnh khổ*”. Theo Phật giáo chính nhờ tâm bi nên con người có lòng vị tha, không sống cho riêng mình mà luôn sẵn sàng giúp đỡ người khác, kể cả người nghèo và người giàu, khi có cơ hội mà không mong được đền đáp lại.

“*Hỷ*” là cái tâm Hỷ “*Phẩm hạnh thành thật chia vui, chung cùng hoan hỷ với lòng khen ngợi và loại trừ mọi hình thức bất mãn trước sự thành công của kẻ khác*”. Người có tâm hỷ sẽ được hạnh phúc vì bản thân không ganh tỵ với bất kỳ ai, đồng thời cũng không ngăn cản và phá hoại sự thành công cũng như niềm vui, hạnh phúc của người khác.

“*Tâm xả*” là “*lánh xa tham ái và bất mãn*”. Người có tâm xả là người vô tư, thân nhiên, tịnh tâm đồng thời xử sự công bằng với tất cả mọi người, không phân biệt đối xử.

Qua đây, chúng ta thấy rằng tư tưởng về từ, bi, hỷ, xả trong giáo lý Phật giáo có rất nhiều điểm tương đồng với đức tính và cách hành xử của cư dân vùng đất mới: phóng khoáng, giàu lòng nhân ái, vị tha, bao dung, đoàn kết, trọng nghĩa, bất khuất trong chống cường quyền, áp bức, bất công. Chính tính bao dung của người dân Tiền Giang nói riêng và Tây Nam Bộ nói chung dẫn đến các tộc người Việt, Khmer, Hoa,... sống xen kẽ với nhau, thừa nhận và tôn trọng tín ngưỡng, phong tục, tập quán của nhau. Đồng thời rất nhiều loại hình tín ngưỡng dân gian, nhiều tôn giáo khác nhau cùng chung sống một cách hòa bình và liên kết chặt chẽ với nhau với mật độ cao nhất nước ta. Sự tương đồng trên là cơ sở căn bản dẫn đến sự dung hợp, hòa quyện giữa văn hóa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian. Biểu hiện rõ ràng của sự dung hợp này thể hiện qua việc thờ Mẹ Quan Âm. Trong tâm thức người dân Tiền Giang, hình ảnh Bồ tát Quan Thế Âm như một người mẹ, có lòng từ bi, luôn sẵn sàng cứu giúp, che chở cho mọi người. Người dân tôn kính, sùng bái và tin tưởng tuyệt đối về sự che chở, giúp đỡ của mẹ Quan Âm. Ở Ấn Độ, Quan Thế Âm là vị Nam Thần nhưng trong dân gian Việt Nam Quan Âm được xem là người Mẹ.

Bên cạnh đó, trong Kinh Đại Thừa Bản Sanh Tâm Địa Quán do Hòa Thượng Tam Châu dịch ở trang 26 có đề cập về giáo lý Tứ Ân. Tuy cách giải thích về quan điểm này trong các kinh sách có đôi chỗ khác nhau. Nhưng nhìn chung Tứ Ân là lời Phật dạy về bốn ơn: Ôn phụ mẫu, ơn chúng sanh, ơn quốc vương, ơn tam bảo mà người Phật tử phải khắc cốt ghi tâm để đền đáp.

- Ân phụ mẫu: là lời dạy của đức Phật về những công lao to lớn của cha mẹ, những người sinh thành dưỡng dục chúng ta, vì vậy làm người phải có bốn phận ghi nhớ, đền đáp công lao này.

Theo tác giả Thích Bảo Lạc, trong Đạo đức học Phật giáo Đại thừa có ghi lời đức Phật giảng dạy về bốn phận làm người, trong đó có bốn phận làm con như sau: “*Một là phụng dưỡng, không để thiếu thốn. Hai là trình báo và xin lời khuyên. Ba là không chống điều cha mẹ dạy. Bốn là không trái điều cha mẹ làm. Năm là không cản tất cả chánh nghiệp của cha mẹ làm*”. Đức Phật không chỉ dạy cho Phật tử về bốn phận làm con mà còn dạy về bốn phận làm cha mẹ. “*Các bậc cha mẹ chăm sóc con cái với năm bốn phận. Một là ngăn chặn con làm việc ác. Hai là chỉ dạy con làm việc lành. Ba là thương con đến tận xương tủy. Bốn là sắp xếp hôn phối tốt đẹp. Năm là chu cấp những thứ cần dùng*” (Thích Bảo Lạc, 2018, tr. 238).

Ngoài ra, còn một số kinh sách của Phật giáo đề cập đến Tứ ân: Kinh Chính Pháp Niệm Phật (quyển 16) đề cập đến ân cha, ân mẹ, ân Như Lai, ân Pháp sư; Kinh Trí giác thiên sư tự hành lục, Thích thị yếu lãm quyển trung: Sư trưởng ân, Phụ mẫu ân, Quốc vương ân, Thí chủ ân; sách Đại tạng pháp quyển 23 cũng đề cập đến Thiên hạ ân, Quốc vương ân, Sư tôn ân, Phụ mẫu ân; trong sách Pháp Uyển Châu Lâm (quyển 50); Đại thừa bản sinh tâm địa quán kinh (quyển 2), Giáo thừa pháp số (quyển 13), Thích tịnh độ quần nghi luận tham yếu ký (quyển 7) đều có đề cập đến Tứ ân.

Qua đó, chúng ta thấy rằng ân cha mẹ trong Tứ ân là một trong những giáo lý quan trọng của Phật giáo. Điều này cho thấy Phật giáo không chỉ đề cao việc tôn thờ Phật đồng thời còn quan tâm đến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, xem đó như là đạo hiếu làm người, “Tâm hiếu là tâm Phật, Hạnh hiếu là hạnh Phật”. Bởi cha mẹ đã có ơn sinh thành, dưỡng dục cũng như sự hy sinh vô bờ bến. Vì vậy bốn phận làm con phải luôn ghi nhớ và đền đáp. Ca dao Việt Nam có câu:

*“Công cha như núi Thái sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”*

Đây chính là điểm tương đồng giữa giáo lý Phật giáo và quan điểm “Con người có tổ có tông; như cây có cội như sông có nguồn” của người Việt Nam nói chung người dân Tiền Giang nói riêng. Hay nói cách khác có sự tương đồng giữa tư tưởng Tứ ân và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt. Chính sự tương đồng này đã dẫn đến trong các ngôi chùa đều có thực hành tín ngưỡng thờ cúng tổ Tiên.

- Ân chúng sanh: theo tư tưởng của Phật giáo, ân chúng sanh có ý nghĩa rất rộng là phải biết ơn tất cả mọi người, mọi thứ xung quanh chúng ta. Bởi theo Phật giáo mọi người xung quanh chúng ta đều có sự dung hợp mật thiết với nhau và đã hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp để ta có được cuộc sống này. Vì vậy cần phải đáp đền ơn chúng sanh bằng cách không gây hại cho chúng sanh đồng thời không chỉ cầu cho bản thân mình và cầu cả cho chúng sanh được giải thoát. Quan điểm này đã dẫn đến việc cúng danh nhân, anh hùng dân tộc, cô hồn và cả thờ động vật, thực vật trong các ngôi chùa.

- Ân Quốc Vương: là ân đối với Vua, người đứng đầu đất nước, đã quản lý tốt đất nước đem lại cuộc sống yên lành, ấm no cho dân chúng. Mở rộng hơn ân quốc vương là ân của những người có công xây dựng quê hương, đất nước để nhân dân có được cuộc

sống yên bình. Vì vậy, mọi người cần phải sống tốt để góp phần xây dựng quê hương đất nước thanh bình đó là cách trả ơn cho quốc vương. Chính tư tưởng này mà các ngôi chùa đã dung nạp tín ngưỡng thờ Vua Hùng, anh hùng dân tộc, cầu siêu chiến sĩ, những người đã hy sinh vì đất nước.

- Ân Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng): là cái ơn chỉ bảo, hướng dẫn, khai sáng của Phật, Pháp, Tăng đối với Phật tử nói chung và chúng sanh nói riêng. Nhờ sự hướng dẫn của Tam bảo giúp chúng sanh có hiểu biết về chánh pháp để phân biệt đúng, sai, hành xử đúng và có cách thức diệt khổ để có cuộc sống hạnh phúc, an vui. Ở đây muốn đề cập đến cái ân của Đức Phật đã hy sinh cuộc sống riêng tư, chịu bao cực khổ để phổ độ chúng sinh. Nhờ có Pháp bảo mà chúng sanh biết đường tu hành, diệt khổ. Nhờ có Tăng bảo mà Phật và Pháp được lưu truyền. Trong Kinh Pháp cú, có ghi: *“Hạnh phúc thay Đức Phật ra đời, hạnh phúc thay diễn nói Chánh pháp, hạnh phúc thay chúng Tăng hòa hợp, hạnh phúc thay đồng tiến đồng tu”* (Thích Thiện Siêu, 1993, tr .47).

Chính công lao to lớn của tam bảo nên chúng sanh phải biết ghi nhớ và đáp đền. Đây cũng là cơ sở cho chúng ta thấy, trong tất cả các ngôi chùa đều có thờ Tổ sư và các tăng ni tiền bối.

3.1.6 Sự tương đồng ở tư tưởng công bằng, bình đẳng

Tư tưởng công bằng, bình đẳng trong giáo lý Phật giáo với khát vọng vươn tới tự do, công bằng, bình đẳng của nhân dân Tiền Giang là một trong những nguyên nhân của sự dung hợp. Tư tưởng công bằng trong giáo lý Phật giáo được thể hiện rõ ràng qua các nội dung sau: Thuyết Nghiệp, thuyết Lục hòa và quan niệm hạnh phúc, thuyết Tứ Ân,... Lễ công bằng trong các thuyết này chịu sự chi phối của luật nhân quả rất rõ ràng. Quan niệm về sự bình đẳng trong Phật giáo không chỉ là sự bình đẳng giữa người với người mà còn là sự bình đẳng giữa Phật, người và vạn vật. Phân tích cụ thể từng thuyết chúng ta sẽ thấy rõ điều này:

Một là: Thuyết Nghiệp của Phật giáo thể hiện trong Kinh Trung A Hàm, quan niệm nghiệp báo luân hồi, triết lý nhân - quả, chỉ cụ thể lễ công bằng của từng người và chúng sinh. Mỗi người tự làm chủ lấy nghiệp của mình, tự chịu trách nhiệm về những suy nghĩ, lời nói và việc mình làm, phải gánh chịu trách nhiệm hay được hưởng hạnh phúc là do mình tạo ra. Đó là triết lý sâu xa trong giáo lý Phật giáo.

Như đã phân tích phía trên, người dân Tiền Giang không đi sâu vào những triết lý đó. Với nếp sống, tín ngưỡng truyền thống của nhân dân ta, từ sâu thẳm trong lòng, họ đã

quan niệm rằng: “*Ở hiền gặp lành; làm phúc để tích đức*”,.... để mong muốn có được tương lai tốt đẹp cho bản thân và con cháu đời sau: “*Cha mẹ hiền lành để đức cho con*”. Đồng thời họ cũng quan niệm: “*Gieo gì gặt nấy*”; “*Gieo gió gặt bão*”. Vì vậy con người phải sống thiện, sống lành, không làm điều xấu, điều ác thì mới có được cuộc sống tốt đẹp.

Rõ ràng, tư tưởng, triết lý Phật giáo có nhiều điểm tương đồng với nếp sống, tín ngưỡng truyền thống của nhân dân ta đó là cơ sở cho sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian.

Hai là: Thuyết tứ Ân phân tích ở phần trên cho chúng ta thấy Phật đã dạy rất rõ ràng về sự công bằng và bình đẳng gắn liền với trách nhiệm và bổn phận của mỗi người: cha mẹ với con cái, vợ với chồng, thầy với trò, anh với em, bạn bè, Vua với dân. Như vậy, theo Phật giáo thì mọi chúng sinh đều bình đẳng. Bình đẳng trong Phật giáo còn được thể hiện qua: hệ thống triết lý, các tôn giáo khác nhau đều được tôn trọng và bình đẳng như nhau. Trong kinh Phật, chúng sanh đến cửa Như Lai không thấy có sự phân biệt chủng loại, sang hèn, có tội hay không có tội (Giả Đề Thao, 2012, tr. 371).

Ba là: Thuyết Lục hòa trong Đại Thừa Nghĩa chương 12 đề cập đến sáu phương pháp cư xử với nhau cho hòa hợp trên mọi phương diện từ vật chất đến tinh thần, từ lời nói đến hành động, với mục đích mang lại lợi ích và hạnh phúc cho tất cả mọi người không có sự so đo, tính toán thiệt hơn. Nếu mọi người thực hiện đúng tinh thần của thuyết này thì cuộc sống sẽ được an lạc. Thuyết Lục hòa bao gồm sáu sự hòa hợp sau đây:

Giới hòa: giới hòa đồng tu, tất cả chúng tăng tu chung giới luật nhà Phật vì vậy phải hòa thuận, kính yêu lẫn nhau mọi lúc mọi nơi trên nguyên tắc tôn trọng kỷ luật. Người Việt Nam cũng có câu ca dao nói lên sự đoàn kết, hòa hợp:

“Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”

Kiến Hòa: Kiến hòa đồng giải, tất cả chúng tăng đều thờ Phật, có kiến thức về Phật pháp, thực hành Phật pháp nên phải hòa hợp và chia sẻ cùng nhau. Tức có kiến thức, có hiểu biết thì phải giải bày cho nhau để cùng nhau tiến bộ.

Lợi hòa: lợi hòa đồng quân, sự chia sẻ, cùng hưởng về vật chất một cách bình đẳng, công bằng (chia đều) trên tinh thần hòa kính khi chúng tăng ở chung và tu học cùng nhau.

Thân hòa: thân hòa đồng tu, do đồng người cùng ở chung tu học dưới một mái chùa, người đồng nên phải lấy hòa khí làm đầu, kính nhường nhau trong mọi cử động.

Khẩu hòa: Khẩu hòa vô tranh, đồng người cùng ở chung tu học dưới một mái chùa, người đồng nên thân hòa không chưa đủ mà còn phải khẩu hòa. Cần nhường nhịn nhau trong lời ăn, tiếng nói. Phải nói năng hòa nhã, ôn tồn, không cãi vã, chửi bới nhau.

Ý hòa: ý hòa kính, ý thức là động cơ thúc đẩy con người hành động. Chúng tăng phải có tâm ý vui vẻ, hòa hiệp khi chung sống cùng nhau. Phải buông bỏ buồn phiền, không chấp nhứt trong lòng, như vậy thì tâm sẽ thư thái, ý nghĩ sẽ trong sáng, thanh tịnh.

Tư tưởng của thuyết lục Hòa không chỉ tương đồng với tư tưởng, khát vọng vươn tới tự do, công bằng, bình đẳng của cư dân vùng đất mới mà còn tương đồng với đặc trưng tính cách văn hóa Việt Nam là “tính ưa hài hòa”.

Đặc biệt, Tiền Giang nói riêng và Tây Nam Bộ nói chung là vùng mà con người gắn bó chặt chẽ với sông nước. Theo tác giả Trần Ngọc thêm: “*Con người Tây Nam Bộ gắn bó với sông nước, yêu thương nó, nhờ cậy nó, đối phó nhưng không xung đột với nó mà hòa hợp với nó ở mức độ rất cao. Tính hòa hợp cao với thiên nhiên sông nước tạo thành một phần không thể thiếu của tính cách văn hóa Tây Nam Bộ*” (Trần Ngọc thêm, 2013, tr.226.)

Chính đặc trưng sông nước đã làm nên nét đặc trưng trong tính cách con người nơi đây, thể hiện qua thái độ ứng xử hòa hợp cao độ của con người với con người, với môi trường tự nhiên sông nước. Bên cạnh đó, cư dân Tiền Giang phần lớn là những lưu dân tứ xứ, mọi người từ nhiều vùng đất khác nhau đến nên không quen biết nhau; ai cũng có hoàn cảnh một thân, một mình nên càng có nhu cầu hỗ trợ, giúp đỡ và đoàn kết với nhau để vượt qua những khó khăn trong buổi đầu khai hoang, lập ấp. Chính điều này tạo nên tính trọng nghĩa và hệ quả tính trọng nghĩa là tính cộng đồng xã hội với ý thức vì lẽ phải nói chung, luôn nêu cao tinh thần hào hiệp, sẵn sàng giúp đỡ mọi người, kể cả những người không quen biết. Do điều kiện thiên nhiên ưu đãi, đất rộng người thưa nên bất cứ ai đến vùng đất này cũng đều là bạn.

Hòa hợp là đức tính quý báu của con người Việt Nam, chính nhờ đức tính này đã giúp dân tộc ta trường tồn suốt hàng nghìn năm lịch sử. Tam giáo đồng nguyên là một trong những minh chứng điển hình cho quan điểm sống hòa hợp của người Việt Nam. Quan điểm hòa hợp của người Việt đi cùng hòa đồng và tích hợp. Tư tưởng bình đẳng, hòa hợp của Phật giáo đã dễ dàng thâm nhập vào quan điểm sống hòa hợp của người

Việt Nam. Chính sự tương đồng này đã dẫn đến sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian tạo nên Phật giáo bản địa.

3.1.7 Sự tương đồng trong việc coi trọng giá trị thực hành

Sự tương đồng giữa giáo lý Phật giáo với tín ngưỡng dân gian được thể hiện qua việc coi trọng giá trị thực hành. Tôn chỉ của tông phái Tịnh độ tông dựa vào việc niệm A Di Đà Phật, cầu vãng sanh miền Tịnh độ hay Tây Phương cực lạc và chủ trương dựa vào sự giúp đỡ từ bên ngoài. Nhờ sự giúp đỡ từ bên ngoài đã gợi mở cho tín đồ về cõi niết bàn. Theo tông phái này, sự giúp đỡ từ bên ngoài còn có nghĩa là bản thân tín đồ thường xuyên đi chùa dâng hương, hoa trước tượng Phật và tụng niệm A Di Đà Phật. Tịnh độ tông là biện pháp tu dưỡng và giác ngộ giành cho giới bình dân nên có ảnh hưởng nhanh chóng và thu hút đông đảo tín đồ. Tông phái này cho rằng “niết bàn” nằm trong thế giới trần tục và để đạt đến niết bàn, nên đi bằng con đường trần tục, bằng lao động hằng ngày, từ những việc làm thiết thực như: trồng lúa, trồng cây, cấy gao, bở củi,... Đây là tư tưởng quan trọng cho việc tu hành. Theo tư tưởng này, hướng thiện bằng việc phục vụ nhân sinh và xã hội. Đó là con đường đi đến giác ngộ bằng cứu nhân, độ thế, yêu nước, thương dân (Nguyễn Anh Tuấn, 2009, tr.60)

Song song đó, quan niệm Phật ở trong tâm con người của phái Thiền tông – Tịnh độ tông cũng nói lên việc coi trọng giá trị thực hành. Quan điểm này được thể hiện một số câu thơ sau:

“Phật tức tâm Phật tại nơi lòng

Tâm tức Phật lòng thành có Phật” (Nguyễn Anh Tuấn, 2009, tr.142)

Hoặc trong câu trả lời của Quốc Sư Viên Chứng khi vua Trần Nhân Tông muốn lên núi để tìm Phật: *“Trong núi không có Phật, Phật chỉ có ở trong tâm”*.

Vua Trần Nhân Tông cũng có những câu thơ:

“Bụt ở cung nhà

Chẳng phải tìm xa,

Nhân khuấy bốn, nên ta tìm Bụt

Đến cốt hay chính Bụt là ta”

Ý nghĩa của các câu thơ trên muốn nói Phật ở trong lòng người. Đây như là một dư âm của tâm hồn Thiền nước ta vọng lại từ xa xưa (Quách Thanh Tâm, 2002, tr. 235).

Ngoài ra, tư tưởng của tông phái Mật tông cũng tương đồng với triết lý dân gian mang tính phương thuật, sùng bái thần linh, ma quỷ trong dân gian. Tông phái này có

phương pháp tu huyền bí như : dùng linh phù, mật chú, ấn huyệt nhằm nhanh chóng đạt đến giác ngộ và giải thoát. Mật tông ra đời ở Ấn Độ được truyền sang Trung Quốc rồi tiếp tục truyền vào nước ta. Khi du nhập vào nước ta Mật tông đã nhanh chóng dung hòa với tín ngưỡng dân gian với nghi thức lên đồng, thuật yểm bùa, trị tà ma và chữa bệnh (Nguyễn Anh Tuấn, 2009, tr.24)

Tư tưởng của hai tông phái Tịnh độ tông và Mật tông có sự tương đồng với tâm lý người Việt Nam truyền thống. Đặc điểm tâm lý truyền thống của người Việt Nam là coi trọng thực tế, coi trọng giá trị thực hành hơn lý luận, thích bắt chước nhưng cũng hay cải tiến và hay để ý cái quyền bí.

Người dân Tiền Giang nói riêng và người Việt Nam nhìn chung thực sự coi trọng giá trị thực hành. Tư tưởng coi trọng giá trị thực hành còn là đặc trưng rõ nét của con người Phương Đông. Trong thư gửi Đồng chí Pêtorốp tổng thư ký Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản vào năm 1926. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết : *“Nói chung các dân tộc Phương Đông đều giàu tình cảm, và đối với họ, một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền”* (Hồ Chí Minh, 1995, tr.263)

Như đã phân tích trên, cư dân Tiền Giang phần lớn là những lưu dân nghèo, người bình dân từ các nơi đổ về. Vì vậy họ sẽ không quan tâm đến những giáo lý dài dòng, khó hiểu. Thiết thực là một trong những đặc trưng tính cách cư dân vùng đất mới được thể hiện trong việc trọng nội dung hơn hình thức, trọng cái cụ thể hơn trừu tượng, thích nhẹ nhàng hài hước hơn triết lý sâu xa. Khi Phật giáo du nhập vào Tiền Giang đã gặp ngay tư tưởng này của nhân dân và góp phần bồi dưỡng cho những người dân nơi đây luôn có cái nhìn thực tế, không ưa chuộng lý thuyết dài dòng, những lý thuyết giáo điều không mang lại kết quả thiết thực. Hình ảnh Ông Giám được thờ trong rất nhiều ngôi chùa ở Tiền Giang đã chứng minh điều này (xem phụ lục 5, mục 3.1.7)

3.1.8 Tinh thần tự lực, tự cường với truyền thống bất khuất của dân tộc

Tinh thần tự lực tự cường cùng với truyền thống bất khuất của dân tộc, cha ông chúng ta vừa biết tiếp thu cái mới lạ đối với mình, đồng thời biến đổi nó cho phù hợp với truyền thống dân tộc. Vì vậy khi tôn giáo nào du nhập vào nước ta thì cũng bị biến thành cái riêng của nước ta, mang đậm màu sắc dân tộc. Có nhiều đạo sĩ, nho sĩ, thiền sư tận tụy hy sinh cho đất nước, nhiều ngôi đền, chùa thờ các vị anh hùng dân tộc. Phật giáo là tôn giáo được nhân dân ta tiếp thu và biến đổi trở thành tôn giáo bản địa. Bản chất của tôn giáo là xuất thế, nhưng Phật giáo ở nước ta thể hiện mạnh mẽ tinh thần nhập

thể. Kết hợp chặt chẽ giữa đạo và đời là đặc điểm nổi bật của Phật giáo Việt Nam. Điều này được thể hiện rõ ở giới tăng sĩ nước ta không chỉ truyền bá Phật giáo mà còn tham gia dạy học và chữa bệnh. Phật giáo thời Lý, Trần ngoài việc lo truyền đạo, chăm sóc đời sống tâm linh cho con người, còn đóng góp nhiều công sức cho công cuộc giữ nước và dựng nước.

Một số cao tăng lỗi lạc được phong chức tước như Ngô Chân Lưu, Trương Ma Ni, Đặng Huyền Quang, Huệ Sinh, Khánh Hỷ, Thông Biện, Viên Thông. Có vị trở thành cố vấn các vấn đề đại sự quốc gia như Vạn Hạnh. Ngoài ra, có vị trở thành vua như Lý Công Uẩn (Nguyễn Công Lý, 2016, tr.137).

Khi đất nước có ngoại xâm, Phật giáo là tôn giáo góp nhiều công sức cho sự nghiệp đấu tranh chống giặc và bảo vệ đất nước. Khi thực dân Pháp đàn áp một cách khốc liệt phong trào cách mạng ở nước ta, nhiều ngôi chùa ở Nam bộ trở thành nơi che chở cho cán bộ cách mạng, nơi hội họp, nơi giấu vũ khí và hiến hòng chung để chế tạo vũ khí: chùa Long An, Trường Thạnh, Giác Lâm, Giác viên, Sùng Đức, Long Vân, Giác Hoàng, Tam Bảo, Hộ Linh, Long Thạnh. Tại Tiền Giang, chùa Sắc Tứ Linh Thụ là trạm liên lạc giữa xứ ủy và tỉnh ủy Mỹ Tho; chùa Bửu Long là nơi che giấu du kích,....

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ có rất nhiều tăng ni, Phật tử tham gia cách mạng và có những nhà sư đã ngã xuống vì sự nghiệp chống giặc ngoại xâm, đem lại nền độc lập tự do cho dân tộc. Trong đó có sư Thiện Chiếu, Từ Cần là những người có nhiều đóng góp cho đất nước trong thời kỳ kháng chiến.

Nhà sư Thái Không, trụ trì chùa Phật học Lương Xuyên đã kêu gọi các tăng sinh tham gia cách mạng:

“Cởi áo ca sa khoác chiến bào,

Giã từ thiền viện lướt binh đao

Câu kinh tiếng kệ chờ khi khác

Cứu nước thương dân dễ đợi nào” (Trần Hồng Liên, 1996, tr. 64).

3.2 GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA SỰ DUNG HỢP

3.2.1 Giá trị lịch sử

Nghiên cứu sự dung hợp đã cho thấy cho thấy lịch sử khẩn hoang và lập nghiệp của cư dân trên vùng đất Tiền Giang. Với tinh thần cần cù, sáng tạo trong lao động, sự đoàn kết, tương thân tương ái của người dân Tiền Giang đã giúp vùng đất hoang sơ ngày nào giờ thành vùng đất phì nhiêu, có nền kinh tế, văn hóa phát triển ở Nam Bộ. Lịch sử

giao lưu, tiếp biến văn hóa của các tộc người Việt, Hoa ở Tiền Giang cũng được thể hiện qua sự dung hợp này.

Ngoài ra sự dung hợp còn cho thấy giá trị lịch sử hào hùng các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm của nhân dân Tiền Giang. Một số ngôi chùa ở Tiền Giang là những di tích lịch sử gắn liền với các sự kiện các nhân vật lịch sử như: chùa Phước Sơn ấp 5, xã Mỹ Thành Nam, Cai Lậy; chùa Linh Quang xã Diêm Hy, Châu Thành; chùa Ông Quan Đế ấp 5, xã Đạo Thạnh, Mỹ Tho; chùa Hội Thọ (Cái Bè), chùa Tân Thạnh xã Nhị Bình, Châu Thành; Chùa Thiên Đức – AK xã Bình Đức, Châu Thành; chùa Thanh Trước xã Long Thuận, Gò Công; chùa Long Nguyên xã Đạo Thạnh, Mỹ Tho; chùa Trường Sanh phường 2, Mỹ Tho; chùa Tân Bửu xã Long Chánh, Gò Công; chùa Bửu Hưng xã Bình Xuân, Gò Công; chùa Phước Khánh xã Phước Trung, Gò Công; chùa Linh Hòa xã Bình Ninh, Chợ Gạo; chùa Long Hội xã Tân Thuận Bình, Chợ Gạo; chùa Long Phan xã Bình Phan, Chợ Gạo; chùa Thiên Phước xã Đăng Hưng Phước, Chợ Gạo; chùa Phước Ân xã Long Hưng, Châu Thành; chùa Phước Ân Đạo Thạnh, Tân Cửu Nghĩa, Châu Thành; chùa Phước Tường xã Tân Hương, Châu Thành; chùa Tân An xã Tân Hiệp, Châu Thành; chùa Tân Long xã Đạo Thạnh, Châu Thành; chùa Thiên Long xã Tân Hội Đông, Châu Thành; chùa Linh Bửu xã Tân Hòa Thành, Tân Phước; chùa Phú Khánh xã Phú Mỹ, Tân Phước;.... Các ngôi chùa trên là những nơi nuôi giấu, che chở quân ta và chế tạo vũ khí trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Người dân Tiền Giang không chỉ nghĩa tình trong đời sống mà còn bất khuất, kiên cường trong chống giặc ngoại xâm. Khi có chiến tranh, mọi tầng lớp nhân dân, trong đó có các Tăng ni, Phật tử tham gia kháng chiến dưới nhiều hình thức khác nhau như trực tiếp tham gia vào lực lượng vũ trang, tiếp tế lương thực, thực phẩm, hiến một số pháp khí góp phần chế tạo vũ khí chống giặc. Di tích lịch sử, cách mạng tại các ngôi chùa ở Tiền Giang có giá trị lịch sử, văn hóa tinh thần to lớn đối với nhân dân, là minh chứng, nguồn tư liệu quan trọng trong việc giáo dục lòng yêu nước, niềm tự hào và tinh thần dân tộc cho các thế hệ sau.

3.2.2 Giá trị văn hóa – nghệ thuật

Sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian diễn ra từ khi Phật giáo vừa du nhập vào nước ta cho đến nay và sẽ còn tiếp diễn. Sự dung hợp góp phần làm phong phú, tạo nét đặc sắc trong văn hóa, nghệ thuật. Đồng thời, cho thấy cách ứng xử cởi mở, mềm dẻo, linh hoạt và mang đậm giá trị văn hóa của người dân Tiền

Giang. Khi đến viếng ngôi chùa ở Tiền Giang, không chỉ để lễ Phật mà người dân như được sống trong không gian tâm linh truyền thống, được trở về cội nguồn, với truyền thống văn hóa tốt đẹp dân tộc. Ngoài ra, đến với ngôi chùa người dân còn được tiếp thu một tôn giáo ngoại nhập có những giá trị mới tốt đẹp, văn minh. Giáo lý Phật giáo có nhiều điểm tương đồng, gần gũi, với đời sống văn hóa của mình góp phần làm phong phú, giàu đẹp thêm nền văn hóa tỉnh nhà.

Có 81.78% cho rằng sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian góp phần bảo tồn những nghi lễ, phong tục, truyền thống tốt đẹp và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Tiêu biểu là sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên đã củng cố và duy trì đạo lý “*uống nước nhớ nguồn*”, ý thức nhớ về cội nguồn. Không chỉ nhớ về ông bà, cha mẹ những người đã sinh thành và nuôi dưỡng ta mà còn nhớ về công lao những người đã ngã xuống, hy sinh bảo vệ đất nước để ta có được cuộc sống bình yên hôm nay (lễ cầu siêu cho các chiến sĩ tại nghĩa trang, thắp nén nhang tại bàn vong linh chiến sĩ). Thờ cúng tổ tiên là một loại hình tín ngưỡng dân gian mang tính phổ quát, mọi người Việt Nam đều thờ cúng tổ tiên. Tín ngưỡng này đã ăn sâu vào tâm thức người dân và trở thành một tập tục truyền thống, có vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân ta, tạo nên bản sắc văn hóa của dân tộc. Chính vì vậy, để tồn tại và phát triển trên đất nước ta, các tôn giáo ngoại nhập đã tìm cách dung hợp với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Sự dung hợp này đã góp phần giữ gìn, lưu truyền và phát huy những tinh hoa văn hóa độc đáo của dân tộc lên tầm cao mới.

Việc tạc các pho tượng những vị tổ, vị trụ trì thờ ở một số ngôi ở Tiền Giang như chùa Vĩnh Tràng, chùa Phước Sơn,... là minh chứng cho thấy sự giao lưu, tiếp biến với văn hóa Phật giáo ở miền bắc nước ta. Theo tác giả Đặng Hoàng Lan, việc thờ tổ bằng tượng là đặc trưng văn hóa Phật giáo phía Bắc, còn ở miền Nam nước ta thờ tổ bằng bài vị (Đặng Hoàng Lan – Hầu Hải Tài, 2021, tr. 129)

Đặc biệt, các loại hình tín ngưỡng dân gian, nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc các ngôi chùa ở Tiền Giang cho thấy giá trị của sự dung hợp, giao lưu văn hóa sinh động, đa tộc người Việt, Hoa, Khmer, đó là sự sống chan hòa và gắn bó của các tộc người góp phần làm giàu thêm giá trị văn hóa tại nơi đây. Trong khuôn viên chùa Long Bình, khu 3, Chợ Gạo còn lưu giữ những ngôi mộ tháp của các vị trụ trì mang kiến trúc Khmer. Trong khu vực chùa Phước Lâm xã Tân Thuận Bình huyện Chợ Gạo có di tích của nền văn hóa Óc Eo. Chùa Kim Thạch xã Tân Lý Tây, Châu Thành có pho tượng đá là dấu

tích của nền văn hóa Óc Eo. Chùa Phật Đá huyện Tân Phước còn lưu giữ tượng thần Vishnu.

Bên cạnh đó, Phật giáo cũng đã góp một phần không nhỏ vào việc củng cố, duy trì, chuyển tải và phát triển nhiều giá trị văn hóa của tín ngưỡng dân gian. Các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương đã rất quan tâm đến sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng và tôn giáo nhằm phát huy những giá trị đạo đức tốt đẹp của các loại hình này trong công cuộc xây dựng đất nước. Chính quyền địa phương luôn tạo điều kiện thuận lợi cho những sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo. Các lễ hội được tổ chức với quy mô rộng lớn, các ngôi chùa được trùng tu, xây dựng khang trang đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tâm linh của nhân dân trong tỉnh.

Kết quả khảo sát về những giá trị văn hóa từ sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian trong các ngôi chùa:

Bảng 3.1: Giá trị văn hóa – nghệ thuật của sự dung hợp

TT	Giá trị văn hóa	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, hội họa ở các ngôi chùa thể hiện sự sáng tạo, mang tính đặc thù, tinh vi và sâu sắc của nhân dân Tiền Giang, góp phần làm giàu đẹp, phong phú các loại hình nghệ thuật, kiến trúc của tỉnh nhà.	476	98.55
2	Góp phần củng cố và duy trì nghi lễ, phong tục, truyền thống tốt đẹp, đạo lý uống nước nhớ nguồn.	395	81.78

[Khảo sát trên 483 người; Nguồn: Lê Thị Thanh Thảo, 2018]

Các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang không chỉ là không gian văn hóa linh thiêng, nơi lưu giữ và bảo tồn những nét văn hóa truyền thống. Thông qua các lời kinh, tiếng kệ, tiếng nhạc lễ,... phản ánh văn hóa dân tộc. Ngoài ra, lối kiến trúc trong các ngôi chùa, cách trang trí hoa văn cũng thể hiện những triết lý nhân sinh cơ bản. Có 99.55% người dân tham gia khảo sát đồng ý rằng nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc, hội họa ở các ngôi chùa thể hiện sự sáng tạo, mang tính đặc thù, tinh vi và sâu sắc của nhân dân Tiền Giang. Có những ngôi chùa là quần thể kiến trúc, điêu khắc, hội họa có nét đặc trưng riêng trở thành danh lam thắng cảnh, những trung tâm văn hóa vùng, đáp ứng nhu

cầu tín ngưỡng, tham quan, văn cảnh của nhân dân như: chùa Vĩnh Tràng (Mỹ Tho), Bửu Lâm (Mỹ Tho), Sắc tứ Linh Thửu (Châu Thành),.... Một số ngôi chùa ở Tiền Giang còn được xếp vào di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia: chùa Vĩnh Tràng (Mỹ Tho), Bửu Lâm (Mỹ Tho), chùa Hội Thọ (Cái Bè) được liên hiệp các Hội UNESCO tại nước ta cấp giấy chứng nhận là *“Việt Nam linh thiêng cổ tự”*. Ngoài ra, còn rất nhiều chùa ở Tiền Giang được xếp vào di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh.

3.2.3 Cổ kết cộng đồng

Bên cạnh đó, có đến 73.29 % người dân thực hiện khảo sát đồng ý sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian đem đến những giá trị cao đẹp đó là sự cổ kết cộng đồng.

TT	Giá trị văn hóa	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Góp phần cổ kết cộng đồng, những người có cùng niềm tin vào Phật và tín ngưỡng dân gian.	354	73.29

Thông qua các lễ Phật Đản, lễ Vu Lan, lễ Tết,... đã góp phần tạo sự liên kết, gắn bó trong cộng đồng, đồng thời bổ sung, phát triển những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp. Sự cổ kết cộng đồng, những người có cùng niềm tin với nhau, hướng đến truyền thống *“uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây”* thể hiện qua việc thắp nén nhang cho các vị anh hùng, danh nhân, những người có công với nước, với làng,.... Hướng con người sống có đạo lý, biết thương yêu nhau: *“Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”*, thể hiện lòng thương người, *“lá lành đùm lá rách”* thông qua các hoạt động từ thiện xã hội. Đó là việc tín đồ đến chùa cùng nhau gom góp tiền của, vật phẩm để làm từ thiện hỗ trợ người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn, cùng nhau nấu những bữa cơm từ thiện phát cho bệnh nhân nghèo ở các bệnh viện,.... Hiện nay, hoạt động từ thiện trong các ngôi chùa không chỉ dừng lại ở việc bố thí về lương thực giải quyết khó khăn hiện tại mà đã nâng lên một bước, mang tính hiện đại hơn. Đó là xây dựng nhà tình thương, xây cầu, góp phần xây dựng trường học, bệnh viện, quyên góp giúp đỡ những người mắc bệnh hiểm nghèo có hoàn cảnh khó khăn, tặng học bổng cho sinh viên nghèo, Hoạt động này của các tín đồ Phật giáo không chỉ giúp cho những người yếu thế mà còn góp phần cùng chính quyền đảm bảo phần nào an sinh xã hội ở địa phương và khơi dậy tình đoàn kết trong đồng bào, tạo nên

tình cảm sâu sắc trong cộng đồng. Ngoài ra, Phật giáo là tôn giáo có tinh thần nhập thế mạnh mẽ thể hiện có rất nhiều tăng, ni, phật tử tham gia vào các hoạt động từ thiện xã hội như: tổ chức khám và chữa bệnh miễn phí, cất nhà tình thương, phát cơm từ thiện cho người nghèo, bệnh nhân, nuôi dạy trẻ mồ côi, tham gia quyên góp và hỗ trợ người nghèo, những người có hoàn cảnh khó khăn, những người dân ở vùng bị thiên tai, bão lụt..., tham gia dạy học, tham gia chữa bệnh, phát học bổng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn nhưng có tinh thần vươn lên trong học tập, xây cầu ở các vùng quê.

3.2.4. Giá trị tâm linh

Sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian ở tỉnh Tiền Giang thể hiện giá trị tâm linh, sự hài hòa trong niềm tin, thực hành tín ngưỡng và đời sống tâm linh của người dân Tiền Giang. Sự dung hợp góp phần đáp ứng nhu cầu tâm linh, an định tinh thần cho người dân từ buổi đầu đến vùng đất Tiền Giang khai hoang cho đến ngày nay. Có đến 100% người dân thực hiện khảo sát tin tưởng vào các đối tượng thiêng như Phật giáo, tín ngưỡng dân gian hướng con người đến chân, thiện, mỹ. Sự dung hợp này phần nào mang lại niềm tin, sự an ủi, động viên, chỗ dựa tinh thần cho con người ở mức độ nhất định trong những hoàn cảnh khó khăn, bất lực. Có thể nhờ vậy, sự khổ ải trên thế gian trở nên nhẹ nhàng hơn. Trong lúc khó khăn của cuộc sống, con người có được niềm tin, hy vọng là sự cổ vũ vô cùng to lớn. Vì vậy, nhiều người giải tỏa được sự căng thẳng về tâm lý, xoa dịu phần nào nỗi đau tinh thần nhằm có đủ dũng khí vượt qua trở lực để tồn tại và phát triển.

Mặt khác, sự dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian tạo nên sự cân bằng trong đời sống tâm linh. Có đến 99.17% người dân tham gia khảo sát thừa nhận sự dung hợp này góp phần thỏa mãn nhu cầu tâm linh, làm phong phú đời sống tinh thần cho người dân Tiền Giang. Đến chùa không chỉ để thể hiện lòng tôn kính Đức Phật từ bi; tìm được sự bình an trong tâm sau những lo toan của cuộc sống mà còn để thăm người thân, ba mẹ đã khuất được an vị tại đây, thấp cho họ nén nhang để tưởng nhớ công ơn sinh thành dưỡng dục; cầu xin Phật Bà (Mẫu) che chở cho mình và người thân, có được sức khỏe dồi dào, tài lộc, may mắn trong cuộc sống,... Đến chùa không chỉ để cầu xin mà còn thể hiện sự kính trọng, khâm phục, thể hiện lòng tri ân đối với các anh hùng dân tộc, những người có công với nước, với quê hương và tự hào về dân tộc. Tinh thần khoan dung, bác ái trong việc thấp cho những người đã khuất mà mình có thể chưa hề quen biết nén nhang, những chiến sĩ trận vong, ngay cả bàn thờ cô hồn, ngã quỷ,....

Đây là những hành động cụ thể mà những người đến chùa đã làm thể hiện giá trị nhân văn cao cả.

Ngoài ra, có đến 97.72% cho rằng Phật giáo và tín ngưỡng dân gian còn có giá trị khuyến khích lối sống hướng thiện, lành mạnh. Từ giáo lý Phật giáo, quan niệm và cách ứng xử do các loại hình tín ngưỡng dân gian đem lại đã góp phần giáo dục đạo đức, hướng con người sống lương thiện. Cách sinh hoạt trong các ngôi chùa, từ cách ăn mặc, nếp nghĩ, nếp sống của tăng, ni, tín đồ Phật giáo cũng mang giá trị giáo dục và tạo nên sự phong phú cho nền văn hóa nơi đây.

TT	Giá trị	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Góp phần thỏa mãn nhu cầu tâm linh, làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân.	479	99.17
2	Mang lại niềm tin, sự an ủi, động viên, nâng đỡ tinh thần ở mức độ nhất định cho con người trong những hoàn cảnh khó khăn, bất lực.	483	100
3	Khuyến khích lối sống hướng thiện, lành mạnh.	472	97.72

Trước những áp lực, những căng thẳng trong cuộc sống hiện đại, những người có nhu cầu tìm nơi yên tĩnh, bình an để thư giãn là rất lớn. Ngôi chùa trở thành nơi lựa chọn của nhân dân, thể hiện qua những chuyến du lịch hành hương (du lịch tâm linh) ngày càng được đông đảo người dân lựa chọn. Cứ đến tháng Giêng, tháng bảy âm lịch hằng năm thì các ngôi chùa ở Tiền Giang đón rất nhiều những đoàn du lịch tâm linh, hành hương từ các nơi về lễ Phật.

Trong thời gian gần đây, một số ngôi chùa ở Tiền Giang tổ chức khóa tu mùa hè đã thu hút giới trẻ trong đó có học sinh các cấp học khác nhau tham gia. Khóa học này đã giúp các em có được những ngày vui chơi, thanh thoi dưới mái chùa sau những giờ lao động, học tập và làm việc vất vả, căng thẳng. Đồng thời, các em học hỏi được nhiều điều bổ ích từ trong giáo lý Phật giáo, những giờ học kỹ năng sống. Từ đó, các em áp dụng vào cuộc sống, tránh xa các tệ nạn xã hội, biết sống hướng thiện, sống có ích, sống

có trách nhiệm hơn. Đặc biệt, việc tham gia khóa học này giúp cho các em hạn chế được sự lôi cuốn của các trò chơi điện tử, giảm bớt phần nào nỗi lo của các bậc phụ huynh.

Việc rất đông các em tham gia khóa tu mùa hè tại chùa cũng cho thấy ngôi chùa không chỉ thu hút những người lớn tuổi mà cả những người trẻ. Việc làm này cho thấy quan niệm “*trẻ vui nhà già vui chùa*” trong dân gian đã không hoàn toàn đúng trong những năm gần đây.

Ngoài ra, việc khai thác hợp lý các di tích văn hóa, lịch sử ở các ngôi chùa trong tỉnh Tiền Giang trong lĩnh vực du lịch tâm linh nhằm góp phần phát triển văn hóa, kinh tế tỉnh nhà rất có giá trị. Việc giới thiệu di tích các ngôi chùa ở Tiền Giang đến với nhân dân cả nước và thế giới rất có ý nghĩa. Hiện nay, một số ngôi chùa ở Tiền Giang là điểm tham quan, văn cảnh của khách thập phương.

3.2.2 Một số hạn chế từ sự dung hợp

Bên cạnh những mặt tích cực, những giá trị văn hóa tốt đẹp có được từ sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian thì sự dung hợp này cũng còn một số vấn đề cần quan tâm. Sinh hoạt tín ngưỡng dân gian tác động mạnh mẽ làm biến đổi một số hoạt động trong các ngôi chùa.

Khi yếu tố tín ngưỡng dân gian vượt trội trong các ngôi chùa sẽ dẫn tới tình trạng Phật giáo đã đi quá xa giáo lý nguyên thủy và mục đích tối thượng thuở ban đầu của Phật giáo. Nhiều khi sự dung hợp hai chiều theo kiểu “*có đi có lại*”, “*nhất bản vạn lợi*” theo quan niệm và hành xử thế tục đã xâm nhập vào đời sống tâm linh, thông qua dịch vụ nghi lễ, con người đã “*khoán trọn gói*”, giao cho Phật, Thần, Thánh, các đấng linh thiêng phải có trách nhiệm chăm lo cho mọi nhu cầu trần thế (Đặng Minh Châu 2016, tr. 94,101).

Tâm lý đi lễ chùa để cầu xin được bình yên, hạnh phúc cho cá nhân, gia đình, sự siêu thoát của người thân đã khuất là một điều đáng trân trọng. Nhưng cũng không ít người đến chùa có tâm lý thực dụng chỉ để cầu xin Phật, thánh, thần để đạt được những nhu cầu thế tục, nhu cầu về lợi ích vật chất.

Bên cạnh đó, việc thờ cúng Mẫu trong các ngôi chùa ở Nam Bộ đã làm xuất hiện các nghi lễ dân gian tại chùa như: cầu cúng, xin xăm, bói quẻ, xin keo. Những hình ảnh Mẫu trong ngôi chùa cũng như cách gọi Phật Mẫu và việc đưa thần, thánh vào chùa thờ vô tình làm cho một số tín đồ tin rằng Phật giáo tôn sùng Thượng đế, tin rằng có Thượng đế ngự trị, có quyền năng ban phúc, giáng họa và chi phối mọi việc trong đời sống của con người. Chính điều này đã làm cho một số người mất tự tin vào chính mình, quan

niệm về vai trò tự lực của con người bị lu mờ. Từ khi thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu được vinh danh, ở Bắc bộ xảy ra hiện tượng các nhà sư ra trình đồng và tổ chức thực hiện lên đồng ngày càng nhiều. Hiện nay, hiện tượng này đã lan sang Trung bộ và Trung Nam Bộ. Quyền năng của Mẫu ngày càng được các tín đồ đồn thổi hơn nữa đưa đến sự xung đột, va chạm niềm tin tôn giáo. Tiêu biểu là tình trạng công kích, bêu xấu giữa các Phật tử chùa Ba Vàng và các thanh đồng đạo quan thờ Mẫu; việc làm giả các chứng chỉ, chiếu dụ, sắc phong để gia tăng uy quyền của đối tượng thiêng cũng xảy ra (Nguyễn Ngọc Mai 2018, tr. 27,29).

Việc tổ chức cầu nguyện trước mùa thi, nhiều học sinh trước những kỳ thi quan trọng đi chùa van vái để cầu mong may mắn, thi có kết quả cao. Việc làm này cho chúng ta thấy, ngày nay một bộ phận thế hệ trẻ, những người được học hành cũng mất niềm tin vào khả năng học tập và sự nỗ lực của chính bản thân mình mà có tâm lý tin tưởng, ỷ lại vào các thế lực siêu nhiên như Phật, trời, thần, thánh,... Theo chúng tôi, đây là thực trạng đáng lo lắng.

Gần đây du lịch tâm linh phát triển khá mạnh ở Tiền Giang, rất nhiều đoàn du khách thập phương về thực hành nghi lễ Phật giáo kết hợp với văn cảnh chùa vào dịp lễ, tết, đặc biệt là trong tháng giêng, tháng bảy âm lịch. Du lịch tâm linh đã góp phần nào giải quyết nhu cầu việc làm của một bộ phận nhân dân địa phương. Thế mạnh của hình thức du lịch này còn nhiều tiềm năng mà chúng ta chưa khai thác hết. Bên cạnh đó, vấn đề đặt ra là một số chùa đã khai thác du lịch tâm linh vào mục đích thu hút nguồn công đức khách thập phương. Nhiều hòm công đức xuất hiện trong ngôi chùa như để nhắc nhở du khách. Khi ghi danh để được cúng sao, giải hạn, cầu an, cầu siêu,... phần lớn Phật tử đều cúng dường để mong nhà chùa hỗ trợ, được Phật gia hộ. Nhiều chùa vì thu hút các đoàn du lịch tâm linh cho trùng tu, tôn tạo chùa khang trang, hoành tráng, đua nhau xây nhiều tượng Phật thật lớn. Số tiền phục vụ cho việc xây dựng, tôn tạo chùa lên nhiều tỷ đồng. Việc làm này vừa làm mất cân đối về kiến trúc trong không gian ngôi chùa vừa gây tốn kém, lãng phí tiền của của tín đồ. Trong khi đó nhiều nơi trên đất nước ta, đặc biệt vùng sâu, vùng cao thì bệnh viện, trường học, cầu đường,... phục vụ nhu cầu an sinh cho người dân còn hạn chế nhiều. Du lịch tâm linh phát triển kéo theo tình trạng nhiều người ăn xin, bán vé số tập trung rất đông, nhốn nháo trước cửa chùa khi có đoàn hành hương đến. Hiện tượng này làm xáo trộn, mất đi vẻ tôn nghiêm nơi thờ tự, mất an ninh trật tự tại địa phương.

Ngoài ra, hiện tượng một số Phật tử cúng dường có mong muốn trùng tu ngôi chùa theo ý của chính họ. Có những Phật tử cúng dường các tượng Phật, hoành phi, câu đối, tranh ảnh mà giá trị thẩm mỹ không cao được bài trí trong các ngôi chùa làm phá vỡ không gian kiến trúc. Một số ngôi chùa bày trí những tượng Phật rất lớn, dẫn đến mất cân đối (chùa Vĩnh Tràng có tượng Phật Di Lặc chiều dài 27 mét chiều rộng 18 mét, cao 20 mét; chùa Thiên Phước tại Cai Lậy có tượng Bồ Tát Quan Thế Âm cao 26 mét, chùa Long Phước, Cai Lậy có tượng Phật Di Đà và Quan Thế Âm Bồ tát rất lớn,...). Một số ngôi chùa bày trí dày đặc các tượng lớn, nhỏ trên điện thờ là do cứ ai có tâm cúng dường tượng Phật hoặc tượng thần, thánh,... đều đem vào chùa thờ. Có những ngôi chùa cổ đang bảo tồn các tượng cổ, những tấm hoành phi câu đối đã có hàng mấy trăm năm rất có giá trị nghệ thuật nhưng lại bày trí thêm một số tượng mới dẫn đến tượng cũ, mới xáo trộn mất mỹ quan. Sư cô Thích nữ Viên Giác, Phó thư ký Ban Văn hóa GHPGVN đồng thời là trụ trì một chùa Thiên Vân tại huyện Cái Bè chia sẻ:

“Người trụ trì đóng vai trò rất quan trọng trong việc định hướng cho Phật tử khi đến chùa. Nếu vị trụ trì để Phật tử làm chi phối, ảnh hưởng dẫn đến những hoạt động không phù hợp gây nên mất đoàn kết cho những người tu tập tại chùa, Phật tử làm cho ngôi chùa mất đi sự trang nghiêm” (PL 2, BBPV số 13)

Thậm chí một số chùa cho sơn phết lại các tượng cổ dẫn đến nhìn vào không phân biệt tượng đó là tượng gì. Ở không ít ngôi chùa, sự dung hợp này làm cho một số hoạt động của Phật giáo bị lệch chuẩn, làm một số giá trị văn hóa của Phật giáo bị thay đổi vì vậy có những tác động không tốt đến xã hội. Khi các hoạt động của tín ngưỡng dân gian như đốt vàng mã, xin xăm, cúng sao, giải hạn, xem ngày giờ,..... vượt trội trong các ngôi chùa làm cho các giá trị văn hóa của Phật giáo bị mờ nhạt. Theo chúng tôi, việc đốt vàng mã hay quần áo giấy cho người chết nếu chúng ta quan niệm đó là hình thức để thể hiện tình thương của người còn sống với người đã khuất nên đốt với số lượng ít chỉ để tượng trưng. Nhưng nếu người dân tin rằng đốt vàng bạc, quần áo, nhà lầu, xe hơi giấy,.... để người chết nhận được vì vậy đốt rất nhiều là mê tín. Ngoài ra, việc một số tăng, ni hoặc một số người giả danh nhà sư lợi dụng niềm tin của tín đồ vào các nghi lễ cầu an, cầu siêu để thu tiền, trục lợi cá nhân đã xảy ra. Đó là chưa kể đến việc lợi dụng các tổ chức Phật giáo để quyên góp tiền vì mục đích khác nhau, thương mại hóa tôn giáo.

Các ngôi chùa cử đại diện phát động Phật tử, tín đồ, nhân dân quyên góp tiền của rồi chùa tổ chức phát quà từ thiện cho những người có hoàn cảnh khó khăn thể hiện tinh thần “lá lành đùm lá rách” là việc làm có giá trị nhân văn. Tuy nhiên, có rất nhiều nơi việc tổ chức này chưa khoa học, dẫn đến tình trạng lộn xộn, chen lấn, mất an ninh trong ngôi chùa, thậm chí làm cho các nghi lễ trong chùa giảm đi sự trang nghiêm. Những người có nhu cầu nhận quà quá đông, trong khi số lượng quà phát từ thiện có hạn, dẫn đến tình trạng chen lấn giành nhau để nhận quà. Chúng tôi từng chứng kiến việc người có nhu cầu nhận quà từ thiện, đứng xôn xao trước cổng chùa, chờ đợi nhiều giờ đồng hồ mới được nhận quà trong dịp lễ chẵn tế và phát quà từ thiện tại các ngôi chùa ở Tiền Giang.

Phóng sinh là một tập tục của người dân nước ta, được thực hiện qua các dịp Tết, rằm tháng Giêng, rằm tháng Bảy. Đây là việc làm hành thiện, tích công đức, nó có giá trị cao đẹp. Đồng thời, phóng sinh góp phần đáp ứng nhu cầu tâm linh, tìm sự thanh thản trong tâm hồn của người dân. Nhiều năm về trước, Phật tử mua những con vật như chim, cá, rùa,... đến chùa tụng kinh rồi mang đi phóng sinh. Phóng sinh tại chùa được tổ chức âm thầm với quy mô nhỏ và ít người biết đến. Gần đây, hình thức và quy mô phóng sinh trong các chùa có sự thay đổi. Đặc biệt, từ sau ngày 4/1/2017 Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Tổng cục Thủy sản ký Bản ghi nhớ hợp tác trong việc thả con giống phóng sinh nhằm bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản. Trong những lần phóng sinh tổ chức với quy mô lớn thì thành phần tham gia lễ phóng sinh rất đa dạng như: các chức sắc Phật giáo là Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Tiền Giang, Ban chứng minh Giáo hội Phật giáo tỉnh, một số vị Trụ trì trên địa bàn, chư tăng Trường Trung cấp Phật học, và một số công chức chính quyền địa phương như Chi cục trưởng chi cục thủy sản, đại diện lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đại diện chính quyền địa phương, đoàn thanh niên cùng Phật tử, tín đồ tham dự. Đồng thời, buổi lễ có cả sự tham dự của các đơn vị truyền thông để đưa tin.

Ý nghĩa của việc phóng sinh sẽ giảm giá trị nhân văn nếu tổ chức không đúng cách và phô trương. Nếu trước khi phóng sinh, chùa thông tin rộng rãi cho mọi người biết về thời gian, địa điểm thực hiện. Điều này, làm cho kẻ xấu lợi dụng phóng sinh gây thiệt hại nghiêm trọng đến con vật, gây ô nhiễm môi trường dẫn đến tác dụng ngược trong công tác phóng sinh. Sau khi nhà chùa tổ chức phóng sinh, gần nơi tổ chức một số người vì lợi ích cá nhân nên bắt lại những con vật phóng sinh vừa thả ra. Tình trạng những con chim phóng sinh vừa thả ra, chưa bay được bao xa đã bị rút xuống do cánh đã bị cắt

mông, hoặc những con vật này đã bị cho uống thuốc nên quay về chỗ cũ bị bắt lại hay cá vừa được phóng sinh thì bị một số người làm mọi cách bắt liên. Việc các con vật bị đi bắt lại nhiều lần làm cho chúng không còn sức sống rồi bán cho người có nhu cầu phóng sinh ngay trước cổng chùa. Sau khi phóng sinh xong nhìn lại những con chim bị dẫm đạp gần khu vực phóng sinh của chùa gây nên phản cảm. Một số người tìm cách kiếm lợi trong hoạt động phóng sinh đã ảnh hưởng đến truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta. Vì vậy, cần tuyên truyền cho nhân dân hiểu ý nghĩa cao đẹp của phóng sinh, ngoài việc đáp ứng nhu cầu tâm linh, phóng sinh là trả lại sự sống cho con vật và góp phần làm đa dạng sinh học. Bên cạnh đó cần có biện pháp chế tài, có các quy định dân tại các chùa về hoạt động phóng sinh.

Thích Giác Nghiêm, chùa Phước Lâm xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy chia sẻ:

“Theo Thầy tổ chức lễ phóng sinh một cách rầm rộ đã làm mất đi giá trị cao cả của lễ này. Nhiều nơi tổ chức đoàn đi phóng sinh quá đông làm ảnh hưởng đến trật tự ở địa phương, có nơi không biết cách bảo quản những con cá trước khi mang đi thả, nên khi mang ra phóng sinh nhiều con đã không còn sức sống, số lượng cá chết trước khi thả khá nhiều. Khi vừa thả ra người dân lại dùng chày, lưới để bắt lại. Cuộc sống có sinh, có tử vì vậy nên để tự nhiên thì hơn” (PL 2, BBPV số 14).

Bên cạnh đó, có những Thầy đã đưa ra sáng kiến nhằm hạn chế tối đa mặt trái của việc làm này như phóng sinh vào buổi tối, khi nước lớn. Thời gian phóng sinh không cố định, không nhất thiết phải phóng sinh vào các ngày lễ, có thể thực hiện phóng sinh vào bất kỳ thời gian nào trong năm. Thầy Thích Giác Nghiêm trụ trì chùa Phước Lâm xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy cho biết:

“Chùa đã lặn lẽ đặt ống cống rất sâu dẫn từ các ao trong khu vườn của chùa ra sông vì vậy khi phật tử muốn phóng sinh Thầy đề nghị thả tại các ao trong chùa, những con cá được thả trong ao sẽ theo đường cống ra sông lớn. Làm như thế những người dân quanh chùa sẽ không biết mà tìm cách bắt lại” (PL 2, BBPV số 14).

(Phỏng vấn tại chùa Phước Lâm, Cai Lậy, Tiền Giang tháng 4/2018)

Việc một số người dân quá tin tưởng vào xem ngày giờ tốt, xấu dẫn đến khi có người thân qua đời phải phụ thuộc vào việc xem ngày giờ hoặc vào việc làm lễ của các nhà sư trước khi tẩm liệm, chôn cất trong khi nhà sư thì nhiều việc nên họ gần như chạy

sô dẫn đến tình trạng đám tang kéo dài trong nhiều ngày gây tốn kém, mệt mỏi cho người thân ở lại. Song song đó, việc tổ chức các nghi lễ, lễ hội Phật giáo thể hiện một cách phô trương gây nhiều lãng phí. Phật giáo quá chú tâm vào các hoạt động tín ngưỡng dân gian sẽ ít chú ý đến việc hoằng pháp.

Từ ngày đất nước thống nhất đến nay, ở Tiền Giang nói riêng và Nam Bộ nói chung có rất nhiều ngôi chùa được trùng tu, tôn tạo hoặc xây mới nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân trong vùng. Khi điều kiện kinh tế ngày một khá hơn, việc trùng tu, tôn tạo lại cơ sở thờ tự của Phật giáo nói riêng, các di tích lịch sử văn hóa, tín ngưỡng nói chung là việc làm cần thiết. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay việc trùng tu, tôn tạo hoặc xây mới cần được các cấp chính quyền ở địa phương, đặc biệt là Ban Tôn giáo của tỉnh phối hợp với nhà chùa để định hướng sao cho việc trùng tu tôn tạo đảm bảo được những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, vẫn giữ được nét đẹp truyền thống. Việc trùng tu, tôn tạo cần phải chú ý đến tính nguyên bản, đặc biệt là giá trị lịch sử của ngôi chùa nhưng cũng không bỏ qua giá trị hiện đại và những sáng tạo nghệ thuật của nhân loại. Để làm tốt được việc này, trước khi trùng tu cần phải đánh giá lại giá trị văn hóa, lịch sử của ngôi chùa. Chùa là nơi uy nghiêm, vắng vẻ và tĩnh mịch, tránh việc trùng tu, xây mới có cảnh quan, vườn cảnh như công viên để du khách vui chơi, thưởng thức cảnh đẹp. Mặc dù đang có nhiều quan điểm khác nhau trong công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa. Tuy nhiên, việc lưu giữ những giá trị truyền thống tốt đẹp, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc chứa đựng trong di sản văn hóa Phật giáo tại tỉnh nhà là việc làm cần thiết. Đồng thời, phải phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương. Tránh việc trùng tu, tôn tạo xây dựng chùa chạy theo hình thức, theo phong trào, vì danh tiếng phải xây dựng chùa, tượng Phật càng lớn, gây lãng phí tiền của tín đồ. Trong khi nhiều nơi trong tỉnh, cầu, đường, trường học, bệnh viện phục vụ nhu cầu của nhân dân còn nhiều hạn chế.

3.3 DỰ BÁO XU HƯỚNG SỰ DUNG HỢP

3.3.1 Sự dung hợp không ngừng phát triển

Ngày nay, mặc dù đời sống vật chất và tinh thần của con người ngày càng được nâng cao. Khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển. Tuy nhiên vẫn còn nhiều vấn đề bí ẩn mà con người chưa giải thích được một cách thấu đáo; vì vậy, con người đã tìm đến các thế lực siêu nhiên, thần bí. Đây là lý do để các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo vẫn tồn tại. Những rủi may trong cuộc sống như tình trạng tai nạn giao thông xảy ra ngày

càng nhiều, bệnh tật, thất nghiệp, đói nghèo và cả những vấn đề lớn hơn như thiên tai, ô nhiễm môi trường, nguy cơ chiến tranh, tệ nạn xã hội, suy thoái về đạo đức. Đây là những vấn đề mà không chỉ dựa vào sự cố gắng, năng lực của bản thân mà con người còn cầu mong ở sự hỗ trợ, giúp đỡ của các thế lực như Phật, trời, thần, thánh. Trước những áp lực của cuộc sống hiện đại, một số người có vẻ thiếu tự tin vào chính mình vì vậy họ tìm đến chỗ dựa tâm linh ngày càng nhiều.

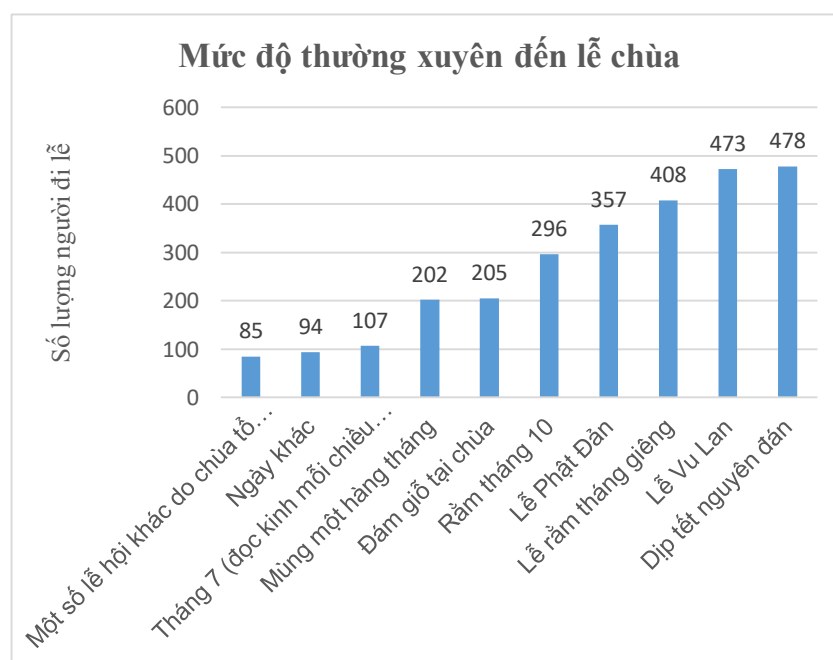
Bảng 3.2: Mức độ thường xuyên đến lễ chùa

TT	Thời gian đến chùa	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Lễ rằm tháng Giêng	408	84.47
2	Lễ Phật Đản	357	73.91
3	Lễ Vu Lan	473	97.93
4	Rằm tháng 10	296	61.28
5	Mùng một hàng tháng	202	41.82
4	Dịp Tết Nguyên Đán	478	98.96
5	Đám giỗ tại chùa	205	42.44
6	Tháng 7 (đọc kinh mỗi chiều tại chùa)	107	22.15
7	Một số lễ hội khác do chùa tổ chức	85	17.60
8	Ngày khác	94	19.46

[Khảo sát trên 483 người; Nguồn: Lê Thị Thanh Thảo, 2018]

Vào dịp Tết Nguyên Đán người dân đến chùa đông nhất lên đến 98.96%. Người dân đi lễ chùa cầu mong cho bản thân và gia đình cả năm được khỏe mạnh, hạnh phúc, làm ăn khá giả, con cái học hành chăm ngoan. Đi lễ chùa vào dịp năm mới đã trở thành nếp văn hóa của nhân dân ta. Kế đến là ngày lễ Vu Lan 97.92%, lễ rằm tháng Giêng 84.47%, lễ Phật Đản 73.91%, rằm tháng 10 có 61.28%. Ngoài ra, người dân còn đi lễ chùa vào những ngày rằm, mừng một hằng tháng hay vào những dịp lễ lạc khác của chùa. Ngày nay, nhu cầu đi lễ chùa của người dân ngày càng cao. Theo quan sát của chúng tôi, người đi lễ chùa không chỉ là những người phụ nữ lớn tuổi như trước đây mà cả nam giới, những người trẻ tuổi cũng đến chùa rất đông.

Biểu đồ 3.1: Mức độ thường xuyên đến lễ chùa



Nếu trước đây, người dân đi lễ chùa phần lớn là nông dân, thì ngày nay đối tượng đi lễ chùa là đủ mọi nghề nghiệp, thành phần, tầng lớp, lứa tuổi khác nhau.

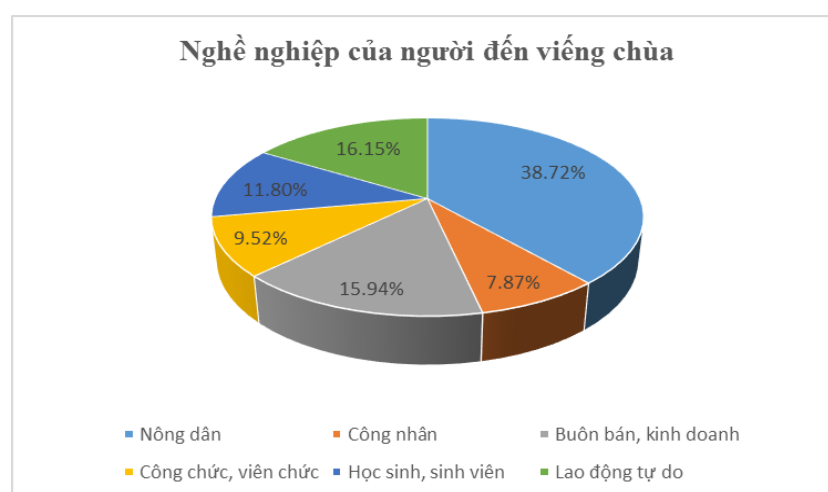
Bảng 3.3: Nghề nghiệp của người đến viếng chùa

STT	Nghề nghiệp	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
1	Nông dân	187	38.72	
2	Công nhân	38	7.87	
3	Buôn bán, kinh doanh	77	15.94	

STT	Nghề nghiệp	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
4	Công chức, viên chức	46	9.52	
5	Học sinh, sinh viên	57	11.80	
6	Lao động tự do	78	16.15	
Tổng số		483	100	

[Khảo sát trên 483 người; Nguồn: Lê Thị Thanh Thảo, 2018]

Theo kết quả khảo sát, về nghề nghiệp của người dân đến viếng tại một số chùa ở Tiền Giang cho thấy: phần đông người đến chùa là nông dân 38.72%; buôn bán, kinh doanh 15.94%; học sinh, sinh viên 11.80%; lao động tự do 16.15%; công chức, viên chức 9.52%; công nhân 7.87%. Ngày nay, thành phần đi lễ chùa rất đa dạng, phong phú. Đồng thời, theo tìm hiểu của chúng tôi, người viếng chùa từ rất nhiều địa phương khác đổ về. Họ đến chùa nhằm gửi gắm niềm tin, nguyện vọng của mình với Phật, trời, thần, thánh.



Biểu đồ 3.2: Nghề nghiệp của người đến viếng chùa

Sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian cho đến nay vẫn không ngừng phát triển bởi các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng dân gian có nhiều điểm tương đồng về bản chất. Sự dung hợp không làm suy thoái các loại hình này mà nó càng phát triển vì đáp ứng được nhu cầu tâm linh chính đáng của nhân dân. Phật giáo ở nước ta rất hưng thịnh vào thời kỳ Lý, Trần nhưng sau đó là giai đoạn suy thoái. Chính trong bối cảnh có nguy cơ bị mai một, nhờ sự dung hợp các loại hình tín ngưỡng dân gian vào ngôi chùa nhằm thu hút quần chúng đã góp phần làm cho Phật giáo tồn tại và phát triển. Như vậy, trong quá trình lưu truyền, tồn tại của mình Phật giáo đã tiếp thu các loại hình

tín ngưỡng dân gian và ngược lại đến lượt tín ngưỡng dân gian cũng vậy. Sự dung hợp này diễn ra một cách tự nguyện.

Sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian trong không gian các ngôi chùa đã và sẽ tiếp tục diễn ra với nhiều hình thức khác nhau. Điều này được chứng minh qua niềm tin, việc thực hành giáo lý Phật giáo Bắc Tông của tăng, ni và các tín đồ Phật giáo. Văn hóa Phật giáo đã ăn sâu vào tâm thức và đời sống của người dân và trở thành một bộ phận không thể tách rời trong nền văn hóa dân tộc. Niềm tin của nhân dân đối với Phật giáo không chỉ thể hiện ở việc lên chùa lễ Phật mà thể hiện qua việc tu tại gia, lập bàn thờ Phật tại nhà trên bàn thờ tổ tiên, treo ảnh Phật, niệm Phật khi gặp khó khăn, nguy hiểm...

Qua khảo sát thực tế các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông tại tỉnh Tiền Giang cho thấy xu hướng dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian ngày càng diễn ra mạnh mẽ, phát triển rộng rãi và gắn bó chặt chẽ được thể hiện như sau: để thu hút tín đồ đến với Phật giáo, đến với chùa các nhà sư đã tùy thuận với mong muốn, nhu cầu của Phật tử, tín đồ và người dân nên đã đồng ý chấp thuận cho thực hiện các nghi lễ mang tính dân gian tại chùa. Một số nghi lễ mà người dân thường thực hiện tại chùa: cúng sao, giải hạn, lễ cầu an, cầu siêu, xin xăm, bói toán, lễ cắt tiền duyên, trừ tà, lễ hằng thuận, đốt vàng mã, xem ngày giờ, Điều này, làm cho việc thực hành tín ngưỡng dân gian gần như trở thành hoạt động chính của các nhà sư. Dù cũng có những quan niệm cho rằng những việc làm trên của các nhà sư là tạo điều kiện cho các hiện tượng mê tín vào chùa và thiên về lợi ích vật chất. Xu hướng thần thánh hóa Đức Phật thể hiện qua việc người dân đến chùa với mục đích van vái, cầu xin mọi điều từ các vị Phật, Bồ tát, Thần Thánh. Vào các ngày lễ, tết, sóc, vọng rất đông người dân đến các ngôi chùa cho là linh thiêng để van vái, cầu xin. Xu hướng dung hợp các đối tượng thờ tự trong ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông như thờ Mẫu, danh nhân, anh hùng dân tộc và các vị thần, thánh khác. Dẫn đến thực trạng ngôi chùa là nơi gần như đáp ứng mọi nhu cầu tâm linh của người dân.

Xu hướng dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Mặc dù, Phật giáo chủ trương độ “sinh” chứ không độ “tử” trong khi quan niệm trong dân gian của người Việt lại xem trọng việc tử hơn việc sinh, xem trọng ngày chết hơn ngày sinh (Phan Nhật Trinh, 2016, tr.113).

Tuy nhiên để tồn tại và phát triển, Phật giáo tùy thuận dung hợp với tín ngưỡng thờ

cúng tổ tiên, không chỉ độ sinh mà độ cả tử, ngoài ra còn hỗ trợ người dân thực hiện những vấn đề liên quan đến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Ngược lại, người dân Tiền Giang cũng đã tiếp thu và biến đổi những yếu tố Phật giáo cho phù hợp với truyền thống văn hóa của mình như ăn chay, làm từ thiện, thỉnh Phật về thờ cúng tại nhà, nhờ các nhà sư xem ngày, giờ tắm liệm, chôn cất khi gia đình có người mất, đưa vong người thân lên chùa.

Phần lớn người dân ở Tiền Giang (trừ những người theo đạo Công giáo và Tin Lành...), khi gia đình có người thân qua đời dù là Phật tử hay không đều có mời nhà sư đến nhà hỗ trợ thực hiện tang lễ theo nghi thức của Phật giáo như: nhờ nhà sư xem giờ tắm liệm, hạ nguyệt, tụng kinh trợ niệm vãng sinh cho người vừa chết, ... Sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên còn thể hiện rõ ở trong nghi thức tiễn đưa người chết. Nếu người chết được đưa đi chôn cất xa nhà hoặc đi hỏa thiêu, thường thì người thân sẽ thuê một chiếc xe rước tượng Phật và có một số nhà sư ngồi trong xe. Xe này sẽ dẫn đầu đoàn xe đưa tang với niềm tin Phật sẽ dẫn dắt vong linh người vừa chết về nơi an nghỉ. Các nhà sư sẽ hỗ trợ làm lễ trước khi hạ nguyệt hoặc hỏa táng. Nhu cầu về xe rước Phật trước đoàn xe tang và nhà sư hỗ trợ đám tang ở tỉnh Tiền Giang trong thời gian gần đây ngày càng nhiều. Các dịch vụ mai táng trọn gói do các trại hòm thực hiện có cả việc mượn thầy tụng là những nhà sư (xem phụ lục 5, mục).

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người dân Tiền Giang ngày càng có xu hướng dung hợp, gắn chặt với nhà sư, với ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông. Xuất phát từ suy nghĩ và tình cảm của người thân còn sống dành cho những người đã khuất biểu hiện qua lễ tang, lễ giỗ, đưa vong lên chùa. Đồng thời, qua các việc khác liên quan đến cuộc sống thường ngày của người dân như đốt vàng mã, khi có việc gì quan trọng trong gia đình sẽ thấp nhang báo với ông bà, tổ tiên từ việc nhà có lễ cưới, sinh, thi cử.

Trong thời gian gần đây, người dân tỉnh Tiền Giang có xu hướng mang di ảnh, bài vị, lọ tro cốt, và chôn cất người thân vừa qua đời và cả những người thân đã mất từ lâu đến chùa an nghỉ với mong muốn linh hồn những người đã khuất được sớm tối nghe tiếng kinh, kệ, được nhang khói và sớm siêu thoát khá phổ biến. Thậm chí có gia đình nhờ các vị trụ trì tổ chức cúng tuần, giỗ người thân đã mất tại chùa.

Thỉnh lọ tro cốt, di ảnh người thân lên chùa:

Bảng 3.4: Thỉnh lợ tro cốt, di ảnh, bài vị người thân đã khuất lên chùa thờ

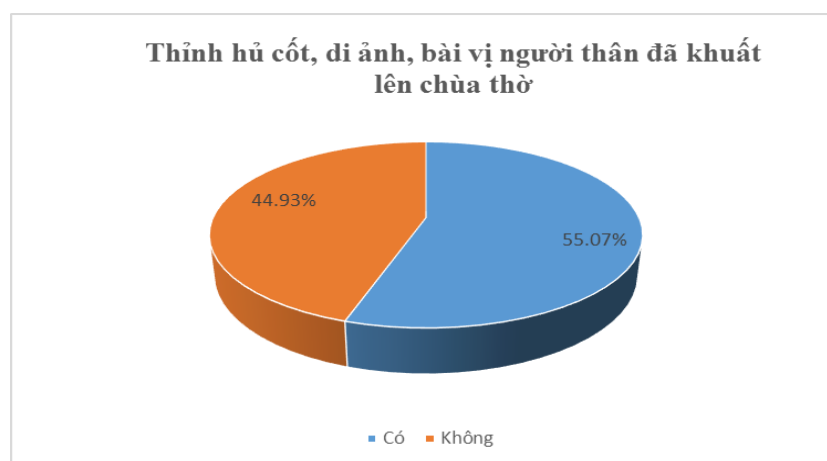
Nội dung	Số lượng	Tỉ lệ %
Thỉnh lợ tro cốt, di ảnh, bài vị người thân đã khuất lên chùa thờ	266	55,07

[Nguồn: Lê Thị Thanh Thảo, 2018]

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát người dân có mặt tại chùa trong dịp rằm tháng Giêng năm 2018 về việc có thỉnh lợ tro cốt, di ảnh người thân đã khuất lên chùa thờ. Kết quả cho thấy đa số người dân có mang lợ tro cốt, di ảnh và cả chôn cất người thân đã qua đời tại chùa. Bà Nguyễn Thị T, 62 tuổi, nghề nghiệp buôn bán, đi lễ tại chùa Phổ Đức cho biết:

“Má cô đã mất từ năm 1985, gia đình cô có thờ cúng, tổ chức đám dõ má đàng hoàng nhưng cô vẫn mang di ảnh của bà gửi vào chùa dịp rằm tháng 7 năm 2017, mang di ảnh lên chùa lúc nào cũng được mọi người đến chùa thắp nhang và còn được nghe tiếng kinh, mõ mỗi ngày” (PL 2, BBPV số 15).

(Phỏng vấn Phật tử tại chùa Phổ Đức, Mỹ Tho, Tiền Giang, tháng 7/2019)



Biểu đồ 3.3: Thỉnh lợ tro cốt, di ảnh, bài vị người thân đã khuất lên chùa thờ

Tại các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông luôn dành một khu để thờ cúng di ảnh và lợ tro cốt của người đã khuất. Điển hình Chùa Trường Sanh ở Tiền Giang, trước đây chỉ là một ngôi chùa nhỏ nhưng đến năm 2009 chùa Trường Sanh Mỹ Tho, Tiền Giang (Bảo Tháp Liên Hoa) đã xây dựng mới có 7 tầng, từ tầng 1 đến tầng 7 đều có thờ tro cốt (sức chứa của chùa khoảng 45.000 tro cốt phật tử, người dân có nhu cầu. Ngôi chùa này còn tổ chức lễ tang miễn phí cho những ai có nhu cầu hoặc không có điều kiện tổ chức tại nhà.

Xu hướng các chùa tổ chức lễ cầu siêu cho các chiến sĩ đã hy sinh trong các cuộc chiến tranh, cho những người chết vì tai nạn ngày càng nhiều. Vào ngày thương binh,

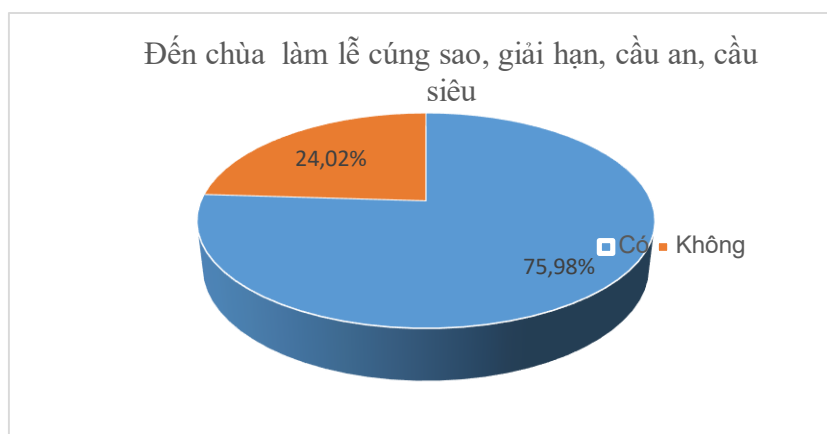
liệt sĩ 27 tháng 7 hằng năm các ngôi chùa ở tỉnh Tiền Giang phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức cầu siêu cho vong linh những anh hùng liệt sĩ, những người đã anh dũng hy sinh trong chiến tranh để dành độc lập cho dân tộc, đem lại sự thanh bình cho đất nước ngày hôm nay. Việc làm trên thể hiện lòng tri ân và góp phần giáo dục tinh thần yêu nước cho thế hệ trẻ. Trong những năm gần đây, ngày càng nhiều những ngôi chùa tổ chức cầu siêu cho vong linh các anh hùng liệt sĩ như: nhân mùa Phật Đản, Phật lịch năm 2560, các tăng, ni, phật tử huyện Cái Bè đã đến viếng nghĩa trang liệt sĩ huyện và tổ chức cầu siêu cho các chiến sĩ. Ngày 26/7/2015 và 26/7/2017 Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Gò Công Tây phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức lễ cầu siêu cho vong linh các anh hùng liệt sĩ tại nghĩa trang liệt sĩ huyện Gò Công Tây. Ngày 26/7/2016 Ban thường trực Ban trị sự Phật giáo thị xã Gò Công đến đền thờ Liệt Sĩ phối hợp với các chùa trên địa bàn tổ chức viếng Đài Liệt sĩ và cầu siêu cho anh linh các anh hùng liệt sĩ.

Không chỉ tổ chức lễ cầu siêu cho các anh hùng liệt sĩ, những người tử vì tai nạn giao thông, tai nạn lao động cũng được các chùa tổ chức lễ cầu siêu. Ngày 17 tháng 11 năm 2017 Ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang, Ban An toàn giao thông tỉnh Tiền Giang tổ chức lễ cầu siêu cho các nạn nhân chết vì tai nạn giao thông tại nhà Văn hóa trung tâm thành phố Mỹ Tho. Ngày 17/11/2015, chùa Trường Sanh tại phường 2 thành phố Mỹ Tho tổ chức Trai Đàn kỳ siêu cho các nạn nhân tử nạn về giao thông. Ngày 21/9/2017 tại chùa Linh Phong thị trấn Tân Hiệp huyện Châu Thành tổ chức lễ trai Đàn chẩn tế cho 2 vong linh vừa qua đời do tai nạn lao động và các vong linh được an vị tại chùa.

Xu hướng tổ chức Lễ Hằng Thuận trong chùa: như đã phân tích phần trên lễ cưới là nghi lễ trong dân gian nhưng ngày nay các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông đã chấp thuận cho phật tử thực hiện nghi thức lễ cưới tại chùa và được gọi là lễ hằng thuận. Khi phỏng vấn các vị trụ trì chùa về việc nếu phật tử có nhu cầu tổ chức lễ hằng thuận tại chùa nhà chùa có chấp thuận không? Phần lớn trụ trì chùa đều trả lời đồng ý. Tại Tiền Giang đã có một số ngôi chùa tổ chức lễ hằng thuận cho Phật tử như: chùa Dược Sư, chùa Tịnh Nghiêm, chùa Phước Long, chùa Phước Tới, chùa Long Nguyên,... Qua đây cho thấy rằng việc tổ chức lễ hằng thuận trong các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông đã được thực hiện và trong tương lai sẽ còn tiếp diễn.

Xu hướng dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông và tín ngưỡng dân gian ngày

càng mạnh mẽ thể hiện qua tập tục cúng sao, giải hạn. Cúng sao giải hạn dù xuất phát từ Đạo giáo, thế nhưng tập tục này đã gắn bó và ăn sâu vào tiềm thức của nhân dân ta vì vậy nó trở thành một tập tục dân gian từ bao đời nay của người Việt Nam. Với niềm tin nếu năm nào gặp phải sao xấu thì cúng sao, giải hạn sẽ giúp con người vượt qua những tai ương. Rõ ràng cúng sao, giải hạn là tín ngưỡng dân gian nhưng đã xâm nhập vào chùa và nó trở thành một ngày lễ không thể thiếu của chùa. Ngày nay, tất cả các chùa Bắc Tông ở Tiền Giang đều có tổ chức cúng sao kết hợp với cầu an, cầu siêu. Mức độ tổ chức lễ này lớn hay nhỏ tùy theo từng chùa, tùy theo lượng người đến đăng ký cúng sao, cầu an. Người có nhu cầu cúng sao, cầu an, cầu siêu đến chùa ghi họ tên, tuổi và nộp một số tiền tùy theo từng chùa, từng điều kiện của mỗi người sẽ được nhà chùa tổ chức cúng sao, giải hạn, cầu an.



Biểu đồ 3.4: Đến chùa cúng sao, giải hạn, cầu an, cầu siêu

[Nguồn: Lê Thị Thanh Thảo, 2018]

Kết quả phiếu khảo sát trên 483 người lễ chùa chỉ ra rằng có 75.98 % có đến chùa ghi tên nhờ chùa làm lễ cúng sao, giải hạn, cầu an, cầu siêu. Trong khi đó có 24.02% người trả lời không.

Theo Thầy Thích Huệ Nhẫn – trụ trì chùa Phù Châu việc cúng sao giải hạn là do Trung Quốc truyền sang nhưng các chùa lấy đó làm phương tiện để người dân đến ghi tên sau đó lễ lạy Đức Phật nhằm tạo cho họ đến chùa lễ Phật mà thôi, chứ việc cúng sao giải hạn không có làm thay đổi được điều con người đã tạo ngay trong hiện tại.

Bên cạnh đó, khi chúng tôi tiến hành phỏng vấn Phật tử không ghi tên vào sổ cúng sao, cầu an, cầu siêu tại chùa Khánh Lâm huyện Chợ Gạo, Tiền Giang nhưng vẫn tham dự lễ tại chùa. Ông Phan Văn L, 67 tuổi, nghề nghiệp làm vườn cho biết:

“Dù tôi không nhờ nhà chùa làm lễ nhưng hôm nay tôi vẫn đến chùa lễ Phật và tự cầu xin cho bản thân, gia đình được bình an, khỏe mạnh, cho những người thân đã khuất được siêu thoát”. (Phỏng vấn Phật tử tại chùa Khánh Lâm, Đăng Hưng Phước, Chợ Gạo, Tiền Giang, tháng 7/2019) (PL 2, BBPV số 16).

Qua đây, cho thấy người dân ngày càng gắn bó với ngôi chùa và mục đích đến chùa của người dân được thể hiện rất rõ ràng.

Xu hướng phối thờ Mẫu trong các ngôi chùa không chỉ diễn ra từ lâu đời mà xu hướng này ngày càng rõ rệt hơn. Việc đưa Mẫu vào chùa thờ cho thấy người dân thực sự xem trọng Phật giáo nhưng nó cũng phản ánh tầm quan trọng và ý thức cạnh tranh của tín đồ thờ Mẫu, họ muốn nâng cao vị thế của vị thần này ngang tầm với các vị Phật, nhờ vậy mà Mẫu dễ dàng hòa nhập trong ngôi chùa (Hoàng Văn Chung, Phạm Thị Chuyền, 2018, tr.616).

Ngoài ra, một số phật tử có đã từng có nhiều đóng góp, cúng dường về tiền bạc hoặc vật chất cho chùa phát tâm cúng tượng mẫu, hay xây dựng một ngôi miếu thờ Mẫu, Ngọc Hoàng, Quan Công,... trong chùa hoặc trong khuôn viên chùa đều được các vị trụ trì chấp nhận dẫn đến sự dung hợp. Hiện tượng, một số phật tử hoặc người dân thỉnh đối tượng thờ tự trong tín ngưỡng dân gian như ông Địa, thần Tài, Quan Công, Mẫu về nhà thờ sau một thời gian vì lý do tượng đã cũ cần phải thay tượng mới hoặc vì các lý do khác họ đã thỉnh các tượng hoặc tranh vào chùa và lâu ngày những đối tượng thờ tự này đã gắn bó với ngôi chùa được người dân đến chùa thắp nhang van vái.

Nếu trong giai đoạn đất nước ta bị xâm lược, Phật giáo thể hiện tinh thần nhập thế thông qua việc các tăng, ni tạm gác lại việc tu tập, cất áo cà sa tham gia vào công cuộc đánh đuổi giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước, hoặc hiến cả những chiếc chuông đồng để chế tạo vũ khí, có nhiều ngôi chùa là nơi che dấu cán bộ cách mạng. Ngày nay, phạm vi hoạt động của Phật giáo không chỉ diễn ra trong ngôi chùa như trước nữa mà xu hướng nhập thế của Phật giáo ngày càng mạnh mẽ đó là tham gia vào các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội vì mục tiêu chung dân giàu nước mạnh xã hội công bằng dân chủ văn minh.

So với miền Nam thì ở miền Bắc nước ta xu hướng dung hợp giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian diễn ra rất mạnh mẽ tại các ngôi chùa như chùa Liên Phái tại phố Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội vào đời pháp thứ 37, tông Lâm Tế là nơi diễn ra

các hoạt động in sách Phật giáo rất nổi tiếng. Nhưng ngày nay, các hoạt động in ấn này được thay bằng việc in ấn và phát hành bùa chú nhằm đáp ứng nhu cầu của tín đồ. Bên cạnh đó, nhu cầu “phả độ gia tiên” ngày càng diễn ra mạnh mẽ. Các dòng họ ở Thái Bình, Nam Định đã tốn một số tiền lớn cho việc thỉnh các nhà sư đến nhà thờ họ để làm lễ giải nghiệp chướng, giải những vướng mắc của các vong linh trong dòng họ. Lễ này được tổ chức trong nhiều ngày với trống chiêng rầm rộ và vàng mã được đốt rất nhiều. Ngoài ra, quan niệm về trợ niệm cho người chết được vãng sanh về nơi Tây phương cực lạc hoặc được siêu thoát, về với Đức Phật được các thành viên trong các đạo tràng thường xuyên tuyên truyền ra cộng đồng. Thậm chí có cả đạo tràng hộ niệm vãng sanh dùng bột ớt để thoa lên thi thể người vừa mất nhằm thực hiện nghi lễ giải thoát. Như vậy, nhằm đáp ứng mong mỏi, nhu cầu nhờ tha lực để giúp người thân được siêu thoát, các vị sư, các đạo tràng đã tiếp tục hộ niệm khi cộng đồng có nhu cầu. Dù việc làm này mang tính dân gian nhiều hơn là việc thực hiện giáo lý hay nghi lễ Phật giáo (Hoàng Văn Chung, Phạm Thị Chuyên, 2018, tr. 162).

Một xu hướng đang rất được ưa chuộng nữa, sau khi được UNESCO công nhận thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt là di sản văn hóa phi vật thể. Hiện tượng các tăng, ni tham gia trình đồng và việc tổ chức lên đồng bóng ngày càng phát triển ở Bắc bộ và đang lan truyền đến Trung bộ. Hiện nay, các nhà sư, các vị tu hành của Phật giáo không chú trọng nhiều đến các hoạt động chính là truyền giáo mà quan tâm thực hành các hoạt động của tín ngưỡng dân gian phục vụ nhu cầu của đại đa số quần chúng như tổ chức khóa tu, khóa lễ, thực hiện các nghi lễ dân gian như thờ cúng, bắt ma, giải bùa chú, cầu an, cúng sao, giải hạn,...ngày càng nhiều. Bên cạnh đó, một số chùa còn tổ chức đăng đàn thuyết giảng về việc thực hành tín ngưỡng Tứ phủ. Ngay cả việc thuyết giảng chưa chính xác về lịch sử nước ta cũng được các nhà sư thực hiện. Điều này rất nguy hiểm, làm ảnh hưởng không tốt đến tâm lý của quần chúng nhân dân. Sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian thể hiện qua niềm tin của quần chúng, một bộ phận không nhỏ học sinh, sinh viên ngày nay mất niềm tin vào năng lực học hành của chính bản thân mình nên dẫn đến thực trạng đi chùa cúng cầu xin trước ngày thi cử (Nguyễn Ngọc Mai, 2018, tr. 131).

Xu hướng tăng dần tổ chức các khóa tu mùa hè, khóa tu tuổi trẻ, tổ chức cầu nguyện vào các mùa thi cho thanh thiếu niên. Trong những năm gần đây rất nhiều chùa ở Tiền Giang tổ chức các khóa tu cho các em như: ngày 15/9/2015 chùa Phú Khánh ấp Phú Xuân,

Phú Mỹ, Tân Phước tổ chức khóa tu mùa hè trong 7 ngày cho khoảng 200 em học sinh tham dự; chùa Tam Bảo xã Mỹ Đức, huyện Cái Bè tổ chức khóa tu mùa hè vào ngày 15/6/2018 với hơn 200 em tham dự; chùa Khánh Long ấp Rạch Trắc, xã Mỹ Phước Tây, Cai Lậy tổ chức khóa tu mùa hè vào ngày 1/6/2018 với sự tham gia của 300 thanh thiếu niên; chùa Thiền Quang xã Tân Thạnh, huyện Cái Bè tổ chức khóa tu mùa hè vào ngày 4/7/2018 với 500 em tham gia; chùa Thiên Phước Mỹ Tho ngày 17/6/2018 tổ chức khóa tu mùa hè với khoảng 200 em nhỏ; chùa Từ Ân ấp Bình Thạnh, xã Tam Bình, thị trấn Cai Lậy tổ chức khóa tu mùa hè vào ngày 19/7/2018 với 400 em tham gia; Chùa Phước Hội tại Mỹ Thành Nam, Cai Lậy tổ chức khóa tu tuổi trẻ vào ngày 14/1/2018 với khoảng 300 em tham gia.

3.3.2 Xu hướng phục hồi Phật giáo nguyên thủy

Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các chức sắc, tăng, ni và một số tín đồ Phật giáo đã có sự điều chỉnh nhận thức về giáo lý Phật giáo từ đó điều chỉnh hành vi ứng xử trong cuộc sống hiện tại theo tinh thần tùy theo điều kiện, hoàn cảnh và nhận thức một cách đúng đắn mà có cách ứng xử phù hợp, tốt đẹp. Bên cạnh đó, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các chức sắc, tăng, ni cũng đang dần dần loại bỏ các loại hình tín ngưỡng dân gian, các yếu tố ngoại lai không thuộc về Phật giáo ra khỏi ngôi chùa.

Một số ngôi chùa được trùng tu hoặc mới xây chủ yếu phục vụ cho việc tu tập, thực hành nghi lễ Phật giáo, sinh hoạt của tăng, ni và tín đồ,... Đối tượng thờ tự, bài trí trong chùa chỉ Phật và Bồ tát, các đối tượng thuộc về tín ngưỡng dân gian, hoặc các yếu tố ngoại lai dần dần bị loại bỏ.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có công văn cấm đốt vàng mã để tránh lãng phí tiền của tín đồ và hạn chế ảnh hưởng đến môi trường. Theo nguyên bản Phật giáo, đốt vàng mã không liên quan đến nghi thức, nghi lễ Phật giáo mà đây là một tập tục mà người Việt Nam bị ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa từ rất lâu đời. Dù không liên quan đến Phật giáo nhưng để đáp ứng nhu cầu của tín đồ, thu hút tín đồ nên nhà chùa dung nạp tục đốt vàng mã từ rất xa xưa. Dù nhà nước không cấm đốt vàng mã mà chỉ vận động quần chúng, tín đồ Phật giáo nên hạn chế, nhưng từ ngày 12/2/2018 Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra công văn số 31/CV-HDTS về việc tăng cường nét đẹp văn hóa truyền thống dân tộc tại các cơ sở thờ tự Phật giáo trong đó có nội dung loại bỏ tục đốt vàng mã. Từ đây, các ngôi chùa ở Tiền Giang mà đại diện là các tăng ni đang thực hiện việc tuyên truyền đến tín đồ, quần chúng hạn chế, tiến dần đến không đốt vàng mã trong các

nghi lễ Phật giáo và nghi lễ thờ cúng tổ tiên. Thông qua các buổi thuyết giảng, các nhà sư kêu gọi tín đồ dùng tiền đốt vàng mã để làm từ thiện, giúp đỡ những người có những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội như bệnh tật, gặp phải thiên tai,....

Xu hướng loại bỏ dần các yếu tố ngoại lai được xem là thuộc về tín ngưỡng dân gian còn đang được diễn ra đối với những người thực hành thiền. Việc dịch lại kinh điển Phật giáo từ ngôn ngữ gốc không thông qua các phiên bản Kinh bằng tiếng Trung của Thiền Phái Trúc Lâm Việt Nam và việc giải thích giáo lý, kinh Phật theo kết quả dịch thuật dựa vào bản gốc. Tiêu biểu là các bộ kinh Lăng Già Tâm Ấn, Thắng Man, Đại thừa Cây Lúa được nhà sư Thích Thanh Từ dịch. Ngoài ra, nhà sư còn dịch và thuyết giảng về các bộ luận về Thiền, viết sử về những vị Thiền sư, các tác phẩm thiền học và cả những tác phẩm mang tính phổ thông dành cho đại chúng; giảng giải các kinh Bát Nhã, Kim Cang, Thập Thiện, Viên Giác,.... Những bản dịch, bài viết của nhà sư Thích Thanh Từ đi vào tâm, hướng về diễn giải Phật ở trong tâm hơn là nặng nề về hình thức, nghi lễ, tạo phước báo thông qua hình thức cúng dường bằng vật chất (Hoàng Văn Chung, Phạm Thị Chuyền, 2018, tr. 156).

Phái Tiếp hiện do thiền sư Thích Nhất Hạnh cũng tiến hành diễn giải tam tạng theo hướng sâu sắc về ý nghĩa và gần gũi với đời sống thực tại. Nhà sư còn dịch lại Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh cùng nhiều kinh Phật giáo khác ra tiếng Việt theo hướng cố gắng diễn giải sâu hơn, rõ hơn ý nghĩa và tư tưởng triết lý Phật giáo trong các Kinh này. Ngoài ra, còn những nhà sư là giảng sư được nhiều ngôi chùa mời đến giảng dạy giáo lý Phật giáo cho tăng, ni, tín đồ Phật tử. Đặc biệt khi khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin phát triển, việc truyền bá giáo lý Phật giáo thông qua hình thức giảng giải online đã được các nhà sư truyền đến rất đông tín đồ. Tiêu biểu ở nước ta có 2 giảng sư Thích Viên Minh và Thích Giác Nguyên có rất nhiều bài giảng được đăng tải trên youtube được rất đông tín đồ khắp nơi theo dõi. Những diễn giải này cho thấy người tu theo Phật giáo nên đặt tâm quan sát thật kỹ mọi thứ đến và đi với tâm trọn vẹn và trong sáng. Nhà sư cho rằng người thực hành Phật giáo phải tự mình nhìn thấy sự thật nơi tâm của mình thì mới giác ngộ được. Khi mình giác ngộ thì mới có thể giúp người khác giác ngộ như mình.

Gần đây các ngôi chùa thuộc Thiền phái Trúc Lâm ở Nam Bộ phát triển ngày càng mạnh, nhiều thiền viện được xây dựng. Tại Bà Rịa - Vũng Tàu có thiền viện Huệ Chiếu

xây dựng năm 1979; thiền Viện Linh Chiếu xây dựng năm 1980; thiền Viện Trường Chiếu xây dựng năm 1986.

Trong những năm gần đây, các tỉnh Tây Nam Bộ có rất nhiều thiền viện Trúc Lâm được xây dựng như: Tiền Giang có thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác xây dựng năm 2012, Kiên Giang có thiền viện Trúc Lâm Hộ Giác xây dựng năm 2013, Cần Thơ có thiền viện Trúc Lâm Phương Nam xây dựng năm 2014, Bạc Liêu có thiền viện Trúc Lâm xây dựng năm 2015,.... (Nguyễn Ngọc Mai, 2018, tr. 27)

Các thiền Viện Trúc Lâm có xu hướng học Phật, tu Phật hơn là thờ Phật vì vậy các tượng thờ ở chánh điện chủ yếu là Phật và Bồ tát nhằm để không gian rộng cho việc thực hành thiền định.

3.4 KHUYẾN NGHỊ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA TỪ SỰ DUNG HỢP

3.4.1 Nâng cao trình độ nhận thức, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Ngày nay, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đã được nâng lên. Tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng nhu cầu của nhân dân vì vậy họ đã tìm đến tôn giáo, tín ngưỡng dân gian để cầu mong sự phù hộ, độ trì của các đối tượng siêu nhiên này cho họ và người thân của mình có cuộc sống tốt hơn về vật chất, tinh thần chẳng những cho kiếp này mà cả kiếp sau. Đây là nguyên nhân chủ yếu cho sự tồn tại và phát triển của các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng trong đó có Phật giáo. Vì vậy, để góp phần hạn chế tối đa những ảnh hưởng không tốt của sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian, việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân là việc làm cần thiết.

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân chẳng những là chủ trương của Đảng và Nhà nước ta mà còn là nguyện vọng tha thiết của nhân dân từ bao đời nay. Vì vậy, cần phải có chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội một cách vững chắc để thực hiện điều này.

Thông qua quan tâm, đầu tư phát triển giáo dục nhằm nâng cao trình độ nhận thức, trình độ khoa học, trình độ dân trí để người dân hiểu được, ý thức được những giá trị văn hóa vật chất, tinh thần mà Phật giáo và tín ngưỡng dân gian mang lại. Tránh tình trạng, người dân sùng bái, tin tưởng một cách mù quáng. Hạn chế phong tục như đốt vàng mã, giấy tiền, gây ô nhiễm môi trường, tổ chức cúng bái rầm rộ gây tốn kém tiền của.

3.4.2 Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo

Mặc dù nước ta không dùng riêng một tôn giáo nào làm quốc giáo, nhưng trong thời gian qua Đảng và nhà nước ta đã có những chủ trương, chính sách về tôn giáo, đảm bảo quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng. Khuyến khích sự phát triển đa dạng và hài hòa của các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu tâm linh chính đáng của nhân dân. Năm 1955, Bác Hồ đã ký sắc lệnh 234 về vấn đề tôn giáo. Điều 13 của sắc lệnh này có ghi: “chính quyền không can thiệp vào nội bộ tôn giáo...”. Năm 1990, Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới. Trong Nghị quyết này đã công nhận tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân và nó có những giá trị văn hóa, đạo đức và những tiềm năng góp phần xây dựng đất nước. Năm 2013, Hiến pháp mới của nước ta (điều 24) cũng đã khẳng định: mọi người có quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào và các tôn giáo có quyền bình đẳng như nhau trước pháp luật; Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo; không ai có quyền xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo để vi phạm pháp luật.

Tháng 1/2018 luật tín ngưỡng tôn giáo có hiệu lực. Luật này tiếp tục khẳng định tự do tín ngưỡng tôn giáo (Điều 6,7,8). Luật tín ngưỡng tôn giáo ra đời đã tạo điều kiện thuận lợi cho chính quyền địa phương thực hiện công tác quản lý tín ngưỡng, tôn giáo và tạo điều kiện để các tôn giáo trong đó có Phật giáo hoạt động trong khuôn khổ của Pháp luật.

Bên cạnh những quy định của pháp luật về việc quản lý các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, các cơ quan chuyên ngành (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, Ban Tôn giáo tỉnh) và các cơ quan liên ngành (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh) cùng chính quyền địa phương các cấp cần phối hợp chặt chẽ, phân cấp rõ ràng trong việc quản lý các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong đó có Phật giáo, hướng những hoạt động này vào nề nếp nhằm phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống tốt đẹp vốn có của dân tộc.

3.4.3 Thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về pháp luật, tôn giáo cho tăng, ni, tín đồ Phật giáo

Tuyên truyền sâu, rộng những quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo. Tuyên truyền luật tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực từ tháng 1/2018 cho các tăng, ni, tín đồ Phật tử để họ thấu hiểu và tuân

thủ. Hỗ trợ Phật giáo phát huy những giá trị văn hóa, loại bỏ những yếu tố lạc hậu, mê tín, xin xăm, bói toán, xem ngày giờ,... Cần xây dựng đội ngũ kế thừa các nhà sư có trình độ học vấn, có hiểu biết về pháp luật, giáo lý, tín ngưỡng, tôn giáo.

3.4.4 Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn về tôn giáo, tín ngưỡng của cán bộ làm công tác quản lý tôn giáo.

Ngày nay, trình độ của các nhà sư ngày càng được nâng lên, rất nhiều nhà sư có trình độ từ đại học trở lên, nhiều chức sắc đi du học nước ngoài. Vì vậy, để có thể hợp tác giải quyết công việc với những vị này, cán bộ quản lý tôn giáo cần phải hiểu biết sâu rộng về tôn giáo. Nếu không có kiến thức về tôn giáo, khi giải quyết công việc theo kinh nghiệm cá nhân dễ dẫn đến tình trạng không hợp tác, bất hòa giữa chính quyền và các chức sắc, tín đồ.

3.4.5 Ban hành quy định, chế tài xử lý vi phạm hành chính

Ngoài ra, cần ban hành quy định, chế tài xử lý vi phạm hành chính để tạo điều kiện cho chính quyền địa phương có biện pháp giải quyết những hoạt động tiêu cực từ sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian: như một số đối tượng giả danh nhà sư thực hiện cầu an, cầu siêu để thu lợi cho cá nhân; nạn buôn bán động vật phóng sinh, bán khu vực này sau đó bắt lại ở gần đó gây phản cảm cho việc phóng sinh....; hiện tượng đốt giấy tiền, vàng bạc vẫn còn phổ biến trong nhiều ngôi chùa chưa có chế tài để áp dụng cụ thể.

Tiểu kết chương 3

Tự trong bản thân Phật giáo ngay khi du nhập vào miền Bắc nước ta thể hiện qua các ngôi chùa Tứ Pháp đã cho thấy sự dung hợp với tín ngưỡng dân gian; nhu cầu tâm linh của người dân; quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa; giáo lý Phật giáo có nhiều điểm gần gũi với triết lý sống của người dân địa phương; sự tương đồng giữa đạo đức Phật giáo với đạo đức tính và tính cách của nhân dân,... là những nguyên nhân dẫn đến sự dung hợp văn hóa giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian tỉnh Tiền Giang. Đồng thời, nghiên cứu cũng chỉ ra sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian ở Tiền Giang thể hiện giá trị lịch sử; giá trị nhân văn, làm phong phú giá trị các văn hóa, tạo nét đặc sắc trong văn hóa và đáp ứng nhu cầu tâm linh của nhân dân và cố kết cộng đồng. Bên cạnh đó, sự dung hợp này vẫn còn một số hạn chế. Xu hướng của sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông và tín ngưỡng dân gian ở Tiền Giang vẫn không ngừng phát triển theo nhiều chiều hướng khác nhau. Trong đó có cả

xu hướng phục hồi Phật giáo nguyên thủy.

Trên cơ sở những giá trị văn hóa, những hạn chế và những xu hướng sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian ở Tiền Giang, chúng tôi đề xuất những kiến nghị nhằm phát huy những giá trị văn hóa từ sự dung hợp này: nâng cao trình độ nhận thức, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh Tiền Giang; đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật những kiến thức về pháp luật về tôn giáo (giáo lý Phật giáo) cho tăng, ni Phật giáo tỉnh Tiền Giang; bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn về tôn giáo, tín ngưỡng của cán bộ làm công tác quản lý tôn giáo; ban hành quy định, chế tài xử lý vi phạm hành chính.

KẾT LUẬN

Với tính phóng khoáng, giàu lòng nhân ái, vị tha, bao dung, đoàn kết, dễ dung nạp về văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng của người dân Tiền Giang đã góp phần làm cho nền văn hóa tỉnh nhà ngày càng đặc sắc và giàu đẹp. Việc đón nhận Phật giáo và dung hợp, chấp nhận các tín ngưỡng dân gian cùng tồn tại hòa bình trong không gian ngôi chùa là minh chứng thực tế. Nghiên cứu sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian ở tỉnh Tiền Giang qua khảo sát ở một số ngôi chùa tiêu biểu, chúng tôi sử dụng phối hợp các phương pháp: nghiên cứu liên ngành, điều tra xã hội học, phân tích, tổng hợp tài liệu, so sánh và phương pháp lịch sử.

Đồng thời dựa vào một số khía cạnh của các lý thuyết về giao lưu, tiếp biến văn hóa; lý thuyết về văn hóa vùng, lý thuyết cấu trúc chức năng, lý thuyết biến đổi văn hóa. Kết quả nghiên cứu cho thấy sự dung hợp, sự cộng sinh cùng tồn tại giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian thể hiện rõ qua các phương diện:

Về lịch sử tạo dựng:

- Trong nghiên cứu này, chúng tôi tìm hiểu các ngôi chùa có huyền thoại do mục đồng tạo dựng. Qua thời gian, các ngôi chùa đã trùng tu, tôn tạo, dấu ấn về mục đồng không còn rõ nét trong các ngôi chùa ở Tiền Giang nhưng huyền thoại về các ngôi chùa này vẫn còn lưu truyền đến hôm nay như: chùa Sắc Tứ Linh Thú, Thiên Trường cổ tự, Thanh Trước cổ tự, chùa Nhơn An, chùa Đông Sơn, chùa Linh Châu, Chùa Linh Sơn, chùa Linh Bửu,....

- Chùa được xây dựng trên cơ sở người dân phát hiện ra các tượng đá, tượng đồng hoặc sau khi xây dựng xong phát hiện ra các tượng Phật bị vùi dưới ở lòng đất rồi thỉnh

về chùa thờ: Kim Thạch tự, Linh Phước cổ tự, chùa Thiền Lâm, Linh Bửu tự, chùa Sắc Tứ Linh Thứu, Đây là những ngôi chùa được nhân dân cho rằng rất linh thiêng.

- Chùa mang dấu ấn của vua: Tương truyền trong dân gian khi Nguyễn Ánh bị quân Tây Sơn truy đuổi. Trong quá trình trốn chạy, Nguyễn Ánh đã vào một số ngôi chùa ở Tiền Giang để lánh nạn. Sau khi lên ngôi vua, nhớ ơn các ngôi chùa đã giúp ông vượt qua những lúc gian nan nhất nên Vua đã ban sắc chỉ đặt tên và tạo điều kiện về vật chất để trùng tu, tôn tạo những ngôi chùa này như chùa Sắc Tứ Linh Thứu, chùa An Long, chùa Quang Long,....

- Chùa được tạo dựng trên nền tảng của các ngôi miếu: Một số ngôi chùa ở Tiền Giang được xây dựng xuất phát từ các ngôi miếu, đầu tiên nơi đây là ngôi miếu, tháo dỡ ngôi miếu xây dựng chùa và đưa các vị thần trong ngôi miếu vào thờ trong chùa. Hoặc trong khuôn viên ngôi miếu xây dựng ngôi chùa và cả hai cùng song hành tồn tại và dần dần ngôi chùa được trùng tu, xây dựng lớn hơn ngôi miếu ví dụ như: Chùa Kim Liên, Chùa Bửu Hưng, chùa Long Tường, Bửu Sơn tự, chùa Kim Thiên, chùa Hòa Thành, chùa Trường Sanh,....

Chùa có huyền thoại do mục đồng tạo dựng, chùa được hình thành trên cơ sở người dân phát hiện ra các tượng Phật đá, tượng Phật đồng, chùa được tạo dựng trên nền tảng của các ngôi miếu, chùa mang dấu ấn của vua,... là biểu hiện của sự dung hợp giữa văn hóa Phật giáo Bắc Tông và tín ngưỡng dân gian ở Tiền Giang.

Quan niệm dân gian về phong thủy

Các ngôi chùa cổ ở Tiền Giang khi bắt đầu khởi công, nhà chùa rất quan tâm đến việc chọn đất xây dựng. Đất xây chùa phải là đất tốt, đất cao ráo. Hướng chùa cũng rất được chú ý như hướng ra sông, giao thông thuận tiện để người dân dễ dàng tiếp cận với ngôi chùa. Chúng tôi đã tìm thấy khoảng 8 ngôi chùa cổ ở Tiền Giang theo quan niệm dân gian có phong thủy rất tốt, nhân dân cho là linh thiêng và trường tồn với thời gian như: Chùa Sắc tứ Linh Thứu, chùa Phù Châu, chùa Vĩnh Tràng, chùa Bửu Tháp, chùa Bà Kết, chùa Giồng Tháp, chùa Trường Tháp, chùa Bửu Lâm,....

Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc

Phần lớn các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang có nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc mang màu sắc dân gian như kiến trúc giống với kiến trúc ngôi đình, ngôi nhà của người dân, hình ảnh Long, Lân, Quy, Phụng, cây cỏ hoa, hoành phi, câu đối điều

khắc tại chùa. Ngày nay, dù đã dùng những vật liệu mới, xây dựng lại nhưng cách trang trí, nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc trong chùa vẫn thấp thoáng màu sắc dân gian.

Đối tượng thờ tự ở các ngôi chùa

Ngoài thờ Phật, Bồ tát, chùa còn thờ các vị thần dân gian. Kết quả nghiên cứu cho thấy 80% ngôi chùa được giới hạn trong phạm vi nghiên cứu có thờ Mẫu; 100% các ngôi chùa có thờ cúng tổ tiên và thờ di ảnh, bài vị, hủ cốt người dân. Ngoài ra hầu hết các ngôi chùa ở Tiền Giang có thờ Thập Điện Diêm Vương, Quan Công, ông Địa – Thần tài, Thiên Quan Tứ Phước, vua, danh nhân, anh hùng dân tộc, cô hồn.

Thực hành nghi lễ và tục lệ

Thông qua thực hành nghi lễ vào dịp lễ Phật Đản, lễ Phật xuất gia, lễ Phật thành đạo, lễ Phật nhập niết bàn, lễ Vu Lan, lễ giỗ các vị trụ trì tiền nhiệm và các tục lệ đưa ông táo về trời, tảo mộ, cúng ông bà tổ tiên, cúng giao thừa, hái lộc, cúng sao, giải hạn, vía trời, vía đất được phân tích bên trên đã cho thấy nhiều biểu hiện của sự dung hợp.

Kết quả nghiên cứu vấn đề này cho thấy những giá trị văn hóa truyền thống của sự dung hợp; sự phong phú trong đời sống tâm linh của nhân dân Tiền Giang; những biểu hiện sinh động, đặc thù khế lý, khế cơ tùy duyên phương tiện của Phật Giáo Tiền Giang. Đồng thời, kết quả nghiên cứu còn góp phần giữ gìn, phát huy những tinh hoa văn hóa độc đáo của dân tộc ta trong xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc hiện nay.

Sự dung hợp văn hóa Phật giáo đối với tín ngưỡng dân gian đã có từ khi đạo Phật du nhập vào nước ta. Trong thời gian gần đây, sự dung hợp này không ngừng phát triển theo nhiều chiều hướng khác nhau, mang màu sắc mới. Tại tỉnh Tiền Giang, xu hướng ngôi chùa ngày càng gắn bó chặt chẽ hơn với người dân. Người đi lễ chùa ngày càng tăng, đối tượng đến chùa ngày càng đa dạng, gồm những thành phần, độ tuổi, trình độ và tầng lớp khác nhau. Xu hướng này thể hiện rất rõ qua khóa tu mùa hè, khóa tu tuổi trẻ; lễ cầu siêu cho các chiến sĩ đã hy sinh trong các cuộc chiến tranh, cho những người chết vì tai nạn; lập bàn thờ Phật tại nhà trên bàn thờ tổ tiên; treo ảnh Phật, niêm Phật khi gặp khó khăn, nguy hiểm; rước Phật trước đoàn xe tang và nhà sư hỗ trợ đám tang trong thời gian gần đây ngày càng nhiều. Xu hướng mang di ảnh, bài vị, lọ tro cốt, và chôn cất người thân vừa qua đời và cả những người thân đã mất từ lâu đến chùa an nghỉ. Bên cạnh đó, xu hướng phục hồi Phật giáo nguyên thủy cũng đang diễn ra tại Tiền Giang.

Sự dung hợp văn hóa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh mà còn làm phong phú, làm giàu thêm bản sắc văn hóa Tiền Giang nói riêng và Tây Nam Bộ nói chung. Góp phần lưu giữ những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc.

Tuy nhiên, sự dung hợp này vẫn còn nhiều vấn đề cần phải quan tâm. Đó là việc xuất hiện và gia tăng những biến đổi về các hoạt động trong ngôi chùa. Nhằm phát huy giá trị văn hóa của sự dung hợp trên đồng thời hạn chế những hiện tượng lệch chuẩn của sự dung hợp cần có những việc làm thiết thực như: nâng cao trình độ nhận thức, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh Tiền Giang; đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; thường xuyên bồi dưỡng, cập nhật những kiến thức về pháp luật về tôn giáo (giáo lý Phật giáo) cho tăng, ni Phật giáo tỉnh Tiền Giang; bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn về tôn giáo, tín ngưỡng của cán bộ làm công tác quản lý tôn giáo; ban hành quy định, chế tài xử lý vi phạm hành chính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

[1]	Alan Barnard (2014), (Dương Tuấn Anh, Đỗ Thị Thu Hà dịch), <i>Lịch sử và lý thuyết Nhân học</i> , Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội
[2]	Đào Duy Anh (1996), <i>Từ điển Hán - Việt</i> , Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
[3]	Ban biên tập Đạo Uyển (2001), <i>Từ điển Phật học</i> , Nxb Thuận Hóa 2001.
[4]	P.V. Banpat (Nguyễn Đức Tư, Hữu Song dịch) (1997), <i>2500 năm Lịch sử Phật giáo</i> , Nxb Văn Hóa Thông Tin.
[5]	Trần Lâm Biền (1996), <i>Chùa Việt</i> , Nxb Văn hóa - Thông tin Hà Nội.
[6]	Nguyễn Công Bình, Lê Xuân Diệm, Mạc Đường (1990), <i>Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Cửu Long</i> , Nxb Khoa học xã hội.
[7]	Trần Văn Bình (2015), <i>Biến đổi sinh kế của cộng đồng người Dao vùng lòng hồ Thủy Điện Tuyên Quang sau tái định cư</i> , Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia và Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
[8]	Thích Đồng Bôn (2001), <i>Những tập tục dân gian chịu ảnh hưởng của Phật giáo Đại thừa</i> , Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
[9]	Hoàng Cẩm, Phạm Quỳnh Phương (2012), <i>Diễn ngôn, Chính sách và sự biến đổi văn hóa - sinh kế tộc người</i> , Viện Nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường (iSEE), Hà Nội.
[10]	Mạc Nhân Tân Văn Công (2009), <i>Mỹ Tho Xưa (1861- 1945) trong lục tỉnh Nam Kỳ</i> , Nxb Trẻ.
[11]	Huỳnh Tịnh Paulus Của (1895), <i>Đại Nam Quốc Âm Tự vị</i> , tập I, Nxb Sài Gòn.
[12]	Việt Cúc (1969), <i>Gò Công cánh cũ người xưa</i> , Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
[13]	Võ Phúc Châu (2011), <i>Truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ</i> , Nxb Thời Đại Mới, Hà Nội.
[14]	Đặng Minh Châu (2016), <i>Sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam</i> , luận án tiến sĩ tôn giáo học, ĐH KHXH&NV Hà Nội.
[15]	Huỳnh Mẫn Chi (2007), <i>Người và đất Tiền Giang</i> , Nxb Công An Nhân Dân.
[16]	Mẫn Chi (2001), <i>Về xu thế thế tục hóa và dân tộc hóa của Phật giáo</i> , tạp chí nghiên cứu Tôn giáo (số 3).

[17]	Hoàng Văn Chung, Phạm Thị Chuyền (2018), <i>Những xu thế phát triển mang tính tương phản của Phật giáo ở Việt Nam hiện nay</i> , Kỷ yếu hội thảo khoa học “Đa dạng tôn giáo ở khu vực Tây Nam Bộ hiện nay và định hướng chính sách”.
[18]	Phan Hữu Dật (1999), <i>Một số vấn đề Dân tộc học Việt Nam</i> , Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
[19]	Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2005) chủ biên, <i>Địa chí Tiền Giang, tập 1</i> , Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Tiền Giang và Trung tâm Unesco Thông tin Tư liệu Lịch sử và Văn hoá Việt Nam.
[20]	Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân (2007) chủ biên, <i>Địa chí Tiền Giang, tập 2</i> , Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Tiền Giang và Trung tâm Unesco Thông tin Tư liệu Lịch sử và Văn hoá Việt Nam.
[21]	Võ Văn Dũng (2015), <i>Sự dung hợp của đạo đức Phật giáo với phong tục tập quán người Nam Bộ Việt Nam</i> . [Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam – Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn TP.HCM (2015, “Phật giáo vùng Mê – Kông: Di sản & Văn hóa, Nxb Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh”)]
[22]	Nguyễn Hồng Dương (2004), <i>Tôn giáo trong mối quan hệ văn hóa và phát triển</i> , Nxb Khoa học Xã hội.
[23]	Nguyễn Đăng Duy (1999), <i>Phật giáo với văn hóa Việt Nam</i> , Nxb Hà Nội.
[24]	Nguyễn Đăng Duy (2001), <i>Các hình thái tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam</i> , Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
[25]	Nguyễn Đăng Duy (2002), <i>Văn hóa tâm linh</i> , Nxb Văn hóa – Thông tin, Hà Nội
[26]	Trần Khánh Dư (2012), <i>Lược sử Phật giáo Bắc Tông ở các nước trên thế giới</i> , Nxb Tôn giáo.
[27]	Thích Huệ Đăng (2008), <i>Kinh Vu Lan và Báo Hiếu</i> , Nxb Lao Động, Hà Nội.
[28]	Khai Đăng (2009), <i>Tản mạn về tín ngưỡng và phong tục tập quán của người Việt</i> , Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
[29]	Nguyễn Đình Đầu (1994), <i>Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn: Định Tường</i> , Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
[30]	Lê Quý Đôn (2007), <i>Phủ Biên Tạp lục</i> , tập 1, Nxb Đà Nẵng.
[31]	Trần Thanh Đức (2012), <i>Địa lý địa phương Tiền Giang</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội.

[32]	Trần Thanh Đức chủ biên (2012), <i>Lịch sử địa phương Tiền Giang</i> , Nxb Giáo dục, Hà Nội.
[33]	Trịnh Hoài Đức (1972), <i>Gia Định thành thông chí</i> , tập hạ, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
[34]	Mai Thanh Hải (2006), <i>Từ điển tín ngưỡng tôn giáo</i> . Nxb Văn hóa Thông Tin.
[35]	Nguyễn Thị Hằng (2015), <i>Ảnh hưởng của Phật giáo đến lối sống của người Việt Nam hiện nay</i> , luận văn thạc sĩ chuyên ngành Triết học, ĐH XHNV, ĐHQG Hà Nội.
[36]	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (2016), <i>Lễ Hằng Thuận trong cưới hỏi ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay</i> , luận văn thạc sĩ Văn Hóa học, Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Khoa học Xã hội.
[37]	Nguyễn Hùng Hậu (2002), <i>Đại cương triết học Phật giáo Việt Nam</i> , Nxb Khoa học xã hội.
[38]	Đỗ Lan Hiền (2011), <i>Khoan dung tôn giáo với dân chủ, đoàn kết và đồng thuận xã hội trường hợp Việt Nam</i> , Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
[39]	Phan Thị Thu Hiền (2016), <i>Sự hợp hôn của Phật giáo với tín ngưỡng thờ Mẫu (Qua truyền thuyết Man Nương của Việt Nam và Vu Ca Tanggeum Aegi của Korea)</i> , Tạp chí phát triển kinh tế xã hội Đà Nẵng, số 44.
[40]	Nguyễn Hữu Hiếu (2004), <i>Cúng việc lễ - Một tín ngưỡng mang đậm dấu ấn thời khai hoang của lưu dân Nam Bộ, Nam Bộ Đất và Người</i> , tập 2, Nxb Trẻ.
[41]	Nguyễn Hữu Hiếu (2004), <i>Tìm hiểu văn hoá tâm linh Nam Bộ</i> , Nxb Trẻ, TP.H
[42]	Nguyễn Duy Hình (2007), <i>Một số bài viết về tôn giáo học</i> , Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
[43]	Nguyễn Duy Hình và Lê Đức Hạnh (2011), <i>Phật giáo trong văn hóa Việt Nam</i> , Nxb Văn hóa - Thông tin và viện Văn hóa, Hà Nội.
[44]	Phạm Ngọc Hòa (2015), <i>Ảnh hưởng của Phật giáo vùng Mê Kông đến đời sống của cư dân người Việt vùng Đồng bằng Sông Cửu Long</i> , [Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam – Trường ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn TPHCM (2015, “Phật giáo vùng Mê – Kông: Di sản & Văn hóa, Nxb Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh”)].

[45]	Hội khoa học lịch sử Việt Nam (2006), <i>Những vấn đề nhân học tôn giáo</i> , Nxb Đà Nẵng, Hà Nội.
[46]	Hội khoa học lịch sử TP HCM, (2002), (2004), (2005), <i>Nam Bộ đất và người</i> , Nxb Trẻ.
[47]	Hội nghiên cứu Đông Dương (Nguyễn Nghi, Nguyễn Thanh Phong dịch) (2017), <i>Chuyên khảo về tỉnh Mỹ Tho</i> , Nxb Trẻ.
[48]	Ánh Hồng (2004), <i>Phong tục, tín ngưỡng kiêng kỵ dân gian Việt Nam</i> , Nxb Thanh Hóa.
[49]	Đỗ Trinh Huệ (2006), <i>Văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam dưới nhãn quan học giả L. Cadière</i> , Nxb Thuận Hóa, Huế.
[50]	Bùi Quang Hùng (2016), <i>Mối quan hệ và sự ảnh hưởng qua lại giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ</i> , Trích trong [Võ Văn Sen – Ngô Đức Thịnh – Nguyễn Văn Lân (2016) “ <i>Tín Ngưỡng Thờ Mẫu ở nam Bộ</i> ”. Nxb Đại học Quốc Gia TP. HCM.
[51]	Phạm Thị Thu Hương (2007), <i>Những ngôi chùa tiền Phật hậu Thánh ở vùng châu thổ Bắc Bộ</i> , luận án Tiến sĩ Văn hóa học, ĐH KH XH&NV Hà Nội.
[52]	Thu Huyền và Ái Phương (2012), <i>Tìm hiểu tín ngưỡng tôn giáo, phong tục tập quán và lễ hội tôn giáo Việt Nam hỏi đáp pháp luật về tôn giáo tín ngưỡng</i> , Nxb Lao Động.
[53]	K. Sri Dhammananda (Thích Tâm Quang dịch) (2006), <i>Đạo Phật và đời sống hiện đại</i> , Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
[54]	Phan Thị Kim (2016), <i>Sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ Mẫu ở thành phố Hải Phòng</i> , luận án tiến sĩ chuyên ngành Tôn giáo học, ĐH KH XH&NV Hà Nội.
[55]	Trần Trọng Kim (2010), <i>Phật giáo</i> , Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
[56]	Trần Lâm - Hồng Kiên (2001), <i>Một vài yếu tố mang tính triết học của kiến trúc cổ truyền Việt Nam</i> , tạp chí Văn hoá - Nghệ thuật số 8 năm 2001.
[57]	Kimura Taiken (người dịch: Thích Quảng Độ) (2012), <i>Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận</i> , Nxb Tôn giáo, Hà nội.
[58]	Kimura Taiken (người dịch: Thích Quảng Độ) (2012), <i>Tiểu thừa Phật giáo tư tưởng luận</i> , Nxb. Tôn giáo, Hà nội.

[59]	Thích Huệ Khai (2007), <i>Nhạc Lễ cổ truyền một bộ môn nghệ thuật, một phương tiện hành đạo một dấu ấn văn hóa tam giáo Phật – Lão – Nho</i> . Tỉnh Hội Phật giáo Bạc Liêu (2007), <i>Sư Nguyệt Chiếu với sự nghiệp nhạc lễ cổ truyền Nam Bộ</i> , Nxb Văn hóa Thông tin.
[60]	Trần Văn Khê (2001), <i>Phong cách tán, tụng trong Phật giáo Việt Nam</i> , Nguyệt san Giác ngộ.
[61]	Đặng Hoàng Lan – Hầu Hải Tài (2021), <i>Chùa Phụng Sơn Lịch sử và văn hóa</i> , Nxb. Khoa học Xã hội.
[62]	Phan Thị Lan (2016), <i>Đạo đức Phật giáo đối với văn hóa đạo đức người dân Long Biên</i> , luận án Tiến sĩ chuyên ngành tôn giáo học ĐH KHXH&NV HN.
[63]	Nguyễn Lang (2000), <i>Việt Nam Phật giáo sử luận</i> , Nxb Văn học Hà Nội.
[64]	Léopold Cadiere (Đỗ Trinh Huệ dịch) (2000), <i>Văn hóa, Tôn giáo, Tín ngưỡng Việt Nam</i> , Nxb. Thuận Hóa
[65]	Ngô Văn Lệ (2010), <i>Đặc trưng tín ngưỡng tôn giáo và sinh hoạt văn hóa của các cộng đồng cư dân Nam Bộ</i> . Đề tài NCKH nhánh thuộc đề tài cấp bộ, trường ĐH KHXHNV TP. HCM.
[66]	Ngô Văn Lệ (2012), <i>Khoa học xã hội và văn hóa tộc người hội nhập và phát triển</i> , Nxb ĐH Quốc Gia TP. HCM.
[67]	Trần Hồng Liên (1996), <i>Phật giáo Nam bộ</i> , Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
[68]	Trần Hồng Liên (1997), <i>Tín ngưỡng dân gian trong ngôi chùa Việt Nam Bộ</i> , tham luận hội thảo Người Việt Nam Bộ tổ chức tháng 12 -1997 tại Viện KHXH tại thành phố Hồ Chí Minh.
[69]	Trần Hồng Liên (2000), <i>Đạo Phật trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ Việt Nam, từ thế kỷ 17 đến năm 1975</i> , Nxb Khoa học Xã hội. Tái bản lần I.
[70]	Trần Hồng Liên (2000), <i>Tính phiếm thần trong Phật giáo Bắc Tông ở Nam Bộ</i> , tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo số 3.
[71]	Trần Hồng Liên (2005), <i>Tục thờ Cúng và lễ hội truyền thống của Bà Thiên Hậu ở Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế</i> , tham luận Hội thảo Folklore Châu Á, Viện Văn hóa Dân gian.

[72]	Trần Hồng Liên (2007), <i>Quá trình hình thành và phát triển nhạc lễ Phật giáo ở Nam Bộ</i> . Tỉnh Hội Phật giáo Bạc Liêu (2007), <i>Sư Nguyệt Chiếu với sự nghiệp nhạc lễ cổ truyền Nam Bộ</i> , Nxb Văn hóa Thông tin.
[73]	Trần Hồng Liên (2010), <i>Chức năng xã hội của Phật giáo Việt Nam</i> , Nxb Tổng hợp TP. HCM.
[74]	Louis Fresdéric (Phan Quang Định dịch) (2005), <i>Tranh tượng và thần phổ Phật giáo</i> , Nxb. Mỹ Thuật.
[75]	Võ Phước Lộc (2017), <i>Khảo chi tiết nổi Phật nên cảnh chùa trong các chuyện kể về chùa chiền ở Tiền Giang</i> , Nguyệt San báo giác ngộ số 250.
[76]	Luật tín ngưỡng – Tôn giáo (Luật số 02/2016/QH 14) ngày 18/11/2016.
[77]	Nguyễn Đức Lữ (Chủ biên) (2005), <i>Góp phần tìm hiểu tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam</i> , Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
[78]	Huỳnh Lúa (2017), <i>Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ</i> , Nxb Tổng hợp TPHCM.
[79]	Nguyễn Công Lý (2016), <i>Văn học Phật giáo thời Lý - Trần: Diện mạo và đặc điểm</i> , Nxb Đại học Quốc gia TP. HCM.
[80]	Nguyễn Ngọc Mai (2018), <i>Đa dạng tôn giáo và vấn đề rối nhiễu các thực hành tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay</i> , Kỷ yếu hội thảo khoa học “Đa dạng tôn giáo ở khu vực Tây Nam Bộ hiện nay và định hướng chính sách”.
[81]	Thích Huệ Minh (2012), <i>Phật giáo Tiền Giang hình thành và phát triển</i> , Nxb Đông Dương.
[82]	Hồ Chí Minh (1995), <i>Toàn Tập</i> , tập 1, Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội.
[83]	Sơn Nam (1985), <i>Đồng bằng sông Cửu Long nét sinh hoạt xưa</i> , Nxb Trẻ.
[84]	Sơn Nam (1994), <i>Lịch sử khẩn hoang miền Nam</i> , Nxb Văn Nghệ.
[85]	Nguyễn Phúc Nghiệp (1998), <i>Những trang ghi chép về lịch sử - văn hóa Tiền Giang</i> , NXB Trẻ.
[86]	Nguyễn Phúc Nghiệp (2016), <i>Nghiên cứu văn hóa dân gian ở tỉnh Tiền Giang</i> , đề tài cấp tỉnh, Tỉnh Tiền Giang.
[87]	Nguyễn Minh Ngọc (2008), <i>Dịch vụ Phật giáo: hoạt động mang tính dân gian và là cách thức để giải quyết nhu cầu tâm linh tín đồ Phật giáo Việt Nam đương đại: trong sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt nam hiện nay</i> , Nxb Thế Giới, Hà Nội.

[88]	Nhiều tác giả (2008), <i>Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay</i> , Nxb Thế giới.
[89]	Nguyễn Liên Phong (2012), <i>Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca</i> , Nxb Văn học.
[90]	Piyadassi (Nguyễn Kim Khánh dịch) (2001), <i>Phật giáo nhìn toàn diện</i> , Nxb Thế giới, Hà Nội.
[91]	Chơn Quang (2002), <i>Vài nhận xét về sự thay đổi khuynh hướng trong nghi lễ và trong phương pháp tu tập của Đạo Phật Việt Nam</i> . Kỷ yếu Hội thảo khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định Sài Gòn TP. HCM, Nxb TP Hồ Chí Minh.
[92]	Chu Đạt Quan – Hà Văn Tấn dịch (2017), <i>Chân Lạp phong thổ ký</i> , Nxb Thế Giới.
[93]	Quốc Sử Quán Triều Nguyễn (2006), <i>Đại Nam nhất thống chí</i> , tập 3, Nxb Thuận Hóa.
[94]	Quốc Sử Quán Triều Nguyễn (2002), <i>Đại Nam thực lục</i> , tập 1, Nxb Giáo dục.
[95]	Robert Layton (Phan Ngọc Chiến dịch) (1997), <i>Nhập môn Lý thuyết Nhân học</i> , Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.
[96]	Nguyễn Minh San (1994), <i>Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam</i> , Nxb Văn hóa dân tộc.
[97]	Phan Thanh Sắc (2015), <i>Gò Công thao thức dấu xưa</i> , Nxb Phương Đông.
[98]	Võ Văn Sen, Ngô Đức Thịnh và Nguyễn Văn Lên (2016), <i>Tín ngưỡng thờ Mẫu ở Nam Bộ bản sắc và giá trị</i> , Nxb Đại học Quốc gia TP HCM.
[99]	Thích Thiện Siêu (1993), <i>Kinh cú Pháp</i> , Nxb Viện nghiên cứu Phật giáo.
[100]	Lê Thị Son (2016), <i>Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt ở Tiền Giang hiện nay</i> , Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Nghiên cứu văn hóa dân gian tại tỉnh Tiền Giang”, Trường Đại học Tiền Giang, Mỹ Tho, ngày 22/6/2016.
[101]	Lê Thị Son (2016), <i>Tín ngưỡng dân gian trong đời sống tinh thần của cộng đồng người Việt ở tỉnh Tiền Giang</i> , luận án tiến sĩ Triết học, Trường ĐH KHXH&NVTP. HCM.
[102]	Sở Văn hóa – Thông tin Tiền Giang (2001), <i>Tiền Giang bước vào thế kỷ 21</i> , Nxb Văn Nghệ Thành Phố Hồ Chí Minh.
[103]	Quách Thanh Tâm (2002), <i>Phật giáo và con người Nam Bộ</i> , Tạp chí nghiên cứu Tôn giáo, số 6/2002.
[104]	Văn Tân (chủ biên) (1991), <i>Từ điển Tiếng Việt</i> , Nxb Khoa học xã hội Hà Nội.

[105]	Hà Văn Tấn (1993), <i>Chùa Việt Nam</i> , Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
[106]	Nguyễn Thị Toan (2006), <i>Quan niệm về giải thoát trong Phật giáo và ảnh hưởng của nó đối với đời sống người Việt Nam hiện nay</i> , luận án Tiến sĩ chuyên ngành Triết học, ĐH XHNV TPHCM.
[107]	Nguyễn Anh Tuấn (2009), <i>Phật giáo với văn hóa Việt Nam và Nhật Bản qua một cách tham chiếu</i> , Nxb Từ điển bách khoa Hà Nội.
[108]	Nguyễn Quốc Tuấn (2008), <i>Vai trò của Phật giáo Việt Nam đối với sự phát triển bền vững của đất nước</i> , Nxb Từ điển Bách Khoa.
[109]	Nguyễn Quốc Tuấn (2012), <i>Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX</i> , Nxb Từ điển Bách Khoa.
[110]	Đồng Thành (2001), <i>Bước đầu tìm hiểu về âm nhạc Phật giáo</i> , Nguyệt san Giác Ngộ số 59.
[111]	Giả Đề Thao (2012), <i>Đàm Kinh tinh hoa trí tuệ</i> , Nxb Từ điển Bách khoa
112	Lê Thị Thanh Thảo (2018), “Sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng truyền thống ở Tiền Giang thể hiện qua phong thủy, nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc” Kỷ yếu hội thảo khoa học: <i>Văn hóa và văn học Nam Bộ trong thời kỳ hội nhập</i> . Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội
113	Lê Thị Thanh Thảo (2018), “Thờ Mẫu trong các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang” Kỷ yếu hội thảo khoa học: <i>Phật giáo với tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam</i> . Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam – Viện nghiên cứu tôn giáo Hà Nội.
114	Lê Thị Thanh Thảo (2018), “Sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc truyền với tín ngưỡng truyền thống ở Tiền Giang qua khảo sát một số ngôi chùa”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (02)
115	Lê Thị Thanh Thảo, Huỳnh Quán Chi (2018), “Sự dung hợp giữa Phật giáo Đại thừa với tín ngưỡng dân gian ở tỉnh Tiền Giang” <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Ngôn ngữ, Xã hội, Văn hóa trong bối cảnh Châu Á với chủ đề “Sự gắn kết bền vững trong xã hội Châu Á”</i> . ISBN 978-602-462-248-0

[116]	Nguyễn Bình Phương Thảo (2014), <i>Vai trò của tín ngưỡng dân gian trong đời sống của ngư dân đảo Phú Quốc</i> , Tạp chí Kinh tế - Văn hóa – Giáo dục số 22, tháng 7 năm 2016, trang 64 -71.
[117]	Nguyễn Phương Thảo (1997), <i>Văn hóa dân gian Nam Bộ, những phác thảo</i> , Nxb Giáo dục Hà Nội.
[118]	Lê Mạnh Thát (2016), <i>Lịch sử Phật giáo Việt Nam</i> . Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
[119]	Huỳnh Quốc Thắng (2003), <i>Lễ hội dân gian của người Việt ở Nam Bộ (khía cạnh giao tiếp văn hóa dân tộc)</i> , Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
[120]	Trần Ngọc Thêm (1999), <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i> , Nxb Giáo dục.
[121]	Trần Ngọc Thêm (2013), <i>Những vấn đề văn hóa học lý luận và ứng dụng</i> , Nxb Văn hóa Nghệ thuật TP. HCM.
[122]	Trần Ngọc Thêm (2014), <i>Văn hóa Người Việt vùng Tây Nam Bộ</i> , Nxb Văn hóa Văn nghệ TP. HCM.
[123]	Trương Thìn (2004), <i>Nghi lễ thờ cúng tổ tiên, Đền chùa, Miếu truyền thống và hiện đại</i> , Nxb Hà Nội.
[124]	Trương Thìn (2005), <i>Tôn trọng tự do tín ngưỡng bài trừ mê tín dị đoan</i> , Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
[125]	Trương Thìn (2007), <i>101 điều cần biết về tín ngưỡng và phong tục Việt Nam</i> , Nxb Hà Nội 2007.
[126]	Ngô Đức Thịnh (2012), <i>Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam</i> , Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
[127]	Ngô Đức Thịnh (2019), <i>Văn hóa vùng và phân vùng văn hoá ở Việt Nam</i> , Nxb Trẻ.
[128]	Ngô Đức Thịnh (2007), <i>Về tín ngưỡng lễ hội cổ truyền</i> , Nxb Văn hóa thông tin.
[129]	Ngô Đức Thịnh (2008), <i>Lên đồng - hành trình của thần linh và thân phận</i> , Nxb Trẻ.
[130]	Ngô Đức Thịnh (2009), <i>Đạo Mẫu ở Việt Nam</i> , Tập 1, Nxb Văn Hóa Thông tin Hà Nội.
[131]	Ngô Đức Thịnh, Frank Prosc đồng chủ biên (2015), <i>Folklor - một số thuật ngữ đương đại</i> , Nxb Khoa học Xã hội Hà Nội.

[132]	Hồ Đức Thọ (2002), <i>Nghi lễ thờ cúng truyền thống tại nhà và chùa, đình, đền, miếu, phủ</i> , Nxb Văn hóa dân tộc.
[133]	Thích Huệ Thông (2002), <i>Phật giáo Tiền Giang lược sử và những ngôi chùa</i> , Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh.
[134]	Nguyễn Thúy Thơm (2015), <i>Phật giáo và tín ngưỡng dân gian thời Trần</i> , tạp chí Lý luận chính trị số 12-2015.
[135]	Nguyễn Khắc Thuần (2001), <i>Đại cương lịch sử văn hóa Việt Nam</i> , tập 2, Nxb Giáo dục Hà Nội.
[136]	Nguyễn Tài Thư (1997), <i>Ảnh hưởng của các hệ tư tưởng và tôn giáo đối với con người Việt Nam hiện nay</i> , Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
[137]	Lê Anh Trà (1984), <i>Mấy đặc điểm văn hóa đồng bằng sông Cửu</i> , Nxb Viện Văn Hóa.
[138]	Huỳnh Ngọc Trảng – Nguyễn Đại Phúc (2005), <i>Chùa Mục Đồng và tượng mục đồng ở Nam Bộ</i> , báo Nguyệt San Giác Ngộ.
[139]	Huỳnh Ngọc Trảng – Nguyễn Đại Phúc (2013), <i>Đặc khảo về tín ngưỡng thờ gia thần</i> , Nxb Văn hoá – Văn nghệ, TP.HCM.
[140]	Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường (1999), <i>Đình Nam Bộ xưa và nay</i> , Nxb Đồng Nai.
[141]	Lê Văn Trí (2019), <i>Lễ hội Phật giáo ở Tiền Giang – truyền thống và biến đổi</i> , Luận văn thạc sĩ ngành văn hóa học trường đại học Trà Vinh.
[142]	Phan Nhật Trinh (2016), <i>Sự dung hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt hiện nay</i> , luận án tiến sĩ chuyên ngành Tôn giáo học, ĐH KH XH&NV Hà Nội
[143]	Đặng Nghiêm Vạn (2001), <i>Lý luận về tôn giáo và tình huống tôn giáo ở Việt Nam</i> , Nxb Khoa học xã hội, HN.
[144]	Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2010), <i>Giáo dục Phật giáo trong thời hiện đại</i> , Nxb TP. HCM.
[145]	Viện Ngôn ngữ học (1997), <i>Từ điển tiếng Việt</i> , Nxb Đà Nẵng – Trung tâm Từ điển học Hà Nội – Đà Nẵng.
[146]	Viện Thông tin Khoa học xã hội (1997), <i>Tôn giáo và đời sống hiện đại, Tập 1</i> , Nxb Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội.

[147]	Hoàng Văn Việt (2006), <i>Thực trạng đời sống tôn giáo và xây dựng luận cứ khoa học cho chính sách tôn giáo đối với cộng đồng cư dân người Việt ở Đồng bằng sông Cửu Long</i> , đề tài nghiên cứu trọng điểm của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
[148]	Trần Quốc Vượng, (1996), <i>Vài ý kiến về Phật giáo và văn hóa dân tộc</i> , trong: <i>Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam</i> , Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Triết học, Nxb Hà Nội.
[149]	Nguyễn Như Ý (1999), <i>Đại Từ điển Tiếng Việt</i> , Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
	Tài liệu nước ngoài
[150]	Alexander Soucy (2012), <i>The Buddhah Side: Gender, Power, and Buddhist Practice in Vietnam</i> , University of Hawai'i Pres.
[151]	Comrey, Andrew. L (1973), <i>A First Course in Factor Analysis</i> , New York, Academic Press.
[152]	Philip Tolor (2007), <i>Modernity and Re-enchantment: Religion in Post-revolutionary Vietnam</i> , Institute of Southeast Asian Studies.
[153]	Roger L.Worthington &Tiffany A.Whittaker (2006), <i>Scale Development Research: A Content Analysis and Recommendations for Best Practices</i> , Published by Sage
[154]	Robert J. Topmiller (2006), <i>The Lotus Unleashed: The Buddhist Peace Movement in South Vietnam</i> , University of Kentucky Press.
[155]	Shawn Frederick McHale (2004), <i>Print and Power: Confucianism, Communism, and Buddhism in the Making of Modern Vietnam</i> , University of Hawaii Press
	Tài liệu điện tử
[156]	Phan An (2008), <i>Người Việt Nam Bộ từ góc nhìn tôn giáo</i> , http://www.vanhoahoc.vn/nguyen-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-nam-bo/1029-phan-an-nguoi-viet-nam-bo-tu-goc-nhin-ton-giao.html , truy cập ngày 03 tháng 06 năm 2020.
[157]	Tuệ Đăng (2018), <i>Đạo đức Phật giáo trong kinh A Hàm</i> , https://phatgiaohanoi.vn/dao-duc-phat-giao-trong-kinh-a-ham.html , truy cập ngày 20 tháng 2 năm 2018.

[158]	Mai Văn Hai, Mai Kiệm (2012), <i>Các hướng tiếp cận trong nghiên cứu xã hội học văn hóa</i> , http://vanhoanghean.vn/component/k2/30-nhung-goc-nhin-van-hoa/4048-cac-huong-tiep-can-trong-nghien-cuu-xa-hoi-hoc-van-hoa , truy cập ngày 03 tháng 06 năm 2020.
[159]	Phạm Văn Huy (2015), <i>Dấu tích cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc trong ngôi chùa cổ</i> , http://antg.cand.com.vn/Kinh-te-Van-hoa-The-Thao/dau-tich-cu-Pho-bang-Nguyen-Sinh-Sac-trong-ngoi-chua-co-373051 , truy cập ngày 20 tháng 2 năm 2018.
[160]	Trần Văn Khê (2015), <i>Âm Nhạc Phật giáo và âm nhạc dân tộc</i> , http://www.hoinhacsi.vn/am-nhac-phat-giao-va-am-nhac-dan-toc , truy cập ngày 21 tháng 3 năm 2018.
[161]	Tịnh Không (2018), <i>Kinh Vô Lượng Thọ</i> https://ph.tinhtong.vn/Home/KinhVoLuongTho10?d=KinhVoLuongTho10_218.html , truy cập ngày 15 tháng 2 năm 2018.
[162]	Thích Bảo Lạc (2018), <i>Đạo đức học Phật giáo Đại thừa</i> , https://quangduc.com/images/file/97M62PyR1ggQAC1m/dao-duc-hoc-phat-giao-dai-thua-ht-thich-bao-lac.pdf , truy cập ngày 21 tháng 3 năm 2018
[163]	Peter Harvey - Thích Tuệ Sy (2016), <i>Kinh Điển Phật giáo Đại thừa</i> , https://thuvienhoasen.org/a26529/gioi-thieu-kinh-dien-phat-giao-dai-thua , truy cập ngày 21 tháng 3 năm 2018.
[164]	Huỳnh Ngọc Trảng – Nguyễn Đại Phúc (2005), <i>Chùa Mục Đồng và tượng mục đồng ở Nam Bộ</i> , báo Nguyệt San Giác Ngộ, https://giacngo.vn/chua-muc-dong-va-tuong-muc-dong-o-nam-bo-post184.html , truy cập ngày 12 tháng 5 năm 2018.
[165]	Nguyễn Mạnh Thát (2015), <i>Chùa Hội Thọ mang đậm dấu ấn lịch sử văn hóa</i> , http://baoapbac.vn/van-hoa-nghe-thuat/201505/chua-hoi-tho-mang-dam-dau-an-lich-su-van-hoa-606673 , truy cập ngày 19 tháng 8 năm 2018.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Lê Thị Thanh Thảo (2018), “Sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng truyền thống ở Tiền Giang thể hiện qua phong thủy, nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc” Kỷ yếu hội thảo khoa học: *Văn hóa và văn học Nam Bộ trong thời kỳ hội nhập*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.222 -235.
2. Lê Thị Thanh Thảo (2018), “Thờ Mẫu trong các ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông ở Tiền Giang” Kỷ yếu hội thảo khoa học: *Phật giáo với tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam*. Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam – Viện nghiên cứu tôn giáo Hà Nội.
3. Lê Thị Thanh Thảo (2018), “Sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc truyền với tín ngưỡng truyền thống ở Tiền Giang qua khảo sát một số ngôi chùa”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (02), tr.91-107.
4. Lê Thị Thanh Thảo, Huỳnh Quán Chi (2018), “Sự dung hợp giữa Phật giáo Đại thừa với tín ngưỡng dân gian ở tỉnh Tiền Giang” *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Ngôn ngữ, Xã hội, Văn hóa trong bối cảnh Châu Á với chủ đề “Sự gắn kết bền vững trong xã hội Châu Á”*. ISBN 978-602-462-248-0

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: PHIẾU KHẢO SÁT NGƯỜI DÂN ĐI LỄ CHÙA

PHIẾU KHẢO SÁT NGƯỜI DÂN ĐI LỄ CHÙA

Nhằm nghiên cứu “*Sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian ở tỉnh Tiền Giang*”. Kính xin quý Cô/Chú/Anh/Chị vui lòng chia sẻ một số nội dung dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào các ô mà Cô/Chú/Anh/Chị lựa chọn.

Những ý kiến của quý vị là một trong những cơ sở khoa học quan trọng cho việc nghiên cứu “*Sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian ở tỉnh Tiền Giang*”. Những thông tin mà quý vị cung cấp sẽ được giữ bí mật và xử lý cho mục đích nghiên cứu học thuật.

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý vị.

THÔNG TIN CHUNG

NỘI DUNG

1. Cô/Chú/Anh/Chị vui lòng đánh dấu X vào ô nghề nghiệp của mình (chỉ đánh dấu x vào 1 ô)

STT	Nghề nghiệp	Đánh dấu x vào nghề nghiệp của mình	Ghi chú
1	Nông dân		
2	Công nhân		
3	Buôn bán, kinh doanh		
4	Công chức, viên chức		
5	Học sinh, sinh viên		
6	Lao động tự do		
7	Khác		

2. Cô/Chú/Anh/Chị vui lòng đánh dấu X vào các dịp đến chùa (có thể đánh dấu X vào nhiều ô lựa chọn)

TT	Cô/Chú/Anh/Chị đến chùa vào những dịp sau:	Có	Không
1	Lễ rằm tháng Giêng		
2	Lễ Phật Đản		
3	Lễ Vu Lan		
4	Rằm tháng 10		
5	Mùng một hàng tháng		
4	Dịp Tết Nguyên Đán		
5	Đám giỗ tại chùa		
6	Tháng 7 (đọc kinh mỗi chiều tại chùa)		
7	Một số lễ hội khác do chùa tổ chức		
8	Ngày khác		

3. Cô/Chú/Anh/Chị đánh dấu X chọn lựa niềm tin của mình vào các đối tượng thiêng được thờ cúng tại chùa (có thể đánh dấu X vào nhiều ô lựa chọn)

Tin vào Phật và các loại hình tín ngưỡng dân gian có thờ cúng tại chùa	Có tin	Không tin
Tin vào Phật		
Tin vào tín ngưỡng dân gian (Mẫu, Thổ Địa, Thần Tài, Quan Công, thiên quan tứ phước, danh nhân, anh hùng dân tộc, nhân vật lịch sử, hương linh – những vong linh được thỉnh lên chùa, chiến sĩ, cô hồn...)		

4. Khi đến chùa Cô/Chú/Anh/Chị làm những việc gì sau đây? (có thể đánh dấu X vào nhiều ô lựa chọn)

Những việc làm của Cô/Chú/Anh/Chị khi đến chùa	Có	Không
Lễ Phật (thắp nhang/ lạy Phật)		

Những việc làm của Cô/Chú/Anh/Chị khi đến chùa	Có	Không
Lễ Phật và các thiện thần, các loại hình tín ngưỡng dân gian (Mẫu, Thổ Địa, Thần Tài, Quan Công, thiên quan tứ phúc, danh nhân, anh hùng dân tộc, nhân vật lịch sử, vong linh – những vong được thỉnh lên chùa, chiến sĩ, cô hồn...)		
Tham gia lễ cúng sao, giải hạn, cầu an, cầu siêu		
Xin xăm, bói quẻ		
Xem ngày, giờ tốt – xấu		
Xem tử vi, tướng số		
Khác		

5. Cô/Chú/Anh/Chị vui lòng cho biết mục đích (mong muốn) của mình khi đến chùa? (có thể dấu dấu X chọn nhiều ô)

Cô/Chú/Anh/Chị đến chùa nhằm (để làm gì):	Có	Không
Cầu bình an, sức khỏe cho bản thân và gia đình		
Cầu cho người thân đã khuất được siêu thoát		
Cầu mong giải quyết được những khó khăn trong cuộc sống		
Thăm và thắp nhang cho người thân được an vị tại chùa (di ảnh, lọ tro cốt, bài vị, chôn cất tại chùa)		
Cầu sự nghiệp phát triển và tài lộc dồi dào		
Cầu trí tuệ		
Thỉnh nhà sư về tư gia: cầu an, cầu siêu, thực hiện nghi lễ tang, lễ khai trương cửa hàng,....		
Tham quan, văn cảnh		
Cầu tình duyên		
Tìm sự bình an trong tâm (tịnh tâm)		

Cô/Chú/Anh/Chị đến chùa nhằm (để làm gì):	Có	Không
Nhờ nhà sư chữa bệnh		
Làm công quả		
Gửi con, em khó nuôi vào chùa cho đức Phật độ trì (bán khoán con vào chùa)		
Làm từ thiện (mang tiền, vật phẩm... gửi vào chùa làm từ thiện)		
Khác		

6. Quan điểm của ông (bà) về việc mang di ảnh, lọ tro cốt của người thân đã khuất vào an vị tại chùa?

.....
.....
.....

7. Quan điểm của ông (bà) dùng nước tắm Phật uống?

.....
.....
.....

8. Quan điểm của ông (bà) về việc tham gia cúng sao, giải hạn, cầu an, cầu siêu tại chùa.

.....
.....
.....

9. Theo Cô/Chú/Anh/Chị sự dung hợp giữa Phật giáo Bắc Tông với tín ngưỡng dân gian tại các ngôi chùa mang đến những giá trị văn hóa nào sau đây? (có thể dấu X chọn nhiều ô)

TT	Giá trị văn hóa	Đồng ý	Không đồng ý
1	Nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc, hội họa ở các ngôi chùa thể hiện sự sáng tạo, mang tính đặc thù, tinh vi		

TT	Giá trị văn hóa	Đồng ý	Không đồng ý
	và sâu sắc của nhân dân Tiền Giang, góp phần làm giàu đẹp, phong phú các loại hình nghệ thuật, kiến trúc của tỉnh nhà.		
2	Góp phần thỏa mãn nhu cầu tâm linh, làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân.		
3	Mang lại niềm tin, sự an ủi, động viên, nâng đỡ tinh thần ở mức độ nhất định cho con người trong những hoàn cảnh khó khăn, bất lực.		
4	Khuyến khích lối sống hướng thiện, lành mạnh.		
5	Góp phần củng cố và duy trì nghi lễ, phong tục, truyền thống tốt đẹp, đạo lý uống nước nhớ nguồn.		
6	Góp phần cố kết cộng đồng, những người có cùng niềm tin vào Phật và tín ngưỡng dân gian.		

Chân thành cảm ơn Cô/Chú/Anh/Chị đã chia sẻ, hỗ trợ!

PHỤ LỤC 2: BIÊN BẢN PHỎNG VẤN

BIÊN BẢN PHỎNG VẤN

Biên bản phỏng vấn số 1

Người được phỏng vấn: sư cô Hồng Liên

Nghề nghiệp: Trụ trì chùa Nhơn An

Địa điểm: Chùa Nhơn An tọa lạc tại ấp 5, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy

Ngày phỏng vấn: 1/12/2017

H: Nhờ Cô chia sẻ về lịch sử ngôi chùa?

TL: Nguồn gốc của ngôi chùa là ngôi miếu do các mục đồng trong lúc rảnh rỗi nặn đất thành những pho tượng Phật thờ ở gốc cây. Ban đêm người dân thường nghe tiếng trẻ nhỏ khóc tại đây, mọi người đến cầu nguyện thấy linh thiêng. Vì vậy người dân lập miếu, thỉnh những tượng Phật do các trẻ mục đồng nặn đem vào miếu thờ cúng. Thời gian sau, chủ đất đã xây dựng ngôi chùa đơn sơ để tu tại gia. Trải qua bao thăng trầm ngôi chùa được trùng tu như ngày hôm nay.

Biên bản phỏng vấn số 2

Người được phỏng vấn: Thích Thiện Phước

Nghề nghiệp: Trụ trì chùa

Địa điểm: Chùa Đông Sơn Thảo Lư

Ngày phỏng vấn: 31/12/2017

H: Nhờ Thầy chia sẻ về lịch sử ngôi chùa?

TL: ngôi chùa này do các mục đồng lập chòi tranh che mưa, che nắng và nặn tượng Phật thờ, dần dần trở thành ngôi chùa với tên là Đông Sơn Thảo Lư

Biên bản phỏng vấn số 3

Người được phỏng vấn: Trương Ngọc Tường

Nghề nghiệp: Tự do

Địa điểm: Chùa Trường Sanh

Ngày phỏng vấn: 10/2/2018

H: Nguồn gốc chùa Trường Sanh

TL: Gốc trước đây của ngôi chùa Trường Sanh tại Đình Bộ Lĩnh, thành phố Mỹ Tho là ngôi miếu thờ Quan Công của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương và có thờ Phật. Các thầy ở chùa này là những cư sĩ, mặc áo đen, làm thuốc Nam. Đến năm 1950 ngôi miếu này được xây dựng thành ngôi chùa theo hệ phái Phật giáo Bắc Tông.

Biên bản phỏng vấn số 4

Người được phỏng vấn: Bà Phạm Hồng Thủy

Nghề nghiệp: Tự do

Địa điểm: Chùa Bửu Lâm

Ngày phỏng vấn: 16/2/2018

H: Vuốt tượng Phật rồi vuốt lên trán có tác dụng gì vậy cô?

TL: Cô vuốt tượng Phật Di Lặc là mong ngài gia hộ cho cô được sáng suốt, khỏe mạnh, gặp nhiều may mắn. Thường khi lễ lạy xong cô thường sờ như vậy và kêu các cháu đi cùng sờ cho được thông minh, học giỏi”

Biên bản phỏng vấn số 5

Người được phỏng vấn: Thích Ngọc Tường

Nghề nghiệp: trụ trì

Địa điểm: chùa Thiên Phước xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

Ngày phỏng vấn: 22/5/2018

H: Vào ngày lễ Phật Đản chùa có thực hiện nghi thức tắm Phật không?

TL: Có chứ, năm nào chùa cũng tổ chức lễ Phật Đản cả,

H: Nước tắm Phật là do nhà chùa chuẩn bị hay do Phật tử chuẩn bị?

TL: Vào những ngày lễ lớn thường Phật tử đến chùa để hỗ trợ nhà chùa tổ chức. Có khi thì Phật tử nấu nước sạch với lá dứa để tắm Phật, có khi thì chùa dùng nước lọc sạch, nước nấu với huế khô để thực hiện nghi thức.

H: Quan điểm của Thầy về việc Phật tử xin nước tắm Phật để uống

TL: Uống nước tắm Phật rất tốt, đó là nước sạch, thanh khiết, một năm nghi lễ tắm Phật có một lần nên nước đó rất quý, nhưng phải vệ sinh tượng Phật thật sạch. Chùa Thiên Phước nấu nước huế khô để tắm Phật. Thầy rửa tượng Phật rất kỹ nên bản thân thầy cũng dùng nước đó để uống.

Biên bản phỏng vấn số 6

Người được phỏng vấn: Thích Minh Như

Nghề nghiệp: Trụ trì chùa

Địa điểm: Chùa Sắc Tứ

Ngày phỏng vấn: 17/2/2018

H: Nhờ Cô chia sẻ ý nghĩa của cây đèn được sư tại chùa?

TL: trước đây, khi những lưu dân vừa đến vùng đất mới khai hoang, cuộc sống còn nhiều khó khăn do bệnh dịch. Vì vậy, nhà chùa thờ Phật Dược Sư với mong muốn vị Phật này hộ trì cho người dân nơi đây được tai qua, nạn khỏi, có cuộc sống bình an, sung túc trên vùng đất mới.

Biên bản phỏng vấn số 7

Người được phỏng vấn: Thầy Thích Huệ Phát

Nghề nghiệp: thư ký ban Trị sự Phật giáo tỉnh Tiền Giang

Địa điểm: Chùa Vĩnh Tràng

Ngày phỏng vấn: 17/2/2018

H: Vì sao có việc thờ Mẫu trong khuôn viên chùa hoặc thờ ngay trong chùa?

TL: Mẫu đã được thờ trong rất nhiều ngôi chùa Phật giáo Bắc Tông tại tỉnh Tiền Giang, Mẫu được thờ từ lâu rồi, có chùa Mẫu được đưa vào thờ từ khi mới thành lập chùa và nhân dân tin rằng Mẫu linh thiêng vì vậy các thầy để thờ luôn. Trong khuôn viên chùa Vĩnh Tràng, có ngôi miếu đã tồn tại lâu đời, mấy năm trước, vị trụ trì chùa cho tháo dỡ ngôi miếu để mở rộng không gian sân chùa rộng hơn. Sau khi ngôi miếu bị tháo dỡ một thời gian ngắn sau vị trụ trì bệnh rất nặng và thầy nằm mộng nghe Mẹ (Mẫu) hỏi sao thầy lại bỏ đi nơi mà Mẹ đã ngự trị. Sau đó thì vị trụ trì này cho xây dựng lại ngôi miếu. Ngôi miếu này đến nay vẫn tồn tại, hằng năm bà con đều có tổ chức cúng rất lớn.

Biên bản phỏng vấn số 8

Người được phỏng vấn: Thích Bổng Tịnh

Nghề nghiệp: Nhà sư

Địa điểm: Chùa Phật Đá

Ngày phỏng vấn: 18/2/2018

H: Việc cúng sao giải hạn có phải xuất phát từ Phật giáo không? Cúng sao có giúp con người vượt qua những kiếp nạn không?

TL: Việc cúng sao giải hạn là do Trung Quốc truyền sang nhưng các chùa lấy đó làm phương tiện để người dân đến ghi tên, sau đó lễ lạy Đức Phật nhằm tạo cho họ đến chùa lễ Phật mà thôi, chứ việc cúng sao giải hạn không có làm thay đổi được điều con người đã tạo ngay trong hiện tại.

H: Chia sẻ của thầy về việc trong chùa thờ Mẫu?

TL: Cũng có một số chùa trước là miếu sau đó là chùa. Do có một số nơi người dân rất tín ngưỡng thờ mẫu, đôi khi nơi nào không có miếu thờ mẫu họ không đi. Đến miếu họ

có thể xin những điều mình muốn, có xin xăm, bói quẻ, mà cái đó thì đánh động vào người dân rất nhiều. Cho nên một số chùa cho xây miếu nhằm trước là để người dân đến miếu thờ mẫu thấp nhang rồi sau đó vào chùa. Đây cũng là một điều linh hoạt của các chùa, chứ không gò bó vào một khuôn khổ. Tùy theo vùng miền mà các chùa linh hoạt.

Biên bản phỏng vấn số 9

Người được phỏng vấn: Thích Thiện Hải

Nghề nghiệp: Trụ trì chùa Khánh Lâm

Địa điểm: chùa Khánh Lâm, xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo

Ngày phỏng vấn: 19/2/2018

H: Vì sao một số chùa ở Tiền Giang thờ có Ông Địa, Thần Tài

TL: Thờ Ông Địa, Thần Tài trong các chùa ở Tiền Giang là do đáp ứng tín ngưỡng của người dân. Người dân tin vào việc các vị ấy có thể đem đến may mắn hay tài lộc cho nên một số chùa cũng lấy đó làm phương tiện cho họ đến thấp nhang nhằm tạo duyên lành cho họ đến chùa để sanh phước báu.

Biên bản phỏng vấn số 10

Người được phỏng vấn: Nguyễn Hữu Quang, 40 tuổi

Nghề nghiệp: Tài xế

Địa điểm: Chùa Bửu Lâm

Ngày phỏng vấn: 16/2/2018

H: Nhờ anh chia sẻ về việc thỉnh di ảnh của người thân lên chùa?

TL: Má tôi lúc còn sống thường đi chùa này, giờ Má tôi đã mất, tôi thỉnh di ảnh của Má tôi vào chùa để mỗi ngày Má được nghe kinh kệ, được Phật tử đi chùa thấp nhang, có như vậy linh hồn sẽ sớm được siêu thoát.

Biên bản phỏng vấn số 11

Người được phỏng vấn: Bà Nguyễn Thị Phương, 75 tuổi

Nghề nghiệp: Làm ruộng,

Địa điểm: Chùa Sắc Tứ Long An (Cai Lậy)

Ngày phỏng vấn: 20/2/2018

H: Cô có thường xuyên đi chùa không ạ?

TL: Tôi đi thường lắm, chùa này rất linh nên cứ vào các ngày lễ lớn là tôi đến chùa lễ Phật.

H: Cô xin nước tắm Phật mang về để làm gì ạ?

TL: Nước này là do các Phật tử dùng lá dừa nấu hòm qua tại chùa, để sáng nay tắm Phật vì hôm nay là ngày lễ Phật Đản. Cô xin về để cho các con cô uống, dùng nước tắm Phật uống sẽ được sáng suốt, cầu cho khỏe mạnh, nếu trong người có bệnh sẽ mau khỏi, năm nào đi lễ Phật Đản cô đều xin nước này để uống.

Biên bản phỏng vấn số 12

Người được phỏng vấn: Bà Phan Thị Kim Liên, 42 tuổi

Nghề nghiệp: Viên chức

Địa điểm: Bửu Lâm, Mỹ Tho

Ngày phỏng vấn: 23/2/2018

H: Năm nào chị cũng đến chùa cúng sao?

TL: Trước đây tôi cúng sao tại nhà, gần đây năm nào sao xấu tôi cũng đến chùa ghi tên để nhờ chùa làm lễ cúng sao, giải hạn

H: Vì sao phải cúng sao vậy chị?

TL: Cúng sao cầu mong tôi và gia đình được tai qua, nạn khỏi. Không tin không được em à, năm tôi 37 tuổi, tôi quên cúng sao, tôi và gia đình gặp đủ thứ chuyện không may.

Biên bản phỏng vấn số 13

Người được phỏng vấn: Thích nữ Viên Giác

Nghề nghiệp: Trụ trì - Phó thư ký Ban Văn hóa GHPGVN

Địa điểm: Chùa Thiên Vân tại huyện Cái Bè

Ngày phỏng vấn: 24/8/2018

H: Vai trò của người trụ trì?

TL: Người trụ trì đóng vai trò rất quan trọng trong việc định hướng cho Phật tử khi đến chùa. Nếu vị trụ trì để Phật tử làm chi phối, ảnh hưởng dẫn đến những hoạt động không phù hợp gây nên mất đoàn kết cho những người tu tập tại chùa, Phật tử làm cho ngôi chùa mất đi sự trang nghiêm”

Biên bản phỏng vấn số 14

Người được phỏng vấn: Thích Giác Nghiêm

Nghề nghiệp: Trụ trì

Địa điểm: Phước Lâm, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, Tiền Giang

Ngày phỏng vấn: 24/8/2018

H: Quan điểm của Thầy về việc tổ chức phóng sinh với số lượng người tham dự lớn, có thông báo trước thời gian và địa điểm sẽ ảnh hưởng gì đến hiệu quả và ý nghĩa tốt đẹp của lễ phóng sinh?

TL: Theo Thầy tổ chức lễ phóng sinh một cách rầm rộ đã làm mất đi giá trị cao cả của lễ này. Nhiều nơi tổ chức đoàn đi phóng sinh quá đông làm ảnh hưởng đến trật tự ở địa phương, có nơi không biết cách bảo quản những con cá trước khi mang đi thả, nên khi mang ra phóng sinh nhiều con đã không còn sức sống, số lượng cá chết trước khi thả khá nhiều. Khi vừa thả ra người dân lại dùng chày, lưới để bắt lại. Cuộc sống có sinh có tử vì vậy nên để tự nhiên thì hơn.

H: Cách làm của chùa khi phóng sanh để khắc phục những hạn chế?

TL: Chùa đã lặn lẽ đặt ống cống rất sâu dẫn từ các ao trong khu vườn của chùa ra sông, vì vậy khi Phật tử muốn phóng sinh Thầy đề nghị thả tại các ao trong chùa, những con cá được thả trong ao sẽ theo đường cống ra sông lớn. Làm như thế những người dân quanh chùa sẽ không biết mà tìm cách bắt lại.

Biên bản phỏng vấn số 15

Người được phỏng vấn: Bà Nguyễn Thị Trang, 62 tuổi

Nghề nghiệp: Buôn bán

Địa điểm: Chùa Phổ Đức

Ngày phỏng vấn: 25/8/2018

H: Cô có thường đi lễ ở chùa này không?

TL: Cô thường xuyên đi chùa này, vào dịp rằm lớn, khi nào rảnh rồi cô cũng có đến.

H: Cô có thỉnh di ảnh/ lọ cốt người thân gửi ở chùa không? Từ khi nào?

TL: Có, má cô đã mất từ năm 1985, gia đình cô có thờ cúng, tổ chức đám giỗ má đáng hoàng nhưng cô vẫn mang di ảnh của bà gửi vào chùa dịp rằm tháng 7 năm 2017

H: Vì sao cô thỉnh di ảnh người thân gửi ở chùa?

TL: Mang di ảnh lên chùa lúc nào cũng được mọi người đến chùa thắp nhang và còn được nghe tiếng kinh, mõ mỗi ngày”.

Biên bản phỏng vấn số 16

Người được phỏng vấn: Ông Phan Văn Bảy, 67 tuổi

Nghề nghiệp: Làm vườn

Địa điểm: Chùa Khánh Lâm, Dãng Hưng Phước, Chợ Gạo, Tiền Giang

Ngày phỏng vấn: 25/8/2018

H: Bác là Phật tử ở chùa Khánh Lâm?

TL: Tôi không có quy y, nhưng gia đình tôi thường đi chùa này.

H: Gia đình Bác có ghi tên vào sổ nhờ nhà chùa cúng sao, giải hạn không ạ?

TL: Dù tôi không nhờ nhà chùa làm lễ nhưng hôm nay tôi vẫn đến chùa lễ Phật và tự cầu xin cho bản thân, gia đình được bình an, khỏe mạnh, cho những người thân đã khuất được siêu thoát”.

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH CÁC CHÙA ĐÃ ĐIỀN DÃ
DANH SÁCH CÁC CHÙA ĐÃ ĐIỀN DÃ

Stt	Tên	Địa chỉ
1	Chùa An Bửu	Ấp Thạnh Phú, xã Đồng Thạnh, Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
2	Chùa Bửu Đức	Phường 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
3	Chùa Bửu Hưng	Phường 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
4	Chùa Bửu Lâm	Phường 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
5	Chùa Bửu Long	Xã Nhị Quý, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
6	Chùa Bửu Long	Ấp Vạn Thành, xã Bình Nghi, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
7	Chùa Bửu Sơn	Phường 2, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang
8	Chùa Bửu Tháp	Xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
9	Chùa Bửu Tháp	Ấp Tân Phong, xã Tân Hội, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
10	Chùa Bửu Thắng	Ấp Tân Mỹ, xã Tân Bình Thạnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
11	Chùa Một Cột (Chùa Bửu Trung)	Ấp 4, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
12	Chùa Bửu Vương	Ấp Mỹ Thuận, xã Nhị Mỹ, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
13	Chùa Chơn Minh	Phường 3, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
14	Chùa Chơn Thường	Xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
15	Chùa Di Đức	Ấp Quý Chánh, xã Nhị Quý, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
16	Chùa Dược Sư	Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
17	Chùa Đông Sơn	Ấp Mỹ Hạnh A, xã Long Tiên, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
18	Chùa Đức Thành	Ấp Phú Hiệp, xã Long Khánh, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Stt	Tên	Địa chỉ
19	Chùa Giồng Tháp	Xã Tân Niên Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
20	Chùa Hậu Phước	Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
21	Chùa Hoà Thành	Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
22	Chùa Hội Phước	Ấp An Bình Đông, xã Đông Hoà Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
23	Chùa Huệ Quang	Xã Hoà Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
24	Chùa Hữu Phước	Xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
25	Chùa Huỳnh Long 1	Ấp Bình Long, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
26	Chùa Huỳnh Long 2	Ấp Bình Trị, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
27	Chùa Khải Tường	Xã Mỹ Đức Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
28	Chùa Thiền Hưng	Xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang
29	Chùa Khánh Lâm	Xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
30	Chùa Khánh Long	Xã Mỹ Phước Tây, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
31	Chùa Khánh Vân	Thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
32	Chùa Khánh Dư	Phường 3, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang
33	Chùa Kim Liên	Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
34	Chùa Kim Linh	Thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
35	Chùa Kim Thạch	Thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
36	Chùa Kim Thiền	Ấp Cù Lao, xã Tân Thới, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang
37	Chùa Kim Tiên	Thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
38	Chùa Kỳ Viên	Thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
39	Chùa Liên Trì	Xã An Thái Đông, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

Stt	Tên	Địa chỉ
40	Chùa Linh Bửu	Ấp Tân Quý, xã Tân Thới, tỉnh Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang
41	Chùa Linh Bửu	Xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
42	Chùa Linh Châu	Ấp 4, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
43	Chùa Linh Phong	Thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
44	Chùa Linh Quang	Ấp Trung, xã Dương Diễm, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
45	Chùa Linh Sơn	Xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
46	Chùa Linh Sơn	Thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
47	Chùa Long Đức	Xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang
48	Chùa Long Nguyên	Xã Đạo Thành, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
49	Chùa Long Phan	Ấp Bình Hưng, xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
50	Chùa Long Phước	Ấp Phú Hưng, xã Long Khánh, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
51	Chùa Long Quang	Xã Yên Luôn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
52	Chùa Long Sơn	Phường Nhị Mỹ, thị xã Cai Lậy, huyện Tiền Giang
53	Chùa Long Thành	Ấp Long Thạnh, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
54	Chùa Long Thành	Ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Hạnh Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
55	Chùa Long Thạnh	Xã Bình Nhi, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
56	Chùa Long Thiện	Ấp Hòa Bình, xã Bình Nghi, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
57	Chùa Long Tường	Xã Tam Hiệp, huyện Châu thành, tỉnh Tiền Giang
58	Chùa Lương Phước	Phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
59	Chùa Minh Sơn	Xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

Stt	Tên	Địa chỉ
60	Chùa Mỹ Nam	Phường 6, thành Phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
61	Chùa Nhơn An	Xã Tân Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
62	Chùa Nhơn Phước	Xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
63	Chùa Ông	Xã Thanh Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
64	Chùa Phật Ân	Phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
65	Chùa Phật Đá	Thị trấn Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang
66	Chùa Phật Quang	Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
67	Chùa Phổ Đức	Phường 5, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang
68	Ni viện Phổ Hiền	Phường 5, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang
69	Chùa Phù Châu	Ấp An Ninh, xã Đông Hoà Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
70	Chùa Phước An	Xã Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
71	Chùa Phước Ân	Ấp Thanh Hòa, xã Long Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
72	Chùa Phước Hựu	Ấp Hưng Hòa, xã Long Vĩnh, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
73	Chùa Phước Lâm	Xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
74	Chùa Phước Lâm	Xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
75	Chùa Phước Lâm	Xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
76	Chùa Phước Lâm	Xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
77	Chùa Phước Long	Ấp Ninh Quới, xã Long Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
78	Chùa Phước Long	Xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
79	Chùa Phước Phú	Xã Tân Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
80	Chùa Phước Sơn	Ấp 5, xã Mỹ Thành Nam, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Stt	Tên	Địa chỉ
81	Chùa Phước Sơn cổ tự	Xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
82	Chùa Phước Thới	Khu phố 4, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
83	Chùa Phước Thành	Xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
84	Chùa Phước Thiện	Xã Trung Hoà, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
85	Chùa Quan Âm Các	Phường 5, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang
86	Chùa Quang Long	Xã Hội Nghĩa, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
87	Chùa Quang Long	Xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
88	Chùa Sắc Tứ Linh Thúu	Áp Chợ, xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
89	Chùa Sắc Tứ Long An	Thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
90	Chùa Sắc Tứ Long Hội	Áp Tân Phú, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang
91	Chùa Tân Phước	Xã Đồng Hoà, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
92	Chùa Thanh Quang	Phường 9, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
93	Chùa Thanh Trước	Xã Long Thuận, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang
94	Chùa Thiên Hòa	Xã Đông Hoà Hiệp, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
95	Chùa Thiên Lâm	Thị xã Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
96	Chùa Thiên Phước	Xã Mỹ, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
97	Chùa Thiên Phước	Xã Đăng Hưng Phước, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
98	Chùa Thiên Phước	Xã Phú Quý, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
99	Chùa Thiên Trường	Áp Bình Trinh, xã Đồng Sơn, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang
100	Chùa Thiên Vân	Xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
101	Chùa Thới Sơn	Áp Bình Thới, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

Stt	Tên	Địa chỉ
102	Chùa Trước Tháp	Ấp 7, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang
103	Chùa Trường Khánh	Ấp Bình Hoà, xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang
104	Chùa Trường Quang	Phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
105	Chùa Trường Sanh	Phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
106	Chùa Trường Tháp	Ấp 4, Xã Mỹ Thành Bắc, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
107	Chùa Từ Ân	Ấp Bình Thạnh, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
108	Chùa Từ Quang	Phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
109	Chùa Vĩnh Tràng	Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
110	Long An Cổ Tự	Ấp Bình Sơn, xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang
111	Ni viện Tịnh Nghiêm	Phường 8, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
112	Sắc Tứ Long Hội Tự	Xã Tân Hoà Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang
113	Thắng Quang Cổ Tự	Xã Hoà Hưng, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
114	Thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác	Xã Thanh Tân, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang
115	Tổ Đình Hội Thọ	Xã Thiện Trí, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang
116	Tổ đình Phước Lâm	Ấp Phú Lợi, xã Phú Nhuận, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang

PHỤ LỤC 4: SỐ LƯỢNG CHÙA TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH TIỀN GIANG
THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CHÙA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG

TT	Địa bàn	Số lượng (cơ sở)
1	Huyện Cái Bè	60
2	Huyện Cai Lậy	49
3	Thị xã Cai Lậy	34
4	Huyện Tân Phước	7
5	Huyện Châu Thành	68
6	Huyện Chợ Gạo	49
7	Huyện Gò Công Tây	29
8	Huyện Gò Công Đông	35
9	Thị xã Gò Công	23
10	Thành phố Mỹ Tho	54
11	Huyện Tân Phú Đông	4
Tổng cộng		412

Nguồn: Văn kiện Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam
tỉnh Tiền Giang lần IX, năm 2017 đến năm 2022

PHỤ LỤC 5: HÌNH

2.1.3 Thể hiện qua niềm tin



Hình 1: Người dân lễ Phật - chùa Phước Thành



Hình 2: Người dân thắp nhang Bồ tát Quan Âm -
chùa Bửu Lâm



Hình 3: Người dân bái lại Mẫu - chùa Bửu Lâm



Hình 4: Người dân bái lại Quan Công –
chùa Bửu Lâm



Hình 5: Người dân thắp nhang Ông Địa – Thần Tài -
chùa Bửu Lâm

2.2.1 Cơ sở thờ tự

2.2.1.1 Chùa Vĩnh Tràng



Hình 1: Cổng chùa



Hình 2: Tam Bảo



Hình 3: Tượng Phật Thích Ca Mâu Ni



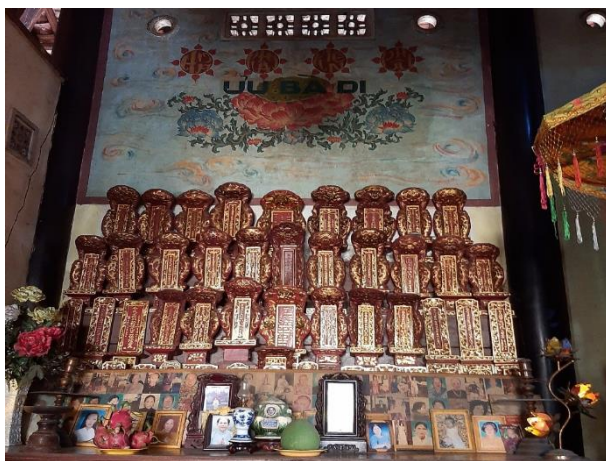
Hình 4: Tượng Phật Di Lặc



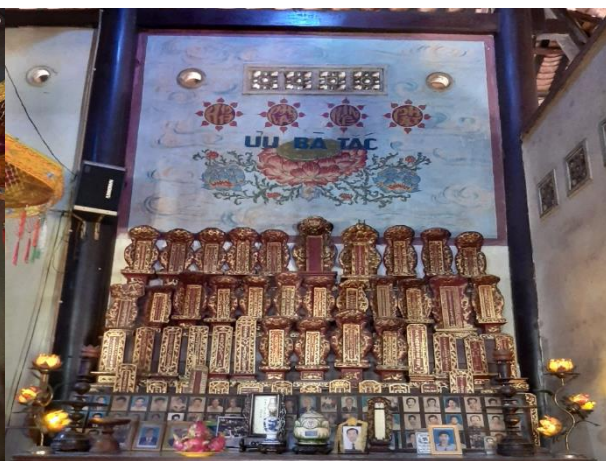
Hình 5: Chánh điện (Phật Di Đà)



Hình 6: Tượng Hòa Thượng Chánh Hậu và Tượng Hòa Thượng Minh Đăng



Hình 7: Bàn thờ Bài Vị (Ưu Bà Di)



Hình 8: Bàn thờ Bài Vị (Ưu Bà Tắc)



Hình 9: Bàn thờ các vị Diêm Vương



Hình 10: Bàn thờ các vị Diêm Vương



Hình 11: Bàn thờ Ngọc Hoàng



Hình 12: Bàn thờ Hộ Pháp



Hình 13: Bàn thờ Tiêu Diện



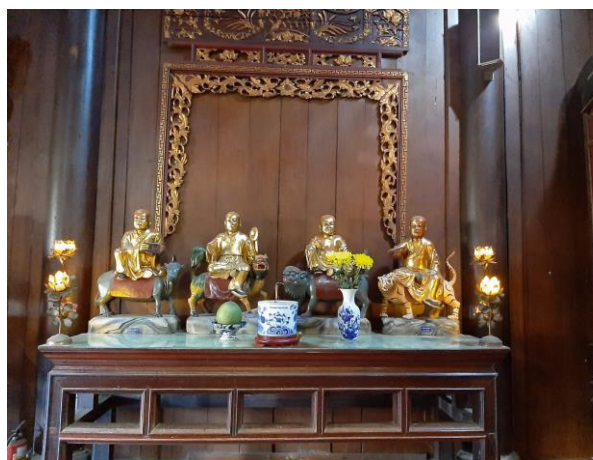
Hình 14: Bàn thờ các vị La Hán



Hình 15: Bàn thờ các vị La Hán



Hình 16: Bàn thờ các vị La Hán



Hình 17: Bàn thờ các vị La Hán



Hình 18: Bàn Thờ Mẫu



Hình 19: Bàn Thờ Ông Bùi Công Đạt –
người có công xây chùa



Hình 20: Cây đèn Dược Sư



Hình 21: Tên của người dân cầu an dán trên cây đèn
Dược Sư



Hình 22: Miếu Thờ Bà Chúa Xứ



Hình 23: Khu mộ tháp



Hình 24: Mộ Ông – Bà Bùi Công Đạt,
người có công sáng lập ngôi chùa



Hình 25: Thầy đang trì chú vào chú cóc

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

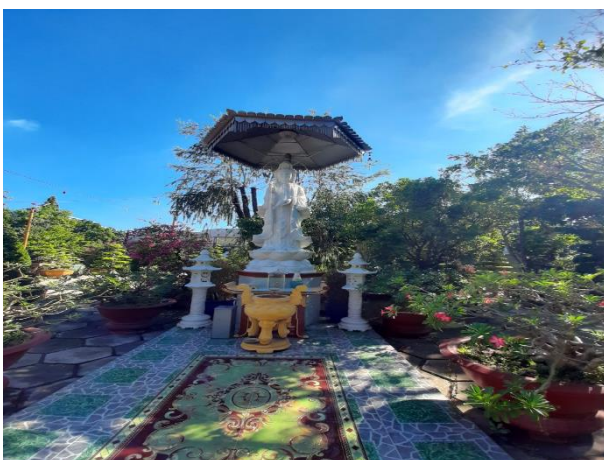
2.2.1.2 Chùa Bửu Lâm



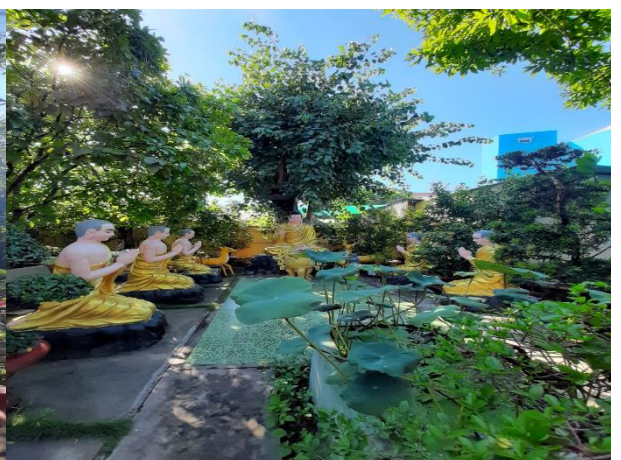
Hình 1: Cổng chùa



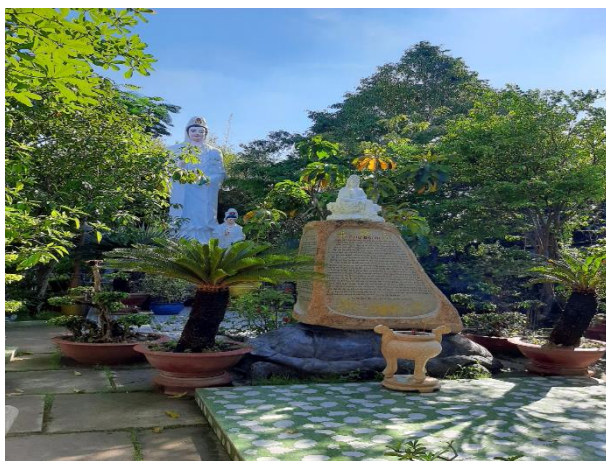
Hình 2: Mặt trước của chùa



Hình 3: Tượng Quan Âm Bồ tát



Hình 4: Tượng Phật Thích Ca và
5 anh em Kiều Trần Như



Hình 5: Tượng Quan Âm Bồ tát



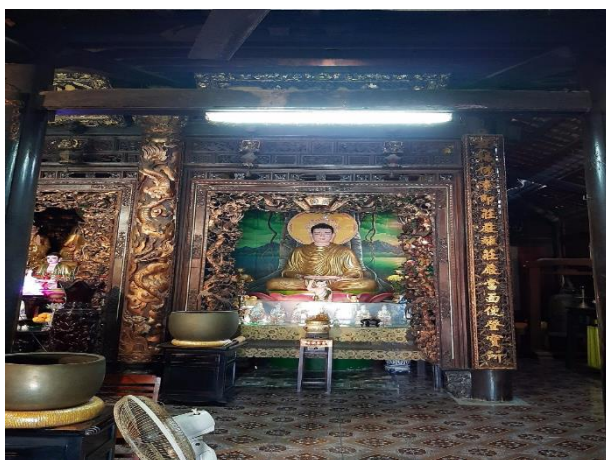
Hình 6: Vườn Lâm Tì Ni



Hình 7: Tượng Quan Âm Bồ tát



Hình 8: Chánh điện



Hình 9: Bàn thờ Phật Thích Ca



Hình 10: Bàn thờ Phật Thích Ca



Hình 11: Bàn thờ các vị Diêm Vương



Hình 12: Bàn thờ các vị Diêm Vương



Hình 13: Bàn thờ Tiêu Diện và Hộ Pháp -



Hình 14: Bàn thờ Phật Di Đà



Hình 15: Bàn thờ Tổ Bồ Đề Đề Đạt Ma



Hình 16: Bàn thờ Phật Di Lạc



Hình 17: Người dân vuốt vào tượng Phật Di Lặc rồi vuốt lên trán



Hình 18: Người dân vuốt vào tượng Phật Di Lặc rồi vuốt vào vị trí bị đau trên người



Hình 19: Người dân bái lạy Ông Địa – Thần Tài



Hình 20: Người dân bái lạy Quan Công



Hình 21: Người dân bái lạy Mẫu - chùa Bửu Lâm



Hình 22: Khu mộ tháp



Hình 23: Khu mộ tháp

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.2.1.3 Chùa Sắc Tứ Linh Thửu



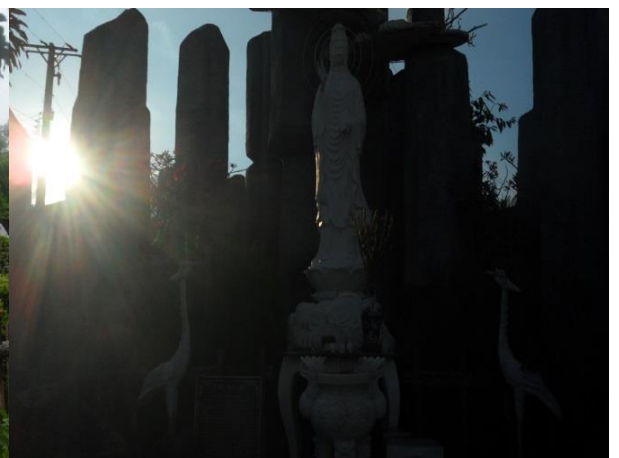
Hình 1: Cổng chùa



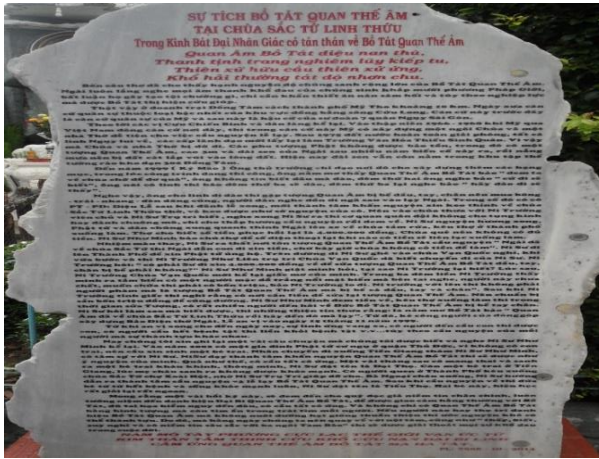
Hình 2: Tam bảo



Hình 3: Vườn Lâm Tì Ni



Hình 4: Tượng Quan Âm Bồ tát tạc từ lòng đất



Hình 5: Sự tích Quan Thế Âm Bồ tát



Hình 6: Chánh điện



Hình 7: Bàn thờ Phật Di Đà, Thích Ca Mâu Ni



Hình 8: Bàn thờ Phật Di Đà, Phật Di Lặc



Hình 9: Bàn thờ Tổ



Hình 10: Bàn Thờ Phật Thiên Thủ Thiên Nhân



Hình 11: Bàn thờ Thập Điện Diêm Vương



Hình 12: Bàn thờ Ngọc Hoàng



Hình 13: Bàn thờ Ông Giám



Hình 14: Bàn thờ Bài vị



Hình 14: Bàn thờ Bài vị



Hình 15: Bàn thờ Bài vị



Hình 16: Phật Chuẩn Đề



Hình 17: Bàn thờ vua Gia Long



Hình 18: Cây đèn Dược Sư



Hình 19: Chiếc Đại Hồng chung gắn với huyền thoại vua Gia Long chạy giặc



Hình 20: Khu Mộ Tháp



Hình 21: Miếu thờ Thổ Thần



Hình 22: Miếu thờ Mẫu



Hình 23: Khu Mộ tháp

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.2.1.4 Chùa Phù Châu



Hình 1: Cổng Chùa



Hình 2: Bàn thờ Phật Di Đà



Hình 3: Bàn thờ Di Đà



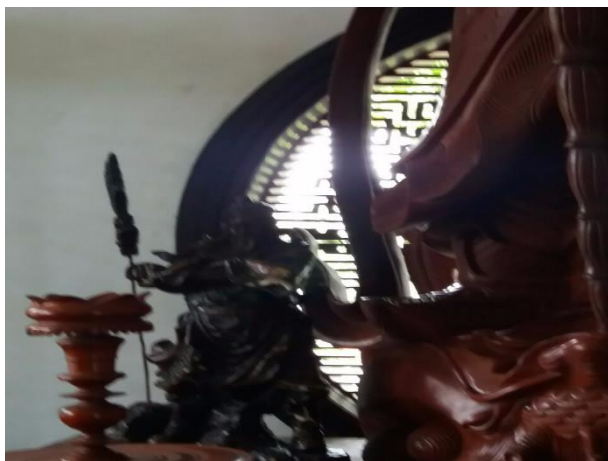
Hình 4: Chánh Điện Chùa (Di Đà, Ngũ Phương Phật)



Hình 5: Bàn thờ Phật Di Đà



Hình 6: Bàn thờ Hộ Pháp Bồ tát



Hình 7: Bàn thờ Quan Công



Hình 8: Bàn thờ Địa tạng Bồ tát



Hình 9: Bàn thờ Tây Phương Tam Thánh



Hình 10: Bàn thờ Phật Di Đà



Hình 11: Bàn thờ Tây Phương Tam Thánh



Hình 12: Bàn thờ Thập Bát La hán



Bàn thờ Tổ



Bàn thờ Thập Bát La hán



Bàn Thờ Phật Di Lặc



Hình 14: Bàn Thờ Văn Thù Bồ tát



Hình 17: Bàn thờ Vong



Hình 18: Bàn thờ Vong



Hình 19: Bàn thờ Hộ Pháp



Hình 20: Bàn thờ Thập Điện Diêm Vương và Quan Công, Địa Mẫu



Hình 21: Bàn thờ Thiên Thủ Thiên Nhân



Hình 22: Bàn thờ Bác Hồ



Hình 23: Bàn thờ Tiêu Diện



Hình 24: Bàn thờ Thập Điện Diêm Vương



Hình 25: Bàn thờ Bài vị



Hình 26: Khu mộ Tháp chùa Phù Châu

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.2.1.5 Chùa Phật Đá



Hình 1: Tam Bảo



Hình 2: Mặt trước chùa



Hình 3: Chánh điện chùa (Di Đà, Thích Ca, Dược Sư, Thần Visnu – Phật Đá)



Hình 4: Bàn thờ Quan Âm Bồ tát



Hình 5: Bàn thờ Thế Chí Bồ tát



Hình 6: Bàn thờ Tổ



Hình 7: Bàn thờ Phật Thích Ca



Hình 8: Bàn Vong nữ



Hình 9: Bàn Vong Nam



Hình 10: Bàn thờ Hộ Pháp Bồ tát



Hình 11: Bàn thờ Tiêu Diện Bồ tát



Hình 12: Bàn Thờ Bác Hồ,
Đại tướng Võ Nguyên Giáp



Hình 13: Cúng rằm tháng 5/2019



Hình 14: Cúng rằm tháng 5/2019



Hình 15: Bàn thờ cốt

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.2.1.6 Chùa Kim Thiên



Hình 1: Cổng chùa



Hình 2: Tượng Quan Âm Bồ tát – Bát vị La Hán



Hình 3: Tượng Thích Ca Nhập Niết bàn



Hình 4: Mặt trước chùa



Hình 5: Tượng Phật Thích Ca



Hình 6: Miếu thờ Mẫu



Hình 7: Bàn thờ Địa Tạng Bồ tát



Hình 8: Bàn thờ Quan Âm Bồ tát



Hình 9: Chánh điện (Thích Ca, Di Đà, Dược Sư)



Hình 10: Hình ảnh các hoạt động của chùa

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.2.1.7 Chùa Khánh Lâm



Hình 1: Cổng chùa



Hình 2: Mặt trước chùa Khánh Lâm



Hình 3: Quan Âm Bồ tát



Hình 4: Miếu Thờ Ngọc Hoàng - Mẫu Diêu Trì



Hình 5: Khu mộ tháp



Hình 6: Chánh Điện (Di Đà)



Hình 7: Bàn thờ Thập Điện La Hán



Hình 8: Bàn thờ Thập Điện La Hán



Hình 9: Bàn thờ Tổ Sư Đạt Ma



Hình 10: Bàn thờ Ngọc Hoàng



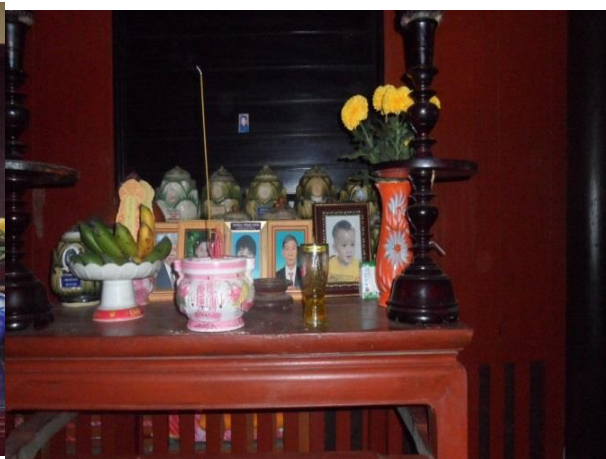
Hình 11: Bàn thờ Tiêu Diện



Hình 12: Bàn thờ Quan Thánh



Hình 12: Bàn thờ Hộ Pháp



Hình 13: Bàn thờ Cốt



Hình 14: Bàn thờ Bài vị



Hình 15: Bàn thờ Tổ



Hình 16: Bàn thờ Vong



Hình 17: Bàn thờ Cô Hồn

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.2.2 Đối tượng thờ tự trong ngôi chùa

2.2.2.1 Thờ Phật



Hình 1: Quan Âm Bồ tát – chùa Phổ Đức



Hình 2: Phật Di Lặc- Chùa Bửu Tháp



Hình 3: Phật A Di Đà + Phật Di Lặc –
Chùa Pháp Hoa



Hình 4: Phật Di Lặc - Chùa Long Sơn



Hình 5: Bồ tát Thế Chí + Phật Di Đà+ Bồ tát Quan
Âm - Chùa Linh Phong



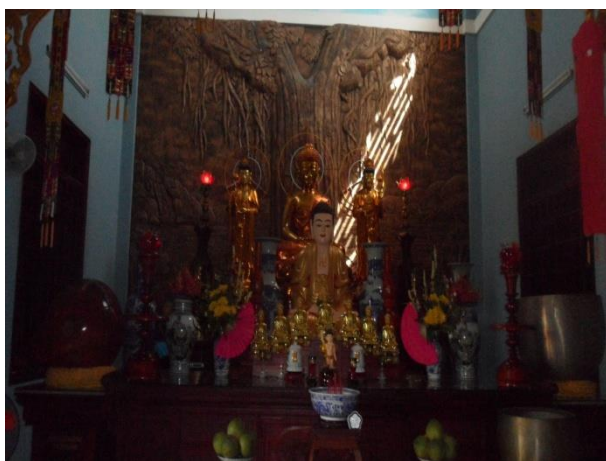
Hình 6: Phật Chuẩn Đề - Chùa Linh Phong



Hình 7: Quan Âm Bồ tát - Chùa Huệ Quang



Hình 8: Quan Âm Bồ tát



Hình 9: Bồ tát Thế Chí, Phật Di Đà,
Bồ tát Quan Âm - Chùa Huệ Quang



Hình 10: Phật Chuẩn Đề - Chùa Huệ Quang



Hình 11: Phật Di lặc - Chùa Phước Thiện



Hình 12: Di Đà – Thích Ca – Dược Sư, Di Lặc -
Chùa Phước Ân



Hình 13: Thích Ca – Chùa Tân Phước

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.2.2.2 Thờ Mẫu



Hình 1: Bà Thiên Hậu - Chùa Dược Sư



Hình 2: Mẹ Ngũ hành - Chùa Phước Lâm



Hình 3: Cửu Thiên huyền nữ - Chùa Kim Liên



Hình 4: Chúa Xứ Thánh Mẫu + Ngũ hành –
Chùa Bửu Hưng



Hình 5: Thổ Thần + Chúa Xứ - Bửu Vương Tự



Hình 6: Linh Sơn Thánh Mẫu- Chùa Bửu Tháp



Hình 7: Miếu thờ Chúa Xứ - chùa Phổ Đức



Hình 8: Địa Mẫu - Chùa Thanh Quang



Hình 9: Thiên Hậu + Thất vị huyền nương –
Chùa Ông



Hình 10: Địa Mẫu - Chùa Một Cột



Hình 11: Ngọc Hoàng + Mẫu Diêu Trì –
Chùa Hưng Thiện



Hình 12: Miếu thờ Mẫu - Chùa Hưng Thiện



Hình 13: Năm Mẹ Ngũ hành-Chùa Bửu Hưng



Hình 19: Thờ mẫu - Chùa Bửu Đức

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.2.2.3 Thổ Địa, thần Tài



Hình 1: Miếu Thổ Địa – Thần Tài - Chùa Một cột



Hình 2: Miếu Thổ Địa- Chùa Thiền Lâm



Hình 3: Bàn thờ Thổ Địa + Thần Tài –
Chùa Kim Liên



Hình 4: Bàn thờ Thổ Địa + Thần Tài –
Chùa Pháp Hoa



Hình 5: Miếu Thổ Địa + Thần Tài - Chùa Bửu Thắng



Hình 7: Miếu Thổ Địa + Thần Tài –
Chùa Trường Khánh



Hình 8: Bàn thờ Thổ Địa + Thần Tài –
Chùa Long Sơn



Hình 9: Thổ Địa+ Thần Tài - Chùa Hưng Thiện

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã
50

2.2.2.4. Quan Công



Hình 1: Bàn thờ Quan Công - Chùa Phước Ân



Hình 2: Bàn thờ Quan Công - Chùa Long An



Hình 3: Bàn thờ Quan Công - Chùa Một cột



Hình 4: Bàn thờ Quan Công - Chùa Bửu Vương



Hình 5: Bàn thờ Quan Công - Chùa Ông



Hình 8: Bàn thờ Quan Công - Chùa Thiền Lâm

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.2.2.5 Thiên quan tứ phước



Hình 1: Bàn Thiên - Chùa Huệ Quang



Hình 2: Bàn Thiên - Tịnh viện
Phổ Độ



Hình 3: Bàn Thiên -
Chùa Thanh Quang

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.2.2.6 Danh nhân, anh hùng dân tộc, nhân vật lịch sử, người có công với nước



Hình 1: Vua Hùng + Trần Nhân Tông + Bác Hồ -
Chùa Tân Phước



Hình 2: Vua Gia Long Chùa Long An



Hình 3: Vua Gia Long, Vua Minh Mạng –
Chùa Quang Long



Hình 4: Ngô Quyền - Chùa Bửu Vương



Hình 5: Vua Hùng + Trần Nhân Tông + Bác Hồ -
Chùa Phước Sơn

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.2.2.7 Tổ tiên



Hình 1: Người dân thỉnh đi ảnh của người thân lên chùa Phước Thành



Hình 2: Thờ Vong - Chùa Dược Sư



Hình 3: Thờ Vong - Chùa Tịnh Nghiêm



Hình 4: Thờ Vong - Chùa Phước Long



Hình 5: Thờ Vong - Chùa Phước Lâm



Hình 6: Thờ Vong - Chùa Phước Lâm



Hình 7: Thờ Vong - Chùa Phước Sơn



Hình 8: Lễ cúng 49 ngày (ngày 30/2/2020) cho Phật tử tại chùa Phật Đà



Hình 9: Lễ rước vong



Hình 10: Lễ rước vong

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.2.2.8 Cô hồn



Hình 1: Bàn thờ cô hồn -
Chùa Phước Thạnh



Hình 2: Bàn thờ cô hồn -
Chùa Tân Phước



Hình 3: Bàn thờ cô hồn - Chùa Chơn Minh



Hình 4: Bàn thờ cô hồn - Chùa Nhơn Phước



Hình 5: Bàn thờ cô hồn - Chùa Long Thuyền



Hình 6: Bàn thờ cô hồn - Chùa Phước Sơn



Hình 7: Bàn thờ cô hồn - Chùa Thiên Phước



Hình 8: Bàn thờ cô hồn - Chùa Phước Long



Hình 9: Bàn thờ cô hồn - Chùa Khánh Lâm



Hình 10: Bàn thờ cô hồn - Chùa Hậu Phước

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.3.1 Thực hành nghi lễ, lễ hội

2.3.1.2 Lễ Phật Đản



Hình 1: Kiểu rước Phật Đản – chùa Phật Đá



Hình 2: Kiểu rước Phật Đản – chùa Phật Đá



Hình 3: Kiểu rước Phật Đản – chùa Phật Đá



Hình 4: Xe hoa diễu hành Phật Đản– chùa Phật Đá



Hình 5: Lễ Phật Đản– chùa Phật Đá



Hình 6: Chư tăng và chính quyền dâng hương–
chùa Phật Đá



Hình 7: Lễ rước Kiệu– chùa Phật Đá



Hình 8: Lễ tắm Phật– chùa Phật Đá



Hình 9: Thả chim Bò Câu nguyện hòa bình –
chùa Phật Đá



Hình 10: Chương trình văn nghệ chào mừng lễ Phật
Đản – chùa Phật Đá

2.3.1.3 Lễ Trung Nguyên



Hình 1: Lễ Vu Lan - Chùa Phật Ân



Hình 2: Lễ Vu Lan - Chùa Phật Ân



Hình 3: Lễ Vu Lan - Chùa Sắc Tứ



Hình 4: Lễ Vu Lan - Chùa Sắc Tứ



Hình 5: Lễ Vu Lan - Chùa Sắc Tứ



Hình 6: Lễ Vu Lan chùa- Chùa Sắc Tứ



Hình 7: Nghi thức cài hoa hồng tại lễ Vu Lan chùa



Hình 8: Lễ Chẩn tế cô hồn - chùa Phổ Đức



Hình 9: Lễ Chẩn tế cô hồn - chùa Phổ Đức



Hình 10: Lễ Chẩn tế cô hồn - chùa Phổ Đức



Hình 11: Lễ Chẩn tế cô hồn - chùa Phổ Đức



Hình 12: Lễ Đăng Đàn Chẩn tế cô hồn - chùa Phổ Đức



Hình 13: Lễ Chấn tế cô hồn - chùa Phổ Đức

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.3.1.4 Lễ Giỗ



Hình 1: Lễ Húy Kỵ (giỗ) Hòa Thượng Thích Nhuận
Sanh ngày 22/6/2019 (âm lịch)



Hình 2: Lễ Húy Kỵ (giỗ) Hòa Thượng Thích Nhuận
Sanh ngày 22/6/2019 (âm lịch)

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.3.1.5 Lễ tang



Hình 1: Đám tang Thích nữ Diệu Thanh –
Chùa Phổ Đức



Hình 2: Đám tang Thích nữ Diệu Thanh –
Chùa Phổ Đức



Hình 3: Đám tang Thích nữ Diệu Thanh –
Chùa Phổ Đức



Hình 4: Đám tang Bà Đào Thị Cửa – phường 5



Hình 5: Đám tang Bà Đào Thị Cửa – phường 5



Hình 6: Đám tang Bà Đào Thị Cửa – phường 5



Hình 7: Đám tang Bà Đào Thị Cửa – phường 5

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

2.3.1.7 Lễ cưới



Hình 1: Lễ hằng thuận-Chùa Dược Sư



Hình 2: Lễ hằng thuận-Chùa Dược Sư



Hình 3: Lễ hằng thuận-Chùa Dược Sư

Nguồn: Do chùa Dược Sư cung cấp

2.3.2 Tục cúng sao, giải hạn



Hình 1: Người dân ghi tên vào sổ nhờ chùa cúng sao, giải hạn tại chùa Sắc Tứ



Hình 2: Người dân ghi tên vào sổ nhờ chùa cúng sao, giải hạn tại chùa Chùa Bửu Lâm



Hình 3: Người dân ghi tên vào sổ nhờ chùa cúng sao, giải hạn tại chùa Vĩnh Tràng



Hình 4: Phật tử tham gia tụng kinh cúng sao tại chùa Sắc Tứ



Hình 5: Bài vị cúng sao chùa Bửu Lâm



Hình 6: Cúng sao chùa Bửu Lâm



Hình 7: Bài vị các vì sao –
Chùa Bửu Lâm



Hình 8: Cúng sao chùa Bửu Lâm



Hình 9: Bài vị cúng sao chùa Bửu Lâm



Hình 10: Cúng sao chùa Bửu Lâm

Nguồn: NCS chụp trong quá trình điền dã

3.1.7 Sự tương đồng trong việc coi trọng giá trị thực hành



Hình 1. Thờ Ông Giám - Chùa Quang Long



Hình 2. Thờ Ông Giám - Chùa Long Sơn



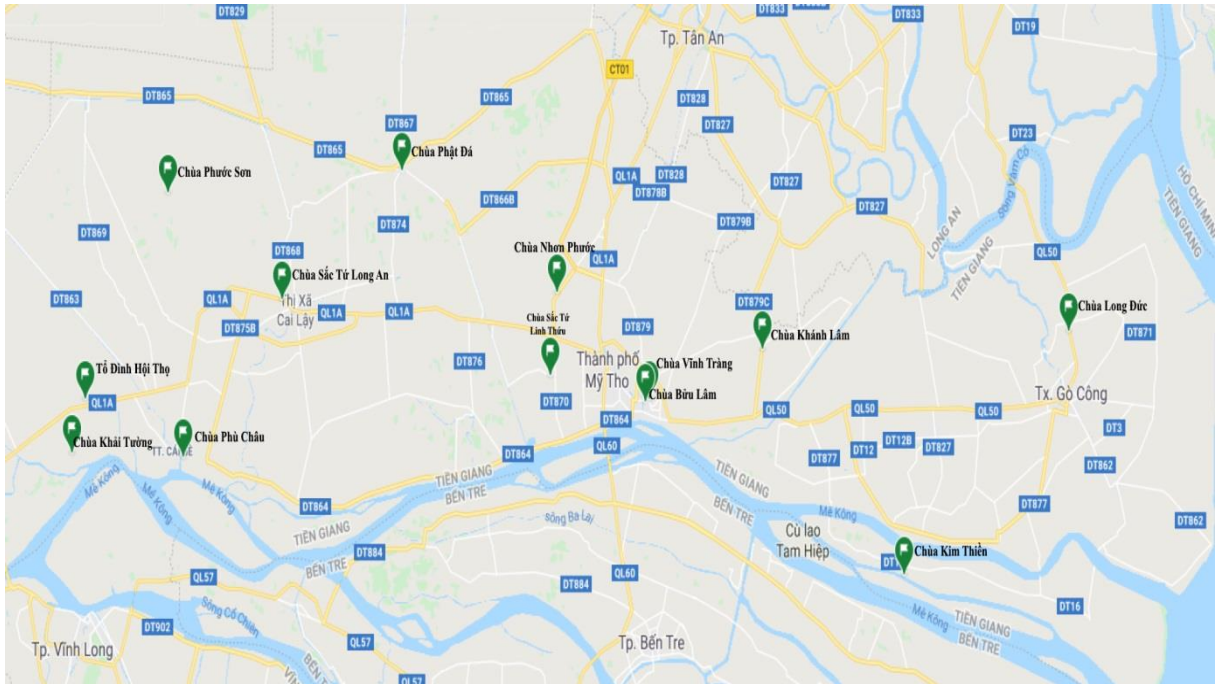
Hình 3. Thờ Ông Giám - Chùa Phước Lâm



Hình 4. Thờ Ông Giám - Chùa Phước Sơn

PHỤ LỤC 6: BẢNG ĐỒ CÁC NGÔI CHÙA THAM GIA KHẢO SÁT

Hình 1: Bảng đồ các ngôi chùa trong phạm vi nghiên cứu

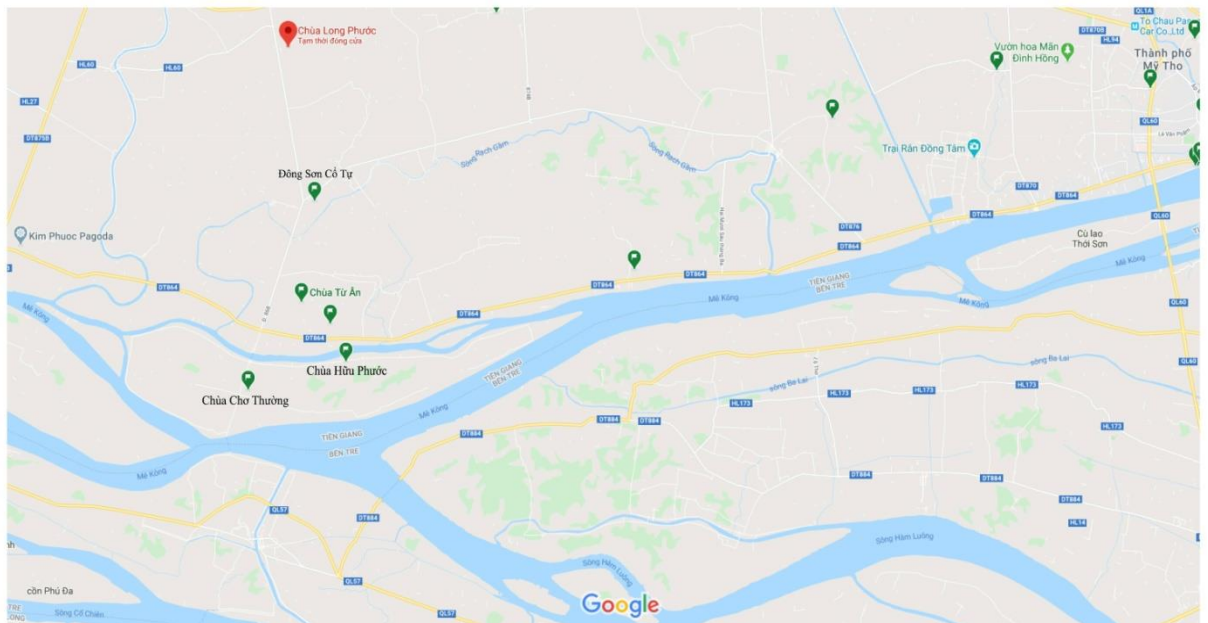
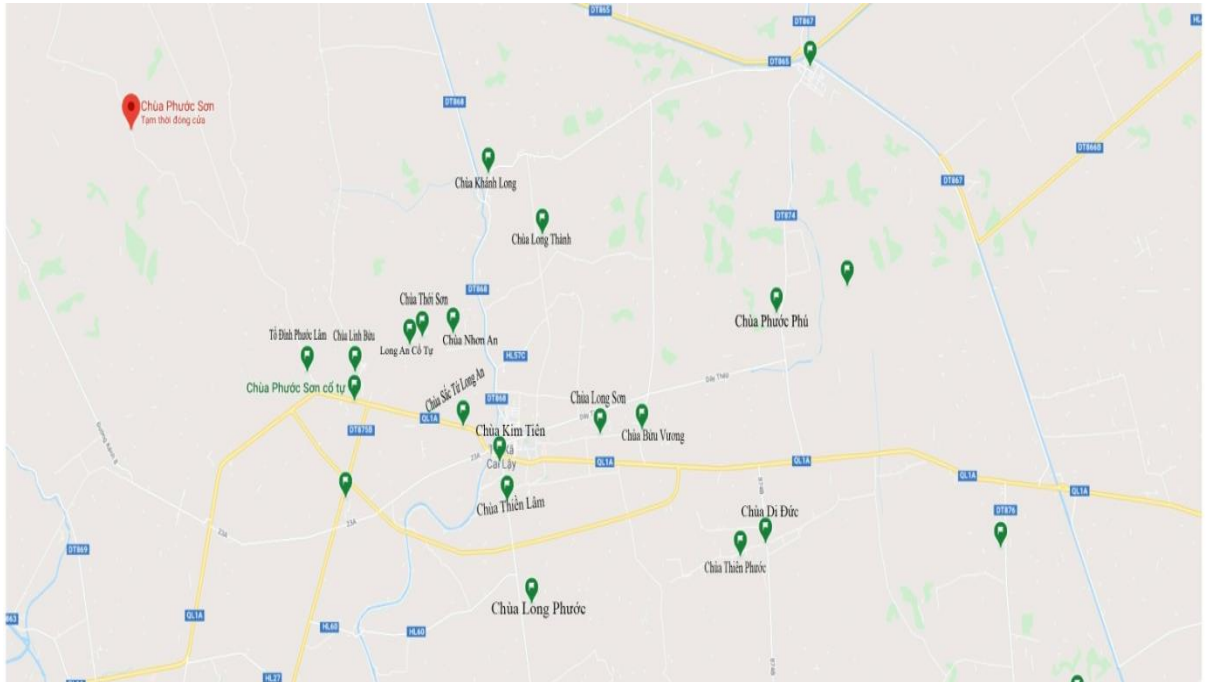


Hình 2: Bảng đồ chùa đã khảo sát ở huyện Cái Bè



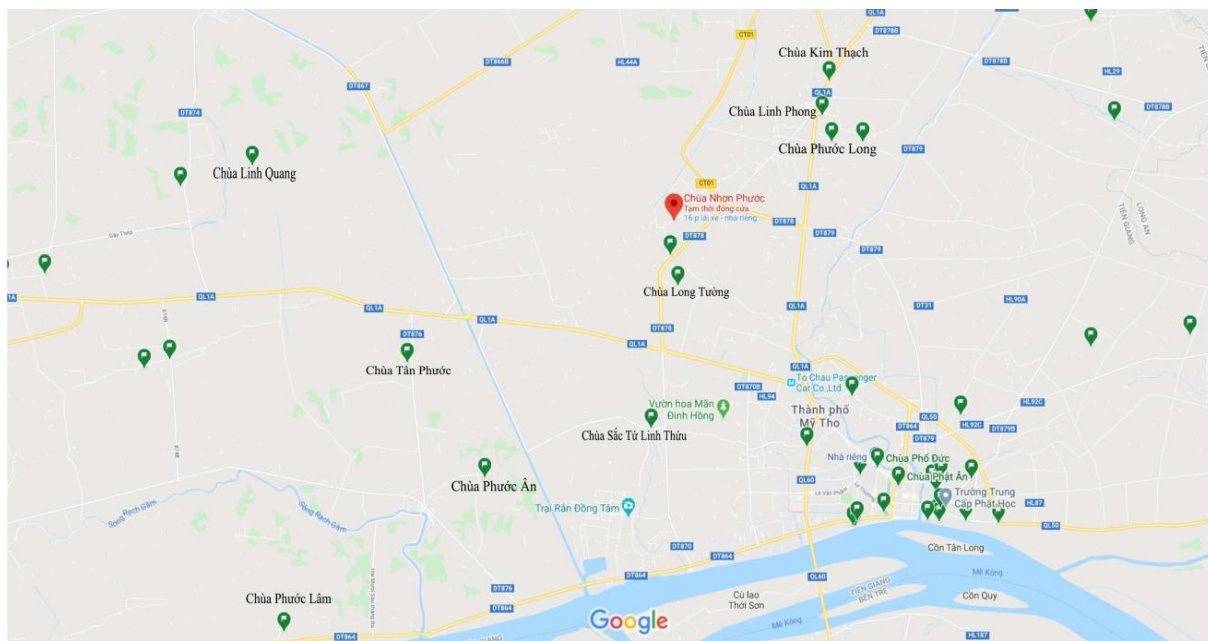
Dữ liệu bản đồ ©2020 2 ki lô mét

Hình 3: Bảng đồ chùa đã khảo sát ở huyện Cai Lậy



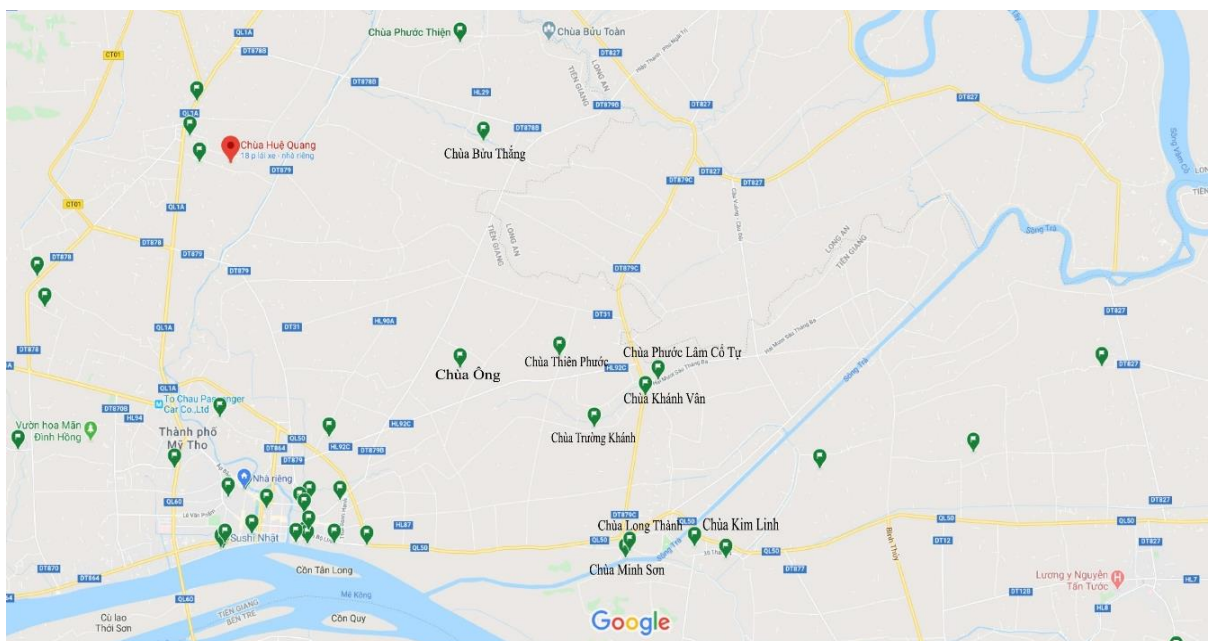
Dữ liệu bản đồ ©2020 2 ki lô mét

Hình 4: Bảng đồ chùa đã khảo sát ở huyện Châu Thành



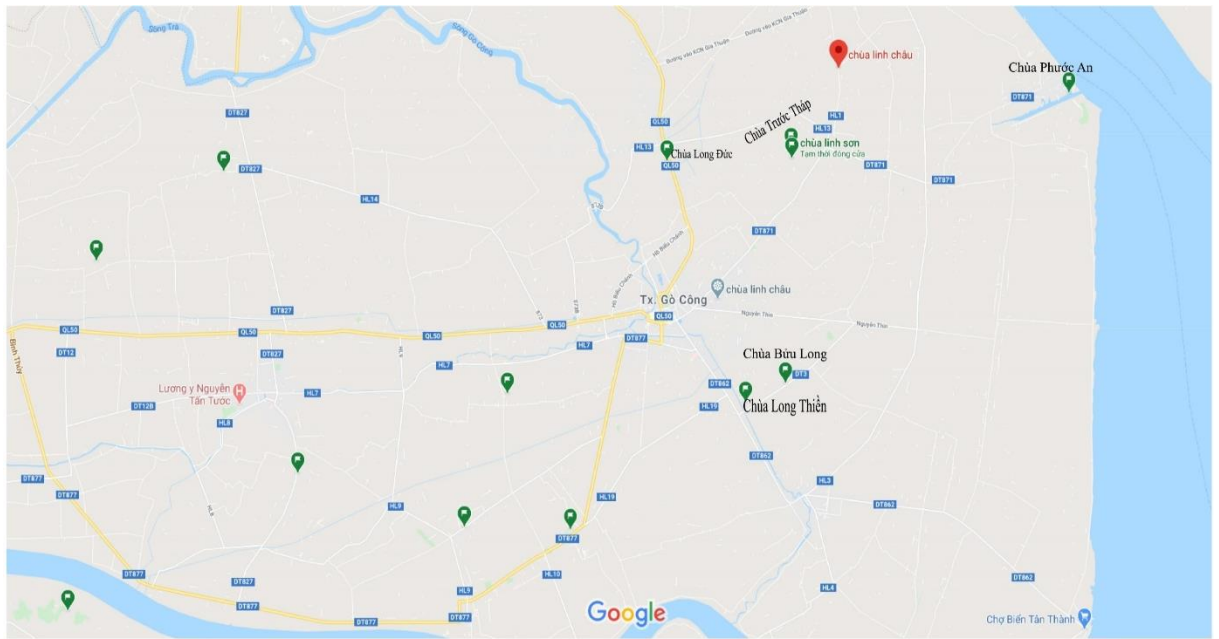
Dữ liệu bản đồ ©2020 2 ki lô mét

Hình 5: Bảng đồ chùa đã khảo sát ở huyện Chợ Gạo



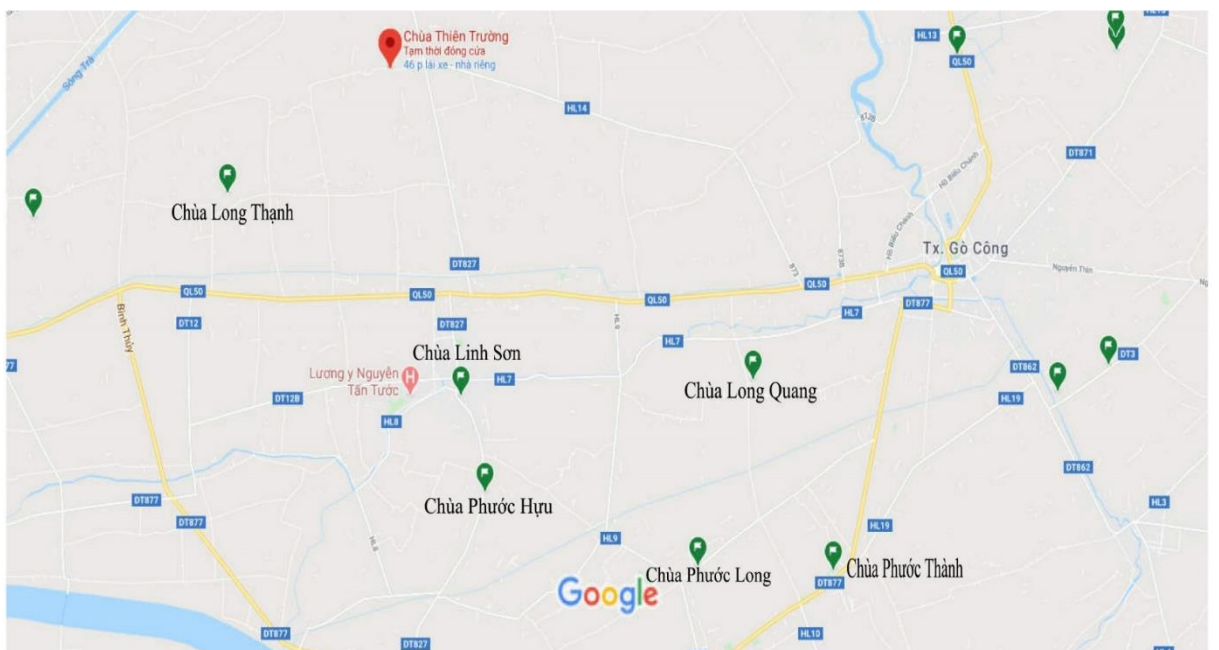
Dữ liệu bản đồ ©2020 2 ki lô mét

Hình 6: Bảng đồ chùa đã khảo sát ở huyện Gò Công Đông



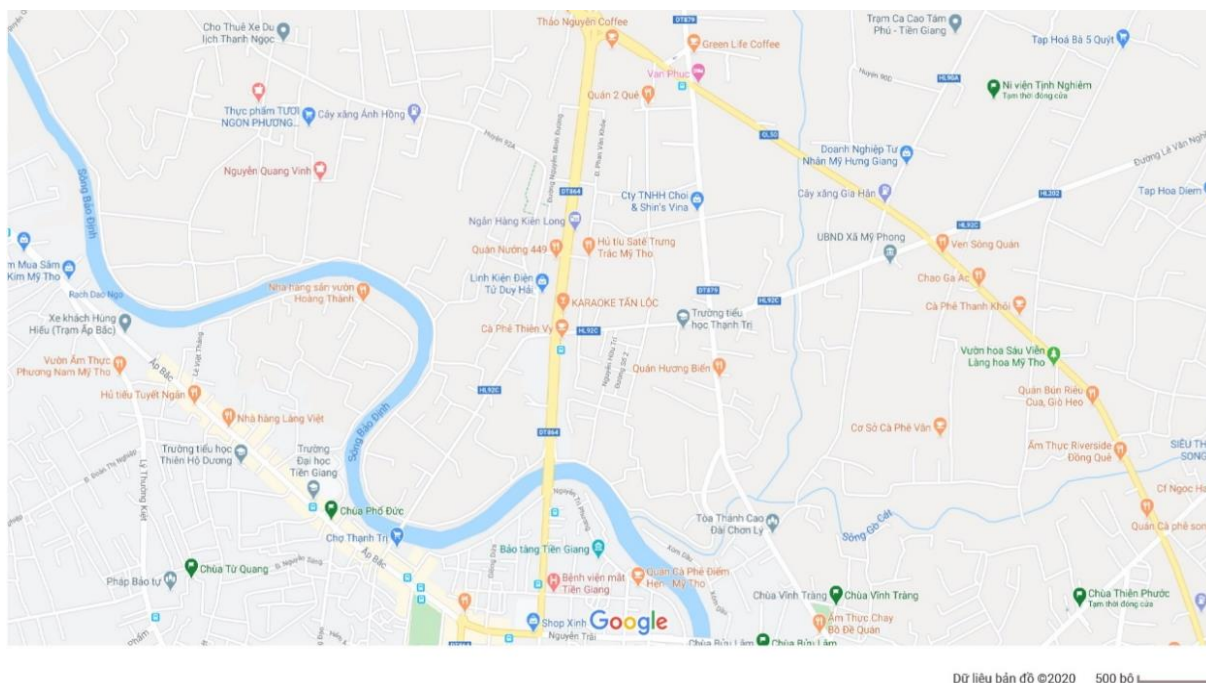
Dữ liệu bản đồ ©2020 2 ki lô mét

Hình 7: Bảng đồ chùa đã khảo sát ở huyện Gò Công Tây

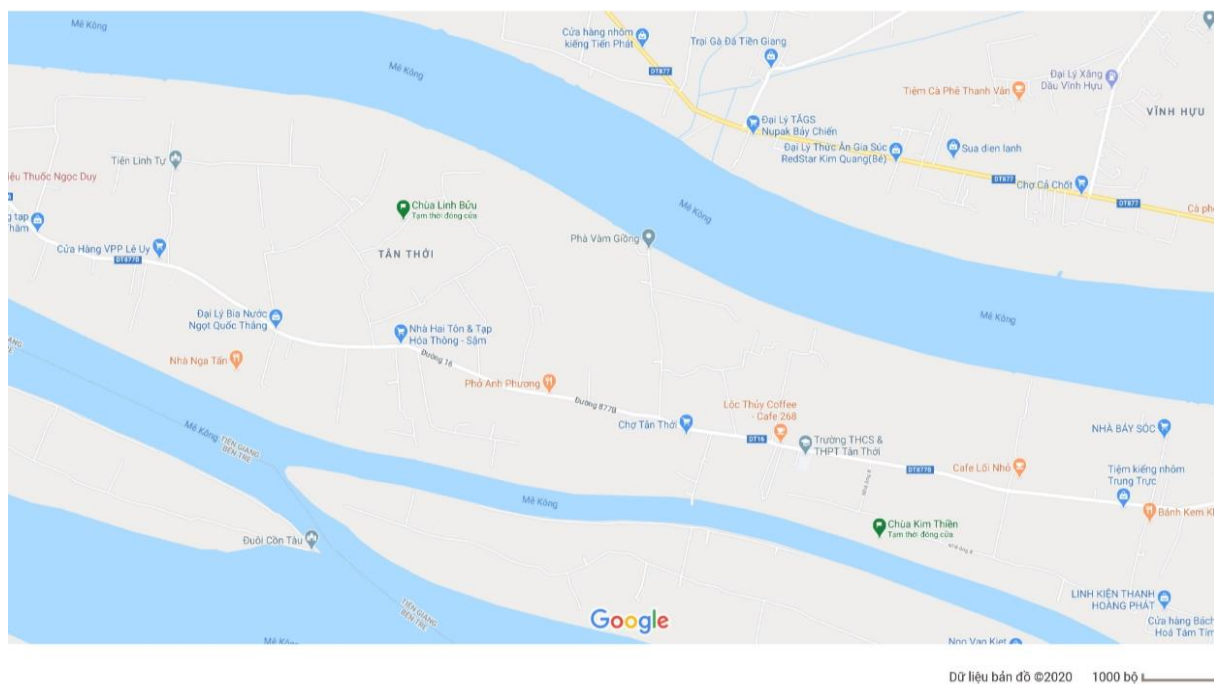


Dữ liệu bản đồ ©2020 2 ki lô mét

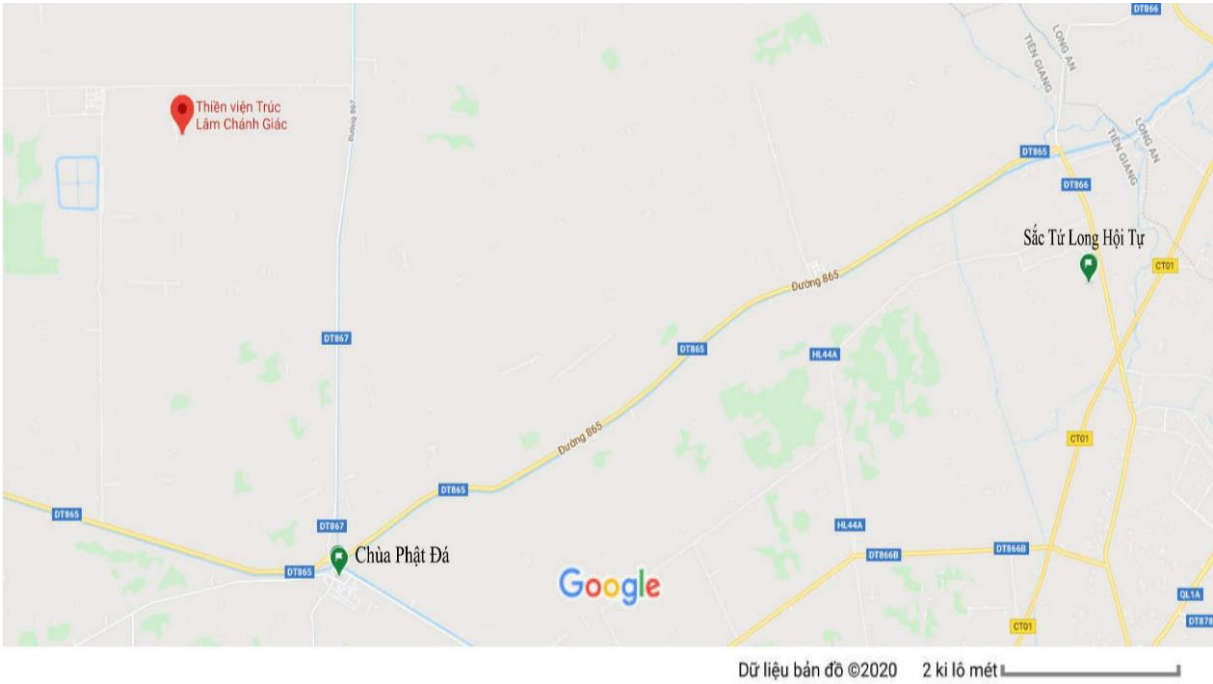
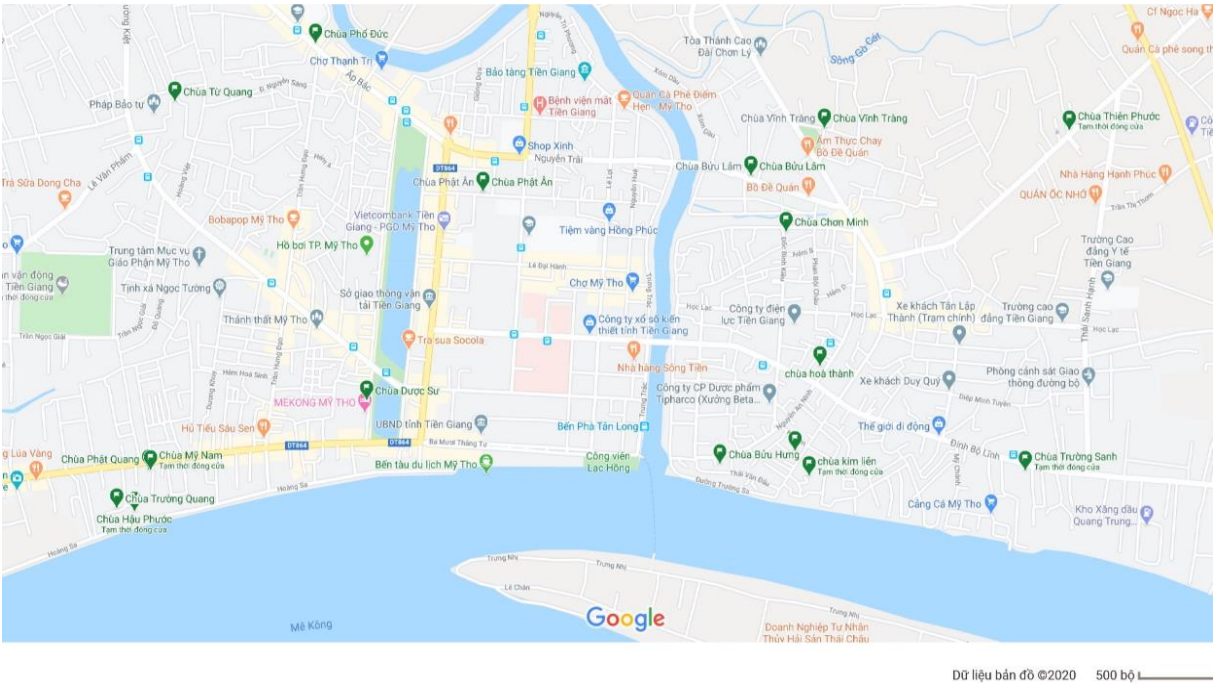
Hình 8: Bảng đồ chùa đã khảo sát ở Thành Phố Mỹ Tho



Hình 9: Bảng đồ chùa đã khảo sát ở Tân Phú Đông



Hình 10: Bảng đồ chùa đã khảo sát ở Tân Phước



PHỤ LỤC 7: BẢNG ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH TIỀN GIANG



Nguồn: <http://tiengiang.gov.vn/> năm 2020